

25
25-
50



DƯƠNG - QUẢNG - HÀM

VIỆT-NAM THI-VĂN HỢP - TUYỂN

BỘ - GIAO-DỤC

TRUNG - TÂM

HỌC - LIỆU

xuất - bản



BỘ GIÁO-DỤC GIỮ BẢN-QUYỀN
TRUNG - TÂM HỌC - LIỆU

In lần thứ chín — 1968

- 1.— Trong quyển này, ba chữ «Phần thứ nhất» dùng để chỉ quyển thứ nhất của bộ sách Trung-học Việt-Nam này biệt-nhan là VIỆT-NAM VĂN-HỌC SỬ-YÊU.
- 2.— Trong các bài thơ văn, những chữ in đứng tức là có bản chép khác chưa ở dưới.

CA - DAO

45
45
—
00

1. — Súc-sắc súc-sẻ (1)

Nhà nào nhà này, còn đèn còn lửa,
Mở cửa cho anh em chúng tôi vào.
Bước lên giường cao, thấy đôi rồng ấp;
Bước xuống giường thấp, thấy đôi rồng châu;
Bước ra đằng sau, thấy nhà ngói lợp.
Voi ông còn buộc, ngựa ông còn cầm,
Ông sống một trăm, thêm năm tuổi lẻ.
Vợ ông sinh đẻ, những con tốt lành,
Những con như tranh, những con như rỗi.

Chú-thích.— (1) Vào khoảng nửa đêm hôm ba mươi tết, trẻ con nhà nghèo đi thành từng bọn đến cửa các nhà xin tiền. Đứa đi đầu cầm một cái ống đựng tiền đã xin được lắc lên thành tiếng «súc-sắc», rồi vừa lắc chúng vừa hát bài này.

2. — Thăng Bờm

Thăng Bờm có cái quạt mo,
Phù-ông xin đôi ba bò chín trâu.
Bờm rằng: Bờm chẳng lấy trâu.
Phù-ông xin đôi một xâu cá mè.
Bờm rằng: Bờm chẳng lấy mè.
Phù-ông xin đôi một bè gỗ lim.
Bờm rằng: Bờm chẳng lấy lim.
Phù-ông xin đôi con chim đồi-mồi.
Bờm rằng: Bờm chẳng lấy mồi.
Phù-ông xin đôi năm xoi, Bờm cười.

3. — Ru con

Bao giờ cho đến tháng ba,
 Ếch cần cõ rắn tha ra ngoài đồng.
 Hùm nằm cho lợn liếm lông,
 Một chục quả hồng nuốt lão tám mươi.
 Năm xoi nuốt trẻ lên mười;
 Con gà, be rượu nuốt người lao-đao.
 Lươn nằm cho trúm (1) bò vào;
 Một đàn cào-cào đuôi bắt cá rô.
 Lúa mạ nhảy lên ăn bò;
 Cỏ năn (2), cỏ lác (3) rinh-mò bắt trâu.
 Gà con đuôi bắt điều-hâu;
 Chim ri đuôi đánh võ đầu bồ-nông.

Chú-thích.— (1) Trúm : một thứ đồ để bắt lươn.— (2) Cỏ năn : một loài cỏ mọc dưới nước.— (3) Cỏ lác : thứ cỏ xấu.

4. — Chèo đò

Chẳng giậm thì thuyền chẳng đi,
 Giậm ra ván nát, thuyền thì long đanh.
 Đói ta lên thác, xuống ghềnh,
 Em ra đứng mũi để anh chịu sào.

5. — Chặt củi

Tay cầm con dao,
 Làm sao cho sắc,
 Đẽ mà đẽ cắt,
 Đẽ mà đẽ chặt,
 Chặt lấy củi cành.
 Trèo lên rừng xanh,
 Chạy quanh sườn núi,
 Một mình thui-thủi,
 Chặt cây chặt củi,
 Tìm chốn mà ngồi,
 Ngồi mát thanh-thời.

Kìa một đàn chim,
Ở đâu bay đến.
Ở đâu bay lại;
Con đang cần trái,
Con đang tha mồi,
Qua lối nọ nó ăn,
Cái con hươu kia,
Mày đang ăn lộc,
Lộc vả, lộc sung,
Mày trông thấy tớ,
Tớ không đuổi mày,
Mày qua lối nọ làm chi?

6.— Mẹ dạy con gái

Con ơi! Mẹ bảo đây này:
Học buôn học bán cho tày người ta.
Con đừng học thói chua ngoa,
Họ hàng ghét bỏ, người ta chê cười.
Dù no, dù đói, cho tươi;
Khoan ăn, bớt ngủ, liệu bài lo toan.
Phòng khi đóng góp việc làng:
Đồng tiền, bát gạo, lo toan cho chồng.
Trước là đặc nghĩa cùng chồng,
Sau là họ-mạc cũng không chê cười,
Con ơi! Nhớ bấy nhiêu lời.

7.— Chồng khuyên vợ

Nhà anh chỉ có một gian,
Nửa thì làm bếp, nửa toan làm buồng.
Anh cậy em coi sóc trăm đường,
Đề anh buôn bán trầy-trương thông-hành,
Còn chút mẹ già, nuôi lấy cho anh,
Đề anh buôn bán thông-hành đường xa.

Liệu mà thờ kính mẹ già,
 Đừng tiếng nặng nhẹ, người ta chê cười.
 Dù no, dù đói, cho tươi,
 Khoan ăn, bớt ngủ, liệu bài lo toan,
 Cho anh đành dạ bán buôn.

8.— Vợ khuyên chồng

Canh một dọn cửa, dọn nhà;
 Canh hai dệt cửi, canh ba đi nằm.
 Canh tư bước sang canh năm,
 Trình anh dậy học, chớ nằm làm chi.
 Nữa mai Chúa mở khoa thi,
 Bảng vàng chói-lọi kìa đề tên anh.
 Bỏ công cha mẹ sắm-sanh,
 Sắm nghiên, sắm bút cho anh học-hành.

9.— Thói hay chê-giễu

Ở sao cho vừa lòng người:
 Ở rộng người cười, ở hẹp người chê;
 Cao chê ngồng, thấp chê lùn,
 Béo chê béo trực béo tròn,
 Gầy chê xương sống, xương sườn phơi ra.

10.— Thói ham danh lợi

Cái vòng danh lợi cong cong,
 Kẻ hòng ra khỏi, người mong bước vào.
 Sự đời nghĩ cũng nực cười:
 Một con cá lội, mấy người buông câu.

11.— Cảnh chồng con

Chồng con nó chẳng ra gì,
 Tồ-lôm sóc-đĩa nó thì chơi hoang,
 Nói ra, xấu thiếp hồ chàng,
 Nó giận, nó phá tan hoang cửa nhà.

Nói đây, có chị em nhà,
 Còn năm ba thúng thóc với một vò cân bông.
 Em bán đi trả nợ cho chồng,
 Còn ăn hết nhịn cho hả lòng chồng con.
 Đắng cay ngậm quả bồ-hồn,
 Cửa nhà gia thế, chồng con kém người.
 Nói ra, sợ chị em cười:
 Con nhà nho-giáo lấy phải người đần ngu.
 Rong vàng tắm nước ao tù,
 Người khôn ở với người ngu nặng mình.

12. — Tình-cảnh người nhà quê

Làng ta phong cảnh hữu tình,
 Dân-cư giang khúc như hình con long.
 Nhờ trời hạ kế sang đông,
 Làm nghề cày cấy vun trồng tốt tươi.
 Vụ năm cho đến vụ mười,
 Trong làng kẻ gái người trai đua nghề.
 Trời ra, găng; trời lặn, về,
 Ngày ngày, tháng tháng, nghiệp nghề truân-chiên.
 Dưới dân họ, trên quan viên,
 Công-bình giữ mực cầm quyền cho thay.
 Bây giờ gặp phải hội này,
 Khi trời hạn hán, khi hay mưa dầm;
 Khi trời gió bão ầm-ầm,
 Đồng điền lúa thóc mười phần được ba.
 Lấy gì đắp nạm nữa mà,
 Lấy gì công việc nước nhà cho đang.
 Lấy gì sưu thuế phép thưởng,
 Lấy gì bồ chợ đông lương làm ăn.
 Trời làm khổ cực hại dân,
 Trời làm mất-mát có phần nào chẳng.

18.— Việc làm ruộng

Tháng chạp là tháng giồng khoai,
 Tháng giêng giồng đậu, tháng hai giồng cà.
 Tháng ba cày vỡ ruộng ra,
 Tháng tư làm mạ, mưa sa đầy đồng.
 Ai ai cùng vợ cùng chồng,
 Chồng cày, vợ cấy trong lòng vui thay!
 Tháng năm gặt hái đã xong,
 Nhờ trời một mẫu năm nong thóc đầy.
 Năm nong đầy, em xay, em giã,
 Trấu ủ phân, cám bã nuôi heo.
 Sang năm lúa tốt tiền nhiều,
 Em đem đóng thuế, đóng sưu cho chồng.
 Đói no có thiếp có chàng,
 Còn hơn chung-đỉnh giàu sang một mình.

14.— Ba mươi sáu phố ở Hà-nội

Rủ nhau chơi khắp Long-thành (1),
 Ba mươi sáu phố rành rành chẳng sai;
 Hàng Bồ, hàng Bạc, hàng Gai,
 Hàng Buồm, hàng Thiếc, hàng Hài, hàng Khay,
 Mã-vĩ, hàng Điều, hàng Giầy,
 Hàng Lờ, hàng Cốt, hàng Mây, hàng Đàn,
 Phố Mới, Phúc-kiến, hàng Ngang,
 Hàng Mã, hàng Mắm, hàng Than, hàng Đồng,
 Hàng Muối, hàng Nón, cầu Đông,
 Hàng Hòm, hàng Đậu, hàng Bông, hàng Bè,
 Hàng Thùng, hàng Bát, hàng Tre,
 Hàng Vôi, hàng Giấy, hàng The, hàng Gà.
 Quanh đi đến phố hàng Da,
 Trải xem hàng phố, thật là cũng xinh.
 Phố hoa thứ nhất Long-thành,

Phổ dâng mắc cửi, đàng quanh bàn cờ.
 Người về nhớ cảnh ngàn-ngơ,
 Bút hoa xin chép nên thơ lưu-truyền.

Chú-thích.— (1) Long - thành : tức là Thăng - long thành 昇龍城 tên của thành Hà-nội đặt từ năm 1010 về đời Lý Thái-tổ.

15.— Con trai ngộ ý với con gái

Hôm qua tát nước đầu đình,
 Bỏ quên cái áo trên cành hoa sen,
 Em được thì cho anh xin,
 Hay là em để làm tin trong nhà.
 Áo anh sứt chỉ đường tà,
 Vợ anh chưa có, mẹ già chưa khâu.
 Áo anh sứt chỉ đã lâu,
 Mai mượn cô ấy vào khâu cho cùng.
 Khâu rồi, anh sẽ trả công,
 Ít nữa lấy chồng, anh lại giúp cho :
 Giúp em một thùng xôi vò,
 Một con lợn béo, một vò rượu tăm :
 Giúp em đôi chiếu em nằm,
 Đôi chăn em đắp, đôi trâm em đeo ;
 Giúp em quan tám tiền cheo,
 Quan năm tiền cười, lại đèo buồng cau.

16.— Con gái ngộ ý với con trai

Vào vườn hái quả cau xanh,
 Bỏ ra làm sáu, mời anh xơi trầu.
 Trầu này tẩm những vôi tàu,
 Giữa đêm cát cánh, hai đầu quế cay.
 Trầu này ăn thiệt là say,
 Dù mặn, dù nhạt, dù cay, dù nồng,
 Dù chẳng nên đạo vợ chồng,
 Xơi dăm ba miếng kéo lòng nhớ thương !

17.— Tiếc sự biết nhau quá chậm

Trèo lên cây bưởi hái hoa,
 Bước xuống vườn cà hái nụ tầm-xuân.
 Nụ tầm-xuân nở ra xanh biếc,
 Em đã có chồng, anh tiếc lắm thay !
 — Ba đồng một mớ trầu cay,
 Sao anh chẳng hỏi những ngày còn không ?
 Bây giờ em đã có chồng,
 Như chim vào lồng, như cá cắn câu.
 Cá cắn câu, biết đâu mà gỡ ;
 Chim vào lồng, biết thuở nào ra !

18.— Trách sự sai lời nguyện-ước

Đồng tiền Vạn-lich (1) thích bốn chữ vàng,
 Anh tiếc công anh gấn bó với cô nàng bấy lâu.
 Bây giờ cô lấy chồng đâu ?
 Để anh giúp đỡ trăm cau nghìn vàng:
 Năm trăm anh đốt cho nàng,
 Còn năm trăm nữa giải oan lời thề.
 Xưa kia nói nói, thề thề,
 Bây giờ bẻ khóa, trao chìa cho ai ?
 Bây giờ nàng đã nghe ai,
 Gặp anh ghé nón, chạm vai, chẳng chào ?

Chú-thích.— (1) Vạn - lich: niên-hiệu vua Minh Thần - tôn bên Tàu (1573-1620).

19.— Nỗi lự-biệt

Đôi duyên ta như loan với phượng,
 Nỡ lòng nào để phượng lìa cây.
 Muốn cho có đo có đây,
 Ai làm nên nỗi nước này, chàng ỏi !
 Thà rằng chẳng biết thì thôi,
 Biết chi gởi chiếc lẻ-loi thêm phiền.

20.— Bài hát đờ

Ở đâu năm cửa, nàng ơi !
 Sông nào sáu khúc nước chảy xuôi một dòng ?

Sông nào bên đục bên trong?
 Núi nào thất cổ bông mà có thánh sinh?
 Đền nào thiêng nhất tỉnh Thanh?
 Ở đâu lại có cái thành tiền xây?
 Ở đâu là chín tầng mây?
 Ở đâu lắm nước, ở đâu nhiều vàng?
 Chùa nào mà lại có hang?
 Ở đâu lắm gỗ thời nàng biết không?
 Ai mà xin lấy túi đồng?
 Ở đâu lại có con sông Ngân-Hà?
 Nước nào dẹt gấm thêu hoa?
 Ai mà sinh ra cửa, ra nhà, nàng ơi?
 Kia ai đội đá vá trời?
 Kia ai trị thủy cho đời được yên?
 Anh hỏi em trong bấy nhiêu lời,
 Xin em giảng rõ từng nơi từng người.
 — Thành Hà-nội năm cửa, chàng ơi!
 Sông Lục-đầu sáu khúc nước chảy xuôi một dòng.
 Nước sông Thương bên đục bên trong,
 Núi đực thánh Tản thất cổ bông mà lại có thánh sinh.
 Đền Sòng thiêng nhất tỉnh Thanh,
 Ở trên tỉnh Lạng, có thành tiền xây.
 Trên trời có chín tầng mây,
 Dưới sông lắm nước, núi nay lắm vàng.
 Chùa Hương-tích mà lại ở hang;
 Trên rừng lắm gỗ thời chàng biết không?
 Ông Nguyễn Minh-Không xin được túi đồng,
 Trên trời lại có con sông Ngân-hà.
 Nước Tàu dẹt gấm thêu hoa;
 Ông Hữu-Sào sinh ra cửa, ra nhà, chàng ơi!
 Bà Nữ-Oa đội đá vá trời;
 Vua Đại-Vũ trị thủy cho đời yên vui.
 Anh hỏi em trong bấy nhiêu lời,
 Em xin giảng rõ từng nơi từng người.

TRÊ CỐC

VÔ - DANH

Truyện *Trê cóc* là một câu truyện ngụ-ngôn chủ-ý cốt bày tỏ cái thói «tranh hơi tức khi» gây nên những cuộc kiện tụng và chỉ-trích cái tệ những lạm của bọn sai-nha cùng cái hại «xui nguyên giục bị» của bọn thầy cò.

Lược truyện.— Vợ chồng cóc vốn ở gần bờ ao. Đến khi đẻ, vợ cóc xuống ao sinh hạ một đàn nòng-nọc. Trê ở dưới ao thấy nòng-nọc giống mình, bèn bắt cả về nuôi. Khi cóc trở lại, thấy trê chiếm đoạt con mình, mới đem việc đến kiện ở cửa quan. Quan sai đòi trê cùng chứng-tá đến hỏi. Trê và chứng-tá đều chối; lại vu cho cóc đang đêm đến rình ở ao trê định ăn trộm, bị phát giác, nên thù trê mà kiện. Trê lại nhờ Lý-Ngạnh lo-lót với nha-lại nên khi quan sai nha về khám xét thì nha cũng về trình rằng đàn nòng-nọc quả là con trê. Cóc bị bắt giam. Vợ cóc bấy giờ mới đến hỏi kể của Nhái-bén. Nhái-bén khuyên cóc cứ đợi đàn nòng-nọc đứt đuôi tự-nhiên chúng về với mình, không cần phải kiện-cáo gì cả. Quả nhiên được ít lâu, khi cóc ra bờ ao thì bọn cóc con theo mẹ về. Vợ cóc bèn cùng đàn con đến kêu quan. Quan sai ra hỏi, trê phải thú tội và bị kết án «lưu tam thiên lý» (đày xa ba ngàn dặm). Hai vợ chồng cóc lại đoàn tụ như cũ.

21.— Trê, cóc sinh sự kiện nhau

- 5 *Nhờ xưa Trê, Cóc đòi nhà.
Vì tình nên phải sinh ra oán nhà.
Cóc quen vui thú bờ hồ,
Khi ra đài các, khi vô cung đình.
Tới khi thai sản thành hình,*
- 10 *Xuống ao Trê, mới đem mình thoát xong.
Nhìn xem lòng những mừng lòng,
Trở về ngồi chốn nghiêm-phòng nghĩ-ngơi.
Chàng Trê đâu mới đến nơi,
Thấy đàn nòng-nọc nháy, ngoi đã rằm.*
- 15 *Nhìn xem dạ đã mừng thầm,
Giống Trê như lột chẳng nhằm vẽ chi.
Bắt về nuôi nấng phù-trì,
Con nuôi cũng chẳng khác gì con sinh.*

- Hay đâu Cóc cũng vô tình,
 20 Nhớ ngày đầy cữ ra rình thăm con,
 Tới nơi, chờ đợi nỉ-non,
 Vắng tanh dấu cũ, nước còn, tắm không.
 Lâu-lâu nghĩ cũng giận lòng,
 Vội-vàng nhảy xuống bên trong dạo tìm.
- 25 Bọt bèo lăm nước tối-tăm,
 Động tin, Trê mới hăm-hăm hỏi dò.
 Lảng ra, thấy Cóc bên bờ,
 Trê liền quát mắng tri-hò vang rầm:
 «Cóc kia đâu đó tối-tăm?»
- 30 «Dạ gian, phi đạo tắc dâm (1), chẳng lành».
 Cóc rằng: «ai kẻ gian manh,
 Gây ra những sự sinh tình gớm-ghê.
 «Vi con nên phải sớm khuya,
 «Không dung, ai có tới chi chốn này?»
- 35 Nghe lời Trê tức giận thay!
 Vênh râu, mắng Cóc: «Tỉnh say lắm điều!
 «Cóc kia quả quyết gan liều,
 «Bọn người coi đã mỹ-miêu lắm thay!
 «Một ngày là giống chúng bay!
- 40 «Nghề bơi vói vẫn nông thay chẳng chừa.
 Một tội mất, mười tội ngờ.
 «Biết đâu mà khéo tri-hò hỏi dồn.
 «Thôi đừng đua dại, tranh khôn,
 «Trở về ngồi tối gằm giường cho xong».
- 45 Cóc liền giương mắt trừng-trừng,
 Rằng: «Khôn, người cũng ở trong ao tù.
 «Ta đây đâu có hèn ngu,
 Nhà ta cũng có cơ-đồ đình-đàng (2).
 «Ra vào gác tia nhà vàng,
- 50 «Cồi bờ mặc sức nghênh-ngang chơi-bơi.

- «Nghĩen rằng chuyền chín phương trời,
 «Ai ai là chẳng rụng-rời sợ kinh.
 «Tuồng gì giống cá hoi-tanh,
 May chẳng được một môi canh ra gì».
- 55 Cầm lòng, Cóc trở ra về,
 Vợ chồng bàn định sớm khuya ngai-ngùng.
 Rằng: «Con đương độ ấu trùng (3),
 Xa-xôi non nước lạnh-lùng biết sao.
- 60 «Khuyên chàng chớ nghĩ thấp cao,
 «Công bao cũng chịu, của bao cũng đành».
 Cóc rằng: «Nàng khéo lo quanh,
 «Can chi chịu phí xem tình ra sao.
- 65 «Đàn bà nóng-nổi khác nào,
 «Biết đâu những chuyện mưu cao mà bàn.
 «Trê kia đã có lòng tham,
 «Được thua quyết kiện một phen xem mà».
- Tức thì đến cửa quan nha,
 Làm đơn khất lĩnh mình tra tố tường.

Chú-thích.— (1) Dạ gian, phi đạo tặc dâm 夜間，非盜則淫: ban đêm (đến nhà người ta), không phải kẻ trộm thì là người gian-dâm— (2) Đỉnh dang 鼎 鑪 cái vạc và cái xanh, nói về nhà giàu sang— Ấu-trùng: nhở thơ.

22.— Nhái-bén khuyên bảo Cóc cái

- Cóc nghe lời nói tự-nhiên,
 290 Trở về đạo khắp các miền hỏi thăm,
 Nước non cây cối âm-thầm,
 Một mình Cóc lại bán khoán một mình.
 Hay đâu cảnh thú hữu tình,
 Lui chân bóng mát, nương mình cội râm.
- 295 Gió đưa ngọn cỏ lăm-râm,
 Nhác trông thấy Bén đang nằm nghỉ-ngơi.
 Chào rằng: «Chị Cóc lại chơi,
 «Việc gì mà phải tìm tôi những là?
 «Dặm ngàn non nước thăm xa,
- 300 «Cớ sao mà khéo lân-la biết đường?»

- Cóc rằng: Muốn đòi ơn chàng,
 « Vì tình, nên phải đa-mang với tình.
 « Nói ra lắm sự bất bình,
 « Vì Trê nên phải đem mình đến anh.
- 305 « Xiết bao kẻ nổi ức tình,
 « Nhịn đi chẳng được, tức mình lắm thôi.
 « Cổ lòng lấy của, cướp người,
 « Đơn-lừ điên-đảo mấy hồi khờ thay!
 « Quan tham, lại cũng chẳng ngay,
- 310 « Vậy nên bắt Cóc tội rầy bấy lâu.
 « Nghĩ tình càng thâm càng rầu.
 « Biết ai là kẻ nông sâu mà bần?
 « Vậy nên bao quản đường trường,
 « Trước vì biết Éch, sau tường tôn-nhan (1).
- 315 « Dù trong lẽ đại, đường khôn,
 « Dám xin chỉ giáo (2), tôi con được nhờ ».
 Bén rằng: « Ngán chuyện đàn bà,
 « Làm gì việc ấy, khéo mà nói quanh.
 « Tuy cùng một kiếp phù-sinh,
- 320 « Giống nào giống ấy, tranh giành làm chi?
 « Trê kia là đứa ngu-si,
 « Chẳng qua tham đại nghĩ gì nông sâu.
 « Thôi đừng kiện cáo chi nhau,
 « Con đương dưới nước, dễ hầu làm chi.
- 325 « Để cho Trê nó phù-trì,
 « Đứt đuôi, nó lại tìm về là hơn.
 « Muốn cho êm ái hai bên,
 « Thời đem trình Phủ mà xin Cóc về.
 « Nhược bằng có dạ tranh thi,
- 330 « Lại làm đơn phục (3) cho Trê khó gì ».

Chú-thích.— (1) Tôn-nhan 尊顏: (Tôn: kính-trọng; nhan: mặt): Chữ dùng để gọi người khác, tỏ ý kính-trọng.— (2) Chỉ giáo 指教: Trỏ bảo dạy dỗ.— (3) Đơn phục (phục: lại một lần nữa): đơn kêu lại.

PHAN, TRẦN 潘 陳

VÔ - DANH

Truyện *Phan, Trần* lấy sự-tích ở bèn Tàu, về đời Tĩnh-khang và Thiệu-hung nhà Tống (tự năm 1126 đến năm 1147). Truyện cốt kể cuộc tình-duyên trắc-trở của hai người là Phan-Sinh và Trần Kiều-Liên. Hai bên đính ước với nhau từ lúc còn ở trong thai, rồi sau một hồi loạn-ly cách-biệt lại được cùng nhau sum-hợp.

Các cụ xưa thường răn các người con trai không nên đọc truyện này : «Đàn ông chớ kể Phan. Trần» vì trong truyện có một đoạn tả Phan-sinh vì tưởng nhớ người yêu sinh ra ốm tương-tư và quá si-tình đến nỗi toan bẽ tự-tận.

Lược truyện.— Truyện (gồm 954 câu) có thể chia ra làm bốn hồi :

I.— *Họ Phan và họ Trần đính ước gả con cho nhau* (câu 1-150).— Phan-công và Trần-công vốn là bạn đồng-song và bạn đồng-liêu. Khi hai Phu-nhân thụ-thai thì hai họ đính-ước, hễ một bên đẻ con trai, một bên đẻ con gái, sẽ gả lẫn cho nhau. Quả nhiên họ Phan sinh ra Phan-sinh (tên là Tất-Chánh) và họ Trần sinh ra Kiều-Liên. Phan-công và Trần-công bèn xin về trí-sĩ để dạy con. Phan-sinh đi thi hương đỗ thủ-khoa, nhưng hỏng thi hội, ở lại kinh-đô học-tập.

II.— *Phan-Sinh và Kiều-Liên phải xa cách nhau* (câu 151-302).— Trong khi ấy Trần-công mất. Lại gặp lúc giặc nổi lên, mẹ con Kiều-Liên phải chạy loạn; đi nửa đường, lại lạc nhau, mẹ thì đến nương-náu ở nhà Phan-công, còn Kiều-Liên thì gặp Chương thị đưa vào tu ở một ngôi chùa ở Kim-lăng và đổi tên là Diệu-Thường. Diệu-Thường nhớ mẹ và nhớ tình-nhân phát bệnh, bà sư khuyên giải mãi mới nguôi.

III.— *Phan-Sinh Diệu-Thường gặp nhau* (câu 303-774).— Phan-Sinh chợt nhớ có cô tu ở Kim-lăng gần chỗ trọ, bèn đến thăm, cô bảo ở lại chùa học tập, Phan-Sinh trông thấy Diệu-Thường, phải lòng, bèn nhờ vài Hương-Công làm mối đến hỏi nàng, nàng cự tuyệt. Phan-Sinh vì thế ốm tương-tư, bà cô biết chuyện phải nói với Diệu-Thường đến thăm chàng. Khi chàng khỏi, lại phòng Diệu-Thường để cảm ơn; trước nàng không cho vào, sau thấy Phan-Sinh toan tự-tận, nàng phải cho vào. Rồi nàng đem chuyện gia-đình ra kể, nhân thế mà hai người nhận được nhau.

IV.— *Phan-Sinh và Kiều-Liên lấy nhau* (câu 775-954).— Phan-Sinh đi thi đỗ thám-hoa, về nói rõ chuyện mình cho cô biết. Cô

khuyên Phan Sinh làm lễ cưới Kiều-Liên ở nhà Chương-thị, rồi hai vợ chồng cùng về vinh qui. Về đến nơi, gặp cả cha mẹ và Trần phu nhân, cả nhà mừng rỡ. Sau vua triệu Phan-Sinh về kinh, sai đi dẹp giặc có công, cả hai vợ chồng đều được hiển-vinh sung-sướng.

23.— Nỗi buồn của Kiều-Liên khi ở chùa

- 213 Thoát thời về chốn tĩnh-đường (1),
Buồn trông phong-cảnh tha-hương ngập-ngừng.
- 215 Kìa thì bụi, nọ thì tằm,
Chẳng hay từ-mẫu lạc chừng phương nao?
Than rằng: «Đội đực cù-lao,
« Bề sâu mấy trượng, trời cao mấy trùng!
« Ví sinh làm kiếp đàn ông,
220 « Giong tìm nước thăm non Bồng, quản chi.
« Bối sinh làm phận nữ-nhi,
« Nghĩ thì càng tủi, nhớ thì luống thương.
« Từ ô (2) chim-chóc vật thường,
« Còn mong kiếm chốn tìm đường trả ơn.
- 225 « Mưa sâu gió thảm từng cơn,
« Dễ ai chực phận thoren-bơn một bề (3)!
« Biết ai dải tấm lòng quê?
« Có chẳng đội đực từ-bi chuyển-văn.
Nghĩ xa thôi lại nghĩ gần,
- 230 Chạnh lòng xẩy nhớ Châu-Trần nghĩa xưa (4).
Dãi-dầu kẻ mấy nắng mưa,
Thẻ phai, nguyên lạnh, bây giờ biết đâu?
Quạt này ai để cho nhau (5)?
Phong-phong mở-mở dải sầu làm khuấy.
- 235 Chốn Lam-Kiều (6), cách nước mây,
Bùi-Hàng (6) kia dễ biết đây nẻo nào?
Non Thiên-thai (7), mấy trượng cao,
Lưu-lang (7) chưa dễ tìm vào tới nơi!
Đã đành góc bể bên trời,
- 240 Lân-la ngày bạc, qua vời xuân xanh.
Một mình những tủi duyên mình,
Nén hương biếng thắp, quyền kinh ngại nhin.

Chú thích.— (1) *Tĩnh đường* 靜堂: nhà im lặng, chỗ tu-hành — (2) *Từ ó*: con qua hiên. Giống qua có hiếu thường đi kiếm mồi về nuôi mẹ — (3) *Câu 226*: tục-ngữ có câu: «Thờn-bơn chịu ép một bề». Cả câu ý nói trong tình-cảnh ấy, dễ có ai ngồi yên được. — (4) *Cháu Trần nghĩa xưa*: đây là nói về việc đính-hôn với Phan-Sinh. — (5) *Quạt này*: cái quạt của nhà họ Phan trao cho họ Trần để định việc đính hôn. — (6) *Lam-Kiều, Bùi-Hàng*: Tích chép trong sách *Thái-bình quảng ký*: Bùi-Hàng 裴航, người đời Đường, hồng thi đi chơi ở Ngạc-chử, gặp nàng tiên là Vân-Kiều phu-nhân. Nàng đưa cho bài thơ rằng: «Nhất ẩm quỳnh-tương bách cảm sinh, Nguyên sương đảo tận kiến Vân-Anh. Lam-Kiều, tiện thị thần tiên quạt, Hà tất kỳ-khu thượng ngọc kinh. 一飲瓊漿百感生，元霜掃盡見雲英，藍橋便是神仙窟，何必崑崙上玉京», (Hễ uống chén rượu quỳnh-tương thì trăm mối cảm-xúc sinh ra; nhưng có tán hết thuốc nguyên-sương (giống như sương) mới thấy Vân-Anh. Lam-Kiều (cầu Lam) vốn là chỗ thần-tiên ở, hà tất phải đi đường gập-gùnh lên chốn ngọc-kinh). Sau Bùi-Hàng đi qua Lam-Kiều (tên một cái cầu ở đất Tràng-an), khát nước vào hàng một bà lão thì thấy bà hàng gọi tên một người con gái là Vân-Anh ra lấy nước cho uống. Thấy người con gái đẹp lắm, muốn lấy, mới ngỏ lời hỏi thì người ta bảo phải có cái chày và cái cối bằng ngọc đem đến thì gả cho. Về sau, Bùi-Hàng gặp tiên cho chày và cối bằng ngọc, dùng tán thuốc tiên, rồi lấy được Vân-Anh. Được ít lâu, cả hai vợ chồng đều lên được cõi tiên. — Vậy chữ «Lam-Kiều» ở đây chỉ chỗ Kiêu-Liên ở, mà chữ «Bùi-Hàng» thì chỉ Phan-Sinh. — (7) *Thiên-Thai, Lư-lang*: do tích Lưu Thần và Nguyễn-Triệu, người đời nhà Tấn đi hái thuốc hôm mồng năm tháng năm, lạc vào núi *Thiên-Thai* là chỗ tiên ở; lấy tiên được nửa năm, đến khi về nhà thì thân-thích đã chết được bảy đời rồi.— «Thiên-thai» đây cũng chỉ chỗ Kiêu-Liên ở mà «Lư-lang» thì chỉ Phan-Sinh.

24.— Phan-sinh gặp Diệu-Thường lần đầu

- 287 *Bỗng may, may khéo là may!*
 Nhác trông ra mái lầu tây, thấy nàng.
 Thần-thơ trước dãy hàng-lang (1).
- 390 *Vin cảnh biếc, hái hoa vàng, làm thỉnh.*
 Xa-xa phảng-phất dạng hình:
 Đức Quan-âm đã giáng-sinh bao giờ!
 Vội-vàng làm khách bơ-lơ,
 Đến gần ướm hỏi khách thơ một lời:
- 395 « *Kể từ đến cảnh Bồng-lai,*
 « *May thay đã trộm thấy người tiên cung.*

- « Mới hay hai chữ sắc, không (2),
 « Chẳng tơ mà dễ rối lòng trần-duyên,
 « Ba sinh ước vẹn mười nguyên,
 400 « Chiêm-bao lần-quất ở bên giảng-đình,
 « Sư còn lân-mẫn (3) chúng-sinh,
 « Xin thương đến tấm lòng thành mấy nao ! »
 « Bỗng nghe tiếng lạ-lùng sao !
 Trái tai, nào biết lẽ nào dám thừa,
 405 Nghĩ mình ở đảnh-rau đưa,
 Há nên tìm tiếng đong-đưa cùng người.
 Làm thính thà chịu mất lời (4),
 Thềm hoa lần bóng, phóng trai giở giày,
 Vội vàng khép bức rèm mây,
 410 Ngoài hiên còn chút hương bay với chàng.
 Một mình lui tới bẽ-bàng,
 Khôn đường năn-nỉ, dễ đường nhẩn-nhe !
 Đeo sầu, chàng trở ra về,
 Xem chiều thên-thện, e-e, nức cười.
 415 Trách người một, trách ta mười,
 Bối ta sòm-sỡ, nên người dầy-dun.
 Còn trời, còn nước, còn non,
 Còn trăng, còn gió, hãy còn đầy đây.
 Trăng trắng, gió gió, mây mây,
 420 Biết là giờ nổi nước này cùng ai ?

CHÚ-THÍCH— (1) *Hành-lang* : 行廊 : dãy nhà ngang chạy dài ở nơi đền đài cung điện.— (2) *Sắc, không* : 色空 : tiếng nhà Phật. Sắc là nói cái hình-tượng hiện rõ ra : phàm những vật có hình có tượng ở trong thế-gian đều là sắc. Không là hư-không chẳng có gì cả. Thuyết nhà Phật chia thế-gian ra làm ba giới : dục giới (cõi tình - dục), sắc giới (cõi còn có hình sắc, nhưng hết thị-dục), vô-sắc giới (cõi không có hình sắc, được hưởng thú vui không gì bằng).— (3) *Lân-mẫn* : 憐憫 : thương - xót.— (4) *Mất lời* (mất đây nghĩa là quí giá) : lời nói quí giá : ý nói không thêm trả lời.

25.— Phan-sinh và Kiều-Liên nhận nhau

- 707 Gửi rằng : Phận cánh hoa rơi,
 « Bây giờ còn dám giấu người sao nên.
 « Năn-nỉ mới giở sự duyên,
 710 « Dầu lòng vàng đá cũng nghìn xót-xa.

- « Đàm-chu, quê thiếp còn xa,
 « Họ Trần, tên đặt vốn là Kiều-Liên,
 « Bào thai đã hẹn nhân-duyên,
 Quạt ngà, châm ngọc (1), kết nguyên họ Phan.
- 715 « Rồi ra cách-trở quan-san,
 « Chẳng may tiếng hạc khơi ngàn non hoa (2).
 « Cô-đơn con trẻ, mẹ già,
 « Phần trời cuốn má, sương pha bạc đầu.
 « Cửa nhà binh lửa đâu đâu,
- 720 « Tuyết sương quảy một gánh sầu ra đi.
 « Đoạn-trường thay ! lúc phân-kỳ (3),
 « Mẹ thì bãi bắc, con thì non tây.
 « Khóc than cũng thấu cao dày,
 « Xui nàng Chương lại dặt tay tham thiền (4).
- 725 « Oan chi chút phận thuyền-quyên,
 « Chữ tình cảm cảnh, chữ duyên bẽ-bàng !
 « Rừng thiền (5) ơn đã động thương,
 « Khăn-cầu vả sẵn đèn hương cửa người.
 « Họa khi dun-dủi ơn trời,
- 730 « Đền ơn sinh nặng, giải lời nguyên sâu,
 « Thân này mà dở-dang nhau,
 « Thì xin tu lấy thân sau để dành.
 « Hoa trời, nước chảy lênh-đênh,
 « Mắt nào còn dở tâm-tinh cùng ai ?
- 735 « Dù chàng ép trúc, nài mai,
 « Tìm nơi giếng cạn, thấy người hồng-nhan.
 « Để ai ngọc nát, hoa tàn,
 « Giải oan, chàng phải lập đàn cho nhau».
 Sinh nghe ngẩn mặt giờ lâu,
- 740 Gẫm rằng: « Con tạo cơ mầu khéo thay !
 « Bấy lâu mơ tưởng đêm ngày,
 « Ai ngờ Phan đó, Trần đây mà nhầm !
 « Tri-âm chưa tỏ tri-âm,
 « Thì xin bên quạt, bên trâm sóng vào ».

- 745 *Vội-vàng mở tráp tay trao,
Nhìn xem, nào có chút nào là sai.
Cành trâm thích, quạt chữ bày,
Rành-rành tên tuổi hai người song-song.
Mừng nhau lần kể sự lòng,*
- 750 *Gian-nan ngày trước, lạnh-lùng bấy nay.*

Chú-thích.— (1) *Quạt ngà chạm ngọc*: Khi hai họ đính-ước gả con cho nhau, thì họ Trần trao quạt ngà cho họ Phan, mà họ Phan thì trao trâm ngọc cho họ Trần, hai bên giữ lấy làm tin.— (2) *Tiếng hạc khơi ngàn non hoa*: ý nói cha mất. Con hạc là biểu-hiệu của sự sống lâu, nên khi người già mất ta thường nói: hạc bay lên trời.— (3) *Phân kỳ 分歧*: chia đường ly-biệt nhau.— *Tham thiền 參禪* (tham: xen vào, dự vào): học theo phép thiền-định, nghĩa là yên lặng, chuyên chú mà tư tưởng.— (5) *Rừng thiền*: Thiền 禪: tiếng nhà Phật dịch theo âm chữ Phạn *dhyana*, nghĩa là yên-lặng và nghĩ-ngợi thường dùng để nói về đạo Phật (như thiền-gia: người tu đạo Phật) hoặc về chùa thờ Phật (như thiền-môn: cửa chùa); vậy « rừng thiền » nghĩa là cảnh Phật, cảnh nhà chùa.

QUAN-ÂM THỊ-KÍNH 觀音氏敬 VÔ-DANH

Truyện này cốt tả đức nhẫn-nhục và lòng từ-bi của bà Thị-Kính vì đó mà sau bà được thành Phật Quan-âm.

Lược truyện.— Truyện này (gồm 786 câu) có thể chia làm năm hồi.

I. — *Thị-Kính mắc tiếng oan giết chồng* (câu 1-224) — Bà Thị-Kính, người nước Cao-ly, nguyên kiếp trước là đàn ông, tu hành đắc đạo sắp thành Phật; nhưng đức Thích-ca muốn thử lòng, mới bắt đầu thân xuống làm con gái nhà họ Mãng, rồi suốt đời bắt gặp nhiều cảnh oan khổ để xem sao. Lớn lên, có tài sắc, có nết na, cha mẹ gả cho một người thư-sinh tên là Thiện-Sĩ con nhà họ Sùng. Hai vợ chồng ăn ở với nhau rất hòa-thuận. Một đêm chồng ngồi đọc sách, bà ngồi-cạnh khâu chột khi chồng mệt tựa bên cạnh ngủ, bà trông trên cầm chông thấy râu mọc ngược, sẵn con dao cầm tay bà sắp cắt đi. Bỗng chồng giật mình thức dậy, thấy thế tưởng vợ có bụng hại mình, liền kêu lên; cha mẹ chồng chạy đến cứu một mực đổ riết tội cho bà, rồi sai mời cha bà sang trách móc và trả lại con.

II. — *Thị-Kính đi tu* (câu 225-370). — Bà về nhà cha mẹ, nỗi oan uổng, tình âu-sầu không thổ lộ cho ai biết được. Thoạt tiên toan bề tự tận, nhưng nghĩ mình là con một, cha mẹ thì già,

không nỡ dứt tình : bà bèn quyết chí đi tu cho tròn quả phúc để đền ơn sinh thành. Bà mới giả hình nam tử, đổi tên là Kinh-Tâm, trốn nhà đi tu ở chùa Vân-tự.

III.— *Thị-Kinh mắc tiếng oan thông dâm* (câu 371-584).— Kinh-Tâm nương nấu cửa chùa, mỗi sáu người dần. Bỗng đâu một cái tai vạ bất kỳ xảy đến. Nguyên ở gần chùa có một người con gái là Thị-Mầu đương kén chồng thường đến lễ chùa, thấy Kinh-Tâm dáng người có duyên, sinh ra phải lòng. Kinh-Tâm thì vẫn hờ hững thờ ơ : nhưng thị-Mầu thì lửa dục đã nhóm lên khó lòng dập tắt được, mới thông dâm với đứa thương đầu (đầy tớ) thành ra có mang. Làng biết, gọi ra tra hỏi. Thị-Mầu đổ cho Kinh-Tâm ; Kinh-Tâm khó bề biện bạch, làng mới sai đánh và bắt khoán ; thế là lại mắc oan tày đình lần thứ hai nữa.

IV.— *Thị-Kinh nuôi con Thị-Mầu* (câu 385-692).— Được ít lâu, Thị-Mầu sinh đứa con trai, đem ra chùa báo trả Kinh-Tâm. Kinh-Tâm nghĩ thương đứa hài nhi, mới đem về nuôi nấng, chỉ mình biết lòng mình. Được ba năm đứa bé đã khôn lớn, coi bộ khôi ngô, thì Kinh-Tâm bỗng bị đau rồi chết. Trước khi chết, có viết một bức thư để lại cho cha mẹ.

V.— *Thị-Kinh rửa sạch tiếng oan và thành Phật* (câu 693-786).— Sau sư vải trong chùa ra liệm thi hài, mới biết Kinh-Tâm là đàn bà : bấy giờ làng mặc đều thấu tình oan của bà. Lại đến khi người nhà xem bức thư tuyệt mệnh, mới biết tội giết chồng là oan. Chồng từ khi bà đi, cũng có lòng thương nhớ ; đến khi thấu tình đầu, bèn cùng cha mẹ bà đến chùa lo việc ma chay, rồi cũng trọn đời tu hành ở đấy. Sau đức Phật xét bà quả là người tu hành đặc đạo, cho bà được siêu thăng làm Phật Quan-âm.

26. — *Thị-Kinh mắc tiếng oan giết chồng*

- 123 *Hôm nay trong chốn thâm-khuê,*
 Kẻ đường kim chỉ, người nghề bút nghiên.
 125 *Canh khuya bạn với sách đèn,*
 Mỗi lưng, chàng mới tựa bên cạnh nàng.
 Phải khi liếc mắt trông chàng,
 Thấy râu mọc ngược ở ngang cạnh cằm.
 Vô-tâm xui bồng gia-tâm,
 130 *Dao con sẵn đấy, mới cầm lên tay.*
 Vừa giờ sắp tiễn (1) cho tày,
 Giật mình, chàng đã thức ngay bấy giờ.

- Ngán thay sửa dép vườn dưa (2).
 Dầu ngay cho chết, cũng ngờ rằng gian.
- 135 Thất-thần, nào kịp hỏi-han,
 Một lời la lối rằng toan giết người.
 Song-thần nghe tiếng rưng-rời,
 Rằng: «Sao khuya-khoắt mà lời gớm thay?»
- 140 Chàng rằng: «Giấc bướm vừa say,
 « Dao con, nàng bỗng cầm tay kẻ gần.
 « Hai vai họ có quỷ-thần,
 « Thực hư đòi lẽ, xin phân cho tường ».
- Nàng vâng thừa hết mọi đường,
 Rằng: «Từ gầy khúc phượng-hoàng đến nay,
- 145 Ân kia nàng ở ngang mây (3),
 « Sạch trong một tiết, thảo ngay một bề.
 « Bởi chàng đèn sách mỗi mê,
 « Gối Ôn-công (4) thuở giấc hòe (5) thiu thiu.
 « Thấy râu mọc có chẳng đều,
- 150 « Cầm dao tiền đề một chiều như nhau.
 « Há rằng có phụ tình đâu,
 « Muôn trông xét đến tình đầu kẻ oan.
 « Thác đi, phỏng lại sinh hoàn,
 « Thì đem lá phôi, buồng gan dãi bày ».
- 155 Công cô (6) rằng: « Bảo cho hay,
 « Trộm hương, cắp phấn, cũng đầy chan-chan.
 « Mấy người một ngựa một yền (7),
 « Nay Trương, mai Lý, thế-gian hiểm gì?
 Ấy may mà tỉnh ngay đi,
- 160 « Đỉnh-đỉnh-đỉnh nữa có khi còn đời!»
 « Sự này chớ lấy làm chơi,
 « Sai người tức khắc đến mời Mãng-ông (8).
 « Trách rằng: Sự mới lạ lùng!
 « Sinh con ai dễ sinh lòng ấy đâu?
- 165 « Khúc cầm bỗng dờ-dang nhau,
 « Say đâu vờ đùa trong dẫu hẹn-hò (9).
 « Sông kia còn có kẻ dò,
 « Lòng người chưa dễ mà đo cho cùng!
 « Sự này mười mắt đều trông,
- 170 « Thôi đừng tra hỏi gan-gùng nữa chi!

« Nghe anh nào có bụng gì.
« Đem về dạy đầy sao thì mặc anh.

Bản chép khác.— Câu 144... dăng khúc loan hoàng đến nay.— Câu 157... tiết quyết một an.

CHÚ-THÍCH.— (1) *Tiến 剪* : cắt.— (2) *Sửa dép vườn dưa* : nghĩa bóng là làm việc vô tình mà khiến cho người ngoài nghi mình là gian; do câu chữ nho : « Qua điền bất nạp lữ, lý hạ bất chính quan » 瓜田不納履李下不正冠 (古樂府, 君子行). (Ở trong vườn dưa, không nên (cúi xuống) đi dép; ở dưới gốc mận, không nên đội mũ lại), vì tuy bụng mình có ngay thật, mà làm thế, người ta cũng nghi.— (3) *Án kia nâng ở ngang mày* : ý nói kinh trọng chồng lắm. Do điển Lương-Hồng với nàng Mạnh-Quang, hai vợ chồng kính trọng nhau như khách. Khi dâng cơm lên chồng ăn, nàng ấy nâng mâm cơm cao ngang lông mày.— (4) *Gối Ôn-Công* : Ôn-công tức là Tư-mã Ôn-công đời nhà Tống, tinh hay học khuya. Gối Ôn-công là gối của người chăm học.— (5) *Giấc hòe* : giấc mộng, giấc ngủ. Do tích chép trong *Nam Kha ký* của Đường Lý-công-Tả : Thuần Vu Phần 淳于棼 ngủ dưới gốc cây hòe, nằm mơ đến nước Hòe-an 槐安 được vua nước ấy gả con gái cho, lại cho làm quan Thái Thú đất Nam-Kha 南柯, rất mực hiển vinh. Sau đánh giặc bị thua, vợ lại chết, vua nghi kỵ, đuổi đi. Lúc thức dậy, chỉ thấy dưới gốc cây hòe có một cái tổ kiến. Thì ra quận Nam-kha (nghĩa đen là cạnh cây phía nam) chỉ là cái tổ kiến ở dưới cành cây hòe hướng về phía nam vậy. Nhân câu chuyện ngụ ngôn ấy, người ta mới gọi giấc mộng là «giấc hòe» hay «giấc Nam-kha».— (6) *Công cô 公姑* : bố chồng và mẹ chồng.— (7) *Một ngựa một yên* : nghĩa bóng là gả lấy một chồng.— (8) *Mãng-ông* : cha bà Thị-Kính.— *Đưa trong dâu hên hò* : đưa tình nhân. Chữ lấy trong *Kinh Thi* : « Kỳ ngã vu tang trung, 期我于桑中 », (Hẹn ta ở trong nương dâu), nói về thói dâm bôn của trai gái hẹn hò nhau ở nơi bụi rậm.

27.— Thị-Kính xin vào tu ở chùa Vân-Tự

- 291 Nàng từ xa chốn hương khuê,
Nỗi nhà man-mác mọi bề mà lo,
Cũng toan gỡ mối tơ vò,
Thành sầu cao ngất phá cho tan-tành.
- 295 Tưởng ơn trời bề mông-mên,
Dễ mà đền được ân tình ấy đâu.
Tà-tà bóng ngả cành dâu,
Sớm khuya dưới gối, ai hầu-hạ thay ?
Vắng lời, khuất mặt lúc này,
- 300 Lòng người thiếu-não biết ngày nào nguôi ?

- Nghĩ điều mưa nắng xa-xôi,
 Cảm thương đời đoan, bồi-hồi từng nao.
 Chân trời đất khách đã lâu,
 Chiêm-bao lần-thần ở đâu quê nhà.
 305 Hỏi thăm dăm liễu dần-dà,
 Ngõ đâu Vân-tự chẳng là ở đây.
 Bốn bề phong-cảnh lạ thay !
 Bồng-lai kia cũng thế này mà thôi.
 Cửa thiền sẽ lên chân coi,
 310 Trông lên sư cụ vừa ngồi tụng kinh.
 Mưa hoa (1) rảy khắp bên mình.
 Nhấp-nhò đá cũng xếp quanh gát đầu (2).
 Mới hay phép Phật rất mau.
 Nghĩ đây cũng dễ đời sâu làm vui.
 315 Chờ khi kinh giáo vừa rồi.
 Lạy sư, mới bạch khúc-nhời tổ-tướng.
 Trình bày tên tuổi gia-hương,
 Nhà xưa theo dấu, văn chương cũng là.
 Chán vùng danh-lợi phần-hoa,
 320 Chắp tay xin đến thiền-già (3) qui-y.
 Sư rằng : «Này đạo từ-bi.
 «Rộng đường phở-độ hẹp gì trần-duyên.
 «Nhưng sao đương-độ thiếu-niên,
 «Nhìn xem phong-thề cũng nên con người.
 325 «Cớ chi nhà lối xa khơi,
 Đem mình đãi các vào nơi lâm-tuyền ?
 «Hay là tội phận hờn duyên ?
 «Hay là đeo lụy, mang phiền chi chẳng ?
 «Chỉ e vượn Sở lạc chùng,
 330 «Bạn lờng đến cả cây rừng chẳng sinh ! (4)
 Thưa rằng : «Trẻ mỗ thư sinh,
 «Làm chi cho được lụy mình, chờ e !
 Len chân nhờ bóng sân hòe (5),
 Cũng mong tranh đấu ngựa xe với người.
 335 «Đoái trông thế-sự nực cười,
 «Như đem trò rối mà chơi khác gì.

- «Phù-vân một đóa bay đi,
 «Khi thì áo trắng, lúc thì muông đen (6).
 «Chặt đường Nam-thoán như ném,
 340 «Cân đai nhan-nhân người quen với mình (7).
 «Chẳng thêm ra áng công-khanh,
 «Mà đem thân-thể làm hình dịch chi (8).
 «Cho nên mển cảnh từ-bì,
 «Dám xin nhờ đức tăng-ni mở lòng».

Bản chép khác. — Câu 381 : ...mưa nắng ngược xuôi — Câu 302 : ...từng đau. — Câu 308 : ...khi cũng thế này mà sao. — Câu 309: Thiên-phong sẽ lên chân vào. — Câu 312 : ...Nhơn-nhơn đá cũng xúm quanh... — Câu 313 : đạo Phật phép màu. — Câu 317 : Kể từ. — Câu 322 : Rộng thương ... Câu 323 : Nhưng sao phú dịch... — Câu 325 : Cơ gì nhà cách... Câu 330 : cây rừng chưa minh — 333: Nền nhán... — Câu 334 : Cũng mong rang cửa... — Câu 341 : thịt ướp quân khanh. — Câu 343 : ... mển cảnh trụ-tri — Câu 345 : ... nhờ bóng tăng-tri xét lòng.

CHÚ - THÍCH. — (1) Mưa hoa: do tích ông sư Nghiêm đời Đường ngồi tụng kinh ở chùa Vân-hoa, trời mưa hoa xuống rất nhiều. — (2) Đá gát đầu: do tích người học trò sư La-Thập giảng kinh Nát-bàn ở núi Hồ khưu, rồi hỏi mấy hòn đá ở xung quanh xem lời giảng có hợp với lòng Phật không, thì thấy mấy hòn đá gát đầu. — (3) Thiên giả 天加: chùa thờ Phật. — (4) Câu 329, 330: nguyên vua nước Sở có nuôi một con vượn; một hôm, con vượn ấy trốn vào trong rừng, vua sai đốt cả rừng để tìm. Vậy hai câu này ở đây ý nói: chỉ sợ Thị-Kinh trốn nhà đi tu, rồi lại liên lạc đến nhà chùa chẳng. (5) Sắc hộc: Vương Hựu đời nhà Tống trồng ba cây hộc ở trong sân, chủ ý mong cho con cháu này làm đến chức tam công (về đời nhà Chu, chỗ các quan hội họp có ba cây hộc chỉ chỗ của ba vị tam công). Sau quả nhiên con ông là Vương - Đán làm tới chức ấy. Vậy chữ «sân hộc» ở đây nghĩa là nhà thế-phiệt. — (6) Câu 337, 338: hai câu này đặt theo hai câu thơ của Đỗ-Phủ: «Thiên thượng phù vân như bạch y, tứ tu biến ảo vi thương cầu, 天上浮雲如白衣, 斯須變幻為蒼狗». (Mây nổi trên trời như áo trắng, bỗng chốc biến đổi thành chó xanh). Ý nói cuộc đời biến đổi thất thường. — (7) Câu 339, 340: Hai câu này đặt theo câu trong bài thơ đề đền Tứ-hạo: «Sơn hạ hồng trần Nam thoán lộ, Bất tri quan đại kỷ nhân hoàn, 山下紅塵南竇路, 不知冠帶幾人還». (Dưới núi bụi hồng đường Nam thoán, chẳng biết mấy người đội mũ đeo đai trở về). Nam-thoán là một con đường dưới núi Thương-sơn (thuộc tỉnh Thiểm-tây) qua đất Trường-an là kinh-đô cũ của nước Tàu. Vậy hai câu này ý nói: trên con đường công-danh, có rất đông người chen chúc, khó lòng chen chân vào được. — (8) Mà đem thân thể làm hình dịch chi (hình: hình thể; dịch: sai khiến): ý nói: há vì sự giàu sang mà làm khổ cái tấm thân.

BÍCH-CẦU KỶ-NGỘ 碧溝奇遇

VÔ-DANH

Truyện này kể một sự tích ở nước ta, tức là việc một người học trò tên là Trần Tú-Uyên gặp một nàng tiên ở đất Bích-câu, bởi thế mới đặt tên truyện là *Bích-câu kỳ ngộ* (sự gặp gỡ lạ lùng ở Bích-câu).

Bích-câu (nghĩa là ngòi biếc), trước thuộc làng Yên - trạch, tổng Yên-hòa, huyện Thọ-xương, tỉnh Hà-nội, nay sáp nhập thành phố Hà-nội là phố Cát-linh, ở đây hiện còn có đền Tú-Uyên là cái di-tích của câu truyện hoang-đường này. (Xem thêm ở *Phần thứ Nhất, năm thứ nhì chương XIX*).

Lược truyện.— Truyện này (gồm 648 câu) có thể chia làm bốn hồi:

I.— *Tú-Uyên gặp Giáng-Kiều, về ốm tương-tư* (câu 1-272).— Trần-Tú-Uyên, một người học trò nghèo, thường hay đi chơi những nơi thắng-cảnh, một lần đến đất Bích-câu, thấy phong-cảnh đẹp, bèn làm nhà ở đấy học. Một hôm, ông đi xem chùa Ngọc-Hồ (tức chùa bà Ngò ở phố Sinh-từ Hà-nội). Chiều đến, sắp về, chợt thấy bay đến trước mặt một bài thơ có ý gheo mình. Trông ra cửa Tam-quan, thấy một người con gái rất đẹp; ông bèn đi theo, đến Quảng-văn đình, (nay là chợ Cửa Nam Hà-nội) thì chợt người ấy biến mất. Từ đấy, Tú-Uyên sinh ra ốm tương-tư.

II.— *Tú-Uyên kết duyên cùng Giáng-Kiều* (câu 273-428).— Sau Tú-Uyên đến đền Bạch-mã (nay ở phố hàng Buồm) cầu mộng; đêm thần bảo ông sáng hôm sau ra đợi ở Cầu Đông (nay ở Phố Hàng Đường) thì gặp người con gái ấy. Hôm sau ra đợi mãi đến chiều, chỉ gặp một ông lão bán bức tranh vẽ một người tố-nữ giống hệt người đã gặp hôm trước. Ông bèn mua về, treo ở nhà, cứ đến bữa ăn, dọn hai cái bát, hai đôi đũa, mời người trong tranh ăn. Một hôm, ông đi học về, thấy có mâm cơm dọn sẵn, trong bụng sinh nghi. Hôm sau, ông rình ở một chỗ, thấy người trong tranh bước ra, ông vội chạy lại hỏi, thì người ấy nói tên mình là Giáng-Kiều ở trên cung tiên xuống, xin kết duyên cùng ông. Giáng-Kiều mới làm phép biến chỗ nhà ở của ông thành lâu-đài trắng lè.

III.— *Giáng-Kiều giận Tú-Uyên bỏ đi sau lại trở về nhà* (câu 429-558).— Tú-Uyên lấy Giáng-Kiều được ba năm, thường cứ rượu chè say sưa, nàng can ngăn, ông không nghe, lại còn đánh đập. Một lần, nàng quá giận, bỏ ông biến đi. Đến lúc tỉnh, ông hỏi lại, đi tìm đâu cũng không thấy, chỉ than khóc thương tiếc. Một

hôm buồn quá, ông toan tự-tận; chợt nàng Giáng-Kiều hiện ra ông bèn từ-tạ, hai bèn lại đoàn-tụ như xưa.

IV.— *Tú-Uyên và Giáng-Kiều lên cõi tiên* (câu 559-648).— Từ bấy giờ Tú-Uyên đổi dãi tử-tế với Giáng-Kiều. Sau sinh được một đứa con trai đặt tên là Chân-Nhi. Nàng Giáng-Kiều bèn khuyên ông nên lên ở cõi tiên và trao cho bùa tiên cùng thuốc tiên để ôn-tu-luyện. Rồi một hôm sau khi đã dặn-dò Chân-Nhi ở tại cõi trần hai vợ chồng cùng cõi hạc bay lên cõi tiên.

28.— Tú-Uyên mắc bệnh tương-tư

- 163 *Nỗi nàng canh-cánh nào quên,
Vẫn còn quanh-quất giấc tiên khéo là!*
- 165 *Bướm kia vương lấy sầu hoa,
Đoạn tương-tư ấy nghĩ mà buồn tênh!
Có khi gảy khúc đàn tranh,
Nước non ngao-ngán ra tình hoài nhân (1).
Cầu hoàng (2) tay lựa nên vần,*
- 170 *Tương-Như (2) lòng ấy, Văn-Quán (2) lòng nào.
Có khi mượn chén rượu đào,
Tiệc mời chưa cạn, ngọc dao đã đầy.
Hơi men chưa nhấp đã say,
Như xông mùi nhớ, như gảy giọng tình.*
- 175 *Có khi ngồi suốt năm canh,
Mơ quên điềm nguyệt, chuông kênh nện sương.
Oĩ tai những tiếng đoạn-trường,
Lửa tình dễ nguội, sông Tương (3) khôn hàn.
Có đêm ngắm bóng trăng tàn,*
- 180 *Tiếng quyên hót sớm, trận nhàn (4) bay khuya.
Ngồn-ngang cảnh nọ tình kia,
Nỗi riêng riêng biết dãi-dề với ai!
Vui xuân chung cả một trời,
Sầu xuân riêng nặng một người tương-tư.*

Chú-thích.— (1) *Hoài nhân* 懷人: nhớ người.— (2) *Cầu hoàng*: tức là «Phượng cầu kỳ hoàng», tên khúc đàn của Tư-mã Tương-Như, người đời nhà Hán gảy, tiếng đàn nào-nùng ai oán, nàng Trác Văn-Quán là một người đàn bà trẻ tuổi góa chồng nghe phải cảm-động sinh mê, sau hai bèn lấy nhau.— (3) *Sông Tương*: nghĩa bóng là nước mắt. Do tích bà Nga Hoàng và bà Nữ-Anh ngày xưa khóc vua Thuấn ở sông Tương, nên chữ «sông Tương» hoặc «mạch Tương» dùng để chỉ nước mắt.— (4) *Nhàn*: tức là chữ «nhận» đọc chạnh ra cho thành âm bằng.

- Khắp triều quan đến, khắp hoàng-thân (3) ra.
 Bày phở chén ngọc, đưa ngà.
 Gia-hào (4) mấy thức, tràn la (5) mọi mùi,
 355 Tướng-công thăm-thăm xa ngòi,
 Tiếp tân phở mặc con nuôi họ Hoàng.
 Mai-công lễ-vật tầm-thường,
 Miến vài cân với lạp hoàng (6) vài đôi.
 Hoàng Tung trông thấy mỉm cười,
 360 Tìm Lư-công, đến tận nơi, tiến trình.
 Tướng-công ngồi trước thọ-bình,
 Chối vàng bông mũ, ngắt xanh hoa bảo.
 Từ bề trưởng gấm màn đào,
 Mùi hương xạ ngát, tiếng thiều nhạc (7) rung.
 365 Trông xa nhạc thấy Hoàng Tung,
 Xem đơn lễ (8) mời thung-dung dạy lời :
 « Ít nhiều có lễ thì thôi,
 « Hãy thu lấy đấy, khuyên, mời hân-hoi.
 « Tay này là bực đại-tài,
 370 « Đề ta mua chuộc làm tôi tớ nhà ».
 Cớ lời, Tung mới bước ra,
 Chào rằng : « Vàng mệnh án-gia mời ngòi,
 « Lễ đơn đây đã thu rồi,
 « Dám khuyên vài chén tiệc vui gọi là ».
 375 Mai-công rằng : « Những ở xa,
 « Chẳng hay quý-chức tuổi đã bao nhiêu ? »
 Tung rằng : « Tuổi cũng chưa nhiều :
 Năm mươi tư tuổi gần theo côi già. »
 Công rằng : « Thực cũng khéo là !
 380 « Thế mà nghĩa-phụ (9), thế mà ân-nhi (10) !
 « Sống lâu thấy lắm chuyện kỳ,
 « Sao xưa nay vẫn không nghe tiếng đồn ?
 « Mời hay vương-khi tướng-môn ?
 « Năm lên sáu tuổi sinh con đầu lòng ! »
 385 Tung nghe ra giọng đăm hòng,
 Mắt ngăn-ngắt tim, mắt sòng-sọc trông.
 Các quan biết ý Hoàng-Tung,
 Giả điều mời rượu Mai-công ép nài.
 Ông rằng « Lượng rượu kém ai,
 390 « Tiệc vui dù chẳng đợi mời cũng say.
 « Nghe hơi tử-khi đâu đây,
 « Dẫu rằng nửa chén đưa say, chẳng màng.

- « Đền đây vàng mệnh Thánh-hoàng,
 « Sá vui kèo rót mấy tuồng quyền gian?»
 395 Hoàng-Tung đổ mặt, sốt gan,
 Bất thành-linh, bỗng trong bàn mắt vui.
 Như mèo tiu-nguỷu mất tai,
 Chẳng thu một lễ, chẳng mời một ai,
 Vào trong tóc thẳng một hơi,
 400 Bên màn Lư-Kỷ, kê ngồi nỉ-non.
 Nhỏ to chua cái, chua con.
 « Hôm xưa, kiệu đến nghi-môn (11) còn ngồi.
 « Mời rồi, đưa lễ giễu chơi,
 « Đã cầu rửa mặt, lại lời đưa chênh.
 405 « Gần chùa gọi Bụt là anh,
 « Không văn-pháp nữa, còn danh-giá gì!»
 Lư rằng: « Con chớ lo chi:
 « Ra tay, rồi sẽ liệu bề bề mai.
 « Cho vào bạn-đảng (12) thời thôi,
 « Bấy giờ dẫu nghĩ kêu trời cũng xa».

Bản chép khác.— Câu 339: Định ngày mở tiệc vui xuân.—
 Câu 396: Bất bình bỗng giận trong màn mắt vui.— Câu 405: ...
 bằng anh.

Chú-thích.— (1) Kết thái trưng đăng 結綵張燈: tết lụa màu và treo đèn.— (2) Bách hí 百戲: trăm trò chơi.— Hoàng thân 皇親: chú bác anh em vua.— Gia hào 嘉餚: (Gia: ngon; hào: đồ nhắm): đồ nhắm ngon.— (5) Trân la 珍羅: (trân: quý; la: một thứ rau có mùi thơm); rau quý.— (6) Lạp hoàng: tức là hoàng lạp 黃蠟: sáp vàng.— (7) Thiệu nhạc: 韶樂: bài nhạc cổ đời Nghiêu, Thuấn bên Tàu.— (8) Đơn lễ: cái lễ đơn sơ.— (9) Nghĩa - phụ 義父: bố nuôi.— (10) Ân-nhi 恩兒: con nuôi.— Nghi-môn 儀門: cửa lớn ở các dinh thự hay nhà lớn.— (12) Bạn đảng 叛黨: bọn làm phản.

31.— Hạnh-Nguyên trăm mình

- 1185 Lên yên, gióng ngựa ra đi,
 Núi cao đã thấy hầu kề tới nơi.
 Hỏi tên là Lạc-nhạn-đài,
 Trùm mây mù-mịt, ngắt trời chon-von,

- Nàng rằng : « Tịch trước ghi lòng.
 1190 « Chiêu-quân gửi nhận thư phong chốn này.
 « Đường đi nhân tiện qua đây,
 « Nhấn nhàn, bắt chước chuyện người ấy chơi ».
 « Kíp truyền man-tốt (1) mấy lời :
 Dọn đường núi Nhạn, kíp dời gót loan.
 1195 Phù nàng ngồi kiệu đấng san,
 Hai hàng thị-nữ, một đoàn Phiên-binh.
 Bước cao, bước thấp gập-ghềnh,
 Quấn-queo đuôi chuột, chênh-vênh tai mèo.
 Nương đá quạnh, vịn cành oeo,
 1200 Chim xào-xạc lá, vượn leo-lắt cành.
 Sẵn-sàng cảnh-vật chung-quanh :
 Phong đồn mở quạt, mây xanh buông màn (2).
 Bước lên tuyết đỉnh làn-làn,
 Trông nhường chật đất, vờ toan đến trời.
 1205 Mặt sau lần bước xem chơi,
 Nhìn lâu, bỗng thấy một nơi cỏ đầm,
 Mắt mèo trong vắt (3) nổi tăm,
 Rắn quần-quặn khúc, măng (4) nhom-nhép hàm,
 Cheo-leo sườn núi trông sang ;
 1210 Khe kia, suối nọ, ngồn-ngang mấy trùng.
 Nửa ngày nổi trận âm-phong (5),
 Phất-phơ lật lá, lạnh-lùng thấu xương.
 Đất đầu sơn-thủy lạ nhường !
 Ngần-ngơ mình những cảm thương nỗi mình.
 1215 « Xót thay đôi đire sinh-thành,
 « Bao giờ người được chút tình nhớ thương.
 « Một ngày một ngã bóng tang,
 « Da mồi xạm mặt, tóc sương điểm đầu.
 « Biết nhau thêm dở-dang nhau.
 1220 « Quen hơi bén tiếng bao lâu mà rằng !
 « Ấy ai chấp mối xích-thằng !
 « Biết rằng đĩl chỉ, thà đừng vương tơ.
 « Như lời thần-mộng (6) họa là,
 « Còn duyên chẳng nữa, cũng chờ tái-sinh.

- 1225 « Đường cùng giữ lấy thơm danh,
 « Thôi thì gác hiếu với tình một bên.
 « Chấp kinh, nếu chẳng tòng quyền,
 « Nửa khi nước đến, e nên cát lăm ».
 Tắc lòng cả quyết khôn cầm,
- 1230 Tắm thân phó mặc dưới đầm sâu sâu.
 Thị-tỳ trông trước nhìn sau,
 Nàng đã gieo ngọc, chìm châu bao giờ.

Bản chép khác.— Câu 1222: Biết mà... — Câu 1228: ...
 e phiên. — Câu 1229: Tắm lòng quả-quyết...

CHÚ-THÍCH.— (1) *Man lốt* 蠻卒: quân Man; đây chỉ quân Phiên.—
 (2) *Câu 1202*: tả cảnh núi; những chòm lá cây phong 楓 trông như quạt
 mở, những đám mây che phủ như màn buông.— (3) *Mắt mèo trong vắt*:
 Tả cảnh nước xanh như mắt mèo.— (4) *Mãng* 蟒: rắn lớn có hoa.— (5) *Âm
 phong* 陰風: cơn gió lạnh-lẽo tưởng như ở dưới âm-phủ đưa lên.—
 (6) *Lời thần mộng*: Hạnh-nguyên trước có vào lễ đền thờ Chiêu-Quân đêm
 nằm chiêm-bao thấy Chiêu Quân báo cho biết rằng: « Rồi ra về đến quê
 mình. Sau này phu qui phụ vinh vẹn tròn » (câu 1171-1172).

32.— NHÂN NGUYỆT VẤN ĐÁP 人月問答 VÔ - DANH

« Nhân nguyệt vấn đáp » nghĩa là người và trăng hỏi và đáp
 nhau. Tác-giả bài này, không rõ là ai, nhưng chắc là một nhà
 nho chán đường danh lợi, ghét thói đua tranh, mượn câu chuyện
 ấy để dãi bày tâm-sự của mình.

- Tiết thu dạ, thiên quang vãn tĩnh (1),
 Chốn lữ-đình (2), giấc tỉnh canh khuya.
 Tai nghe văng-vẳng bốn bề,
 Gương Nga vằng-vặc soi hè quế lan.
- 5 Thấy trăng, thêm động lòng vàng,
 Ngâm câu vấn Nguyệt mà than mấy lời.
 Hỏi chị Nguyệt mấy lời sau trước :
 « Duyên-cớ sao mà được thảnh-thơi ? »
 Nguyệt rằng : « Vật đời sao dời,
- 10 « Thân này trời để cho người soi chung.
 « Làm cho mỗi một anh-hùng.

- « Ngàn thu sương tuyết, một lòng thanh-quang ».
 Hỏi chị Nguyệt : « Có đường lên trời ?
 « Chốn thiềm-cung (3) phỏng độ bao xa ? »
- 15 Nguyệt rằng : « Ta lại biết ta.
 « Có cây đan-quế (4) ấy là chị em.
 « Anh-hùng thử tới mà xem:
 « Kia gương ngọc-thỏ (5), nọ rèm thủy-tinh ».
 Hỏi chị Nguyệt : « Có tình chăng tá ?
- 20 « Chừ xuân-thu phỏng đã nhường bao ? »
 Nguyệt rằng : « Yếu liễu thơ đào,
 « Càng lên càng tỏ, càng cao càng tròn.
 « Mảnh gương vàng-vặc chẳng mòn,
 « Bao nhiêu tình-đầu là con cái nhà ».
- 25 Hỏi chị Nguyệt : Hằng-Nga mấy tuổi ?
 « Cừ năm năm đến tới lại ra ? »
 Nguyệt rằng : « Ta lại biết ta,
 « Minh minh trường dạ (6), ai mà biết ai ?
 « Vậy nên mở mắt soi đời,
- 30 « Biết nơi nham-hiềm, biết người tà-gian ».
 Nghe Nguyệt nói, lòng càng yêu Nguyệt,
 Biết lòng ta có nguyệt hay chăng ?
 Muốn lên cho tới cung trăng,
 Kết duyên cho được chị Hằng mới tha.
- 35 Một trăng với lại một ta,
 Biết nhau chỉ lúc canh ba điểm thung !
 Nguyệt thông-thả ướm lòng lại hỏi :
 « Cõi trần-gian là cõi làm sao ? »
 Ta rằng : « Thế cuộc chiêm bao,
- 40 « Công-hầu khanh-tướng xôn-xao trong vòng.
 « Tranh nhau chỉ vị hơi đồng,
 « Giết nhau vì miếng đỉnh chung (7) của trời ».
 Nguyệt lại hỏi đến người quân tử.
 Buổi vân-lôi (8), hai chữ kinh-luân (9),
- 45 Ta rằng : « Có đấng thánh-thần.
 « Ra tay dẹp loạn, đem công trị bình.
 « Còn phượng trúc lợi tham danh,
 « Chẳng qua như chuyện minh-linh, du-phù (10) ».

- Nguyệt lại hỏi : « Rừng nho mấy kẻ,
 50 « Rõ ra tay bẻ quế Tràng-an (11)? »
 Ta rằng : « Cá bễ, chim ngàn,
 « Đồi nào chẳng có phượng-hoàng, kinh-nghe (12) ».
 Ta hỏi Nguyệt ngàn-ngơ ngơ-ngần,
 Nguyệt hỏi ta thơ-thần thần-thơ.
 55 Chồi hoa trước gió phất-phơ,
 Hiu-hiu gió thổi, hương đưa ngạt-ngào.
 Canh càng thâm, Nguyệt càng cao,
 Nguyệt ta, ta Nguyệt biết bao nhiêu tình !
 Mấy câu ngâm chốn lữ-đình,
 60 Có ai biết Nguyệt biết mình cho chăng ?

Bản chép khác — Câu 4: . . . trái kẻ . . . — Câu 6: . . . độ ngang với trời. — Câu 20: . . . niên hoa . . . — Câu 26: . . . ngày rằm . . . thì . . . — Câu 30: . . . loài — Câu 31: Thấy . . . — Câu 35: . . . một mình . . . — Câu 36: . . . có . . . từng . . . — Câu 39: Cuộc đời xem tựa . . . — Câu 43: . . . tới . . . — Câu 46: . . . thân . . .

CHÚ-THÍCH.— (1) Thiên quang vân lĩnh 天光雲淨: trời sáng mây tanh. — (2) Lữ đình 旅亭 (lữ: đất khách; đình: nhà): nhà trọ. — (3) Thiềm cung 蟾宮: thiềm là con cóc; thiềm cung là cung trăng vì Hằng-Nga, vợ Hậu-Nghệ, sau khi ăn cắp thuốc tiên của chồng trốn lên cung trăng thì hóa ra con cóc. — (4) Đan quế 丹桂: cây quế đỏ ở cung trăng. Theo tích vua Đường Minh-hoàng lên chơi cung trăng, thấy các nàng tiên múa hát ở dưới bóng cây quế. — (5) Ngọc thỏ 玉兔: chỉ mặt trăng. Theo tích chép trong Kinh Phật: một con thỏ nhân đức, thấy các con thỏ khác đói bèn nhảy vào đồng lửa để làm chả cho đồng loại ăn đỡ đói. Khi các con thỏ kia ăn hết thịt rồi, đức Phật Thích-Ca đem đồng xương còn lại để trên cung trăng. — (6) Minh minh trường dạ 冥冥長夜: đêm dài mờ tối. — (7) Đỉnh chung 鼎鐘: đỉnh là cái vạc có ba chân dùng để nấu ăn; chung là cái chuông; hai thứ đồ dùng của nhà phú quý, bày vạc để ăn và lúc ăn thì rung chuông. Nghĩa rộng là giàu sang — (8) Vân lôi 雲雷: mây và sấm; nghĩa bóng là loạn-lạc. — (9) Kinh luân: xem câu chú-thích số (1) ở Bài 82. (10) Minh linh du phù: 螟蛉蜉蝣 minh linh là một thứ sâu sắc xanh, ăn các lá rau, lớn lên hóa ra bướm du-phù, tức là phù-du: con vờ, một thứ côn trùng nhỏ, sinh ở dưới nước, khi hóa, có cánh bay được, chỉ ít lâu thì chết.

Người ta chỉ nói con phù-du, không bao giờ nói du-phù; ở đây tác giả vì tung vần phải đặt như thế.— (11) *Bể quế Tràng an*: bể cảnh quế ở đất Tràng an (kinh đô) nghĩa bóng là đi thi đỗ.— (12) *Phượng-hoàng, kinh nghê*: 鳳凰鯨鯢: phượng hoàng là một loài linh điều trong tứ linh (phượng là con trống, hoàng là con mái); nghĩa bóng chỉ người tài giỏi. Kinh nghê là loài thú lớn ở bể tức là cá ông voi (kinh là con đực, nghê là con cái): đây chỉ người anh hùng.

BẦN NỮ THÁN 貧女嘆

VÔ - DANH

« Bần nữ thán » là lời than thở của người con gái nghèo. Đại ý nói: mình vốn có tài sắc, nhưng mong sớm lấy được người chồng khá thể mà chỉ vì nỗi nghèo, thành ra duyên-phận lỡ-dang; sau kết lại cái ý bền chí đợi chờ, tất có ngày kỳ-ngộ. Bài này gồm 216 câu.

38.— Chỉ vì nỗi nghèo

- Tưởng-thế sự ai làm nên nỗi,
 Nghĩ càng thêm tức-tối trăm chiều.
 75 Hay là số phận ra sao?
 Xui ra duyên-phận hẩm-hiu thế mà!
 Hay là kém da ngà, mắt phượng?
 Hóa cho nên bướm chán, ong chê.
 Hay là nằng chẳng thương huê?
 80 Đề dầu bông thắm, đề xơ nhị vàng!
 Hay là kém màu gương, nước thủy?
 Hay là thua màu qui, vẻ thanh!
 Hay là thua đẹp, thua xinh?
 Thua son, thua phấn, thua tình, thua duyên?
 85 Vì một nỗi thua tiền, thua bạc,
 Hóa cho nên thua sắc, thua tài.
 So ra, ai đã thua ai:
 Kẻ kia tám lạng, kẻ này nửa cân.
 Vốn đã biết làm thân kẻ khó,
 90 Có dám đầu đánh độ với giàu.
 Rằng thì mang tủi, đeo sầu!
 Nói càng ắp-úng, nghĩ thêm ngại lời (1).

- Xuân xanh kẻ đôi mươi có lẽ,
Quả mai còn ba bảy đương tơ (2).*
- 95 *Kìa như đông-bích lân-gia,
Kẻ đà bốc phượng (3), người đà mộng lan (4).
Cũng mang tiếng hồng-nhan với thế,
Nỡ nào nên ruộng-rẫy chẳng thương,
Bao nhiêu thù dật y-thường,*
- 100 *Vì người ta sửa tư-trang lấy chồng.
Cũng mang tiếng má hồng mặt phấn.
Luống năm năm chực phận phòng không.
Hả rằng hoa chẳng chiều ong,
Cho nên tủi phận thẹn hồng lắm thay!*
- 105 *Bắc thang đến cung mây mà hỏi,
Biết bao giờ phượng tới cảnh ngô (5).
Bao giờ bắc lại cầu ô,
Mà cho ả Chức, chàng Ngưu tới gần (6).*

Bản chép khác.— Câu 91.— *Đành rằng*— Câu 96 — *minh*
bội...

CHÚ-THÍCH.— (1) Hai câu 91-92, trong các bản chúng tôi được coi đề chép như trên cả, nhưng ta nên nhận rằng tiếng «sầu» ở câu trên không ăn vần với tiếng «thêm» ở câu dưới.— (2) *Quả mai còn ba bảy đương tơ*: nghĩa bóng nói về một người con gái đương thì lấy chồng. Lấy chỉ trong *Kinh Thi* (Thơ Xious hữu mai): «Xious hữu mai, kỳ thực thất hề. Cầu ngã thứ-sĩ, đãi kỳ cát hề. Xious hữu mai, kỳ thực tam hề. Cầu ngã thứ-sĩ đãi kỳ kim hề. 標有梅其實七兮. 求我庶士, 逮其吉兮. 標有梅其實三兮. 求我庶士逮其今兮». (Quả mai rụng, mười phần còn bảy phần. Ai người cầu ta, kịp chọn ngày lành đi. Quả mai rụng, mười phần còn có ba. Ai người cầu ta, kịp ngày hôm nay đi) — (3) *Bốc-phượng* 卜鳳: bói chim phượng; nghĩa bóng là tìm được người xứng-đáng để gả chồng cho con gái. Lấy điển trong *Tả-truyện*: Ý-thị xem bói để xem có nên gả con gái cho Kim-Trọng không; vợ đoán quẻ, bảo nên, và trong quẻ có câu: *Phượng-Hoàng vu phi, hòa minh tương tương 鳳鳴于飛, 和鳴鏘鏘*» (Chim phượng trống và chim phượng mái cùng bay, hòa tiếng hát kêu lanh lảnh)— (4) *Mộng lan* 夢蘭: nằm mộng thấy có người cho lan; nghĩa bóng là có mang. Lấy điển trong *Tả-truyện*: người thiếp Trịnh Văn-công nằm mộng thấy thiên sứ cho một khóm lan, rồi sau

sinh ra Trịnh Mục-công.— (5) *Phượng lới cành ngô*: chim phượng đến đậu cành cây ngô đồng; ý nói được người sang trọng đến hỏi mình.— (6) *Câu 107-108*: Hai câu này nhắc đến cái điển Ngưu-lang, Chức-nữ. Chức-nữ (nghĩa đen là người con gái dệt vải), và Ngưu-lang hoặc Khiên-ngưu (nghĩa đen là gã dốt trâu) nguyên là tên hai chòm sao ở trên trời, chòm trên ở phía đông sông Ngân-hà, chòm dưới ở phía tây, mỗi năm chỉ có một lần là ta trông thấy cả được hai chòm. Nhân thế bên Tàu mới có câu chuyện cổ tích này: Chức-nữ vốn là con đực Thiên-đế (vua trên trời), chăm chỉ dệt gấm để may áo cho Trời. Trời thương phải lẻ loi một mình, mới gả cho Ngưu-lang. Nhưng từ khi lấy chồng sinh ra lười biếng, bỏ cả dệt cử. Thiên-đế giận, lại bắt về chỗ cũ ở phía đông sông Ngân-hà và mỗi năm chỉ cho gặp Ngưu-lang có một lần là tối hôm mừng bảy tháng bảy. Đêm ấy, chim ó (quạ) và chim thước (chim khách) bắc cầu qua sông Ngân-hà để cho Chức-nữ sang với Ngưu-lang. Chữ «ngưu» đọc chạnh ra chữ «ngâu» bởi thế ta thường gọi nôm là «ông Ngâu bà Ngâu».

LỤC - SÚC TRANH CÔNG 六畜爭功

VÔ - DANH

«Lục súc tranh công» nghĩa là sáu con vật nuôi trong nhà tranh nhau công-trạng của mình. Sáu con ấy là: trâu, ngựa, chó, dê, gà, và lợn. Trâu thì rằng làm ăn vất vả, có công sinh ra thóc, gạo, ngô, đỗ; chó thì rằng có công coi nhà giữ trộm; ngựa thì rằng có công đem chủ đi quán về quê, đánh đồng dẹp bắc; dê thì rằng có công trong việc tế-lễ; gà thì rằng có công gáy sáng, xem giờ; lợn thì rằng có công trong việc quan, hôn, tang, tế. Sáu con cùng tranh-luận, người chủ phải can-thiệp vào, dàn hòa mới yên. Bài này viết theo thể «nói dối».

34. Trâu kể công trạng mình

Trâu mới nhọc, trâu liền năn-nỉ

Một mình trâu kể nỗi gian-nan:

«Lóng canh gà vừa mới gáy tan,

«Chủ đã gọi thẳng chăn vọi-vã.

«Dạy rằng: Đuổi trâu ra thảo-dã,

«Cho nó ăn ba miếng đỡ lòng.

«Chưa bao lâu thoát đã rạng đông,

«Vừa đến buổi cày bừa bua việc,

«Trước cò đã mang hai cái niệt (1)

« Sau đuôi thêm kéo một cái cày.
 « Miệng đã dằm, mũi lại dòng dầy,
 « Trên lưng ruồi bầu (bu), dưới chân đĩa cấn,
 « Trâu mệt đã thở dài thở vắn.
 « Người còn hăm-hét mắng ngược mắng xuôi,
 « Liệu vừa đứng bóng mới thôi,
 « Đói hòa mệt (2), bước khôn dờn bước.
 « Ai thông thả, trâu nào ben (3) được ?
 « Trâu nhọc-nhàn ai dễ thể cho ?
 « Cày ruộng sâu, ruộng cạn cho no,
 « Lại vườn đậu, vườn mè khiến trở.
 « Làm không kịp thở,
 « Ăn chẳng kịp nhai.
 « Tắm mưa, chải gió chi nài ?
 « Đạp tuyết, giày sương bao sả ?
 « Có trâu, sẵn tầm, tơ, lúa má ;
 « Không trâu, không hoa, quả, đậu, mè.
 « Lúa gặt cắt lên, đã có trâu xe:
 « Lúa chất trữ lại, để dành trâu đạp.
 « Từ tháng giêng cho đến tháng chạp,
 « Kề xuân, hè nhần đến thu, đông,
 « Việc cày bừa công-vụ vừa xong,
 « Lại xe gỗ dằm công liên khổi (4)
 « Bất luận xe rào, xe củi.
 « Nhần đến loài phán, bồi (5) tranh, tre,
 « Hể bao nhiêu nhất thiết của chi,
 « Thì đã phủ mặc trâu chuyên chở,
 « Bao quản núi non hiềm-trở.
 « Chi nài khe suối dằm-dề.

CHÚ-THÍCH.— (1) *Niệt* : dây to buộc ở cổ trâu — (2) *Đói hòa mệt*: (hòa lẫn với) : vừa đói vừa mệt.— (3): *Ben*: bì kịp — (4) *Dằm công liên khổi*: làm việc liên miên không dứt như khổi tuôn lên vậy.— (5) *Bồi* : cỏ rác.

CÁC TÁC - GIẢ

TÁC - GIẢ ĐỜI TRẦN

35.— Vua dụ Vương Tường để gả cho chúa Thuần-vu (1)

*Hán Hồ vẫn muốn vẹn trăm đường,
Hạ trăm riêng tây có phụ nương.
Bắc-quốc (2) tuy rằng ngoài dị-tục,
Vương-đình (3) song cũng một biên-phương.
Ở đây hạnh thắm nên mai nhật,
Về đây sen tàn lỏi cổ hương (4).
Hơn thiệt thôi đừng ai-oán nữa,
Bỏ ngay áo gấm lại hoang lương.*

Bản chép khác.— Câu 3:... vực.— Câu 8: Thỏ... (hoặc): Chờ...

Chú-thích.— (1) Về lai-lịch bài thơ này và bài thơ sau, xem *Phần thứ nhất, Năm thứ nhĩ, Chương thứ II*. Vương Tường là tên Chiêu-quân, cung-nữ vua Hán Nguyên-đế, sau đem gả cho vua nước Hồ. Người nước Hồ gọi vua họ là *Thiên-vu* 天予.— (2) *Bắc quốc*: đây chỉ nước Hồ, ở phía bắc nước Tàu.— (3) *Vương-đình*: đây chỉ chỗ vua Hồ ở.— (4) *Câu 5, 6*: ý nói: ở cung nhà Hán có nhiều người đẹp, nên Vương-Tường không được vua yêu; nhưng sang bên nước Hồ vì không có con gái đẹp thì Vương-Tường sẽ được chiều-chuộng. «Lối 𡵚» là nhô cao lên, trời lên.

36.— Vương-Tường vào báỉ-yết Hán-vương

*Từ nan khôn chối lệnh quân-vương,
Rối-rối thêm đau nỗi đoan-trường.
Khúm-núm khấu đầu ngoài bệ ngọc,
Thẹn-thùng ra mặt trước nhà vàng.
Mặt hoa dưới-dưới chiều đeo tuyết,
Mây liễu rầu rầu dáng ủ sương.*

*Hang thăm phen này xuân nữ phụ,
Lòng qui khôn biết ngóng về dương. (1)*

Chú-thích.—(1) Qui 葵: tên một thứ hoa cứ xoay theo hướng mặt trời. Dương 陽 là mặt trời.

TRINH THỬ 眞鼠

Trần-triều xử-sĩ Hồ Huyền-Qui tiên-sinh soạn
(Xem phần thứ nhất, Năm thứ nhì, Chương thứ VII)

«Trinh thử» nghĩa là con chuột có lòng trinh-tiết. Truyện này là một câu chuyện ngụ-ngôn: tác-giả mượn chuyện của loài chuột để tán-dương cái lòng trinh-tiết và chỉ-trích cái dâm-tà của người đời.

Lược truyện.— Truyện gồm 850 câu; trừ đoạn mở bài và đoạn kết, có thể chia làm ba đoạn như sau:

I.— *Chuột đực quyến-dữ chuột bạch; chuột bạch cự-tuyệt* (câu 11-526).— Một hôm, chuột bạch góa chồng đi kiếm mồi để nuôi con, chợt gặp con chó đuôi, phải chạy vào ẩn trong một cái hang. Không ngờ trong hang có một con chuột đực, nhân lúc chuột cái đi vắng, định bụng quyến-rữ, đem hết thuyết này lý nọ và dẫn các sự-tích xưa để làm xiêu lòng, nhưng chuột bạch nhất định cự-tuyệt, bác lại các lẽ của chuột đực và quyết liều chết để bảo toàn chữ trinh. Chuột đực thấy vậy, phải nói chống chế cho đỡ xấu-hổ.

II.— *Chuột cái về, nổi ghen, rầy-rà chuột đực và sinh sự với chuột bạch* (câu 527-718).— Giữa khi ấy, chuột cái về, ngờ rằng chồng với chuột bạch có tình gian, tỏ ý giận-dữ. Chuột bạch giải bày đầu đuôi để biện bạch lòng trinh-tiết của mình, rồi từ biệt trở về. Nhưng chuột cái không tin, nổi ghen, rầy-rà chuột đực, rồi đến nhà chuột bạch rêu-rao. Đương khi ấy, có con mèo thỉnh-linh đến chuột cái sợ chạy, ngã xuống ao.

III.— *Hồ sinh cứu-vớt và khuyên-nhủ chuột cái* (câu 719-802).— Hồ sinh (người biết tiếng muông chim đã đứng nghe câu chuyện này từ đầu) thấy thế, bèn đuổi mèo đi, vớt chuột cái lên, rồi lấy lời lẽ phải trái nói rõ lòng trinh-tiết của chuột bạch và khuyên-nhủ chuột cái về đạo cư-xử trong gia-đình.

Lời văn.— Lời văn truyện này bình-thường giản-dị mà vẫn chải-chuốt thanh-tao, và có một điều đặc-sắc là dùng được nhiều câu phương-ngôn tục-ngữ một cách rất khéo.

**37.— Chuột đực lấy lời lẽ ngọt ngào
quyến-rũ chuột bạch**

- Nàng nghe chàng nói thấp cao,
50 Nỗi mình mới kể tiêu hao xa gần :
« Thiếp nay ở mái đồng-lân,
« Vì cơ thương-cầu (1) lang-quân tểch ngàn.
« Nỗi lòng khôn xiết thở than,
« Thương chồng lại xót một đàn con thơ.
55 « Ròng-ròng theo nạ (2) sớm trưa,
« Cửa đầu cho được dư thừa miếng ăn.
« Pha-phối chẳng quản nhọc-nhần,
« Chân le chân vịt, nào phân đêm ngày.
« Nghe quan thủ-tướng (3) bên này,
60 « Cửa nhà tráng-lệ của dày bằng non,
« Muốn ăn hết, phải đào giun :
« Pha bờ, xông bụi, nào còn biết e !
« Đêm hôm cũng giận mình đi,
« Sang đây kiếm ít đem về làm lưng.
65 « Ai ngờ gặp đũa gió trắng,
« Cho nên khuất nẻo lạc chừng, khốn thay !»
Chàng nghe nông-nỗi giải bày,
Quyết lòng cầm-sắt một hai đồ dành,
Rằng : « Nàng giải hết chân-tình :
70 « Thương thay phận gái một mình long-đong !
« Đã hay trong đạo vợ chồng,
« Nghĩa sâu tình nặng, há lòng chẳng thương ?
« Kinh quyền (4) đòi lẽ là thường,
« Được nơi tựa ngọc nường vàng thì thôi.
75 « Chẳng lo mẹ góa con côi,
« Sớm khuya loan-phượng no đôi nhường nào,
« Chẳng lo liễu cợt hoa chào,
« Bướm gịn ong giữ làm sao cho tuyền ?
« Vả nàng là gái thuyền-quyên,
80 « Phỏng khi gặp kẻ vô duyên khôn dè.

- « Vi mà dốc tấm lòng quê,
 « Giữ sao cho được trọn bề hương dương (5) ? »
 Nàng nghe ăn nói sỗ-sàng,
 Muôn sầu tâm-tả hai hàng châu chan.
- 85 Cúi đầu thưa nói khoan-khoan :
 « Thiếp như phận liễu gặp cơn gió đoài.
 « Đã thương, mới dám ngỏ lời:
 « Thơ trong sách sử hôm mai ghi lòng.
 « Chử rằng : Tòng nhất nhi chung (6),
- 90 « Gái hiền thờ chỉ một chồng không hai,
 « Cương-thường đạo cả, há chơi !
 « Một niềm hằng giữ mấy lời đình-ninh.
 « Và nay bóng đã xế màn.
- « Dám đâu mà lại gieo mình nữa sao !
- 95 « Mặc ai ong bướm xôn-xao,
 « Mười phần cũng chẳng chuyển-giao một phần,
 « Hạ qua, dám ước lại xuân,
 « Dễ hầu gà luộc mấy lần hay sao ?
 « Phận đành như ả họ Tào (7),
- 100 « Mong sân hòe (8) được thanh-tao là mừng.
 « Bây giờ sầy bước lỡ chừng,
 « Tới đây đã được ơn chường lòng chàng,
 « Đoài thương thân-phận lỡ-làng,
- « Dạy đường phương-tiện, lòng chàng cảm ơn.
- 105 « Tóc-tơ giải hết nguồn cơn,
 « Quyết liễu chịu tốt thờn-bơn một bề.
 « Vu-qui (9) núi chỉ non thề,
 « Tắc lòng đá tạc vàng ghi, dám dời.
 « Ở đời chen cạnh với đời,
- 110 « Kẻo e anh yếm những lời khen chê».

CHÚ-THÍCH.— (1) Thương cầu 蒼狗 : nghĩa đen là chó xanh ; nghĩa bóng là sự biến đổi bất thường. Chử lấy ở hai câu thơ của Đỗ-Phủ : « Thiên thượng phù vân như bạch y, 斯須變幻為蒼狗 » (Trên trời mây nổi như áo trắng, bỗng chốc biến đổi làm chó xanh) hoặc « vân, cầu » (mây, chó, cũng nghĩa ấy.) — (2) Rong rong theo nà:

rồng rồng là cá con, đây chỉ đàn con của chuột bạch ; nà là mẹ.— (3) *Thủ tướng* : trong truyện chép chuột đực ở trong vườn nhà quan thủ tướng Hồ Lý-Lê (có người cho rằng tên sau này ám chỉ Hồ Quý-Ly lúc bấy giờ).— (4) *Kinh quyền* : xem câu chú-thích số (2) ở bài 115.— (5) *Hương dương* 向陽 : theo hướng mặt trời ; nghĩa đen nói về hoa qui xoay theo mặt trời ; đây dùng theo nghĩa bóng để nói về người đàn bà một lòng theo chồng.— (6) *Tổng nhất nhi chung* 從一而終 : theo một chồng cho đến lúc chết.— (7) *Ả họ Tào* : tức là Tào lệnh nữ 曹令女, vợ góa của Tào Văn Thúc, nhất định không chịu cải giá : người ta ép lần đầu, nàng cắt tóc ; ép lần nữa, nàng tự cắt mũi để thủ tiết.— (8) *Sân hóc* : đây chỉ là đàn con.

38.— Hồ-sinh khuyên-răn chuột cái

- Liệu lời Sinh (1) mới dạy cho,*
- 760 *Lấy đường khuyên giải diên-mô (2) mọi lời :*
 «Việc này cơn-cớ vì người ;
 «Liệu về nói rõ, chồng ngươi thời là.
 «Muốn cho yên cửa yên nhà,
 «Chẳng gì hơn ở thuận-hòa cùng nhau,
- 765 *« Dễ ai đội áo qua đầu ?*
 « Sao không nghĩ trước nghĩ sau cho tầy ?
 « Ái ân là nghĩa nặng thay !
 « Vợ chồng há phải một ngày dám quên.
 « Ở đời vô sự là tiên,
- 770 *« Mà đều êm đẹp hơn bên cục-cần.*
 « Chót đà cùng chiếu, cùng chăn.
 « Lẽ nào con nhện mấy lần vương tơ ?
 « Tình sâu như thề nước cờ,
 « Nghĩ cho một phải hai vừa thì thôi.
- 775 *« Chớ loan những sự tranh-phôi.*
 « Bời bèo ra bộ tanh hời cửa nhà.
 « Đàn bà như hạt mưa sa (3) :
 « Gặp sao hay vậy, biết là đâu hơn ?
 « Dầu chồng trăm giận nghìn hờn.
- 780 *« Cũng nên bấm bụng mới răn đỡ-dành.*
 « Một câu nhin chín câu lành,
 « Chớ nghề tạt-đổ (4), cậy mình cậy công,

- « Mới là phải đạo xường tòng.
 « Chiều người lấy việc, chiều chồng lấy con,
 785 « Cơm chẳng lành, canh chẳng ngon,
 « Rành-rành thôi hết khéo khôn đàn bà,
 « Mèo lành ở mả đâu là ?
 « Cửa yêu đâu có bày ra ở ngoài ?
 « Thôi đừng đua sức thi hơi,
 790 « Há rằng ba chốn bốn nơi được nào ?
 « Tránh voi, xấu mặt hay sao ?
 « Hãy xem sira vượt được nào qua đặng ?
 « Làm chi mắt vược mắt lẳng ?
 « Dứt dây, chẳng sợ động rừng kia ru ?
 795 « Thi hơi kèn giải thời thua,
 « Đàn-bà đâu có tranh đua cho đành.
 « Kíp toan cải giữ làm lành,
 « Ất là sum hợp yển anh một nhà,
 « Dịu-dàng phải phép đàn-bà,
 800 « Chẳng thời chua xót lệ xa dòng-dòng.»

Chú-thích — (1) *Sinh* : tức là Hồ Sinh, người đã được nghe và chép lại câu chuyện «Trình thử» này.— (2) *Điền mô* 典模 : phép tắc.— (3) *Ca-dao* ta có câu : «Đàn bà như hạt mưa sa. Hạt vào góc lía, hạt ra ruộng cày (hoặc) : Hạt rơi xuống giếng, hạt ra ngoài đồng».— (4) *Tật đồ* 嫉妬 : ghen ghét.

39.— Tặng Nguyễn Biểu

TRẦN-ĐẾ QUÍ-KHOÁCH 陳帝李擴

Mấy vần thơ cũ ngợi hoàng-hoa,
 Trịnh-trọng rày nhân dựng khúc ca.
 Chiều phượng mười hàng tơ cấn-kẽ,
 Vó câu ngàn dặm tuyết xông-pha.
 Tang bồng (2) đã bấm lòng khi trẻ,
 Khương quế (3) thêm cay tính tuổi già.
 Việc nước một vai công ngõ vện,
 Góc lân (4) danh tiếng dội lâu xa.

Bản chép khác.— Câu 2 : Trần... nay... mở... — Câu 3 : ... vài... Câu 8... dội gần.

Chú-thích.— (1) Về lai-lịch bài thơ này và bài sau, xem *Phần thứ nhất, năm thứ nhì, chương thứ VIII.*— (2) *Tang bồng*: tức là tang bồng hồ thi 桑蓬孤矢, cái cung làm bằng gỗ dâu và cái tên làm bằng cỏ bồng. Theo *Kinh Lễ*, khi nhà vua sinh con trai cả thì sai người lấy một cái cung bằng gỗ dâu và sáu cái tên bằng cỏ bồng bắn trên trời, dưới đất và ra bốn phương. Làm như thế là có ý mong cho người con trai sau này có chí vẫy-vùng trong khoảng trời đất bốn phương. Các nhà làm thơ văn thường dùng những chữ «tang bồng», «hồ thi», «cung tên» để chỉ cái công việc của người con trai phải gánh vác ở trên đời hoặc cái chí lập nên công-danh sự-nghiệp.— *Khương quế* 薑桂: gừng và quế.— (4) *Gác lân*: tức là Kỳ-lân các, tên một cái gác do vua Hán Tuyên-đế sai làm, trong vẽ tượng mười một người công-thần.

40.— Bài họa lại NGUYỄN BIỂU 阮表

Tiếng ngọc từ vầng trước bệ hoa,
Ngóng tai đồng-vọng thuở thi ca.
Đường mây vó kỷ lần lần trái,
Ái tuyết cờ mao thức thức pha.
Há một cung tên lòng chỉ trẻ,
Bội mười vàng sắt đức gan già,
Hổ mình vả thiếu tài chuyên đối,
Dịch-lộ ba ngàn dám ngại xa,

NGUYỄN TRÃI 阮薦 (1380-1442)

(Xem *Tiêu-truyện* của tác-giả ở *Phần thứ nhất, Năm thứ nhì, Chương thứ sáu*)

GIA-HUẤN CA 家訓歌

(Xem *phần thứ nhất, Năm thứ nhì, Chương thứ sáu*).

41.— Phép dạy con

- 221 Ngày con đã biết chơi, biết chạy,
Đừng cho chơi cầm gậy, trèo cao,
Đừng cho chơi búa, chơi dao,
Chơi vôi, chơi lửa, chơi ao, có ngày...
225 Lau cho sạch, không hay dầm nước;
Ăn cho vừa, đừng ước cao lương (1).

- Mùa đông, tháng hạ, thích-thường (2).
 Đứng ôm-ấp quá, đứng suồng-sã con.
 Dạy từ thuở hãy còn trỉng nước :
 230 Yêu cho đôn (3), bắt chước lấy người.
 Trình, thừa, vàng, dạ, đứng, ngồi ;
 Gái trong kim chỉ, trai ngoài bút nghiên.
 Gắn mực đen, gần đèn thì sáng ;
 Ở bầu tròn, ở ống thì dài.
 235 Lạ gì con có giống ai :
 Phúc-đức tại mẫu (4) là lời thế-gian.
 Làm mẹ chớ ẵm càn, ở dũ ;
 Với con đừng chửi rửa quá lời.
 Hay chỉ thô-tục những người :
 240 Hôm nay cụ cụ, ngày mai bà bà.
 Gieo tiếng ra, gậy cây gậy cối (5) ;
 Mở miệng, nào có ngon có ngành (6) ;
 Đến tai bụi cũng không lành,
 Chồng con khinh-dễ thế tình mĩa-mai.
 245 Ấy những thói trên đời ngoa đại,
 Khôn thời chừa mới phải đứng người.
 Sinh con thời dạy thời nuôi,
 Biết câu phải trái, lựa lời khuyên răn.
 (Bài ca dạy vợ con)

Chú thích.— (1) Cao-lương 膏粱 : cao là thịt béo, lương là gạo ngon : nói chung về đồ ăn ngon và quý.— (2) Thích-thường 通常 : hợp với mực thường : vừa phải.— (3) Yêu cho đôn : tục ngữ có câu : « Yêu cho vọt, ghét cho chơi ».— (4) Phúc đức tại mẫu 福德在母 : phúc đức ở mẹ ; ý nói : người mẹ mà nhân-tử và có đức-độ thì người con cũng bắt chước.— (5) Gậy cây gậy cối : ý nói lời nói nặng-nề, hung-tợn.— (6) Có ngon có ngành : ý nói thâm độc.

42.— Việc nội-trợ

- 50 Bề nội-trợ việc trong xem xét,
 Siêng-năng thời trăm việc đều nên.
 Chớ khoe-khoang lắm thóc nhiều tiền,
 Ngồi ăn mãi, non mòn, núi lở.
 Việc nhà có kẻ ăn, người ở,
 Từ trong ngoài nhủ bảo trước sau.

- 55 *Đồ làm ăn ngày đề đầu đầu,
Ban tối phải thu về cho đủ,
Trống canh một chờ đà vội ngủ;
Siêng-năng thường chăm chủ việc ta.
Lũ nô-tì trai gái năm ba,*
- 60 *Cơm chưa chín, không cho khua xáo.
Đĩa xay thóc, đĩa thời giã gạo,
Đĩa bếp thời chủ việc dọn cơm.
Ăn đoạn rồi, cho chúng nghỉ-ngơi,
Đền ta sẽ soi trong bếp lại.*
- 65 *Đừng tin trẻ tôi-đòi thơ đại;
Lời dạy rằng : « Giữ lửa chẳng chơi ».
Cho hay đại phú bởi trời,
Nhưng mà ở thế thì người hết chê.
Cầm then khóa, giữ đường thu phát,*
- 70 *Chắt-chiu mà dè-dặt mới nên.
Coi-sóc từ hạt gạo, đồng tiền,
Đừng cậy có, ăn cùn tiêu giờ.
Bữa thường phải xem cho con ở.
Cũng đừng thừa, chớ thiếu làm chi.*
- 75 *Kẻ tân-bằng (1) đến một đôi khi,
Đồ thết-đãi xem cho tử-tế,
Trong nhà phải bảo nhau có ý :
Đừng chửi mèο mắng chó mà quê.
Trong anh em, thiên tài nhất thì (2),*
- 80 *Sang vì vợ nhưng giàu vì bạn.
Chiều rộng hẹp, tùy cơ ứng biến ;
Đạo tri gia (3) đãi khách khác màu.
Trần-trần một mực, nên đâu !
Phò loài bồ-các (4) biết đâu nhẽ gì !*

(Bài ca dạy con gái phải ở cho có đức hạnh)

CHÚ-THÍCH.— (1) Tân-bằng 賓朋 : khách-khứa bạn-bè.— (2) Thiên tài nhất thì 千載一時 : nghìn năm một lúc; ý nói : thuỳnh-thoảng mới có một lần.— (3) Tri gia 持家 : (tri : cầm, giữ) : giữ - gìn gia - đạo cho khỏi suy.— (4) Bồ các : một loài chim, lông đen có đốm trắng ở ngực.

LÊ THÁNH-TÔN 黎聖宗 (1442-1491)

(Xem tiểu-truyện của tác-giả ở Phần thứ nhất, Năm thứ nhất, Chương X).

43. — Người ăn mày

Chẳng phải ăn đong, chẳng phải vay,
 Khắp hòa thiên-hạ đến ăn mày.
 Hạt châu, chứa cất trao ngang mặt;
 Bệ ngọc, tôi từng đứng lượm tay.
 Nam, bắc, đông tây đều tời cửa;
 Trẻ, già, lớn, bé, cũng xưng thầy,
 Đến đâu, dẹp hết loài muông cầu (1),
 Thu cả kiền khôn (2) một túi đầy.

Bản chép khác. — Câu 2: *Lộc trời để lại được...* — Câu 3: *... trao ngang miệng (hoặc) ... cao ngang mặt* — Câu 4: *... chấp tay.* — Câu 5: *... đến* — Câu 6: *... trai gái ... triềng ...* Câu 7: *... sẵn có lâu đài đầy* — Câu 8: *Bốn bề thu về...*

CHÚ-THÍCH. — (1) *Muông cầu* (muông: loài thú; cầu chó): loài chó. — (2) *Kiền khôn* 乾坤: tên hai quẻ trong bát quái, quẻ kiền (hoặc càn) chỉ tượng trời, quẻ khôn chỉ tượng đất; nói chung về trời đất.

44. — Con chó đá

Quyền trọng ơn trên trần cõi ngoài,
 Cửa nghiêm chem-chẻm một mình ngồi.
 Quán bao xương tuyết nào chi kể,
 Khéo giữ cao lương (1) cũng chẳng nài.
 Mặc khách thị-phi giương tráo mắt,
 Những lời trần-tục biểng vào tai.
 Một lòng thờ chúa, nghìn cân nặng (2),
 Bền vững ai lay cũng chẳng dời.

CHÚ-THÍCH. — (1) *Cao lương*: xem câu chú-thích số (1) ở Bài 45. — (2) *Nghìn cân nặng*: ý nói coi cái nghĩa-vụ của mình làm nặng, làm trọng mà dốc lòng vào đấy.

THƠ NÔM ĐỜI HỒNG-ĐỨC (1470-1497)

Bốn bài thơ sau đây là trích ở *Hồng-đức quốc-âm thi tập*. Về tập này xem *Phần thứ nhất, Năm thứ nhì, Chương thứ VIII*.

45.— Nguyệt

Khuôn cả trao nên khéo hữu tình,
 Hòa cao, hòa sáng, lại hòa thanh.
 Gương giơ vằng-vặc soi muôn dặm,
 Bóng tỏ lâu-lâu suốt mấy canh.
 Ông nọ vì đâu se chỉ đỏ,
 Nàng nào chơi đấy trái mây xanh.
 Ngắm xem khi-tượng hình-dung ấy,
 Chợt lộ ra, thời nhặt chúng tình.

(Hồng-đức quốc-âm thi tập)

46.— Canh một

Đứng-đỉnh trời vừa mọc đầu-tinh,
 Ban khi trống một mới thâu canh.
 Đầu nhà khói tỏa lồng sương bạc,
 Sườn núi chim gù ần lá xanh.
 Tuần điểm kia ai khua mõ cá,
 Dâng hương nọ kẻ nện chày kinh.
 Nhà nam, nhà bắc đều no mặt,
 Lừng-lẫy cùng ca khúc thái-bình.

(Hồng-đức quốc-âm thi tập)

47.— Hạ thử (1)

Cũng thời đất chở, cũng trời che,
 Nồng-nã làm chi mấy, hời hê !
 Khắc-khoải đã đau lòng cái cuộc,
 Băn-khoăn thêm tức cật con ve.
 Người nằm trường vóc mồ-hôi mướt,
 Kẻ hái rau tần nước bọt se.
 Nào khúc Nam-huân (2) sao chữa gầy,
 Chẳng thương bồ-liễu (3) phận le-te.

(Hồng-đức bước-âm thi tập)

Bản chép khác.— Câu 2 : Nồng nầy... (hoặc): ...thề ...—

Câu 4 : ... ngực ... — Câu 5 : ... gấm ... chũ — Câu 7 : ... sao
 biếng gầy (hoặc) : ... ai biếng gầy.

CHÚ-THÍCH.— (1) *Hạ thử* 夏暑 : nắng mùa hè.— (2) *Nam-huân* 南薰 : gió phương Nam ấm. Chữ lấy trong khúc *Nam-phong ca* của vua Ngu-Thuấn: «Nam-phong chí huân hè, Khả dĩ giải ngô dân chi uẩn hè. Nam-phong chí thời hè, Khả dĩ phụ ngô dân chi tài hè. 南風之薰兮, 可以解吾民之愠兮. 南風之時兮, 可以阜吾民之財兮». (Gió phương Nam ấm chừ ! Có thể giải được nỗi giận của dân ta. Gió phương Nam thuận chừ ! Có thể thêm được của cải cho dân ta).— (3) *Bồ-liễu* 蒲柳 : Tên một loài cây, tức là thủy-dương. Trong các loài cây thì cây bồ-liễu chóng rụng lá hơn cả, nên thường dùng để ví với người thể chất yếu đuối như người đàn bà.

48.— Lãng mẫu tổng sứ-giả (1)

*Đình phò đằng-đẳng ngựa dừng chân,
Nỗi mẹ con, rày gửi sứ-quân.
Nhờ Hán, lòng còn son một tấm,
Thương Lãng, đầu đã bạc mười phân.
Niềm trung hiếu, khôn hai vẹn,
Hội công-danh, dễ mấy lần.
Mình thiếp già này bao nữ tiếc,
Về thời khuyên nó nghĩa quân-thần.
(*Hồng-dức quốc-âm thi tập*)*

CHÚ-THÍCH — (1) *Lãng mẫu tổng sứ-giả* : mẹ Vương-Lãng tiền sứ-giả. Việc chép trong *Hán-sử* : Vương-Lãng là người có tài giỏi đi theo vua Hán-Cao tổ. Hạng-Vũ thấy thế, bắt mẹ Lãng giam. Khi sứ-giả của Lãng đến, Hạng-Vũ bắt mẹ Lãng dụ Lãng về với mình. Bà Mẹ lúc tiền sứ-giả ra một mình, nhờ sứ-giả dặn Lãng cứ một lòng thờ Hán-Vương, rồi bà tự đâm chết.

NGÔ CHI LAN 吳芝蘭

Theo sách *Toàn-Việt thi lục*, bà người làng Phù-lỗ (nay thuộc huyện Kim-anh, Phúc-yên), vợ ông Phù-Thúc-Hoành (người làng Phù-xá cũng thuộc huyện ấy, làm quan đến chức Đông-các đại-học-sĩ), thiên-tư thông minh, có tài văn-chương, được vua Lê Thánh-Tôn (1460-1497) phong làm Phù-gia nữ-học-sĩ dạy các cung-nữ học.

46.— Thơ tứ thời

Mùa xuân

*Khi trời ấm-áp đượm hơi dương,
Thấp-thoáng lâu đài vẽ ác vàng (1).
Rèm liễu liu lo oanh hót gió,
Giậu hoa phấp-phới bướm chầm hương.*

Mùa hạ

*Gió bay bông lựu đỏ tươi-bời,
Tựa gốc cây đu đứng nhớn chơi.
Oanh nọ tiếc xuân còn vỗ cánh,
Èn kia nhớ cảnh cũng gào hơi.*

Mùa thu

*Gió vàng (2) hiu-hắt cảnh tiêu-sơ,
Lẻ-tẻ bên trời bóng nhận thưa.
Giếng ngọc sen tàn bông hết thắm,
Rừng phong (3) lá rụng tiếng như mưa.*

Mùa đông

*Lò sưởi bên mình ngọn lửa hồng,
Giải buồn chén rượu lúc sâu đông.
Tuyết đưa hơi lạnh xông rèm cửa,
Gió phầy mưa băng giải mặt sông.*

CHÚ-THÍCH: (1) *Ác vàng* (ác là con quạ) dịch chữ «kim ô 金烏» chỉ mặt trời. — (2) *Gió vàng*: dịch chữ «kim phong 金風» chỉ gió mùa thu, vì mùa thu thuộc hành Kim. — (3) *Phong* 楓: một thứ cây, thân cao hai ba trượng lá hình bàn tay rẽ ra làm ba, đến mùa thu thì đỏ; đáng đẹp, mùa xuân nở hoa hợp thành chùm như quả cầu tròn.

NGUYỄN HĂNG 阮 沆

(Xem Tiêu truyện ở phần thứ nhất. Năm thứ nhì, trang 248, Lời chú (10))

50.— Vui cảnh ần-dật

Khi thì: Cầm quạt lá phất-phơ, quây túi thơ xốc-xếch.

Lẻo-đẻo thẳng hể mọn, trước ngàn mai thơ-thần đứng chờ;
lềnh-khềnh vô lừa gầy, bên cầu trúc dần-dà sẽ tểch.

Hem-hẻm đường mây lần bước, đứng nhìn non gió thổi hiu-hiu;
phây phây sườn núi rủ đầu, ngồi xem ác bóng tà chềch-chềch.

Giắt giỏ hái rau thung quế, đung-đỉnh nách mang; treo bầu
chắt nước suối khe, thanh-thời tay xách.

Quét am tiên, sớm đề luyện đan; tựa tòa đá, hôm rầu xem sách.

Cầm lậu (1) canh an-dật (2) đánh-hanh rừng giống điểu chim (3), vỗ khúc nhạc ưu-du (4), đồng-vọng ao khua trống ếch (5).

Nương gậy tre, khua nhịp gỗ, thuở hưng nhàn đứng - đỉnh, ngồi bên khe dịp miệng hát ngao, giải chiếu lá, ngả giường song, khi hóng mát la-đà, về dưới cửa vắng chân nằm địch.

Tỉnh dăng dễ say mùi đạo, gối quyền vàng êm giấc ngáy o-o; minh an xảy tỉnh niềm trần, chỉ mây bạc vỗ tay cười khách khách.

Nghiệm thuở lá tàn, nhị nở; biết tuế thời sớm muộn, diêm suy giáp tý (6) lân-la; xem tuần én tới nhận về, dòm khí-hậu đổi thay, vui dạ hỏi đương xuân thóc-mách.

Cỏ cây thương vi nét lãn-dung (7), nước non thấu thừa lòng thanh-bạch.

Nghiệm một phút điều bay cá nhẩy, mới hay lý ngụ huyền-vi (8); thấy đôi vừng thổ lặn ác tà, biết thuở cơ thường biến dịch (9).

Phương (10) nhân nghĩa đề hòa dưỡng tính (11) báu nhi-tôn ráp hầy nặng chìm (12); chữ thanh-nhàn lộ phải mua ai, tiền mẫu-tử (13) túi đầy xóc-xách.

(Trích ở bài Tịch cư ninh thề phú).

CHÚ-THÍCH.—(1) *Lậu*: 漏 rõ giọt; đây là nói về cái đồng-hồ ngày xưa làm bằng một cái bình trong đựng nước, dưới có lỗ nhỏ, nước rõ dần ra, xem mực nước biết được thời, khắc. —(2) *An dật* 安逸: yên-ôn, nhàn-rỗi. —(3) *Rừng giống điểu chim* (điểu 刁: đồ bằng đồng, dùng để cầm canh trong trại quân): tiếng chim kêu trong rừng giống-giả như tiếng điểu. —(4) *Ưu-du* 優遊: giọng chơi. —(5) *Ao khua trống ếch*: ếch ở dưới ao kêu như khua trống. —(6) *Giáp, tý* 甲子: hai chữ đầu ở hàng can và hàng chi dùng để chỉ năm, tháng, ngày. —(7) *Lãn dung* (lãn 懶: lười; dung 容: dáng-dấp, hình-dung): lười sự trang-diêm hình dung. —(8) *Lý ngụ huyền-vi*: ngụ một cái nghĩa-lý mẫu-nhiệm, sâu-xa. —(9) *Cơ thường*

biến-dịch: cái máy trời thường thay đổi.— (10) *Phương*: đây là phương thuốc, bài thuốc.— (11) *Dưỡng tính*: 養性: nuôi lấy cái thiên-tính.— (12) *Báu nhi-tôn tráp hũy nặng chìm* (báu: của báu; nhi-tôn: con cháu); theo câu Lưu-Hương nói: «Nhân di tử kim mãn doanh, bất nhược ngã di tử nhất kinh 人遺子金滿贏, 不若我遺子一經.» (Người ta để cho con đầy tráp vàng không bằng ta để cho con một quyển sách) — (13) *Tiền mẫu-tử* (mẫu: mẹ; tử: con); tiền mẹ và tiền con, tức là tiền vốn và tiền lãi.

NGUYỄN BÌNH - KHIÊM 阮東謙 (1491 - 1585)

Xem *Tiểu-truyện tác-giả ở Phần thứ nhất, Năm thứ nhì, chương thứ VIII* (trang 283).

51.— Vui cảnh nhàn

Lộ là thành-thị, lộ lâm toàn,
Được thú thì hơn, miễn phận nhàn.
Vụng, bất tài nên kém bạn;
Già, vô sự ấy là tiên.
Đồ-thư một quyển nhà làm của,
Phong-nguyệt năm hồ khách nổi thuyền.
Dù nhẩn chê khen, dù miệng thế,
Cơ màu tạo-hóa mặc tự-nhiên.

(Bạch-vân quốc-ngữ thi)

52.— Cảnh nhàn lúc tuổi già

Tóc đã thưa, răng đã mòn;
Việc nhà đã phó mặc dâu con.
Bàn cờ, cuộc rờu, vầy hoa trúc;
Bó củi, cần câu, chốn nước non.
Nhàn được thú vui hay bao nả (1);
Bữa nhiều muối bể chứa tươi ngon.
Chín mươi thời kể xuân đã muộn;
Xuân ấy qua, thì xuân khác còn.

(Bạch-vân quốc-ngữ thi)

CHÚ-THÍCH.— (1) *Bao nả*: không biết chừng nào.

53.— Nhân-tình thế-thái

Thế gian biến cải vũng nên đồi ;
 Mặn, nhạt, chua cay, lẫn ngọt bùi.
 Còn bạc, còn tiền, còn đệ tử ;
 Hết cơm, hết rượu, hết ông tôi.
 Xưa nay đều trọng người chân-thực ;
 Ai nấy nào ưa kẻ đãi-bôi.
 Ở thế, mới hay người bạc ác :
 Giàu thì tìm đến, khó tìm lui.

(Bạch-vân quốc-ngữ thi)

Bản chép khác.—Câu 4 ...gao ... — Câu 8: Sang ...**54.— Dĩ hòa vi quý**

Ở thế, đừng tranh tiếng trượng phu,
 Làm chi cho có sự đôi-co.
 Đầy cày đầy khôn, đầy chẳng nhịn ;
 Đầy rằng đầy phải, đầy không thua.
 Duật nọ hãy còn đưa đến bạng (1),
 Lươn kia hầu dễ kém chi cò.
 Chử rằng : «nhân dĩ hòa vi quý»,
 Vô sự thì hơn, kẻ phải lo.

(Bạch-vân quốc-ngữ thi)

Bản chép khác.— Câu 4 : ... chớ với ...

CHÚ-THÍCH.— (1) Câu 5: Duật là con dễ giun ; bạng là con trai. Câu này nhắc đến câu chuyện chép khác trong *Chiến-quốc sách*: Một con trai đang há miệng phơi mình ; con dễ mồm vào thịt trai ; trai liền ngậm miệng cặp chặt lấy mồm dễ. Hai con cứ thế găng nhau ; bỗng có người đánh cá, trông thấy, bắt cả hai con. Bởi câu chuyện này chử nho mới cho câu: «Bạng duật tương trì, ngư ông đắc lợi 蚌鹬相持, 渔翁得利». «Trai và dễ cặp lấy nhau, thành ra ông lão đánh cá được lợi». Có bản viết «qua nọ» có lẽ sai.

55.— Mùa thu đi chơi thuyền

Nước xuôi, nước ngược, sóng dâng triều ;
 Thuyền khách chơi thu, nọ phải diu.
 Chèo vượt bóng trăng nhân lúc hừng ;
 Buồm giương ngọn gió mặc cơn siêu.

Phơ-phơ đầu bạc ông câu cá,
 Leo-lẻo dòng xanh con mắt mèo.
 Le vọt cùng ta như có ý,
 Đến đâu thời cũng thấy đi theo.

(Bạch-vân quốc-ngữ thi)

ĐOÀN THỊ ĐIỂM 段民點

(Xem Tiểu-truyện ở Phần thứ Nhất, Năm thứ nhì, Chương thứ IX, lời chú (20).

CHINH-PHỤ NGÂM 征婦吟

(Xem Phần thứ Nhất, Năm thứ nhì, Chương thứ X).

56.— Nỗi khó nhọc, nguy-hiểm của người chồng

- 65 Chàng từ đi vào nơi gió cát,
 Đêm trắng này, nghỉ mắt phương nao ?
 Xưa nay chiến-địa nhường bao ,
 Nội không muôn dậm xiết bao dài-dầu !
 Hơi gió lạnh, người rầu mặt dạn;
 70 Dòng nước sâu, ngựa nản chân bon.
 Ôm yên, gối trống đã chồn;
 Nằm vùng cát trắng, ngủ cồn rêu xanh.
 Nay Hán xuống Bạch-thành (1) đóng lại,
 Mai Hồ vào Thanh-hải (2) dòm qua.
 75 Hình khe, thế núi gần xa,
 Đứt thoi lại nối, thấp đà lại cao.
 Sương đầu núi buổi chiều như giội,
 Nước lòng khe nẻo suối còn sâu.
 Nào người áo giáp bấy lâu,
 80 Lòng quê (3) qua đó mặt sầu chẳng khuây.
 Trên trường gấm (4) thẩu hay chẳng nhẽ !
 Mặt chinh-phu ai vẽ chơ nhen ?
 Tưởng chàng giông-ruồi mấy niên,
 Chẳng nơi Hãn-hải (5) thì miền Tiêu-quan (6),

- 85 Đã trắc-trở đòi ngàn xà hồ,
Lại lạnh-lùng những chỗ sương phong;
Lên cao trông thức mây lồng,
Lòng nào là chẳng động lòng bi-thương?
Chàng từ sang đông-nam khơi nẻo,
- 99 Biết rằng chàng tiến-thảo (7) nơi đâu.
Những người chinh-chiến bấy lâu,
Nhẹ xem tinh-mệnh như màu cỏ cây.
Nức hơi lạnh, ơn dày từ trước (8);
Trải chốn nghèo (9) tuổi được bao nhiêu?
- 95 Non kỳ (10) mộ-chỉ (11) trắng treo,
Bến Phi (12) gió thổi diu-hiu mấy gò (13).
Hồn tử-sĩ gió ù-ù thổi.
Mặt chinh-phu trắng dôi-dôi soi,
Chinh-phu, tử-sĩ mấy người.
- 100 Nào ai mặc mặt (14), nào ai gọi hồn?
Dấu binh lửa nước non như cũ,
Kẻ hành-nhân qua đó chạnh thương.
Phận trai, già ruồi chiến trường,
Chàng Siêu (15) mái tóc điểm sương mới về.
- 105 Tưởng chàng trải nhiều bề nắng-nỏ,
Ba thước gươm, một cỗ nhung-yên.
Xông-pha gió bãi, trắng ngàn,
Tên reo đầu ngựa, giáo lan mặt thành. (16)
Áng công-danh trăm đường rộn-rã.
- 110 Những nhọc-nhân nào đã nghỉ-ngoi,
Nỗi lòng biết ngỏ cùng ai?
Thiếp trong cánh cửa, chàng ngoài chân mây.

Bản chép khác.— Câu 80: rầu.— Câu 82: Dạng...— Câu 89: Từ trầy... ngắt.— Câu 90: ... rầy... Câu 95: quanh côi... Câu 104: ... tóc đã...— Câu 106: ... bộ...— Câu 108... treo... pháo ran...

CHÚ-THÍCH.— (10) Bạch thành: tức là Bạch-đăng thành 白登城 ở tỉnh Sơn-tây nước Tàu, vua Hán Cao - tổ bị quân Hung - nô vây ở đây.— (2) Thanh-hải 青海: tên đất, ở phía tây tỉnh Cam-túc nước Tàu, rợ Hồ

NGUYỄN CƯ - TRINH 阮居貞 (1716 - 1767)

(Xem Tiểu-truyện phần thứ nhất, Năm thứ nhì, Chương thứ IX,
Lời chú (17.)

58.— Sãi vãi (trích một đoạn)

(Xem Phần thứ nhất, Năm thứ nhì, Chương thứ X § D)

VÃI RẰNG.— . . . Sãi thấy vãi tu có một mình ; sãi tưởng vãi không thông thế-sự. Đã hay rằng nam-tử thì có chí kinh luân (1) : song-le đấng phụ-nhân cũng có tài tế-thể (2). Kìa như Chu Thái-tự (3), kinh còn khen đức sáng (a) khuê-môn ; nọ như Tống Tuyên-nhân (4), sử còn ngợi nữ-trung Nghiêu, Thuấn (5). Gái như Tạ Đạo-Uần (6), Gái mà hay vịnh tuyết thành (b) thơ ; gái như Thái Văn-Cơ (7), gái mà biết phân (c) cầm nèn khúc. Chương gián chúa khỏi vòng (d) dật-dục, ấy là (e) Đường Từ-Huệ thứ-phi (8) ; thư (f) cứu cha khỏi chốn tai-nguy, nọ như (g) Hán Đề-Oanh (9) thiếu-nữ. Nam-tử nhiều trang nam-tử, phụ-nhân ghê đấng phụ-nhân. Thuyền bách trôi nghìn dặm hãy mệnh-mệnh (h), sách Hán đề muôn đời còn (i) vặc-vặc. Gái mà có tài có sắc, gái mà có đức có công. Thuyền-quyền đâu dễ kém anh-hùng ? Ông sãi chớ (j) phụ chi mụ vãi !

SÃI RẰNG.— Rất phải, rất phải ; mừng thay, mừng thay ! Khát hạn lương trông mây ; ôm cầm đu (k) gặp khách. Chẳng gió cả sao hay cây cứng (l) ; không đường dài nào biết ngựa hay ? Vây thời sãi vén mây mù, phát (m) chông gai ; dặng cho vãi thấy trời xanh, tìm đường cả.

Thiếu chi điều lạ ; hết mấy chuyện kỳ (n)... Sãi muốn nói một chuyện xa xa cho vãi biết, trong kinh chép đã nèn xe, sãi muốn nói một chuyện gần gần cho vãi (o) nghe, trong sử chép đã nèn đồng. Chuyện Hán, chuyện Đường, chuyện Tống, chuyện Thương, chuyện Hạ, chuyện Châu. Chuyện phụ-tử làm đầu ; chuyện quân thần rất hệ. Sãi muốn nói một chuyện « Quân sử thần dĩ lễ » (1), sãi lại e Trần Vê (p) (11) phiền lòng ; sãi muốn nói một chuyện « Thần sự quân dĩ trung » (12) sãi lại sợ Mãng, Tào (13) sinh (q) oán. Sãi

muốn nói một chuyện « Vi phụ chỉ ư từ » (14) cho vãi hăn, sãi lại e ông Cồ-Tầu (15) la ngầy ; sãi muốn nói một chuyện « Vi tử chỉ ư hiếu » (16) cho vãi hay, sãi lại sợ Tùy-Dương (17) chê ngộ. Sãi muốn nói một chuyện « Vi nhân bất phú » (18), sãi lại e Nhan-tử (19) mắng rằng : ai mượn nhay (r) miệng mà tiến ợn ? Sãi muốn nói một chuyện « Vi phú bất nhân » (20), sãi lại sợ Thạch-Sùng (21) trách rằng : sao khéo thối lòng mà tìm vết ? Sãi muốn nói một chuyện « Tài tụ tắc dân tán » (22) cho vãi biết, thì Thương (23) làm sao mất phải bày ; sãi muốn nói một chuyện « Tài tán tắc dân tụ » (24) cho vãi hay, thì Chu (25) làm sao hưng phải thuyết.

Bản chép khác.— (a) rạng.— (b) nên.— (c) ngăm.— (d) mưu cừu... nơi.— (e) chẳng là.— (f) chước.— (g) chẳng là.— (h) thừa... nhân-nhân (i) còn... năm.— (j) nữ.— (k) mà.— (l) cây cứng... búa sắc.— (m) rẽ.— (n) Hiếm... chuyện... điều ghê.— (o) lắm... cổ du... mà.— (p) Tần, Sở.— (q) gây.— (r) khiến mở.

CHÚ-THÍCH.— (1) Kinh luận : xem câu chú-thích số (1) ở Bài 86.— (2) Tế thế 濟世 : giúp đời.— (3) Chu Thái-tư 周太師 : vợ vua Văn-vương nhà Chu bên Tàu. (4) Tống Tuyên-nhân 宋宣仁 : tức là Tuyên nhân hoàng-hậu, vợ vua Tống Anh-tôn (1064-1067). Khi vua Thần-tôn mất, vua Triết-tôn còn nhỏ, bà nhiếp chính, truất đảng Vương An-Thạch dùng Tư-Mã-Quang, bỏ tàn pháp, người đương thời khen bà là « nữ trung Nghiêu, Thuấn ».— (5) Nữ trung Nghiêu, Thuấn 女中堯舜 : vua Nghiêu, vua Thuấn (hai bậc thánh quân ở đời thượng cổ bên Tàu) trong phái đàn bà.— (6) Tạ-Đạo-Uần 謝道韞 : vợ Vương Ngung-Chi đời Tấn, thông-minh, có tài thơ văn.— (7) Thái Văn-Cơ 蔡文姬 : người đời Hậu-Hán sớm tinh âm-nhạc : mới lên sáu tuổi, ban đêm nghe cha gảy đàn, một sợi dây đàn đứt, biết ngay là sợi nào ; cha lại cố ý đánh đứt một dây nữa, hỏi nàng cũng nói trúng.— (8) Tư-Huệ 徐惠 : người đời Đường, con gái Tư Hiếu-Đức, lên tám tuổi đã biết làm thơ, được triệu vào làm tài nhân trong cung vua Đường Thái-Tôn. Một lần, vua vờ, nàng không đến, vua giận. Nàng dâng bài thơ rằng : « Triều lai làm kính đài, Trang bãi độc bồi hồi. Thiên kim mãi nhất tiểu, Nhất triều khởi năng lai. 朝來臨鏡臺，粧罷獨徘徊。千金貴一笑，一召豈能來 » (Buổi sớm đến chỗ đài gương ; trang-diềm xong, một mình bồi-hồi. Nghìn

vàng mua một nụ cười, một lần vời há có thể lại?) Vua bèn tha tội cho.— (9) *Đề Oanh*: người đời Hán; cha nàng phải khép án tử hình, nàng dâng thư lên tâu vua Văn-đế, xin chuộc tội cho cha; vua cảm lòng hiếu của nàng, tha tội cho người cha.— (10) *Quân sử thần dĩ lễ* 君使臣以禮: vua lấy lễ sai khiến bầy tôi.— (11) *Trần Vệ*: vua nước Trần, nước Vệ là hai nước không biết lễ.— (12) *Thần sự quân dĩ trung*: 臣事君以忠: bầy tôi lấy lòng trung thờ vua.— (13) *Mãng Tào*: tức là Vương Mãng 王莽 và Tào-Thảo 曹操: đều là bầy tôi bất trung. Vương Mãng thì cướp ngôi nhà Tiền-Hán, Tào-Thảo thì cướp ngôi nhà Hậu-Hán. — (14) *Vi phụ chỉ ư từ* 為父止於慈: làm cha phải giữ lấy lòng hiền từ. — (15) *Cồ Tồn* 瞽瞍: cha vua Thuấn yêu người con vợ kế mà rất ghét vua Thuấn. Một lần ông sai vua Thuấn đào giếng, rồi lấp đất đi, may nhờ có con đường hẻm ở bên, vua Thuấn trốn ra được; lại một lần nữa ông sai vua Thuấn làm lằm thóc, rồi ông đốt cái lằm ấy, nhưng vua Thuấn cũng chạy thoát.— (16) *Vi tử chỉ ư hiếu* 為子止於孝: làm con phải giữ lòng hiếu.— (17) *Tùy Dương* tức là Tùy Dương-đế 隋煬帝 (605-617) con thứ hai vua Tùy Văn-đế. Khi vua Văn-đế đau, thấy Dương-đế ăn ở vô đạo, muốn bỏ không cho nối ngôi, Dương-đế bèn giết cha lên làm vua. — (18) *Vi nhân bất phú* 為仁不富: làm điều nhân không trở nên giàu được — (19) *Nhan-tử*: tức là Nhan-Uyên 顏淵 (514-483 tr. T. C.) học trò hiền của Đức Khổng-tử, chỉ ham học đạo mà rất nghèo.— (20) *Vi phú bất nhân* 為富不仁: làm giàu thì không giữ được lòng nhân.— (21) *Thạch Sùng* 石崇: người đời Tấn, từng làm quan thứ-sử đất Kinh-Châu, sai người vượt bể buôn bán trở nên giàu lớn; sau cùng với một nhà cự-phú đương thời là Vương Khải ganh đua nhau về sự ăn chơi xa xỉ.— (22) *Tài tụ tắc dân tán* 財聚則民散: của cải tụ lại một nơi thì dân xiêu-tán — (23) *Thương* 商: tên một triều vua ở bên Tàu (1558-1051 tr. T. C.) Đây nói đến Vua Trụ 紂, ông vua cuối cùng nhà Thương, rất là dâm-bôn tàn-bạo, vì thế nhà Thương mất.— (24) *Tài tán tắc dân tụ* 財散則民聚: của cải tản mát ra mọi nơi thì dân họp lại đông.— (25) *Chu* 周: tên một triều vua ở bên Tàu (1050-256 tr. T. C.) Đây là nói về vua Văn-Vương nhà Chu có nhân chính, bởi thế nhà Chu mới hưng thịnh mà con là Chu Vũ-vương mới lấy được thiên-hạ.

NGUYỄN BÁ - LÂN 阮伯麟 (1701-1785)

(Xem Tiểu - truyện tác-giả ở Phần thứ nhất, Năm thứ nhì, Chương thứ X, Lời chú (1))

59. - Ngã ba Hạc (1) phú

(Độc vận : Hạc)

Vui thay ! Ngã ba Hạc ; vui thay ! Ngã ba Hạc.

Dưới hạp một dòng ; trên chia ba ngác.

Ngóc-ngách khòn đo rộng hẹp, dòng biếc lẫn dòng đào (2);
lênh-lang dễ biết sâu nông, nước đen (3) pha nước bạc.

Nhớ xưa: Vũ-trụ mơ-màng, càn khôn (4) xéch-xác.

Vua Bàn-cổ (5) khai lò tạo-hóa, hồng-mông (6) đã phôi-phôi
hơi xuân ; họ Hữu-Ngu (7) khơi mạch sơn-hà, cương-giới vẫn
rành-rành dấu tạc.

Vậy có : Năm đất Đoài-phương (8) ; cạnh giới Nam - quốc.

Ba góc bờ chia vánh - vánh, huyết kim-qui (9) hểm đá rộng
hông-hênh ; hai bên cỏ mọc lâm-dâm, hang anh-vũ (10) giữa
dòng sâu huyệtch-hoác.

Mọi thú mọi vui ; một chiều một khác.

Lơ-thơ đầu ông Lã (11) thả càn ; trần-trụi mặc Chủ-đồng
(12) ngâm nước.

Bè khách-thương bạ (13) bến, cạm neo quý gối lác cày xuôi
(14) ; thuyền ngư - phủ thuận dòng. giương nách khom lưng
chèo tểch ngược (15).

Dùi diềm thùng thùng trống gọi, cửa tuần-ty (16) rộn-rã
khách chen vai ; chày đâm văng-vẳng chuông đưa, nền Phật-tự
(17) lao-xao người rén bước.

Khác gì : Những chốn Tiêu Tương (18), đồ tranh thủy
mặc (19).

Trên lọ phải vén quần vua Tống (20), ra sức anh uy ; dưới
cũng vui vỗ bụng giới Nghiêu (21), dăng ca canh tạc (22).

Ta nay : Qua miền Tam - đại (23), dứt dải sông Lô ; thấy
Ngã ba Hạc vui thay, làm chơi một đặc (24).

Ai hữu tình ngắm lại mà coi, kể làm cực nhân - sinh chi
khoái-lạc.

CHÚ-THÍCH.— (1) *Ngã ba Hạc* : chỗ hợp - lưu của ba ngọn sông là sông Đà (hoặc sông Bờ), sông Lô (hoặc sông Tuyên) và sông Nhị-Hà, ở giáp huyện Bạch-Hạc (nay thuộc tỉnh Vĩnh-Yên).— (2) *Dòng biếc lẫn dòng đào* : dòng biếc là sông Lô nước trong xanh; dòng đào là sông Nhị nước đỏ.— (3) *Nước đen* : nước sông Đà đen.— (4) *Cần khôn* : xem câu chú-thích số (2) ở bài 47.— (5) *Bàn-cổ* 盤古 : theo thần-thoại của Tàu, họ Bàn-cổ phân ra trời đất tự đáy mồi có thể-giới và vạn-vật.— (6) *Hồng-mông* 洪蒙 : mênh-mông mờ-mịt ; đây là nói về vũ-trụ lúc mới khởi thủy.— (7) *Hữu-Ngu* 有虞 : họ của vua Thuấn (2042-1989). Vua Thuấn sai ông Vũ trị thủy và định cương giới chín châu trong nước Tàu.— (8) *Đoài phương* : phương tây. Huyện Bạch-hạc trước thuộc về Sơn - Tây.— (9) *Kim qui* : con rùa vàng. Tục truyền ở sông Hạc có con rùa vàng ở trong hang đá. (10) *Anh-vũ* : tên một thứ cá, thịt ngon, ở sông Hạc có nhiều.— (11) *Ông Lã* : tức là Lã Thượng 呂尚 : hoặc Khương Tử - Nha 姜子牙 (còn gọi là Thái-công Vọng 太公望 : hoặc Sư-thượng-phụ 師尚父) một bậc hiền-thần đời nhà Chu. Cuối đời nhà Thương, về đời vua Trụ, ông ẩn cư ở Bàn-Khê 磻溪 (thuộc tỉnh Thiểm-tây); một hôm ông ngồi câu cá trên bờ sông Vị, vua Chu Văn-vương đi săn gặp, đón ông về dùng. Sau giúp vua Chu Vũ-vương (con Văn-vương) đánh vua Trụ, lập nên cơ nghiệp nhà Chu.— (12) *Chử đồng* : tức là Chử đồng - tử 褚童子. Theo sách *Lĩnh nam trích quái*, vua Hùng-vương thứ ba có người con gái là nàng Tiên-Dong một lần đi chơi thuyền trên sông Nhị - hà, ghé vào bến làng Chử-xá (nay thuộc huyện Văn-giang, tỉnh Bắc - ninh), lên trên bãi cát tắm, không ngờ gặp Chử đồng-tử trần-trụi (vì quá nghèo không có khố đóng) đang nép mình trong cát; nàng cho là duyên trời xui khiến, bèn lấy Chử đồng-tử. Sau vua cha giận. Sai quan quân đến bắt, thì cả hai vợ chồng hóa phép bay lên trời.— (13) *Bạ* : đến gần.— (14) *Cắm neo quỳ gối* : tả việc nhà thuyền neo thuyền cho chặt theo xuôi dòng nước.— (15) *Giương nách khom lưng chèo tếch ngược* : tả việc chèo thuyền ngược dòng sông.— (16) *Tuần ty* 巡司 : sở của Chánh-phủ lập ra để đánh thuế các hàng-hóa của người buôn-bán.— (17) *Phật tự* 佛寺 : chùa thờ Phật.— (18) *Tiêu, Tương* 潇湘 : sông Tiêu và sông Tương hợp-lưu với nhau ở địa-phận tỉnh Hồ-nam bên Tàu.— (19) *Thủy mặc* 水墨 (nước và mực) : lối vẽ không dùng đến các màu, chỉ dùng mực hòa với nước.— (20) *Vén quần vua Tống* : theo câu trong *Tống sử* : «Kiến dân cơ hàn, tắc kiến thường nhu túc dĩ cứu chi. 見民饑寒, 則寒震濡足以救之». (Thấy

dân đói rét thì xấn quân ngâm chân xuống nước để cứu lấy) câu ấy khen Vua Tống Thái-Tồ thấy dân đói thì phát chẩn cũng như người thấy người khác sắp chết đuối thì xấn quân lội xuống nước mà cứu — (21) *Vỗ bụng giới Nghiêu*: đời vua Nghiêu (một bậc thánh-quân về đời thượng-cổ nước Tàu) có ông Lão vũ bụng mà hát đề ngợi khen cái cảnh thái-bình. — (22) *Canh tạc*: đây nhắc đến hai câu trong bài hát của ông lão đời vua Nghiêu nói trên. Canh điền nhi thực, tạc tỉnh nhi ẩm. 耕田而食, 鑿井而飲». (Cày ruộng mà ăn, đào giếng mà uống). — (23) *Tam đại*: tên phủ về đời Hậu Lê thuộc Sơn tây, gồm có sáu Huyện: Phù-ninh (nay thuộc Phú-Thọ), Bạch-Hạc, Lập-thạch, Yên-lạc (nay thuộc Vĩnh-yên), Yên-lãng (nay thuộc Phúc-yên), Tân-phong (nay là Quảng-oai, thuộc Sơn-tây). — (24) *Đạc*: đây tức là một bài.

TRỊNH SÂM 鄭森 (1742-1782)

60.—Chơi động Hương-tích (1)

*Trời vừa hé sáng, bước lên thuyền,
Khoan mái chèo lan, ghé bến tiên.
Phong nguyệt thờ-ơ bầu ngọc đúc,
Giang-sơn bờ-ngõ bực tranh in.
Kìa kìa qui phượng ngong kinh bối (2),
Nọ nọ lân long lẳng giáo thiền (3).
Cảnh lạ thú màu khôn xiết kể,
Thanh kỳ đệ nhất chốn Nam-thiên.*

(Tâm thanh tồn duy thi tập)

CHÚ-THÍCH.— (1) *Động Hương-tích* 香蹟: tên một cái động ở trong núi Hương-Sơn thuộc địa phận làng Yên-vĩ, phủ Mỹ-đức, tỉnh Hà-đông; trong thờ Phật Quan-Âm, hàng năm cứ đến tháng hai, tháng ba, thiện nam tín-nữ trảy hội rất đông. — (2) *Kinh bối*: tức là bối điệp kinh 貝葉經, kinh Phật viết lên lá bối. — (3) *Thiền* 禪: nhà chùa, giáo thiền tức là lễ giáo của nhà chùa.

61.— Tây-hồ (1) tức cảnh

*Lọ là đồn hởi chốn bồng Doanh (2),
Này thú này âu cũng có tình.
Đôi đóa nhị hồng in dáng tia,
Một doanh nước biếc ánh trời xanh.*

Lầu-lầu các nọ phong rèm nguyệt,
 Văng vẳng chiều kia đôi tiếng kinh (3).
 Làn trái nắng sương đủ mây tá,
 Kim-ngưu (4) dấu trước hầy rành rành.

(Tân thanh tồn dục thi tập)

CHÚ-THÍCH : (1) Tây hồ 西湖 : tên một cái hồ ở phía tây bắc thành-phố Hà-nội, tên cũ là Lăng bạc hồ 浪泊湖. — (2) Bồng Doanh : núi Bồng-lai 蓬萊 và đất Doanh-châu 滄洲 đều là nơi tiên ở. — (3) Tiếng kinh : tiếng chuông chùa vì cái chày đánh chuông thường làm theo hình con cá kinh (hoặc kền) 鯨 (cá ông voi) bởi thế cái chày đánh chuông thường gọi là chày kinh. — (4) Kim-ngưu 金牛 : con trâu vàng. Theo một câu chuyện tục truyền thì chỗ Tây-hồ nguyên xưa là một khu rừng ở trong có con yêu-tinh hay làm hại người. Sau khi ông Khổng Lồ (tức Nguyễn-minh-Không) đúc xong một quả chuông ở núi Phao-Sơn (thuộc tỉnh Bắc-ninh) ông đánh thử ba tiếng kêu rất to ; ở bên Tàu có con trâu vàng, nghe tiếng chuông, tưởng là tiếng trâu mẹ gọi, mới chạy sang nước Nam ; khi chạy đến khu rừng ấy, không thấy mẹ, mới vùng vẫy, thành ra khu rừng sụt xuống, hóa ra cái hồ, tức là Tây-hồ.

NGUYỄN HỮU - CHÍNH 阮有整 (?-1787)

(Xem Tiểu truyện ở Phần thứ nhất. Năm thứ nhì.
 Chương thứ X, lời chủ số (3))

62.— Than thân

Tóc chen hai thứ chữa danh chi,
 Thân hỡi là thân ! Thì hỡi thì (1) !
 Chưa trả chưa đền ân đê-tử,
 Thêm ngưng thêm tủi chi nam-nhi.
 Kể yêu, nên ít bề cao hạ (2),
 Người ghét, càng nhiều tiếng thị phi (3).
 Tay bé khôn bưng vừa miệng thế (4),
 Giải lòng ngay thảo cạy thiên tri (5).

(Ngôn-ân thi-tập)

Bản chép khác.— Câu 7 : tay ắt...

CHÚ-THÍCH.— *Thi* 時 : thời thế, cơ-hội.— (2) *Cao hạ* : cao thấp trên dưới, ý nói phân bì, khinh bỉ.— (3) *Thị phi* : phải trái ; ý nói khen chê, bình phẩm.— (4) *Câu 7* : ý câu này cũng như câu tục ngữ: «Tay đâu bịt được mồm thiên hạ» ; ý nói mình không thể cầm giữ được người khen chê, bình phẩm.— (5) *Thiên tri* : trời biết.

63.— Tự biết mình

*Ai có hay chẳng là chẳng hay ?
Lòng này vốn đã dạy thân này.
Kẻo lắm kẻo lỡ người yêu ghét ,
Đà tổ đà tường kẻ thảo ngay.
Xem nổi thế-thời (1), xem đã nhạt,
Bén mùi đạo-lý, bén càng say.
Phải cơ, mới biết cơ trời nhiệm (2) ,
Có rủi, bằng đường (3) lại có may.*
(Ngôn-ân thi tập)

CHÚ - THÍCH.— *Thế-thời* : tức là thời-thế.— (2) *Nhiệm* : màu-nhiệm thàn-bí, không thể lường trước được.— (3) *Bằng đường* : dễ có khi.

HOA TIÊN 花箋

NGUYỄN HUY-TỰ 阮輝 似 soạn

NGUYỄN-THIỆN 阮僊 nhuận-sắc

(Xem Phần thứ nhất, Năm thứ nhì, Chương thứ X)

Lược truyện.— Truyện này (gồm 1858 câu) có thể chia làm bốn hồi:

I.— *Lương-Sinh và Dương-Dao-Tiên* thề nguyện cùng nhau (câu 1-829).— *Lương-Sinh* chính tên là *Phương-Châu* (con quan *Lương* tướng-công ở *Tô-Châu*), nhân sang trọ học ở nhà mợ là họ *Diêu* ở *Tràng-Châu*, gặp nàng *Dương-Dao-Tiên* (con quan *Dương* tướng-công) sinh ra tương-tư nhau. Sau hai bên thề-nguyện gắn bó với nhau (lời thề viết trên hai tờ giấy *hoa-tiên*, nhân thế đặt tên truyện), tưởng là duyên phận không còn trắc-trở gì nữa.

II.— *Lương-Sinh và Dương-Dao-Tiên* xa cách nhau (câu 830-1128).— Ngợ dẫu *Lương* tướng-công và *Lưu* tướng-công vốn là người đồng-quận và bạn đồng-liêu, lúc cùng về trí sĩ, hẹn gả

con cho nhau, thế là Lương-Sinh đã đính hôn với Lưu-ngọc-Khánh (con gái Lưu tướng-công) rồi. Khi Lương Sinh về nhà thăm cha, nghe thấy tin ấy, như sét đánh ngang tai, nhưng cũng đành phải theo mệnh cha mẹ. Dương-Dao-Tiên nghe được tin ấy, tưởng rằng Lương-Sinh bội ước, lấy làm buồn rầu lắm. Chợt khi ấy, Dương tướng-quân phải đi đánh giặc, chẳng may bị giặc vây; còn nàng Dương-Dao-Tiên phải tạm nương-náu ở chốn kinh-đô.

III.— *Lương-Sinh ra đánh trận, bị giặc vây* (câu 1129 -1556). Về phần Lương-Sinh cũng phải dập sầu làm vui, cùng với Diêu-Sinh (con mợ) đi thi đỗ, được bổ làm quan. Lương-Sinh nhậm chức ngay ở kinh-đô, tình cờ được gặp Dương-Dao-Tiên, giải bày tâm sự cùng nàng. Lương-Sinh mới xin vua ra giải vây cho Dương tướng-quân; ngờ đâu cũng lại thua, bị giặc vây. Tin đồn sai rằng Lương-Sinh bị tử trận; nghe tin ấy Lưu - Ngọc - Khánh cải phục cư tang; vì mẹ bắt ép nàng lấy chồng khác, nàng phải trầm mình; may gặp thuyền của quan Long đề-học trảy kinh vớt được.

IV.— *Lương-Sinh và Dương-Dao-Tiên lấy nhau* (câu 1157-1858). — Sau Diêu Sinh ra đánh tan quân giặc, giải vây cho Dương tướng-quân và Lương-Sinh; vua bèn thưởng cho cả mấy người. Lương-Sinh vẫn tưởng nàng Lưu đã thác, mới dâng biểu tâu việc nàng tử-tiết, vua bèn sắc phong cho nàng. Vua lại tự đứng làm mối gả Dương-Dao-Tiên cho Lương-Sinh. Đương khi Lương còn dùng dằng thì Long đề-học cùng Lưu-Ngọc-Khanh cũng vừa đến kinh đô, Long dâng sớ tâu việc nàng Lưu, vua ngợi khen, rồi cả hai người Ngọc-Khánh và Dao-Tiên cùng lấy Lương-Sinh; thế là một nhà đoàn viên vui vẻ.

64.— Lương-Sinh và Dương Dao-Tiên gặp nhau

- 627 *Hương (1) đã lên trước bình thêu,*
 Tình hôm nay, hân vi điều hôm qua (2).
 Thưa rằng: «Vườn mới thêm hoa,
 630 *Êm cơn phải buổi hay là dạo chơi».*
 Thực lòng, nàng cũng tin lời,
 Một Hương theo gót, vội dời sân ngõ.

- 635 Chòm chòm sương đầm, khói tó,
 Đầu cành rắc phấn, mặt hồ lau gương.
 Dần-dà nhẹ bước lần sang,
 Cửa son bỗng nhác thấy chàng tới sau.
 Tiếng vàng vọi gọi con hầu,
 Gót sen nhẹ-nhẹ bước mau về nhà.
 Cố tình ép liễu nài hoa,
 640 Lối về, Sinh đã rẽ qua theo đoàn.
 Nước thu lỏng-lánh một làn (3),
 Mỏi đào e-ấp, vẻ lan dạn-dày.
 Thực tình sinh mới giải bày;
 «Duyên chi may lại phen này gặp nhau.
 645 Tắm riêng đấng-đót bấy lâu,
 Tiện lân phỏng thấu bên lâu chút chẳng?
 «Ngày xuân đã dễ đâu rằng,
 «Luống thay cữ gió tuần trăng, hỡi người!
 Ngượng ngùng e tiếng, lệ hơi,
 650 Gọi Hương mau bước, liệu lời cho nao.
 Rằng: «Nay sửa mũ dưới đào (4),
 «Vả trong lễ cấm phép rào, sao nên?»
 Ngập-ngừng Sinh mới rén chiềng (5);
 «Lẽ chung đành vậy, tình riêng sao mà?
 655 «Đeo đai trót một tiếng đà,
 «Đài thiêng (6) hồ có trăng già chừng lâm.
 Nghĩ quyền ví chẳng tòng tâm,
 «Cũng liễu đầu bạc cho nhằm tuổi xanh».
 Nặng lời, dở lẽ làm thình,
 660 Rằng: «Trong cửa cửu phòng canh, biết gì?
 «Dẫu cho nền lễ, sân thi,
 «Cùng nhau đôi lứa cũng tùy nơi xe.
 «Chia đường hãy lánh cho về,
 «Lẽ thường hẳn chẳng e nề chút ru?
 665 Nể lời, có lẽ cầm lâu,
 Lánh ngang Sinh lại theo sau gàn nài:
 «Lời vàng ý ngọc dám sai,
 «Lừa gàn, lại bảo cho bài nước xa.
 «Tin kinh diệu vọi tin nhà,
 670 «Thưa chừng những sợ hoặc là sao chẳng.

«Chút chi gấn bó gọi rằng»,
 «Cho đành mỗi gió, tin trắng sau này».
 Nghe lời, vội dáo gót giầy,
 Mắt đưa ai luống trông ngày tận lâu.

Bảo chép khác.—Câu 627: *lét trước bình thêu*.— Câu 629: *Gửi rằng...*— Câu 630: ... *sang chơi*.— Câu 631: *Phải lời...*— Câu 644: *Đầu cây*.— Câu 635: *rón bước* (hoặc) *rén róc*.— Câu 636: *Gác son bỗng thấy bóng chàng tới sau* (hoặc) *Cửa son bỗng lên thấy chàng đến sau*.— Câu 638: *dao mau...*— 640: *Nàng về* (hoặc) *Lối về, sinh đã dáo ra bên tường*.— Câu 641: *Nước thu sóng-sánh*.— Câu 643: *Định tình...* (hoặc) ... *sẽ bày*.— Câu 644: *khéo lại...*— Câu 645: *Doanh riêng*: (hoặc)... *đặng đột bấy lâu*.— Câu 646: *Sừ lân...*— Câu 647: *Ngày xanh*.— Câu 649: *Ngại ngừng*.— Câu 651: *«Khi nay...*— Câu 652: *Có chi lẽ cấm phép nào chẳng kiêng*.— Câu 653: *Ngần ngơ sinh rén rén chiềng* (hoặc) *Ngập-ngừng sinh mới thưa chiềng*.— Câu 654: ... *sao là*.— Câu 657: *Thề phai nguyên nhật khôn cầm*.— Câu 658: *dám nhằm*.— Câu 663: *Rẽ đường...*— Câu 664: *e-dè...*— Câu 666: *Tránh ngang ra, lại theo sau gạn lời*.— Câu 670: *Thưa đặng cá lọt...*— Câu 673: *Tai nghe...*— Câu 674... *kẻ luống coi ngay nơi lâu*.

CHÚ-THÍCH.— (1) *Hương*: tên một đũa thị tỳ của Dương Dao Tiên.— (2) *Điều hôm qua*: hôm trước, Dao Tiên cùng với hai người thị tỳ là Hương và Nguyệt nói chuyện về cây vối trắng, rồi nghĩ lan-man đến sự tuổi xuân chóng tàn mà sinh ra buồn.— (3) *Nước thu lỏng-lánh một làn*: do câu trong *Tình sử*: «Nhấn như thu thủy 眼如秋水» (Mắt trong như nước mùa thu).— (4) *Sửa mũ dưới đào*: nghĩa bóng là làm một việc để cho người ta nghi (Xem câu chú-thích số (2) ở Bài 30).— (5) *Chiềng*: trình, thưa.— (6) *Đài thiêng*: dịch chữ «linh đài 靈臺» tức là tâm lòng.

65.— Lương-Sinh từ biệt Dương Dao-Tiên về thăm quê nhà

«Chợt nghe (1) chín khúc tơ bời,
 900 Thềm lan lẳng đẳng ngại dời gót lan.
 Duyên ư mai liễu một đoàn,
 Nay ai vội đã giở màn đình Cao (2).

- Sinh rằng: Chút nghĩa tri giao,
«Chưa cùng sum-hợp, nỡ nào chia-phôi.
- 905 «Chấp tơ nay mới vâng lời,
«Đành hay người định thi trời cũng theo.
 «Sớm khuya gác gấm buồng thêu,
Ngọc vàng mình phải nung-niu lấy mình.
 «Rày mai lá thắm chim xanh (3),
- 910 «Quả mai chi đề trên cành bảy ba (4),
 «Tình xa bao quản người xa,
«Tương-tri có thể mới là Tương-tri».
 Rằng: Nay Nam Bắc phân kỳ,
«Đã đành trăng nọ trời kia với lòng.
- 915 «Gió mây hãy gắng chi hồng,
«Tắm lòng cho bồ trông mong những ngày.»
 Lửa phiền như đốt niềm tây,
Non tà liễu đã tơ xoay bóng vàng.
 Gửi tình nửa ngọn cành dương,
- 920 Tâm thần một tấm bằng đường theo ai.
 Tuyết mù cây khuất bóng người,
Ngại-ngần năm bước ra mười về hiên.
 Thanh gươm cặp sách xuống thuyền,
Lưng khoang chất thắm, đầy then chứa sâu.
- 925 Song buồng mưa dập gió mau,
Trận nhàn chép nhớ, ngọn lau gãy buồn.
 Dòng xuôi một dải nhường tuôn,
Đầu mui đã thấy hương thôn gần gần.

Bản chép khác.—Câu 900:... lặng đứng vợi dờn...— Câu 901: Lục dăng tơ liễu một lần.— Câu 903: tương giao.— Câu 906: Dắt tơ...— Câu 907: Êm niềm... Câu 909: Dập dìu...— Câu 915: sớm khuya...— Câu 916: Trông mong cho bồ tắm lòng bấy nay.— Câu 917: Mắt nhìn chẳng nỡ rời tay.— Câu 920: Hồn quê thơ thần như đường... Câu 921: Nhỏn-nhờ liễu khuất...— Câu 925: ... mưa rúc...— Câu 926: Thiện nhân— Câu 927: ... một sợi.

CHU-THICH.— (1) *Chợt nghe*: nghe tin Lương-Sinh phải về quê thăm cha.— (2) *Đình Cao*: chỗ tiễn biệt. Do câu thơ cổ: «Cao-đình tương biệt xứ 亭相別處» (Cao-đình là chỗ biệt nhau); Xuân-đình thoát đã dạo ra Cao-đình (*Truyện Kiều*, câu 1500).— (3) *Lá thắm chim xanh*: nghĩa bóng là mối lái. *Lá thắm*: do tích Vu-Hựu người đời Đường, bắt được cái lá đỏ tự trong cung vừa trôi ra, trong có đề bài thơ. Hựu lại đề một bài thơ vào cái lá ấy, thả xuống ngòi cho nó trôi vào. Cung-nhân là họ Hàn bắt được. Sau vua thải ba nghìn cung-nữ ra. Hựu lấy được Hàn-thị, mới biết thơ đề trong lá đỏ ngày trước là thơ của hai bên. *Chim xanh*: do tích Hán Vũ-Đế xưa đương ngự chơi, chợt có hai con chim xanh bay đến. Vua hỏi, Đồng Phương-Sóc tâu: đó là sứ-giã của Tây-vương-mẫu. Được một lát thì Tây-vương-mẫu đến thật.— (4) *Quả mai chỉ đề trên cành bảy ba*: ý nói không khi nào phải lỡ thi, *Kinh Thi* (thơ Xiếu mai) có câu: «Xiếu hữu mai, kỳ thực thất hê...; kỳ thực tam hê... 標有梅，其實七兮...；其實三兮...» (Quả mai rụng, chỉ còn có bảy phần... chỉ còn có ba phần...); đó là lời của một người đàn bà thấy tuổi một ngày một cao, than về nỗi sợ quá lứa lỡ thi.

66.— Lương-Sinh trở lại nhà Dương Dao-Tiên

- Từ khi nường-náu phần-hương (1),
 1060 Trời thu ba cử, sông Tương một ngày (2),
 Bụi rong muồn học sâu đầy,
 Cánh nào bay đến ngõ bày trước trang.
 Liệu cơ ra lạy tôn-đường,
 Tràng-châu (3) xin lại tìm sang cựu-trình.
 1065 Được lời, tức tốc khởi hành,
 Ruồi quen một lá, thênh-thênh xuôi dòng.
 Sông nguyên, bề dạn trùng-trùng,
 Phụ-phàng lo những thẹn-thùng nước non.
 Vườn riêng còn thú cầm tôn (4),
 1070 Hồng còn vẫn thắm, tia còn chưa phai.
 Cành trông, cỗi ngấm chờ ai,
 Đầy song tuyết điểm bông mai trắng ngần.
 Lần sang thăm thú vườn gần,
 Một vùng cỏ biếc, mấy lần cửa son.
 1075 Lơ-thơ cây cối, cành non,
 Rêu đầy cầu đá, lối mòn đường thơm.
 Lầu thừa, khói tỏa, sương trùm,

- Chồi sai biếng bề, khóm sơm vắng vìn (5).*
Biết ai hầu hỏi sự duyên,
 1080 *Viên-công đã thấy trong miền lộ ra.*
Mon-men thăm hỏi gần xa,
Mới tường môn-mạch nàng đà thẳng kinh.
Ngán chiều lă-chă đôi doành (6),
Tựa lần bên triện, dạo quanh khắp tòa.
 1085 *Băn-khoăn đến trước dinh Ba,*
Lương không yển để, song tà nhện trắng.
Dấu thơ vách hầy dăng-dăng,
Lầu thơ cách mấy mươi tầng người thơ.
Nửa rèm lác-đác hoa mưa,
 1090 *Sân rêu này dấu ngày xưa chén đồng.*
Mây dương-liều, mặt phù-dung,
Ngắm hoa mà nhắc tấm lòng sinh-ly :
«Trăng thề vắn đỏ chi chi,
«Liều Chương-dải (7) biết nay đi đâu rồi.
 1095 *«Mình xuân đào hầy ngậm cười,*
«Vẻ hồng như cũ, mặt người nào đâu.
«Nào khi gương gác, phấn lâu,
«Giờ sao tạnh ngắt mặc dầu khói sương.
«Này ai dập lửa vui hương?
 1100 *«Đề ai nát đá, phai vàng với ai».*

Bản chép khác.— Câu 1059 : *Sinh từ nùm - nầu...* — Câu 1060 : *...doành Tương...* — Câu 1061 : *Bụi chông muôn học chất đầy.* — Câu 1063 : *Phỏ sông gửi đến...* — Câu 1064 : *...sân trình.* — Câu 1065 : *Được lời, theo lối thủy hành.* — Câu 1066 : *Thẳng dong buồm lá...* — Câu 1067 : *Biết bao dận bề thề sông.* — Câu 1068 : *Nhật vời...* — Câu 1070 : *Hoàng-Diệu Tử-Nguy vẫn còn...* — Câu 1071 : *Ngắm thơm sào cảm...* — Câu 1072 : *Đầy song mấy điểm hoa mai...* — Câu 1075 : *... gốc côi...* — Câu 1076 : *Sương in cầu đá, tuyết mòn lối thơm (hoặc) Rêu in cầu đá, tuyết mòn lối thơm.* — Câu 1077 : *Lầu thơ... mây om.* — Câu 1078 : *thừa bề* — Câu 1080 : *... rõ ra.* — Câu 1082 : *... nay đà phó kinh.* — Câu 1083 : *lở-tở.* — Câu 1084 : *Buồn nương... sầu quanh...* — 1085 : *Ngán ngám...* — Câu 1087 :

Tiên thơ...— Câu 1088 : *Xã thơ..*— Câu 1089 : *Hiên cái.. sao thừa.*
— Câu 1090 :... *nọ rồi (hoặc): nọ chốn...*— Câu 1092 :... *thêm nhắc...*— Câu 1093: *Chỉ thẻ trắng vẫn chi chi.*— Câu 1094 :... *Tay ai chềnh-mảng còn chi chương dài*— Câu 1096 : *Vẽ hồng trơ đỏ.*—
Câu 1097 : *Khi sao son gác...*— Câu 1098 : *Giờ sao tan-nát..*—
Câu 1099 : *Ấy ai ...*— Câu 1100 :... *nơi đây.*

CHÚ-THÍCH.— (1) *Phân - hương* : què hương; do chữ « phân - du 粉榆 » (xem câu chú-thích số (20) ở Bài (96) — (2) *Trời thu ba cữ, sông Tương một ngày* : Câu này đặt theo câu : « Nhất nhật bất kiến, như tam thu hề 一日不見, 如三秋兮 », (Một ngày không thấy, như ba mùa thu (ba năm) vậy. (Kinh Thi, thơ Thái-cát) và ý nói : một ngày xa cách nhau, tưởng chừng lâu như ba năm vậy. Còn chữ *Sông Tương* chỉ sự xa cách nhau của hai tình-nhân, là do câu trong *Tình - sử* : « Quân tại Tương-giang đầu, Thiếp tại Tương-giang vĩ; Tương tư bất tương kiến, Đồng ầm Tương-giang thủy. 君在湘江頭, 妾在湘江尾; 相思不相見, 同飲湘江水 » (Chàng ở đầu sông Tương, Thiếp ở cuối sông Tương; Nhớ nhau không thấy mặt nhau, Cùng uống nước sông Tương). — (3) *Tràng châu*: tên đất, chỗ què Dương Dao-Tiên. —(4) *Cầm tón 琴樽*: đàn và chén rượu. — (5) *Chồi sai thừa bẻ, khóm sòm vắng vin*: tả cảnh một khu vườn không có người trông nom, sửa sang; những mầm mới mọc rất nhiều mà ít khi bẻ đến; những bụi cây rậm-rạp mà không có ai vin. —(6) *Đôi doanh* (doanh: dòng nước): hai dòng nước mắt. — (7) *Liễu Chương-dài*: nghĩa bóng là tình-nhân. Lấy chữ ở một câu trong bức thư của Hàn-Hoành gửi cho Liễu-thị (tình sử): «Chương-dài-liễu! Tích nhật thanh thanh, kim tại phủ? Giã ưng phan chiết tha nhân thủ. 章臺柳! 昔日青青, 今在否? ...也應攀折他人手 » (Cây liễu Chương - dài! Ngày xưa xanh xanh, nay còn không?... Hẳn là tay người khác đã vin bẻ rồi).

67.— Cuộc trùng-phùng của Lương-Sinh và Dương-Đao-Tiên

1201 *Điều (1) ra quan-chính cỏi ngoài,*
 Lương vào Hàn-uyên (2), thành thơi ngọc-đường (3).
 Vườn sau trúc thạch sẵn-sàng,
 Liền công-thự đó, là tường Tiền-nha (4).
 Nàng từ tin ả truyền ra (5).
 Nỗi mình, nỗi khách biết là bao nhiêu!

- Trọn ngày khóa lặng song thêu,
 Nguyệt, Hương (6) biết ý mời diu ra chơi.
 Trêu thềm hoa quét chẳng rơi,
 1210 Dưới thềm lần bóng, trăng soi người sầu.
 Cảnh đầu dễ nhắc lòng đầu,
 Những than tình mới, thêm rầu nỗi xưa:
 « Ngàn mây trắng bạc như tờ,
 Bóng đầu chênh-chếch đã vừa ngang vai.
 1215 « Bờ sương đôi tuyết bao nài,
 Lấy ai ấm lạnh, lấy ai ngọt bùi ?
 Tưởng người chén nguyệt thề bồi,
 « Phòng hương trộm tưởng đã người nào thôi !
 « Ba xuân những chốn làm vui,
 1220 « Dương thanh liễu lục những ai đó chừ ! »
 Cho hay thanh-khi tương cờ,
 Cách tường Sinh cũng khi vừa đạo thanh.
 Buồn tênh gió ngọn trăng cảnh,
 Dịp chàm dạ khách, tiếng kèn đêm thâu.
 1225 Cảnh sầu như gheo người sầu,
 Khi than-thở bóng, khi châu-chan mây,
 « Nghĩ người mặt sóng chân mây.
 « Tiên thề đành đề đến ngày tái sinh.
 « Nhỡ-nhàng bèo nổi nước lênh,
 1230 « Ấy duyên phụ khách, hay mình phụ duyên !
 « Nào ai bề dẫn non nguyên,
 « Lòng nào chuông vạn ngựa nghìn (8) với ai ! »
 Nỉ-non đêm ngắn tình dài,
 Nguyệt cài bên triện, hoa rơi trước thềm.
 1235 Vườn xuân xa ngắm cảnh rèm,
 Mây hồng tha thướt bóng xiêm một người.
 Cây quỳnh thanh-thót sương rơi,
 Đào rầu-rầu ủ, liễu hơi-hơi gãy.
 Rõ người ngày trước chẳng sai,
 1240 Nguyệt, Hương cũng đến chi đây lạ đời !
 Những là cách mặt khuất lời,
 Bồng-sơn xem ngõ mấy mươi, mươi trùng !

- Tường hoa quanh-quất mấy vòng,
 Dưới hoa nhường có nẻo thông cuối tường,
 1245 Hải-văn lần bước, bước sang,
 Rấp-ranh đã dựng tiếng vàng xa đưa :
 « Tường bây giờ là bao giờ ?
 « Song-song đôi mắt còn ngờ chiêm bao.
 « Bấy lâu gió khóa mưa rào,
 1250 « Ngoài muôn nghìn dặm biết bao nhiêu tình !»

Bản chép khác.— Câu 1201 : ... việc ngoài.— Câu 1209 : Trước hoa lần bóng hoa rơi.— Câu 1210 : Dưới lầu mếch bóng (hoặc) : Dưới trăng lần bóng...— Câu 1211 : Cảnh nào sẽ...— Câu 1212 : Vừa than tình mới vừa sầu...— Câu 1216 : Nào... nào.— Câu 1218 : Buồng đông vừa ý...— Câu 1220 : Những hương những lửa... (hoặc) Trăng...— Câu 1221 : Tiếng ve cao thấp gió đưa.— Câu 1223 : Cảnh trăng ngọn gió mong manh (hoặc) : Buồn tênh trăng ngọn gió cảnh.— Câu 1226 : Khi than thổi bóng... (hoặc) Khi trần trọc đá, khi rầu rĩ cây.— Câu 1229 : ... bèo nước lênh đênh.— Câu 1231 : Nào ta...— Câu 1234 : Nguyệt kê... hương lay...— Câu 1235 : Cách hoa lặng ngấm bóng thềm.— Câu 1236 : ... lan xiêm.— Câu 1237 : Áo đơn bụi lọt ngấn rơi.— Câu 1239 : Người xưa sẽ nhớ những ngày.— Câu 1241 : vắng mặt...— Câu 1242 : Non Bồng...— Câu 1243 : Đạo quanh núi giả đi vòng.— Câu 1244 : Bền hoa...— Câu 1246 : Cách tường đã dựng... (hoặc) Cách tường vắng-vắng...

CHÚ - THÍCH.— (1) *Diêu*: tức là Diêu-Sinh, con ông cậu Lương-Sinh.— (2) *Hàn-uyên* 翰苑 (hàn: lòng dùng làm bút; uyên: vườn); tức là Hàn lâm viện 翰林院, viện dùng những người văn-học.— (3) *Ngọc đường* 玉堂 (ngọc: ngọc; đường: nhà, chỗ làm việc quan); chỉ viện Hàn-lâm. Vua Tống Thái-Tôn (976-998) ban cải biên đề bốn chữ «Ngọc đường chi thư 玉堂之書» đề treo ở viện Hàn-lâm.— (4) *Tiền nha*: tên người em Dương phu-nhân (mẹ Dương-Dao-Tiên). Bấy giờ Dương phu-nhân và Dương-Dao-Tiên đến trú ở nhà người ấy trong khi Dương tướng-công đi đánh giặc.— (5) *Tin ải*: tin ở cửa ải đưa về rằng Dương tướng-công bị giặc vây.— (6) *Nguyệt, Hương*: tên hai người thị-tỳ của Dương-Dao-Tiên.— (7) *Chuông vạn, ngựa nghìn* (chuông: đồ dùng để đóng lưng; dịch chữ «thiên tử vạn chung 千四萬鐘» (nghìn cỗ xe đóng ngựa, muôn chuông thúc lưng); nói chung về sự giàu sang.

ÔN-NHƯ HẦU NGUYỄN GIA-THIỆU 溫如侯阮嘉紹
(1741 - 1798)

(Xem tiểu-truyện tác-giả ở Phần thứ Nhất, Năm thứ nhì,
Chương thứ X Lời chủ (5))

CUNG OÁN NGÂM KHÚC 宮怨吟曲
(Xem Phần thứ nhất, Năm thứ nhì, Chương thứ X).

68. - Lúc được nhà vua yêu mến

- 161 Khi ấp mạn, ôm đào gác nguyệt,
Lúc cười sương cột tuyết đèn phong (1).
Đóa lê ngon mắt cữu-trùng,
Dầu máy điểm nhạt, nhưng lòng cũng xiêu.
- 165 Vẻ vưu-vật (2) trăm chiều chải-chuốt,
Lòng quân-vương chi-chút trên tay.
Má hồng không thuốc mà say,
Nước kia muốn đổ, thành này muốn long,
Vườn Tây-uyên (3), khúc trùng «thanh đạo» (4),
- 170 Gác Lâm-xuân (5), điệu ngã «đình hoa» (6).
Thừa ăn (7) một giấc canh tà,
Tỏ mở nét ngọc, lập-loà vẻ son.
Trong trường gấm chi-tôn (8) vôi-vôi,
Những khi nào gần-gũi quân-vương.
- 175 Dầu mà ai có nghìn vàng,
Đố ai mua được một trăng mộng xuân (9)?
Thôi cười nọ, lại nhân mây liễu,
Gheo hoa kia lại điệu gót sen (10).
Thân này uốn-éo vì duyên,
- 180 Cũng cam một tiếng thuyền-quyên với đời.
Lan mấy đóa lạc loài sơn dã,
Uông mùi hương vương-giả lắm thay (11)!
Ngâm như càn chất (12) duyên này,
Cam công đặt cái khăn này tắc-ơ (13)!
- 185 Tranh ti-dực (14) nhìn ra chim nọ,
Đồ liên-chi (15) lần trở hoa kia.
Chữ đồng lấy đây làm ghi,
Mượn lời thất-tịch mà thề bách niên (16).

Hạt mưa (17 đã lọt miền đài-các.

190 *Những mừng thăm cá nước duyên may!*

Càng lâu, càng lắm màu hay,

Cho cam công kẻ dùng tay thùng chàm (18).

Bản chép khác.— Câu 162: ... *hoa*...— Câu 164: *Tuy*...—
Câu 169: ...*Thượng* (hoặc: *Thanh*)... *nguyệt*...— Câu 170: ...*ngả*...—
Câu 180: ... *vời người* (hoặc: *đề đời*)...— Câu 182: ... *nhiều*...—
Câu 184: ... *này*...— Câu 188: ... *điều*...

CHÚ-THÍCH.— (1) *Đền phong*: đền chung quanh có trồng cây phong 楓 (xem câu chú-thích số (3) ở Bài 53).— (2) *Vưu vật* 尤物: vật rất lạ, rất quý.— (3) *Tây-vườn* 西苑: tên một cái vườn ở phía tây huyện Lạc-dương, tỉnh Hà-nam bên Tàu, do vua Tùy Dương-đế lập ra, thường đêm thanh vua đem cung nữ dạo chơi trong vườn.— (4) *Thanh dạ* tức là « Thanh dạ du 清夜遊 » (đi chơi lúc đêm trong), tên một khúc hát đặt về đời vua Tùy Dương-đế.— (5) *Lâm xuân* 臨春: tên một cái gác của vua Trần Hậu-chủ dựng lên bằng gỗ đàn-hương cho nàng Trương quý phi ở.— (6) *Đình hoa*: tức là « Ngọc thụ hậu đình hoa 玉樹後庭花 », tên một khúc hát làm về đời vua Trần Hậu-chủ.— (7) *Thừa ân* 承恩: đội ơn; đây ý nói được nhà vua yêu mình.— (8) *Chi tôn* 至尊: rất tôn trọng; đây chỉ nhà vua.— (9) *Một tràng mộng xuân*: một giấc chiêm-bao êm-đềm vui thú về mùa xuân.— (10) *Câu 177-178: Nhàn mây liễu*: xưa nàng Tây-Thi đau bụng nhàn mặt, trông lại đẹp thêm. *Điều*: đi có điệu bộ.— *Gót sen*: bước chân của người đàn bà đẹp. Do tích Tề Đông-hôn hầu lấy vàng dát thành hoa sen lát xuống đất cho nàng Phan-phi đi và nói rằng: « Mỗi bước đi của Quý nương này ra một bông sen ». Cả hai câu tả cách nũng-nịu uốn-éo của người cung-phỉ được vua yêu chuộng.— (11) *Mùi hương vương-giả*: mùi hương của nhà vua, ý nói rất quý.— (12) *Càn, chất* 巾櫛: khăn và lược; nói đạo làm vợ phải sửa soạn khăn lược cho chồng.— (13) *Câu 184: Đặt khăn*: dịch chữ « thiết thuế 設稅 » nói về sự sinh con gái. Theo sách *Lễ-ký*, hễ sinh con trai thì đặt cái cung ở bên trái cửa, sinh con gái thì đặt cái khăn ở bên phải cửa. *Tắc-ơ*: Tiếng mẹ hỏi chuyện con khi con còn bé chưa biết nói. Cả câu ý nói: bỏ công cha mẹ đã sinh ra mình là phận con gái.— (14), (15) *Tị-dực* 比翼. *Liên-chi* 連枝: liền cánh và liền cành. Chữ lấy trong bài *Trường hận-ca* của Bạch Cư-Dị nói về vua Đường Huyền-tôn cùng nàng Dương Quý-phí thề nguyện với nhau rằng: « Ở trên trời xin làm chim liền cánh; ở dưới đất xin làm cây liền cành ». (16) *Câu 188: Thất lịch* 七夕: là đêm mồng bảy tháng bảy. Theo tục truyền, thì trong một năm chỉ có ngày ấy là Ngưu-lang và Chức-nữ mới được

gặp nhau. Vua Đường Huyền-tôn cũng nhân đêm ấy thề với nàng Dương Qui-phi câu nói trên. *Bách niên*, tức là « Bách niên giai lão 百年皆老 » (sống cùng nhau đến trăm năm). Cả câu ý nói: cũng theo như vua Đường Huyền-tôn và nàng Dương Quí-phi ngày xưa mà thề ăn ở cùng nhau đến lúc trọn đời.— (17) *Hạt mưa*: ví với thân phận người đàn bà. Do câu ca-dao « thân em như hạt mưa rào, hạt sa xuống giếng, hạt vào vườn hoa ».— (18) *Câu 192*: Tục-ngữ có câu: « Tay trót dúng chàm ». Cả câu ý nói: đã trót đem thân đi làm cung phi mà được vua yêu dấu cũng bỏ công.

69. – Sau khi bị nhà vua chán bỏ

- 245 Nào thuở dạo vườn hoa năm ngoái,
Đóa hồng-đào hái buổi còn xanh.
Trên gác phượng, dưới lầu oanh,
Gối du-tiên (1) hãy rành rành, song-song,
Bây giờ đã ra lòng rẻ-rụng,
250 Đề thân này cở-ùng tơ mảnh (2)!
- Đông-quân (3) sao khéo bắt tình (4)?
Cảnh hoa tàn nguyệt (5) bực mình hoài xuân (6)
Nào lúc tựa lầu Tần hóm nợ,
Cảnh liễu mảnh bẻ thuở đang tơ,
255 Khi trướng ngọc, lúc rèm ngà,
Mảnh xuân-y (7) hãy sờ-sờ dấu phong.
Bây giờ đã ra lòng ruồng-rẫy,
Đề thân này nước chảy hoa trôi!
- Hóa-công sao khéo trêu người?
260 Bóng đèn tà nguyệt (8) dử mùi kỷ sinh (9);
Cảnh hoa lạc, nguyệt minh (10) nhường ấy,
Lửa hoàng-hôn như cháy tấm son,
Hôn-hoàng thôi lại hoàng-hôn (11)
Nguyệt hoa thôi lại thêm buồn nguyệt hoa.
- 265 Buồn vì nỗi nguyệt tà ai trọng;
Buồn vì điều hoa rụng ai nhìn,
Tình buồn, cảnh cũng vô duyên,
Tình trong cảnh ấy, cảnh bên tình này.
Khi trận gió lung lay cảnh bích (12),
270 Nghe rì-rầm dế mách ngoài xa.

- Mơ-hồ nghĩ tiếng xe (13) ra.
Đốt phòng hương hả mà hơi áo tàn.
Ai ngờ tiếng dễ than rì-rì,
Giọng bi thu (14) gọi kẻ cô phòng (15).
275 Vắng tanh nào thấy vãn-mồng.
Hơi thê-lương (16) lạnh ngắt song phi-huỳnh (17).
Khi bóng thỏ chênh-vênh trước ốc (18).
Nghe vang-lừng tiếng giục bên tai.
Đè chừng ngõ tiếng triệu đòi,
280 Nghiêng bình phấn mốc mà giới má đeo.
Ai ngờ tiếng quên kêu ra-rả,
Điệu thương xuân (19) khóc ở sương khuê (20).
Lạnh-lùng nào thấy ỏ-ê (21).
Khi bi-thương sức-nức hè lạc-hoa (22).

Bản chép khác.— Câu 245: lúc (hoặc: lối)..— Câu 249:...
bồng... ruộng-rẫy.— Câu 250:... cỏ áy (hoặc tóc mồng)... Câu 253...
thuở dạo vườn xuân...— Câu 257: rún-rẫy.— Câu 259: Dữu...
— Câu 262:... sầu trắng — Câu 263: hôn-hoàng.— Câu 264...
bê-bàng.— Câu 267:... lại...— Câu 269:... cạnh vách.— Câu 270..
rào...— Câu 272:... tạ...— Câu 273: ran.— Câu 274... gheo..
Câu 276:... lẻo...— Câu 277:... nóc.— Câu 279... nghĩ.. tiều (hoặc:
ban...) — Câu 280:... sẽ...

CHÚ - THÍCH.— (1) Gối du tiên: Du tiên 遊仙 là chơi cõi tiên.
Theo sách Khai thiên dị sự, về đời Đường, nước Qui-tư dâng vua Tâu
một cái gối đồ như mã-nã, đẹp như ngọc, hễ gối đầu vào thì nằm mơ
thấy được đi chơi các nơi tiên-cảnh, nhân thế vua Đường mới gọi gối
ấy là «gối du-tiên».— (2) Cỏ ứng tơ mảnh: ứng là thối nát; mảnh là mảnh
nhỏ.— (3) Đông-quân 東君 (vua phương đông): vị thần làm chủ cho
gió đông thổi về mùa xuân; cũng nghĩa như chữ «chúa xuân».— (4) Bất
tình 不情: không có tình, lãnh-đạm. Những bản chép là «bất bình» là
sai, vì hai chữ sau này ở đây không có nghĩa.— (5) Cảnh hoa tàn nguyệt:
tàn nguyệt 殘月 là mặt trăng đã tàn; đây mượn hai chữ ấy làm phạm-
từ để nói về cảnh hoa đã tàn.— (6) Hoài xuân 懷春: tưởng nhớ đến
mùa xuân.— (7) Xuân y 春衣: áo mặc về mùa xuân.— (8) Bóng đèn tà
nguyệt: tà nguyệt 斜月 là trăng đã xế, đã lặn; đây mượn hai chữ này làm
phạm-từ để nói về ngọn đèn sắp tàn — (9) Kỵ-sinh: sống gửi, theo câu trong

Hoài-nam-tử: «Sinh ký, tử qui 生寄, 死歸» (sống gửi, thác về).— (10) *Hoa lạc, nguyệt minh* 花落月冥: hoa rụng và trăng mờ.— (11) *Hoàng-hôn* 黃昏 (hoàng: vàng; hôn: tối): lúc xầm tối. *Hôn hoàng* lúc mặt trăng sắp lặn, ánh sáng lờ mờ.— (12) *Cảnh bích*: cảnh cây sắc xanh.— (13) *Tiếng xe*: đây là tiếng xe của nhà vua.— (14) *Bi thu* 悲秋: buồn bã vì cảnh sắc mùa thu.— (15) *Cô phòng*: 孤房: buồng của người nằm một mình.— (16) *Thé lương* 淒涼: buồn rầu, lạnh-lẽo.— (17) *Phi huỳnh* 飛螢: con đom đóm bay.— (18) *Ôc* 屋: nhà.— (19) *Thương xuân* 傷春: đau đớn vì nhớ mùa xuân.— (20) *Sương khuê* 孀閨: (sương: ở góa: khuê: buồng) buồng của người đàn bà ở góa.— (21) *Ổ-ê*: sẵn-sóc đến, trông nom đến. Ta thường nói: «Nhìn-nhỡ ổ-ê». Những bản chép là «ủ-ê» là sai.— (22) *Hè lạc hoa*: cái hè có hoa rụng.

NGUYỄN HUY-LƯỢNG 阮輝澆

(Xem tiểu-truyện ở Phần thứ nhất, Năm thứ nhì, Chương thứ X, Lời chủ (7).

70.— Tụng-tây hồ phú 頌西湖賦

(Trích một đoạn)

(Xem Phần thứ nhất, Năm thứ nhì, Chương thứ X, § 1)

Bài này là một bài phú độc vận (lấy vần hồ), gồm có 86 liên, có thể chia làm các đoạn như sau: 1^o Lai-lich Tây-hồ (liên 1-4): 2^o — Hình-thể Tây-hồ (liên 5-8): — 3^o Các đền chùa chung quanh hồ (liên 9-13): 4^o Các thắng cảnh chung quanh hồ (liên 14-27): — 5^o Hồ Tây trong các triều vua (liên 28-32): 6^o — Hồ Tây trong buổi Lễ mặt (liên 33-46): — 7^o Hồ Tây trong đời Tây-sơn (liên 47-59): — 8^o Tán-tụng công-dec nhà Tây-sơn (liên 60-83): — 9^o Đoạn kết (liên 84-86).

28. — Phong-cảnh cũ nhiều nơi thắng-lâm; — triều đời xưa mấy lớp thanh-ngu (1).

29. — Tựa bóng hoa đặt quán quan ngư (2), کیا đời Long-khánh (3); — dè mặt sóng đem đường dụ tượng (4), nọ thuở kiền phù (5).

30.— Trãi Trần trước đã nhiều phen *xe ngựa*, — tới Lê sau càng lắm độ tán dù.

31.— Trộm nhớ thiên « bát vịnh du hồ » (6), trong tử, hưng (7) cũng ngụ lời qui-phúng (8); — *chạnh* nhớ khúc « liên ngâm thưởng nguyệt » (9) lúc tiểu đàm đường thỏa ý giao-phù (10).

32.— Tòa đá nọ hãy ghi câu canh-họa (11); — dòng nước kia dường nổi chén tác-thù.

33.— Năm sau từ nổi bụi tiêu-tường (12), ba thước nước khôn cầm màu hiệu - khiết (13); — buổi ấy cũng góp phần tang hải, sáu thu trời bao xiết nổi hoang-khò (14).

34.— Hình cây đá, mưa trời, gió giạt; — sắc hoa chim, mây vẩn sương mù.

35.— Chốn tri đàm (15) làm bọn vẽ thanh quang, xuôi ngược những vẫy đuôi khoa-đầu (16); — nơi phạm-vũ (17) để che màu sáng-lãng (18), dọc ngang trao mặc bóng tri-thù (19).

36. — Hương cồ-miếu đôi chòm lạnh-lẻo; — đèn viên-thôn mấy ngọn lù-mù.

37.— Kênh đầu đầu *chảy đến* trung sa (20), lâu túc điều (21) gió còn sớm quạt; — sen chốn chốn đã bay về Tây-vực (22) vũng du-ngư (23) nguyệt hãy tối mù.

38.— Kêu tri loạn, đau lòng con đồ vũ (24); — gọi công tư, mỗi miệng cái hà-mô (25).

39.— Lũ cày mây lần tưởng bóng nghề (26), thơ thất nguyệt thở than cùng mục thụ (27); — khách điệu nguyệt (28) biếng tìm tấm cá, chữ Tam mô bàn bạc với tiểu phu (29)!

40.— Nghe xóm nọ dù-di ve nhặng (30); — ngắm *ghềnh* kia thấp thoáng trai cò (31).

41.— Thủ cao lưu (32) chềch-mác thế cờ, người nhạo thủy (33) ôm cầm khi rạng quế (34); — màu yên cảnh (35) bàng-khuàng hồn rượu, khách đấng dài (36) gác bút buổi bay ngò (37).

42.— Chiều phong-vị xem đường quanh-quẽ ; — dấu đồ thư (38) ngắm hây mơ-hồ.

43.— Dưới cầu vòng nước chảy mệnh mông, đường xưa đua ngựa ; trên thành trĩ (39) đá xây chơm-chởm, bến cũ gọi dò.

44.— Trước cổ-cung treo nửa mảnh gương loan (40), vùng trắng he-hé ; — sau cổ tự gửi mấy phong da ngựa (41), đám cỏ lù-rù.

45.— Lớp canh - dịch (42) người xưa man - mác ; — vẽ tiêu lương (43) cảnh cũ then-thò.

46.— Ánh phồn-hoa vì cảnh muốn phô người, người trải khi vật đổi sao đời, cảnh phải chiều người buổi ấy ; — thời thanh-lãng (44) có người còn mến cảnh, cảnh có sẵn nước trong trắng sáng, người nên phụ cảnh này ru ?

47.— Vàng trắng nọ buổi tròn buổi khuyết, — ngọn nước kia nơi hoắm nơi nhỏ.

48.— Tới mặt-thân (45) từ rõ vẽ tường-vân (46), sỏi núi khắp nhờ công đăng dịch (47) ; qua canh-tuất (48) lại tưới cơn thời-vũ (49), cỏ cây đều gọi đức triềm nhu (50).

49.— Vững tri-chiều (51) nước dần-dần lặng ; — nơi đình-dài hoa phới-phới đua.

50.— Chốn bảy cây (52) còn mấy gốc lãng vân (53), chẳng từng bách cũng khoe hình thương lão (54) ; — nơi một bèn đã đông đoàn hí thủy (55), uyên ương đều thỏa tính trầm phù (56).

51.— Vẽ hoa-thạch (57) châu thêu, gấm dệt ; tiếng trùng cầm (58) ngọc gõ, vàng khua.

52.— Bãi cỏ non : trâu thả, ngựa buồng, nội Chu (59) đã lắm người ca ngợi ; làn nước phẳng : kênh trầm, ngạc lặn ao Hán (60) nào mấy trẻ reo hò.

53.— Mặt đất dùn này thóc, này rau, dầu lòng Cò-trúc (61) ; — làn nước chảy nọ dòng, nọ bến, mặc chi Sào, Do (62).

54.— Cây quán kia còn đứng dậy thần uy, đoàn Mán tới đám khoe lời « Tây hữu » (63) : — sen chùa nọ lại bay về Phật cảnh, lũ Ngô về từng niệm chữ « Nam-mô » (64).

52.— Dấu linh-bị rành-rành vẫn sáng;— mạch hậu-nhân (65) dằng-dặc bao ro.

56.— Mặt thành xưa đem lại thể kim thang (66), đất xây phẳng-lặng;— cánh hàn cũ sửa ra hình chỉ trụ (67), đá xếp xô-bò.

57.— Nghé vùng danh nẻo lợi bấy lâu, cảnh tuy rằng nhỏ;— song nước trí non nhân (68) mấy chốn, cảnh đã chi thua.

58.— Trãi mây thu từng lựa bóng tàn xanh, thâu cảnh đã vào trong vũ-trụ;— song nghìn dặm đã xa vời bệ tia, góp cảnh còn gọi chốn biên-ngu (69).

59.— Tuy thú vị đã giải bày ra đó;— song thanh dung còn trang điểm lại cho.

Bản chép khác.— Liên 30... *xa mã*;— Liên 31: *tại*...— Liên 36: ... *du*...— Liên 37... *chạy xuống*... Liên 40... *doành*...— Liên 41 *thường*...— Liên 47: *Vành* (hoặc *vòng*...)— Liên 48... *góp nhớ* (hoặc: *khấp nhờ ơn*) ...— Liên 52... *còn*...— Liên 53... *mặt*...

CHÚ-THÍCH.— (1) *Thanh ngu* 清娛: thanh lịch, vui vẻ.— (2) *Quan ngư* 觀魚: xem đánh cá. Vua Trần Duệ-tôn sai làm quán ở Hồ Tây để xem đánh cá.— (3) *Long khánh*: niên hiệu vua Trần Duệ-tôn (1373-1377).— (4) *Dụ tượng* 誘象: Dụ voi. Xưa ở phía Hồ Tây có quả núi tên là «Phục tượng-sơn 伏象山» (núi Voi phục).— (5) *Kiên phủ*: tức là Kiên phủ hữu đạo: niên hiệu vua Lý Thái-tôn (1039-1042).— (6) *Bát vịnh du hồ* 八詠遊湖: tám bài hát đi chơi hồ của chúa Trịnh sai các quan làm ra.— (7) *Tỉ, hứng*: hai thẻ của các bài thơ trong *Kinh Thi* (Xem *Phần thứ nhất, năm thứ nhất, Chương 1-2*.)— (8) *Qui phúng* 規諷 (qui: khuôn tròn, nghĩa bóng là phép tắc; phúng: nói bóng): lấy lời bóng bày mà khuyên can.— (9) *Liên ngâm thưởng nguyệt* 聯吟賞月: bài thơ liên ngâm đề thưởng cảnh trăng của bà Liễu Hạnh cùng làm với Phùng Khắc-Khoan và một ông họ Lý, một ông họ Ngô khi đi chơi hồ Tây.— (10) *Giao phù* 交孚 chữ trong *Kinh Dịch* nghĩa là: đồng-chí tương-đắc mà không nghi nhau.— (11) *Canh họa* 賡和: (canh là nối tiếp), họa theo bài xướng.— (12) *Tiêu tường* 蕭牆: (tiêu: nghiêm kính; tường: bình-phong): chỗ vua tôi tiếp-kiến. Nồi bụi tiêu-tường: ý nói có nồi loạn.— (13) *Hiệu khiết* 皓潔: trong sạch.— (14) *Hoang khô* 荒枯: Bỏ hoang và khô-héo.— (15) *Trì đàm* 池潭: ao, đầm.— (16) *Khoa dầu*

蚪蚪: con nòng-nọc.— *Phạm-vũ* 梵宇: nhà chùa.— (18) *Sáng-lãng* 爽朗: sáng sủa.— (19) *Tri-thù* 蜘蛛: con nhện.— (20) *Trung-sa*: địa lý có tả-sa, hữu-sa và trung-sa.— (21) *Túc-diều* 宿鳥: (túc: ngủ; điều: chim): kiêu đất như con chim nằm ngủ.— (22) *Tây vực* 西域: cõi Tây, cõi Phật ở.— (23) *Du-ngư* 遊魚: (du: lội; ngư: cá): kiêu đất như con cá lội.— (24) *Đỗ-vũ* 杜宇: cũng như «Đỗ-quyên» xem câu chủ - thích số (16) ở Bài 87.— (25) *Hà-mô* 蝦蟆: con ếch-ương. Vua Tấn-Huệ-Đế một hôm nghe tiếng ếch-ương kêu, hỏi các quan rằng: Con ếch-ương kêu như thế, là vì việc công hay việc tư.— (26) *Lũ cày mây lần tưởng bóng nghề*: (cày mây: cày ruộng ở dưới bóng mây; nghề: cầu vòng; đặt theo câu trong sách *Mạnh-lữ*: «Nhược đại-hạn chi vọng vân nghề 若大旱之望雲霓» (Như lúc giới đại-hạn mà trông mây và cầu vòng); ý nói: đương lúc loạn lạc, mong cảnh thái-bình.— (27) *Thơ thất-nguyệt thở-than cùng mục-thụ* (Thất-nguyệt: tên một bài thơ trong *Kinh Thi* do ông Chu-công làm ra đề kể việc dựng nghiệp nhà Chu khó nhọc; mục-thụ: trẻ chăn trâu) thở - than với đứa trẻ chăn trâu về cơ - nghiệp nhà vua. — (28) *Điếu - nguyệt*: đi cầu ở dưới bóng trăng. — (29) *Chữ Tam - mô bàn bạc với tiều phu* (Tam - mô: ba thiên trong kinh - Thư (Vũ mô, Cao-Dao mô, Ích - Tác mô) nói những phép - tắc về chính-trị): đem việc chính-trị ra bàn bạc với người kiếm củi.— (30) *Ve nhặng*: con ve và con nhặng; nghĩa bóng chỉ kẻ tiều-nhân.— (31) *Trai cò*: nghĩa bóng chỉ những kẻ tranh giành nhau (xem câu chủ thích số (1) ở Bài (58) (đuật không phải là cò).— (32) *Cao lưu*: cũng như chữ «thượng - lưu».— (33) *Nhạo thủy*: thích nước. Theo câu trong sách *Luận ngữ*: Tri-giả nhạo - thủy 知者樂水». (Người tri-thức thích nước).— (34) *Khi rạng quế*: (quế: đây chỉ mặt trăng; xem câu chủ-thích số (4) ở Bài (36): khi mặt trăng sáng.— (35) *Yên cảnh* 煙景: cảnh đẹp.— (36) *Đăng đài* 登臺: lên đài cao.— (37) *Buổi bay rjó*: lúc lá ngò-đồng rụng mà bay xuống, tức là mùa thu.— (38) *Đồ thư* 圖書: tranh và sách.— (39) *Trĩ* 雉: xáy cao một trượng và dài ba trượng.— (40) *Gương loan*: Loan là con cái của chim phượng. Loan phượng là biểu hiệu cho tình vợ chồng: gương loan là gương hai vợ chồng soi chung. Đây nói về cung nữ trong cung vua Lê phải chạy loạn.— (41) *Da ngựa*: da ngựa bọc thầy người chết ở trận tiền. Theo câu của Mã Viện, tướng nhà Hán, nói: «Làm tài trai, nên chết ở chiến trường, lấy da ngựa bọc thầy». Đây nói về các binh-sĩ chết trận. — (42) *Canh dịch* 更易: thay đổi.— (43) *Tiểu - lương* 蕭涼: tiêu điều, lạnh lẽo.— (44) *Thanh - lãng* 清朗: trong - trẻo, sáng sủa.— (45) *Mậu - thân*: tức là năm 1788, năm ông Nguyễn Huệ xưng Hoàng - đế. — (46) *Tường vân* 祥雲: đám mây báo điềm lành, chỉ cảnh

thái-bình. — (47) *Đãng địch* 蕩敵: dẹp yên giặc-giã. — (48) *Canh - tuất*: tức là năm 1790. — (49) *Thời-vũ*: mưa phải thời. Theo câu trong sách *Mạnh-lữ*: «Thời-vũ giáng, dân đại duyệt. 時雨降, 民大悅». Khen công đánh dẹp của vua Thang, vì quân của vua ấy đi đánh đến đâu như «mưa phải thời xuống, dân sự vui mừng lắm». — (50) *Triêm nhu* 沾濡: đầm-thấm; nghĩa bóng nói ơn trên ban khắp như mưa móc thấm-nhuần. — (51) *Tri chiêu* 池沼: ao chuôm. — (52) *Chốn bảy cây*: ở chỗ hồ Tây giáp với hồ Trúc-bạch, xưa có bảy cây to. — (53) *Lăng vân* 凌雲: lán cả mây; ý nói cao lắm. — (54) *Thương lão* 耆老: (Thương là lốm đốm trắng, lão là già): già cỗi. — (55) *Hi-thủy* 戲水: chơi đùa ở dưới nước. — (56) *Trầm-phù* 沉浮: chìm và nổi. — (57) *Hoa-thạch* 花石: đá hoa. — (58) *Trùng cầm* 虫琴: (trùng là loài sâu; cầm: đàn): tiếng các loài côn trùng kêu như tiếng đàn. — (59) *Nội-Chu*: vua Vũ-vương nhà Chu thả ngựa trâu ra ngoài nội, tỏ ý không dùng đến việc binh nữa. — (60) *Ao Hán*: sách *Hán-sử* có câu: «Xích tử lộng giáp binh ư Hoàng-Tri chi trung 赤子弄甲兵於黃池之中» trẻ con đùa bỡn áo giáp, đồ binh ở trong ao Hoàng-tri); ý nói, giặc già chẳng ra gì, như bọn trẻ đùa nghịch. — (61) *Cô trúc* 孤竹: tên nước (nay thuộc tỉnh Trục-lệ bên Tàu). Đây là nói đến hai anh em ông Bá-Di và ông Thúc-Tề, con vua Cô-trúc, sau khi nhà Thương mất nước, không chịu ăn thóc của nhà Chu, lên núi Thúc-dương hái rau vi, rồi chết đói ở đấy. — (62) *Sào, Do*: tức là Sào Phủ và Hứa Do: hai bậc cao-sĩ bên Tàu. Vua Nghiêu xin nhường ngôi cho Hứa Do, Hứa Do không muốn nghe chuyện ấy, ra bờ sông Dĩnh-thủy rửa tai, gặp Sào Phủ dắt trâu đi uống nước, thấy thế, sợ nước ấy làm bẩn cả miệng trâu, bèn dắt trâu lên quăng sông trên cho uống. — (63) *Tây hữu*: chữ lấy trong *Hán-sử*: «Tây vực hữu thần, kỳ danh viết Phật 西域有神, 其名曰佛.» (Phương Tây có vị thần tên là Phật). — (64) *Lữ Ngộ về từng niệm chữ «Nam-mô»*: lữ Ngộ chỉ bọn quân Tàu của Tôn Sĩ-Nghị bị Nguyễn-Huệ đánh thua, được tha cho về nước; niệm chữ «Nam-mô» ý nói: ca tụng nhà Tây-sơn như Phật, chữ vô đây phải đọc mô mới đúng âm. — (65) *Hậu nhân* 厚仁: phúc hậu nhân đức. — (66) *Kim thang*: tức là kim thành thang trì 金城湯池, thành đúc bằng kim khí và ao nước nóng, ý nói kiên cố hiểm trở. — (67) *Chỉ trụ* 砥柱: cột đá. — (68) *Nước trí non nhân*: chữ lấy trong sách *Luận-ngữ*: «Nhân giả nhạo sơn, trí giả nhạo thủy 仁者樂山, 知者樂水». (Người nhân thích núi, người trí thích nước). — (69) *Biên ngưng* 邊隅: ở ven ngoài, ở góc; chốn biên-ngưng cũng như chốn biên-thùy.

PHẠM-THÁI 范彩 (-1777-1813)

(Xem Tiểu truyện tác-giả ở Phần thứ nhất, Năm thứ nhì, Chương thứ X, Lời chú (8).)

71.— Tự trào

Năm bảy năm nay những loạn-ly,
 Cũng thì duyên phận, cũng thì thì.
 Ba mươi tuổi lẽ là bao nả,
 Năm sáu đời vua khéo chóng ghê!
 Một tập thơ dày ngâm sáng-sáng,
 Vài nai rượu kếp nich tì-tì.
 Chết về tiên bụt cho xong kiếp,
 Đù ỏa (1) trần-gian, sống mãi chi?

CHÚ-THÍCH — (1) Đù ỏa: tiếng chửi.

72.— Chiến tụng Tây-hồ phú 戰頌西湖賦

(Trích một đoạn)

«Năm canh-thân (1800) mùa hạ, ta đến chơi với bạn ở Trảng-an, nghe bạn ngâm bài *Tụng Tây hồ phú*. Hỏi ai làm bài ấy mà hay thế? — Bạn rằng: Chương-lĩnh hầu Hữu-hộ Lượng làm ra. — Ta rằng: Chao ôi! Hữu-hộ Lượng à! Xưa hẵn làm tôi Triều Lê, nay ra làm ngụy, lại còn tụng Tây hồ mà chẳng thẹn mặt! Ghét đũa nịnh làm sao! Nhớ xưa có bài thơ «Chiến cổ», nay nhân bĩ kể làm Tụng, ta cũng làm bài «Chiến tụng» để góp một chút trò cười với đời». (Lời tiểu-dẫn của tác-giả).

Bài này hòa đủ 86 vần của bài *Tụng Tây-hồ phú*. Dưới đây cũng trích tự liên 28 đến liên 59 để có thể so-sánh với đoạn đã trích-lục của bài trên (Xem bài số 70).

28.— Bấy nhiêu đã lấy chi làm *khảng* - *khái*; — còn những đâu mà dám nói nhàn-ngu?

29. — Cao-minh chi mà biết phép quan ngư, nào có phải Ba-la cổ sắt (1); — tài cán ấy khó làm mưu dụ tượng, đề mà như Hư-Tĩnh thư phù (2).

30.— Đường ngoan thưởng lờ-mờ bóng ngựa (3); — cung du quan mù-mịt bóng dù (4).

31.— Đồ ăn, thức mặc, ngán nỗi phố-phường, xem phong-
vị khó như đời đại-hữu (5); — kẻ ám, người gian, gớm thay
quân tướng, ngấm mình-lương nào phải đạo trung phu (6).

32.— Chữ lối của bò, lảng-những thư thảo; — thơ rông chó
chạy, lão-nhào xương thù.

33 — Nhạc tiêu-thiếu (7) còn lồm-bồm khúc xưa, tiếng
thanh-diều (8) gọi người đi, kẻ lại; sắc chương-phủ (9) hãy lờ-mờ
dấu cũ, ngọn kim phong (10) lay lá rụng chồi khô.

34. — Con túc-vụ (11) mờ-mờ về lĩnh quạnh; — cái cô hồng
(12) thăm-thăm tếch sương mù.

35.— Chốn thi-dinh (13) ve giục mới hè sang, bốn vách in sâu
thơ bạch-nhạn (14); — mái cầm viện (15) để kêu liên thu đến,
vài gian kết thảm lưới thanh-thù (16).

36. — Đàn dế, rúc sương, cung inh-ỏi; — lửa huỳnh đưa
gió, bóng lù-mù.

37. — Cát xó lên, mặt nước trắng phau-phau, nghĩ ấy thầy
Tân (17) đem hạc mùa, — trắng lặn xuống, đáy hồ trong vắng-
vắc, tưởng rằng ông Lý (18) cưới kinh mô.

38.— Khóc khi vận tối cảm con đồ vũ; — kêu cơ-hoàng (19)
sớm tui cái hà-mô.

39.— Quên thét lâu thi lưỡng đề hờn lâu, bên cầu vòng nghe
dịp trống khua trắng, vì Nam-tướng phải cảm lòng Bắc-sĩ (20);
ếch kêu mãi lại càng thêm oán mãi, trên thành trì lảng ngọn
còi huýt gió, bởi Tây-triều mà ghét chí Đông-phu (21).

40. — Than với đất cả đàn ong lữ kiến; — thở cùng trời từ
con cóc cái cò.

41. — Tưởng nghiền trà cho cá đớp hạc bay (22), khi hứng
vịnh nguyệt dòm quanh bóng quế; — nhờ thuận lư (23) sẵn ngòi
sâu nước rộng, buổi qui lai (24) gió thổi rụng cành ngô.

42. — Kẻ cao-sĩ ắt nhiều nơi trực bút (25); — đưa tiêu-nhân
âu lăm sự hàm-hồ.

43.— Phường Khán-sơn (26) hoa kết *võng* vừa rồi, đoàn kỹ-nữ bẻ-bai hình đến phố; — chợ Võng-thị (27) rượu nồng hương mới chín, lũ túy-ông tất-tưởi *dạng* sang dò.

44.— Khói viển-thôn khi ngọn gió ra vào, trông thoang-thoảng ngõ nhà *mở* cửa lấp; — trăng cổ-quán lúc tấm mây cuốn *mở*, thấy xa xa đường núi *ngất* cây *rù*.

45.— Chim bay nhảy *đầu* non vi-vút, — cá xuống lên mặt nước *thập-thò*.

46.— Cảnh vừa khi quán *tướng* những ta xưa, *thú* cỏ hoa thì *ai* cũng chiều chơi; nào ngờ tuyết lạnh sương tan, lòng dạ ấy phải biết cho người *với*; — người đến buổi quan-hà về kẻ khác, *thù* non sông nghĩ mình chưa trả được, dầu có trăng trong gió mát, mặt mũi nào *vui với* cảnh *ru* !

47.— *Quấy cả văn-chương, hòn đất lấp ! — Chảy băng danh-vọng, khúc sông nhỏ !*

48.— Quỉ dạ-*thoa* (28) quấy bực xuống chi đây, người bách nghệ đến đâu đều *khỗ-não*, — thần hạn-bạt (29) nát ai ra *đấy* tã, kẻ tam nông (30) mong chẳng được *tò nhu* (31).

49.— Cơn binh-hỏa trải mấy *tao* đời đời; — buổi phong trần *thêm* mấy dịp tranh đua.

50.— *Lớp tang-thương* rơi rụng tựa hoa tàn, *ngẫm* thiên-tạo cũng *vui* thay cảnh *thú*; — cuộc nam bắc được chẳng *đường* chớp giạt, nghĩ thời-cơ *thêm* ngán nỗi *khuông* phù.

51.— Đường vinh nhục nọ dòng nước chảy; — *àng* lợi danh kia đá lửa *khua*.

52.— Gánh quân thân ai đã *mỗi* vai rồi, kẻ *tráng-sĩ* làm *thình* đi chẳng *cất*; — vạc quốc-bảo khách *đà* *dang* tay kéo, *đưa* *nhâm-nhân* (32) *gắng* sức lại *mà* *hò*.

53.— Du hồ dễ mấy ai *Phạm Lãi* (33)? — *Phù* hải âu chẳng một *Tử Do* (34) !

54.— Cửa âm dương *khép* mở sớm khuya liền, cơ huyền-diệu *khó* lường sinh với tử; — xe nhật nguyệt *dẩy* dui xuôi ngược mãi, kiếp phù-sinh khôn tính hữu hay vô.

55.— Vàng trăng nọ tròn rồi thời lại khuyết;— bình nước kia đầy lắm có khi dò.

56.— Nhớ khi thanh dạ *tuần* trăng, hương thoang-thoảng đưa phòng trà ướp mộc; — tưởng buổi đoan-dương quạt gió, lửa bằng-bằng đun ấm rượu ngâm bồ (35).

57.— Thanh cung (36) khi hạ tới nắng đương nồng, *giời* *phấn* *phun* *hương*, so thanh lãnh với đông *kia* chẳng kém;— *lãng* *uyên* (37) lúc thu tàn hoa *chứa* *rã*, thềm hồng kết *gấm*, ví *phương*-*phi* (38) cùng xuân ấy không thua.

58.— Thuở ngư du đưa đình phượng thuyền rồng, thềm thanh-hồng (39) hoa cấm chặt ao tiên, thu được cả vương hầu khanh tướng;— *khí* từ yển *bày* đàn loan *quán* *phượng*, khúc vũ-nghe (40) gió thổi lên cung nguyệt, vui mừng *đều* thành thị hải ngư (41).

59.— Nồng nổi ấy, *kể* càng thêm *thảm* *nhĩ*! Con cò này ai *hầu* dễ biết cho?

Bản chép khác.— Liên 28 :... *thứ* *cũng* *kề*... *thắng*....—Liên 29 : *Vũng* *du* *ngư* *khí* *Quảng*-*bá* *dẩy* *xuôi*, *quan* *ngư* *thế* *khó* *nư* *đời* *Hưng*-*khánh*;— *đoàn* *chiến* *tượng* *buổi* *Tam*-*Sơn* *rạch* *ngược*, *đụ* *tượng* *kia* *không* *phép* *Kiên* *phù*.— Liên 30:... *thưởng* *ngoạn* *bụi*... *vó*.. *mây*...— Liên 31:... *cảnh*.. *có*..— Liên 32:... *viết*... *lãng* *nhãng*.— Liên 33:... *quán*... *đồng* - *vọng*... *quen*, *khách* *lạ*... *thương*... *mơ*-*màng*... *canh*...— Liên 34:... *có*... *đỉnh*... *chinh*...— Liên 35:... *hạ*... *gọi*... *ba*...— Liên 36:... *nhận* *rong*... *sôi*... *rù* (hoặc *dù*)— Liên 37:... *khua*... *ngờ*... *vặc*— Liên 38... *tủi* *thay*... *trách*... *xót* *lẽ*...— Liên 39:... *hó*.. *vi*... *hồ*... *chú*...— Liên 40 : *lũ* *chim* *đàn* *sẻ*.. *lũ* *để* *đàn* (hoặc *con* *cóc* *con*)...— Liên 41:... *Thưởng*... *lợi* (hoặc *ngóp*) *tư* *khoái* (hoặc: *lư* *khí*)... *sông*.. *chơi*...— Liên 42:... *ít*... *lúc*...— Liên 43:... *mãng*.. *tả* *đáng*...— Liên 44:... *ma* *lấp*... *lù*— Liên 45:... *sườn* ...— Liên 46:... *duyên* *đây*... *cho* *người* *biết*... *gặp*... *vui* *với* *cảnh* *này*...— Liên 47:... *Hoa* *cổ* *xiết* *toan* *chừng* *tươi* *ủ*;— *tang* *thương* *khôn* *tỉnh* *nỗi* *gập*-*gồ*.— Liên 48:... *soa*... *thấy*...— Liên 49:... *phen*... *lúc*... *càng* *lắm*...— Liên 50:... *Dùi* *hàm* *niên*

đương nện nguyệt cồng kèn hồi thú cổ đã rong sầu lạc quốc;—
 chày cô-tự mới khua chuông chênh-choảng, địch chinh nhân đã
 hót oán diêm-phù...— Liền 51:... đám...— Liền 52:... chí... đứt...
 còn... cánh...— Liền 54:... đóng... ảo... khó;... keo vắn... hư...—
 Liền 55:... Đường... ru... như bình...— Liền 56:... câu... sen... ngải...
 hâm...— Liền 57:... nhả ngọc phun châu... này... thượng... buổi...
 về... nở... lục... phân phương...— Liền 58:... buổi... tấu... quán
 hạc... từ...— Liền 59:... ta... cảm nhẽ... đã.

CHÚ-THÍCH.— (1) Ba la cô-sắt: ông phật Ba-la gây đàn sắt để xem
 cá.— (2) Hư Tĩnh thư phù: (thư phù 書符): thư là viết, phù là bùa; nói
 về phép phù-thủy, dùng hương mà viết trống không, cho thành bùa để
 yểm trấn ma quỷ hoặc sai khiến âm-binh; ông Hư-Tĩnh học được phép
 tiên, dùng phép thư phù mà hàng được rồng, phục được hồ.— (3) Lờ mờ
 móng ngựa: ít có chân ngựa đi lại — (4) Mù-mịt bóng dù: không thấy bóng
 dù lọng lui tới.— (5) Đại hữu: một quả trong Kinh Dịch, nghĩa là thịnh-
 vượng, giàu có.— (6) Trung-phu: một quả trong Kinh Dịch, nghĩa là trong
 lòng ngay thẳng.— (7) Tiêu-thiếu 蕭韶 (tiêu: sáo; thiếu: nhạc cổ): nói
 chung về âm-nhạc của nhà vua.— (8) Thanh điều 青鳥: con chim xanh.—
 (9) Chương-phủ: thứ mũ cổ của các sĩ-phu thường đội.— (10) Kim phong
 金風: gió mùa thu, vì mùa thu, thuộc hành kim.— (11) Túc vụ: 宿鷺:
 con le ngủ.— (12) Cô hồng 孤鴻: chim hồng bay một mình.— (13) Thi
 đình 詩庭: sân thi lễ, nơi học hành.— (14) Thư bạch nhạn: thư của Đò
 Phủ đời Đường trong có câu: «Cổ quốc sương tiền bạch nhạn lai 故國
 霜前白雁來 (Nước cũ trước khi có sương chim nhạn trắng lại).—
 (15) Cầm viện 琴院: viện gảy đàn.— (16) Thanh thủ 青蛛: con nhện
 xanh.— (17) Thầy Tân: tức là Lã Đồng Tân cưới hạc qua bể đến dự yến
 ở Dao Trì của bà Tây Vương mẫu mời.— (18) Ông Lý: tức là Lý Bạch tự
 xưng là «Hải thượng kỳ kinh khách 海上騎鯨客» (người khách cưỡi
 cá kinh ở trên bể).— (19) Cơ hoang 饑荒: đói và mất mùa.— (20) Nam
 tướng: tướng phương Nam tức là của Tây-sơn; Bắc-sĩ: sĩ tốt phía Bắc, tức
 là của Tôn Sĩ-Nghị.— (21) Tây triều: tức là triều Tây sơn; Đông-phu: tức
 là sĩ-phu ở Đông-kinh (Hà-nội).— (22) Tưởng nghiêng trà cho cá dớp hạc
 bay: theo hai câu thơ của Lâm-Bồ «Tây nghiêng ngư thôn mặc, phanh
 trà hạc tị yên 洗硯魚吞墨,烹茶鶴避煙.» (Rửa nghiêng thì con cá nuốt
 mực, Đun chè thì chim hạc tránh khói).— (23) Nhớ thuần hư: Trương

- Miễn là đắc thắng đầy kho bạc vàng (11).
 Tinh binh đồn phủ Phấn-dương (12).
 Đem binh lão-nhược lọt đường Tây-sơn.
 Ai ngoài, sai chúng khó-khăn,
 170 Góc nhà đồn-thủ về phần cháu con.
 Trận bày dưới biển trên non,
 Vây dân tiến của đắp đồn miễn hơn.
 Khéo là đánh dạ bất-nhân,
 Một mình muốn sống, muôn dân nở hoài.
 175 Vi dầu xuống ngựa lên ngai,
 Không dân chưa dễ cùng ai sang giàu.
 Tưởng hơn nào thiệt có ầu,
 Nước nhà đã mất, công-hầu cùng ai?
 Sao không chống sức ra tài,
 180 Lấy gan làm lũy, lấy vai làm thành?
 Để cho giặc nọ vô-danh,
 Xôn-xao ếch giếng khoe mình nổi chi.
 Anh-hùng đã phải tế thì (13),
 Nào là tài-cán chẳng đi dẹp loạn?
 185 Binh-cơ khéo vận trong màn,
 Chưa lo đánh giặc, đã càn đánh dân.
 Mối hay Tần lại công Tần (14),
 Quét hang đã lỗ, cày sản lại chìn (15).
 Đến đâu máu mỡ đều hao,
 190 Của dân sao khéo tở hào chẳng kiêng.
 Ai là dân Quảng (16) truân chiến,
 Dễ hầu gà lược mấy phen nữa là.
 Tranh nhau mấy trận vào ra,
 Xương phơi trắng núi, máu hòa đỏ sông.

CHÚ-THÍCH.— (1) Ất dậu: tức là năm 1765, năm đức Định-vương Nguyễn Phúc-Thuần (sau truy-tôn là Duệ-tôn Hiếu-định hoàng-đế) lên ngôi chúa.— (2) Qui-tị: tức là năm 1773, năm Nguyễn Nhạc nổi loạn.— (3) Xứ Chiêm: Tây-sơn (tên xã, nay là đất hai thôn An-kê và Cửu-an thuộc phủ Hoài-nhân, tỉnh Bình-định), quê ba anh em Nguyễn Nhạc, Nguyễn Lữ và Nguyễn Huệ, vốn là đất cũ của Chiêm-thành.— (4) Biện Nhạc: nguyên Nguyễn Nhạc trước làm biện-lại ở Vân-đồn nên thường gọi là Biện Nhạc.— (5) Nghĩ làm Võ, Thang (Võ: vua sáng-nghiệp ra nhà Hạ; Thang:

vua sáng nghiệp ra nhà Thương): tưởng làm mình có tài làm nên vua sáng nghiệp. — (6) *Phù minh diệt ám* 扶明滅暗: giúp sự sáng, dứt sự tối. Khi Nguyễn-Nhạc nổi loạn, lấy danh nghĩa là trừ đảng Trương-Phúc-Loan là kẻ quyền thần làm bậy. — (7) *Câu 150*: Sau khi Nguyễn-Nhạc nổi loạn, có hai người khách buôn tên là Tập Đình và Lý Tài cũng mộ quân đi theo. — (8) *Ngọc thạch câu phần* 玉石俱焚: ngọc và đá đều cháy; nghĩa bóng: dân sự đều bị tàn phá. — (9) *Thăng Điện*: p. Thăng-hoa (nay là Thăng-binh) và p. Điện-bàn thuộc Quảng-nam. — (10) *Lương sĩ củ củ* 良士瞿瞿: chữ trong *Kinh Thi*, nghĩa là tướng sĩ giỏi mạnh mẽ. — (11) *Câu 166*: tuy quân thua, nhưng Trương-Phúc-Loan tau man với chúa là quân thắng trận đề xin lấy vàng bạc làm tiền thưởng cho tướng-sĩ. — (12) *Phấn-dương*: tên xã, ở đây có cái biệt-thự của Trương-Phúc-Loan. — (13) *Tế thi* 濟時: giúp đời. — (14) *Tần lại công Tần*: nghĩa đen là quân nhà Tần lại đánh nhà Tần; nghĩa bóng là quân mình lại làm hại dân mình. — (15) *Quét hang, cày sản*: đánh tràn đi. — (16) *Quảng*: Quảng-nam.

LÊ NGỌC-HÂN 黎玉欣

(Xem tiểu-truyện tác-giả ở Phần thứ nhất, năm thứ nhì, Chương thứ X. Lời chú (12).)

74.— Khóc vua Quang-Trung

(Trích một đoạn)

- 77 Buồn thay nhẽ sương rơi, gió lọt!
Cảnh đìu-hiu, thánh-thót châu sa.
Tưởng lời di-ngữ thiết-tha,
- 80 Khóc nào nên tiếng, thức mà cũng mê.
Buồn thay nhẽ xuân về, hoa ở!
Mối sầu này, ai gỡ cho xong?
Quyết liều, mong vẹn chữ « tòng »,
Trên lương nào nại, giữa dòng nào e?
- 85 Còn trứng nước, thương vì đôi trẻ,
Chữ thâm-tình, không nhẽ bỏ đi.

- Vậy nên nấn-ná ngày trì (1),
 Hình dường như ở, hồn thì đã theo.
 Năm canh lưỡng chiêm-bao lần quất,
 90 Mơ-tưởng còn phảng-phất thiên-nhan.
 Tiếng say trên gối trước mản,
 Khi mê dường thấy, khi tàn lại không.
 Nhà ngọc-vũ (1a) tiếng đồng vắng-vắng,
 Khúc quân-thiếu sao vắng âm-hao?
 95 Mơ màng lưỡng những khát-khao,
 Ngọc-kính (2) chốn ấy, ngày nào tới nơi?
 Tưởng thôi, lại bồi-hồi trong dạ,
 Nguyễn «đồng-sinh» sao đã kịp phai?
 Xưa sao sớm hỏi, khuya vời,
 100 Nặng lời vàng đá, cạn lời tóc tơ?
 Bây giờ bỗng thờ-ơ lặng-lẽ,
 Tinh cô-đơn, ai kẻ biết đầu!
 Xưa sao gang tấc gần châu,
 Trước sân phong nguyệt, trên lầu sinh ca?
 105 Bây giờ bỗng cách xa đôi côi,
 Tin hàn-huyền (3) khôn hỏi thăm lành!
 Nửa cung gãy phim cầm lạnh,
 Nỗi con côi-cút, nỗi mình bơ-vơ!
 Nghĩ nông-nỗi ngần-ngờ đôi lúc,
 110 Tiếng tử qui (4) thêm giục lòng thương.
 Nào người thay, cảnh đều-lương!
 Dạ thường quẩn-quại, mắt thường ngóng trông.
 Trông mê đông, lá buồm xuôi ngược,
 Thấy mệnh-mông những nước cùng mây.
 115 Đông rồi, thời lại trông tây,
 Thấy non chất-ngất, thấy cây rườm-rà.
 Trông nam, thấy nhạn sa lác-đắc;
 Trông bắc thời ngàn bạc màu sương.
 Khắp trông trời đất bốn phương,
 120 Côi tiên khơi thăm, biết đường nào đi?

Bản chép khác.— Câu 79 : ... *chúc* ... — Câu 80 : ... *mà* ... *nên*... — Câu 81 : ... *cảnh*... — Câu 82 : ... *riêng*... — Câu 84 : ... *rừng*... *đầu*... — Câu 85 : ... *chút*... — Câu 86 : ... *tình thâm chưa thoát được*... — Câu 87 : ... *đời khi*... — Câu 88 : ... *tuy còn*... *phách*... — Câu 89 — 94 : Theo buổi trước ngự đèo Bồng-đảo. Theo buổi sau ngự nẻo sông Ngân. Theo xa thôi lại theo gần, Theo phen điện quế, theo lần nguồn hoa. Đường theo, bỗng tiếng gà sức tỉnh. Đau đớn thay ấy cảnh chiêm bao ! — Câu 95 : ... *thêm nổi*... — Câu 99 : *Khi*... — Câu 100 : ... *lòng*... — Câu 101 : *Giờ sao*... — Câu 102 : ... *xét* ... — Câu 103 : *Khi*... — Câu 104 : ... *lầu ngoài*... *định*... — Câu 105 : *Giờ sao*... — Câu 106 : ... *nghe không*... — Câu 107 : ... *vừa*... *đan*... — Câu 111 : ... *tiên-hương*... — Câu 112 : ... *quanh-quất, mặt*... — Câu 113 : ... *mái*... — Câu 114 : ... *mông-ménh*... — Câu 116 : *ngân*... — Câu 118 : ... *ngọn*... — Câu 119 : *No*... — Câu 120 : ... *diễn*...

CHÚ-THÍCH.— (1) *Trì* : đây là trì-hoãn, đề chậm lại. — (1a) Ngọc-vũ 玉宇 : cung điện trang-hoàng bằng vàng ngọc. — (2) *Ngọc kinh* : hoàng đô, kinh-đô. — (3) *Hàn-huyền* 寒暄 (lạnh và ấm) : nói về câu thăm hỏi, trò-chuyện. Khi hai người mới gặp nhau, lấy những câu trời lạnh, trời nóng đề hỏi thăm nhau. Cũng giống nghĩa như chữ « hàn ôn 寒溫 ». — (4) *Tử qui* 子規 : chim đỗ-quỳên.

ĐẶNG ĐỨC-SIÊU 鄧德超

(Xem Tiểu-truyện tác-giả ở Phần thứ nhất, Năm thứ nhì, Chương thứ X, Lời chú (13).)

75. — Văn-tế Phò-mã Chưởng hậu-quân Vũ Tính và Lễ-bộ thượng-thư Ngô Tùng-Châu

Vũ-Tính (Võ-Tán) là một bức danh-tướng của vua Gia-long lại lấy em gái ngài Ngô Tùng - Châu (Tòng - Chu) là bức văn-thần làm Lễ-bộ thượng-thư kiêm chức Phụ-đạo Đông-cung. Khi đức Gia-long đã lấy được Qui-nhơn (Bình-định) của Tây-sơn (1799), ngài sai Tính làm trấn-thủ và Châu làm hiệp-trấn để cùng giữ thành ấy. Không bao lâu, quân Tây-sơn lại kéo đến đồng vây thành. Trong non hai năm trời hai ông hết sức chống giữ thành-trì ; sau quân-sĩ mỗi-mệt, lương-thực khánh kiệt, hai ông bèn tuân-tử để toàn danh-tiết ; Châu thì uống thuốc độc chết (1081). Nên trong bài văn-tế này, trong đoạn kể tài-đức hai ông, cứ về trên nói về Tính, về dưới nói về Châu.

Than rằng:

1.— Đạo thần-tử hết lòng thờ chúa, gian-nan từng giải dạ trung-thành;— đừng anh-hùng vì nước quyền-sinh, *điên-bái* (1) *chẳng sai* lòng tiết nghĩa.

2.— Ngọc dầu tan, vể trắng nào phai;— trúc dầu cháy, tiết ngay *vẫn* đề.

Nhớ hai người xưa :

3.— Thao-lược (2) ấy tài;— kinh-luân (3) là chi.

4.— Phù vạc Hán thuở ngời trời chềch-lệch (4), chém gai đuôi lữ hung-tàn;— với xe Đường khi thế nước chông-chênh (5), cầm bút ra tay kinh-tế (6).

5.— Mỗi nghĩa sánh duyên gác tia (7), bước gian-truân từng cạy dạ khuông-phù;— màn kinh giúp sức cung xanh (8), công mông dưỡng (9), đã đành lòng ủy-ký.

6.— Hậu-quân thuở trao quyền tứ-trụ (10), chữ ân uy lớn nhỏ đều phu (11);— Lễ-bộ phen *làm* việc chinh-khanh (12), bề trung ái sớm khuya chẳng trễ.

7.— Ngoài cõi vượt nanh ra sức, chi tiêm-cừu (13) đành giải xuống ba quân;— trong thành *then khóa* chia lo, lòng ưu quốc (14) đã thấu lên chín bề.

8.— Miền biên-khôn (15) *hai* năm chia sức giặc (16), vững lòng tôi bao quân thế là nguy;— cõi Phú-xuân (17) một trận *khét* uy trời, nặng việc nước phải lấy mình làm nhẹ.

9.— Sửa mũ áo lạy về bắc-khuyết (18), ngọn quang-minh hun mát tấm trung-can;— chỉ non sông *giã* với cô-thành, chén tân-khồ (19) nhấp ngon mùi chinh-khi (20).

10.— Hà rằng ngại một phen thử - thạch (21), giải trùng vì mà *tìm* tới quân-vương;— bởi vì thương muôn mạng tì hưu (22), thà nhất tử đề cho toàn tướng-sĩ.

11.— Tiếng hiệu-lệnh mớ - màng trước gió, ân tin xưa người bộ - khúc (23) thương tâm;— bóng tình-trung (24) thấp thoáng dưới đèn, phong nghi cũ kẻ liêu - bả (25) sai lẽ.

12.— Cơ dăng-định (26) kíp chầy đành hẹn buổi, xót tương doanh sao vắng mặt thân huân (27);—phận truy-tùy (28) gang tấc cũng đền công, tiếc nhung-mạc (29) bỗng thiệt tay trung tri.

13.— Nay gặp tiết thu;— bày tuần ủy-tế (30).

(14).— Hai chữ cương-thường nghĩa nặng, rõ cồn-hoa (31) cũng thỏa chốn u-minh;— nghìn thu hà-nhạc (32) khi thiêng, giúp mao việt (33) để mở nền binh-trị.

Thượng hưởng!

Bản chép khác.— Liền 1: *bản dăng dăm lay*....— Liền 2: ... còn... Liền 6: ... *giúp*...— Liền 7: ... *lòng dạ* (hoặc *vững dạ*)...— Liền 8: ... *đôi*... *thét*...— Liền 10: ... *theo*...— Liền 14: ... *quang*...

CHÚ-THÍCH — (1) *Điện bài* 顛沛: nghĩa đen: đồ lộn nhào; nghĩa bóng; loạn-lạc.— (2) *Thao-lược* 韜略: (thao: phép kín của binh; lược: mưu-mô): phương-pháp và mưu-mô trong việc binh.— (3) *Kinh-luân*: xem câu chú-thích số (1) ở Bài 86.— (4) *Phù vạc* 扶 鼎 *Hàn thuở* 漢 時 *ngôi trời* 天 *chếch-lệch* (phù: giúp; vạc: dịch chữ đỉnh 鼎, biểu-hiệu của ngôi vua; Hán: tên một triều vua ở bên Tàu): giúp nhà vua khi có hoạn-nạn.— (5) *Với xe* 與 車 *Đường khi* 路 時 *thế nước* 世 水 *chông-chênh* (với: kéo lại; xe Đường: xe vua Đường Huyền-tôn chạy vào đất Thục khi có loạn An-Lộc-Sơn): vãn-hồi lại vận nước khi có nguy-biến.— (6) *Kinh-tế* 經 濟: do chữ «kinh bang tế thế 經 邦 濟 世», sửa việc nước và giúp đời.— (7) *Sánh duyên* 善 緣 *gác lía* (gác lía: chỗ công chúa ở): nói về việc ông Vũ-Tĩnh lấy Ngọc-Du công-chúa em gái vua Gia-Long.— (8) *Màn kinh* 滿 經 *giúp sức* 助 力 *cung xanh* (màn kinh: cái màn của ông thầy ngồi giảng - sách; cung xanh: cung thái-tử ở): nói về việc ông Ngô Tùng-Châu dạy hoàng-tử Cảnh học.— (9) *Mông dưỡng* 蒙 養: nuôi dạy trẻ con.— (10) *Tứ trụ* 四 柱: bốn cột cái; chỉ bốn vị đại-thần trong triều.— (11) *Phu* 孚 *tin phục*.— (12) *Chính-khanh* 正 卿: chức quan, trên bậc thiếu-khanh; chức quan to.— (13) *Tiêm cửu* 添 仇: giết kẻ thù.— (14) *Ưu quốc* 憂 國: lo về việc nước.— (15) *Biên khồn* 邊 間: nơi biên-thùy. Bấy giờ vua Gia-Long mới thu-phục được đất Gia-định, nên thành Qui-nhơn cũng kể là nơi biên-thùy.— (16) *Chia sức* 分 力 *giặc*: vì ông Vũ-Tĩnh giữ vững Qui-Nhơn, nên quân Tây-sơn không thể dời đây mà ra ngoài Phú-xuân được.— (17) *Phú-xuân*: tức là kinh-đô Huế ngày nay.— (18) *Bắc khuyết* 北 闕: cửa hoàng-thành ở phía Bắc. Bấy giờ vua Gia-Long đương ở Phú-xuân, tức ở phía bắc thành Qui-nhơn.— (19) *Tân khổ* 辛 苦: cay và

đăng; chỉ thuốc độc.— (20) *Chinh khí* 正氣: cái khí-tiết ngay thẳng của những bậc trung - thần nghĩa - sĩ.— (21) *Thỉ thạch* 矢石: tên và đạn.— (22) *Tì hưu* 貔貅: tên hai loài mãnh thú: chỉ quân hùng-dũng.— (23) *Bộ khúc* 部曲: các đội ngũ trong quân.— (24) *Tinh trung* 精忠: hồn trung-nghĩa thiêng-liêng.— (25) *Liêu bằng* 僚朋: bè bạn cùng làm quan.— (26) *Đãng-dịnh* 蕩定: dẹp yên giặc-giã.— (27) *Thân huân* 親勲: thân với nhà vua và có công to.— (28) *Truy tùy* 追隨: theo dõi.— (29) *Nhung mạc* 戎幕: màn quan tướng ở trong quân.— (30) *Úy-tế* 慰祭: tế để yên-úi.— (31) *Côn hoa* 袞華: (côn: lễ phục của nhà vua): sắc của vua ban, làm cho vinh-hiến như khoác áo côn vào mình.— (32) *Hà nhạc* 河岳: sông và núi.— (33) *Mao việt* 旄鉞: mao là cờ kết bằng lông mao để biểu-hiệu mệnh-lệnh của nhà vua; việt là thứ binh-khi hình như cái búa.

ĐẶNG TRẦN - THƯỜNG 鄧陳常 (1759-1813)

Ông người huyện Chương đức, (nay là huyện Chương-mỹ, Hà-đông), đậu sinh-đồ về cuối đời nhà Lê. Sau khi nhà Lê mất, không chịu ra làm quan với Tây-sơn, vào Gia-định theo giúp đức Nguyễn-Ánh lập nhiều công trạng làm đến chức Tán-lý. Bình-định xong, lĩnh chức Binh bộ Bắc thành, rồi được triệu về Kinh làm Binh-bộ thượng-thư. Sau vì có lỗi, phải bắt giam trong ngục, làm bài phú kể dưới; sau phải tội giảo.

76.— Hàn Vương-Tôn phú 韓王孫賦 (Trích một đoạn)

Hàn vương-tôn (vương-tôn: con cháu nhà quý tộc) tức là Hàn-Tin 韓信 người đất Hoài-âm, một bậc danh-tướng của vua Hàn Cao-tổ bên Tàu. Trước hết ra mắt Hạng-Vũ, Vũ không dùng bèn đi theo vua Hàn được làm đại-tướng, đánh dẹp có công lớn, trước được phong làm Tề-vương, sau đổi làm Sở-vương. Về sau có kẻ tố cáo rằng Tin mưu phản, vua Cao-tổ giả cách đến chơi Vân-mộng, bắt Tin, rồi tha và giáng xuống làm Hoài-âm hầu, nhưng sau bị bà Lữ-hậu (vợ Cao-tổ) giết chết.

Bài phú này gồm 24 liên, có thể chia làm 5 đoạn: 1o Lúc hàn vi (liên 1-10).— 2o Lúc làm tướng (liên 11-22) — 3o Công đánh dẹp (liên 23-32) — 4o Lòng trung-thành và nỗi oan-uổng (liên 33-38); — 5o Đoạn kết (liên 39-42).

33.— Ôi-ác biết lòng du-tử (1), vậy khi đóng Định-đào, khi quân Tu-vũ, ra vào then khóa chẳng ngờ (2);— trung trình giữ tiết nhân thần, dù rằng chơi Vân-mộng, dù rằng được Trần Hy, chút đỉnh tóc tơ dám nghĩ (3).

34.— Há có lòng như Hy, Bối (4) chút nào;— tiết then mặt với Phàn, Đẳng (5) một tí.

35.— Ôn nho-nhỏ cũng lấy vàng mà báo đáp (6), đỉnh chung (7) này đâu có nhẽ thờ ơ;— oán rành rành còn cho tước để dùng (8), giang-sơn ấy há lại lòng ngấp nghé.

36.— Giơ cung bắn thỏ, nặng sức nam-nhi;— được cá bỏ nơm, quân đâu thế vị.

37.— Đường phủ qui có sức nào chuyển được, nọ kẻ trưởng màn khuya sớm, chốn Cốc thành còn phải lánh mình đi (9);— áng công danh hồ ai dễ xử đâu, (10) kia người then khóa bấy lâu, vườn Thượng-uyên cũng còn rơi tiếng lụy (11)!

38.— Chót tao phùng đã đỉnh lợi cùng danh;— thời vinh nhục lọ bàn phi với thị.

39.— Lánh thay! Văn vũ gặp thời,— còn bằng phỉ chí.

40.— Luận tài năng, suốt Tây kinh, Đông Hán (12) chưa ai;— so huân nghiệp, dẫu Châu, Thiệu, Thái công (13) khá ví.

41.— Nhà thạch-thất dẫu nhật son, mòn sắt (14), danh tướng quân đành muôn kiếp còn thơm;— nền kim-đao dù nhật lửa, phai vàng (15), công tướng quân dẫu nghìn năm như vẽ.

42.— Ta nay: xem pho cựu-sử, đọc truyện nhân thần; thấy câu: «Hán đắc thiên hạ đại đề giai Tín chi công» (16), chữa từng chẳng thán tích Hàn vương tôn chi anh tài, mà thâm trách Hàn Cao hoàng chi sai ky (17).

CHÚ-THÍCH.— (1) *Ôi ác*: bực ác; *du tử* 遊子: khách đi chơi. Hàn Cao-tổ, trong một bài hát tự xưng là «du tử».— (2) *Định đào, Tu-Vũ*: tên đất. Khi Hàn Tín đóng quân ở đất Định-đào và đất Tu-Vũ, Vua Hàn Cao-tổ lên vào trong dinh, lấy ấn đại-tướng dấu đi mà Hàn Tín vẫn ngủ không biết.— (3) *Vân-mộng*: tên đất. Vua Hàn

Cao Tổ, giả cách đi chơi Vân-mộng; Hàn Tín đến châu, bị vua bắt trói vào xe đem về. *Trần Hy*: một người tướng của vua Hán Cao Tổ, sau làm phản. Khi vua Hán Cao-Tổ đương đi đánh Trần Hy, bà Lữ-Hậu nói rằng đã bắt được hần; Hàn Tín vào mừng, bị bắt và giết chết. Hai việc ấy tỏ rằng Hàn Tín một lòng ngay thẳng, không hề có ý nghĩ làm phản. — (4) *Hy Bố*: tức là Trần-Hy (vừa nói trên) và Anh Bố đều là tướng của vua Hán Cao-Tổ mà sau làm phản. — (5) *Phân, Đằng*: tức là Phân-Khoái và Đằng-Công. Khi Hàn Tín làm đại tướng thì cai quản cả bọn Phân, Đằng; sau phải giáng làm Hoài-âm hầu, thành ra ngang hàng với bọn ấy. — (6) *Ơn nhỏ-nhỏ cũng lấy vàng mà báo đáp*: lúc Hàn Tín còn hàn vi, một lần đói khát, được bà Xiểu-mẫu cho ăn, sau Tín làm Sở-vương, đem nghìn vàng tặng bà ấy để đền ơn. — (7) *Đỉnh - chung 鼎 鐘*: (vạc và chuông): tức là chung minh đỉnh thực 鐘 鳴 鼎 食: xưa nhà giàu sang, bày vạc mà ăn và lúc ăn thì phải đánh chuông; nghĩa bóng nói sự phú quý. — (8) *Oằn rành-rành còn cho lược để sinh dùng*: lúc Hàn Tín còn hàn vi, một hôm, cầm gươm ra chợ Hoài-âm, có người hàng thịt muốn làm nhục, bảo Tín rằng: «Có gan chết thì đâm ta, bằng không thì luồn qua khố ta». Hàn-Tín chịu luồn qua khố hần. Sau Tín làm nên không giết hần, lại còn cho hần làm quan. — (9) *Đường phú quý. . . lánh mình đi*: thường thường không có sức mạnh nào làm chuyển được lòng ham phú quý của người đời, thế mà Trương-Lương một người đã có công ngồi trong màn bày mưu lập kế cho vua Hán Cao, sau khi bình định lại bỏ cả phú quý mà ẩn ở đất Cốc-thành, vì Lương biết rằng vua Hán hay ngờ ghét công thần. — (10) *Áng công danh hồ ai dễ xử dẫu*: người bày tòi đã lập nên công danh rất là khó xử để toàn được thân, vì vua hay đem lòng ngờ vực. — (11) *Kìa người then khóa còn rơi tiếng lụy*: đây là nói về Tiêu-Hà. Khi vua Hán Cao đánh nhau với nước Sở thì Tiêu Hà giữ đất Quan-trung (như người coi nhà giữ việc then khóa), có công trạng to, thế mà về sau, chỉ vì Tiêu-Hà xin cho dân được vào ở trong Thượng uyển (vườn nhà vua), Vua Hán nghĩ chớ Hà ăn hối lộ, bắt giam vào ngục. — (12) *Tây-kinh, Đông Hán*: tức là nhà Tây-Hán đóng kinh-đô ở phía Tây (Tràng-an) và nhà Đông-Hán đóng kinh-đô ở phía đông (Lạc-dương). — (13) *Châu, Thiệu, Thái-công*: Châu là Châu-công, Thiệu là Thiệu-công, hai bậc tướng giỏi đã giúp vua Vũ-vương dựng nghiệp nhà Châu. Thái-Công: tức là Thái-công-Vọng. (xem câu chú-thích số 11 ở Bài 63). — (14) *Nhà thạch-thất dẫu nhật sơn mòn sắt*: vua Cao-tổ có làm một nhà bằng đá (thạch-thất) trong ghi lời thề viết bằng sơn khắc vào sắt rằng: con cháu các công-thần được đời đời nối nghiệp làm chư-hầu. Nhật sơn mòn sắt: ý nói không giữ lời thề. — (15) *Nền kim đao dù tắt lửa phai vàng*: ý nói nhà Hán dù mất ngôi vua.

Nền kim đao chỉ nhà Hán, vì vua Hán Cao-tổ họ Lưu, mà trong chữ Lưu 劉 có chữ 金 (vàng) và chữ Đao 刀 (dao): phai vàng là ám chỉ chữ «kim» ở trên; còn tắt lửa là vì nhà Hán khởi lên từ phương tây, mà phương tây thuộc hành hỏa là lửa. — (16) *Hán đắc thiên hạ đại-đề giai Tín chi công* 漢得天下大抵皆信之功: nhà Hán được thiên-hạ đại-đề đều là công của Hàn-Tín. — (17) *Thán tích Hàn vương-tôn chi anh tài*: than tiếc cái tài giỏi của Hàn vương-tôn. *Thâm trách Hàn Cao-hoàng chi sai kỳ*: sâu trách cái lòng ngờ ghét của vua Hán Cao.

PHẠM QUÍ-THÍCH 范貴適 (1760-1825)

(Xem tiểu-truyện tác-giả ở Phần thứ nhất, Năm thứ nhì, Chương thứ XV, Lời chú (1)).

77.— Tổng vịnh truyện Kiều (1)

*Giọt nước Tiền-đường chẳng rửa oan,
Phong-ba chưa trắng nợ hồng-nhan.
Lòng tơ còn vương chàng Kim-Trọng,
Gót ngọc khôn đành chốn thủy-quan (2).
Nửa giấc đoan-trường tan gổi điệp (3),
Một dây bạc-mệnh đứt cầm loan (4).
Cho hay những kẻ tài tình lắm,
Trời bắt làm gương để thế-gian.*

Bản khác chép.— Câu 4: *Vẽ... chưa phai...*

CHÚ-THÍCH.— (1) Bài thơ nôm này là dịch thoát bài thơ chữ Hán thường in ở đầu các bản truyện Kiều nôm (xem nguyên văn ở Phần thứ nhất, Năm thứ nhì, Chương thứ XV, Bài đọc thêm số 1). — (2) *Thủy-quan*: như chữ «thủy-phủ» nơi thủy-thần ở. — (3) *Gổi điệp* (điệp: con bướm): xưa Trang-Chu nằm chiêm-bao thấy mình hóa ra con bướm, nên giấc chiêm-bao y gọi là «giấc điệp», gổi nằm chiêm-bao gọi là «gổi điệp». — (4) *Cầm loan* (cầm: đàn, loan: con cái của chim phượng), nghĩa bóng: tình hòa-hợp của hai vợ chồng hoặc của hai tình-nhân.

NGUYỄN DU 阮 攸 (1765-1820)

(Xem Tiểu-truyện tác-giả ở Phần thứ Nhất, Năm thứ nhì, Chương thứ XV, Lời chú (2).)

Kim Vân Kiều 金 雲 翹

Lược truyện.— Truyện Kiều (xem Phần thứ nhất, Năm thứ nhì, Chương thứ XVIII) gồm có 3254 câu, trừ đoạn mở bài và đoạn kết, có thể chia làm sáu hồi:

Đoạn mở bài (câu 1-38).— Tác-giả đem cái thuyết «tài mệnh tương đố» (tài và mệnh ghét nhau) nêu lên làm luận đề cuốn truyện. Rồi tác giả nói gia-thế và tả tài sắc hai chị em Thúy-Kiều.

I.— *Thúy-Kiều và Kim-Trọng đính ước với nhau* (câu 39-528).— Thúy-Kiều cùng hai em là Thúy-Vân và Vương-Quan, nhân đi chơi thanh-minh, gặp mả Đạm-Tiên là một người kỹ-nữ xưa có tài sắc mà số mệnh không ra gì; lúc sắp về, lại gặp Kim-Trọng, hai bên bắt đầu yêu nhau. Kiều về nhà, nghĩ đến thân-thế Đạm-Tiên mà lo cho hậu-vận mình; lại nhớ đến Kim-Trọng, không biết duyên-phận sẽ ra thế nào. Kim-Trọng từ khi biết Kiều cũng đem lòng tưởng nhớ, rồi tìm đến ở cạnh nhà Kiều, nhân thế mà hai bên gặp nhau và thề nguyện gắn bó với nhau.

II.— *Vương-ông mắc oan. Thúy-Kiều bán mình* (câu 529-864).— Sau khi Kim-Trọng từ biệt Kiều về họ tang chủ thì bỗng Vương-ông bị thằng bán tơ vu oan phải bắt. Kiều muốn có tiền để chuộc tội cha, phải bán mình cho Mã Giám-Sinh và theo về Lâm-tri.

III.— *Kiều ở thanh lâu* (câu 865-1274).— Mã Giám-Sinh nói dối là mua Kiều làm thiếp; thực ra, hắn chỉ là tay sai của Tú-bà, một mụ chủ một ngôi hàng thanh-lâu. Khi đến Lâm-Tri, Kiều biết mình bị lừa, toan bề tự vận. Tú-bà mới dỗ ngọt cho Kiều ra ở lầu Ngưng-bích nghỉ-ngơi, hứa sẽ tìm nơi xứng-dáng gả cho. Tú-bà bèn lập mưu sai Sở-Khanh làm ra mặt nghĩa-hiệp rủ Kiều đi trốn. Đến nửa đường, Sở-khanh bỏ Kiều, Kiều bị Tú-bà bắt về, ép phải ra tiếp khách.

IV.— *Kiều vào tay Hoạn-thư* (câu 1275-1992).— Kiều ở thanh-lâu ba năm. Sau gặp một người làng chơi là Thúc-sinh lấy Kiều làm thiếp. Nhưng vợ cả Thúc-sinh là Hoạn-thư được tin, nổi

ghen, sai người, nhân khi Thúc-sinh đi vắng, đến bắt Thúy-Kiều đem về nhà hành hạ khổ sở.

V.— *Kiều lấy Từ-Hải* (câu 1993-2736) — Kiều bỏ nhà Hoạn-thư trốn đi đến ở chùa bà vãi Giác-Duyên, được ít lâu bà cho Kiều sang ở nhà một người đàn bà thường đến lễ chùa là Bạc-bà. Không ngờ Bạc-bà cũng một phường với Tú-bà, giả làm lễ cưới Kiều cho cháu mình là Bạc-Hạnh để đem bán Kiều cho một hàng thanh-lâu ở châu Thai. Thế là Kiều lại phải vào thanh-lâu lần thứ hai. Được ít lâu, Kiều gặp một người tương giặc là Từ-Hải lấy làm vợ. Kiều nhân dịp báo ơn xưa, trả oán cũ. Nhưng không bao lâu Từ-Hải mắc lừa bị giết chết. Kiều bèn đâm đầu xuống sông Tiền-đường, nhưng nhờ có bà vãi Giác-Duyên vớt lên đem đến ở trong am của bà.

VI.— *Kim, Kiều tái hợp* (câu 2737-3240). — Kim Trọng, sau khi về hộ tang chú, trở lại tìm Kiều; nghe tin Kiều phải bán mình, mới nghe lời Kiều dẫn lúc ra đi, lấy Thúy-Vân. Sau, cùng với Vương-Quan đi thi đỗ, được bổ làm quan, mới dò la tin-tức Kiều, rồi gặp bà vãi Giác-Duyên đưa đến chỗ Kiều ở. Hai bên được đoàn tụ cùng nhau.

Đoạn kết (câu 3241-3254). — Tác-giả nhắc lại thuyết «tài mệnh tương đố» mà khuyên ta nên giữ lấy «thiện tâm».

78.— Đạm-Tiên ứng mộng cho Kiều

- 171 *Kiều từ trở gót trướng hoa,*
Mặt trời gác núi, chiêm đũa thu không (1).
 Gương Nga (2) chênh-chếch dòm song,
 Vàng gieo ngấn nước, cây lồng bóng sân.
- 175 *Hải đường lả ngọn đông-lân,*
Giọt sương gieo nặng cành xuân la-đà (3).
 Một mình lặng ngắm bóng Nga,
 Rộn đường gần với nỗi xa bời-bời:
 « Người mà (4) đến thế thì thôi,
- 180 « *Đời phồn-hoa cũng là đời bỏ đi!*
 « *Người đâu (5) gặp-gỡ làm chi?*
 « *Trăm năm biết có duyên gì hay không?»*
 Ngồn-ngang trăm mối bên lòng,
 Nên câu tuyệt-diệu ngụ trong tình-tình.
- 185 *Chênh-chênh bóng nguyệt xế màn,*

- Tựa làn bên triện một mình thiêu thiêu,
Thoắt đâu thấy một tiểu-kiều,
Có chiều phong-vận, có chiều thanh-tản.
Sương in mặt, tuyết pha thân (6),
- 190 Sen vàng (7) lững-thững như gần như xa.
Chào mừng đón hỏi dò-la:
«Đào-nguyên (8) lạc lối đâu mà đến đây?»
Thưa rằng: «Thanh-khi (9) xưa nay,
Mới cùng nhau lúc ban ngày, đã quên?
- 195 «Hàn gia (10) ở mè tây-thiên (11),
«Dưới dòng nước chảy, bên trên có cầu.
«Đã lòng hạ cổ đến nhau,
Mấy lời hạ-từ ném châu gieo vàng!
«Dàng trình hội-chủ (12) xem tường,
- 200 «Mà sao trong sở đoạn-trường có tên!
«Ấu đành quả kiếp, nhân duyên (13),
«Cũng người một hội một thuyền đâu xa!
«Này mười bài mới mới ra:
«Cầu thần lại mượn bút hoa vẽ-vời»,
- 205 Kiều vàng lĩnh ý đề bài,
Tay tiên một vẫy, đủ mười khúc ngâm.
Xem thơ, nắc-nỏm khen thầm:
«Già đành tú-khẩu cầm-tâm (14) khác thường!
Vi đem vào tập đoạn-trường,
- 210 «Thì treo giải nhất, chỉ nhường cho ai!»
Thềm hoa, khách đã trở hải,
Nàng còn cầm lại, một hai tự tình.
Gió đâu sịch bức mảnh mảnh,
Tĩnh ra mới biết rằng mình chiêm-bao.
- 215 Trông theo, nào thấy đâu nào,
Hương thừa nhường hãy ra vào đâu đây.
Một mình lưỡng-lự canh chầy,
Đường xa, nghĩ nỗi sau này mà kinh.
Hoa trôi, bèo giạt, đã đành,
- 220 Biết duyên mình, biết phận mình thế thôi.

*Nỗi riêng lờ lờ sóng gồi,
Nghĩ đòi cơn, lại sụt-sùi đòi cơn.*

Bản chép khác.— Câu 173: *Mảnh trăng* — (hoặc: *Gương Nga vằng vặc đầy song*).— Câu 174: ... *đáy nước*...— Câu 176: ... *đeo* (hoặc: *chín*) *nặng*...— Câu 177: *Đăm đăm lặn ngấm bóng hoa*.— 185: *Buồng xuân êm rủ bức màn*.— Câu 186: *Tựa gối*...— Câu 189: *Tuyết in vóc tổ*...— Câu 195: ... ở *mái tây - thiên* (hoặc) : ... ở *mái tây - hiên*.— Câu 199: *Vàng trinh*...— Câu 200: *Mà xem*...— Câu 207: ... *nức-nởm*...— Câu 213: ... *khua*.

CHÚ-THÍCH.—(1) *Chiêng đà thu không*: Thu không 收空 : lúc chập tối, nhà chùa đánh một hồi chuông (hoặc chiêng) gọi là hồi chuông thu không, tức là đề báo hiệu kiểm soát trong ngoài không có gì lạ trước khi đóng cửa chùa — (2) *Gương Nga*: mặt trăng. Do tích trong *Hoài-nam-tử*: Hằng Nga là vợ Hậu-Nghê, ăn cắp thuốc trường sinh của chồng, trốn lên cung trăng hóa thành con thiềm thừ. Do tính ấy người ta gọi mặt trăng «gương Nga», là «cả Hằng», «cung thiềm».— (3) *Người mà*... : đây là nói Đạm Tiên.— (4) *Người dẫu*... : đây là nói Kim Trọng.— (5) *Tiểu kiều* 小橋 : tiểu là nhỏ; kiều là người đàn bà đẹp.— (6) *Câu 189*: Đạm-Tiên ở dưới âm-phủ lên, đương đêm tối, xông pha sương tuyết mà lên, nên nom ở mặt có sương in mà ở thân như có tuyết pha.— (7) *Sen vàng*: nghĩa bóng là bước chân đi của người đàn bà đẹp. Do tích vua Tề Đông-hôn-hầu yêu nàng Phan-phi, làm hoa sen bằng vàng lát xuống đất cho nàng đi, rồi cười mà nói rằng: «Quý-phi đi mỗi bước chân nở ra một cái hoa sen». Chữ «gót sen» cũng do tích ấy.— (8) *Đào-nguyên* 桃源 : suối đào; chỗ tiên ở, tích một người đánh cá ở cuối đời nhà Tấn đi vào một cái suối hoa đào, vào mãi thì đến một chỗ những người ẩn-dật ở (chép trong bài *Đào hoa nguyên ký* của Đào Tiềm).— (9) *Thanh khí*: do câu trong *Kinh Dịch*: «Đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu 同聲相應, 同氣相求. (Cùng một thanh thì ứng nhau, cùng một khí thì tìm nhau); ý nói cùng một tâm ý với nhau.— (10) *Hàn gia* 寒家 (nghĩa đen là nhà lạnh): tiếng khiêm-tốn, nghĩa là nhà của tôi.— (11) *Mé tây thiên*: mé: phía; tây thiên 西天 : con đường nhỏ phía tây.— (12) *Hội chủ*: đây là chủ Hội đoạn-trường gồm những người đàn bà bạc mệnh.— (13) *Quả kiếp, nhân duyên*: Quả kiếp 果劫 (quả: kết - quả; kiếp: đời) là cái kiếp chịu cái kết - quả của cái việc đã làm; nhân duyên 因緣 (nhân: là nguyên - nhân; duyên: duyên có) là cái gốc, cái cơ sinh ra quả. Theo thuyết «nhân quả» của đạo Phật thì những điều ta hưởng thụ trong kiếp này là

cái kết-quả những công việc ta làm ở kiếp trước, mà các công việc trong kiếp này lại là cái nguyên nhân những điều ta sẽ hưởng thụ ở kiếp sau.— (14) *Tú khẩu, cầm tâm*: Tú khẩu 繡口: là miệng thêu; cầm tâm 錦心 là lòng gấm: ý khen tài thơ văn hay, cũng như mấy chữ «nhả ngọc, phun châu».

79.— Tú-bà đồ Kiều

- 1001 Thuốc-thang suốt một ngày thâu,
Giấc mê nghe đã dầu-dầu vừa tan.
Tú-bà chực sẵn bên màn,
Lựa lời khuyên giải mơn-man gỡ dần:
- 1005 « Một người dễ có mấy thân!
« Hoa xuân đương nhụy (1), ngày xuân còn dài.
« Cũng là lỡ một, lắm hai,
« Đá vàng chi nữ ép nài mưa mây (2)!
- 1010 « Lỡ chân chót đã vào đây,
« Khóa buồng xuân đề đợi ngày đào non (3).
« Người còn thì của hãy còn,
« Tim nơi xứng-đáng làm con-cái nhà.
« Làm chi tội báo oan gia,
« Thiệt mình mà hại đến ta, hay gì? »
- 1015 Kề tai mấy nỗi năn-ni,
Nàng nghe nhường cũng thị phi rạch-ròi.
Vả suy thần mộng mấy lời (4),
Túc-nhân (5) âu cũng có trời ở trong.
Kiếp này nợ trả chưa xong,
- 1020 Làm chi thêm một nợ chồng (6) kiếp sau?
Lặng nghe, thấm thìa gót đầu,
Thưa rằng: Ai có muốn đầu thế này?
« Được như lời thế là may!
- 1025 « Hẳn rằng mai có như rày cho chăng?
« Sợ khi ong bướm đãi-đăng,
« Đến điều sống đục, sao bằng thác trong?
Mụ rằng: « con hãy thông-dong,
« Phải điều lòng lại đối lòng mà chơi?

«Mai sau ở chẳng như lời,
1030 Trên đầu có bóng mặt trời rạng soi.»
Thấy lời quyết-đoán hãn-hoi,
Đành lòng, nàng cũng sẽ nguôi nguôi dần.

Bản chép khác.— Câu 1008: . . . sao nữ...— Câu 1012: . . . làm...— Câu 1017: . . . Vả trong . . . Câu 1018: . . . thì cũng...— Câu 1020: . . . lại một.— Câu 1021: Lặng nằm ngắm nghĩ...— Câu 1032: mới.

CHÚ-THÍCH — (1) *Nhụy*: mới nở.— (2) *Câu 1008*: Đá vàng: nghĩa bóng nói lòng trinh-tiết. *Mây mưa*: nghĩa bóng nói thời nguyệt-hoa. Hai chữ «mây mưa» xuất hiện ở bài *Cao-đường phủ* của Tống-Ngọc: Xưa vua Sở Tương-vương đến chơi đài Cao đường, nằm mơ thấy một người con gái tự xưng là con gái núi Vu-Sơn (tức Vu-giáp), xin cùng chung chăn gối. Vua bằng lòng; đến lúc từ-biệt, người ấy nói: Thiếp xin sớm làm mây, tối làm mưa, sớm tối ở dưới Dương-dài. Những chữ «Vu-sơn», «Đỉnh-Giáp», «Cao-đường», «Dương-dài» dùng để nói sự trai gái gặp gỡ đều do điển ấy mà ra.— (3) *Ngày đào non*: ngày đi lấy chồng. Lấy chữ trong *Kinh Thi* (thơ Đào yều): «Đào chi yều yều, Kỳ diệp trần-trần. Chi tử vu qui, Nghi kỳ gia nhân 桃之夭夭，其葉蓁蓁，之子于歸，宜其家人.» (Cây đào đang non, lá xanh rờn-rờn. Cô kia về nhà chồng, hòa-thuận với người nhà chồng cô).— (4) *Thần mộng mấy lời*: sau khi Kiều toan tự tận, mẹ mẹ mần đi, thì thấy Đạm-Tiên báo cho biết Kiều chưa thể chết được.— (5) *Túc nhân* 夙因: túc: xưa; nhân: nguyên-nhân; nguyên-nhân tự kiếp trước, nợ-nần tự kiếp trước.— (6) *Chồng*: đây là chồng chất.

80.— Kiều gặp Thúc-sinh

Sinh rằng: «Từ thuở tương-tri,
1330 «Tắm riêng, riêng những nặng vì nước non.
«Trăm năm tình cuộc vương tròn,
«Phải dò cho đến ngọn nguồn lạch sông».
Nàng rằng «Muôn đội ơn lòng,
«Chút e bên thú, bên tông (1), dễ dàu!
1335 «Bình-Khang (2) nấn-ná bấy lâu,
«Yêu hoa, yêu được một màu diễm-trang.
«Rời ra lạt phấn phai hương,

- « Lòng kia giữ được thường thường mãi chẳng ?
 « Vả trong thềm quế cung trăng,
 1340 « Chủ-trương đành đã chi Hàng ở trong.
 « Bấy lâu khăng-khit dải đồng (3).
 « Thêm người, người cũng chia lòng riêng tây.
 « Vẽ chi chút phận bèo mây,
 « Làm cho bề ái, khi đầy khi vơi !
 1345 « Trăm điều ngang ngửa vì tôi,
 « Thân sau ai chịu tội trời ấy cho ?
 « Như chàng có vững tay co,
 « Mười phần cũng đắp-điểm cho một vài.
 « Thế trong dù lớn hơn ngoài,
 1350 « Trước hàm sư-tử (4) gửi người đấng-la (5).
 « Cúi đầu luồn xuống mái nhà,
 « Giấm chua lại tội bằng ba lửa nồng (6),
 « Ở trên còn có nhà thông (7),
 « Lượm trên trông xuống, biết lòng có thương ?
 1355 « Sá chi liễu ngô hoa tường (8),
 « Lầu xanh lại bỏ ra phường lầu xanh.
 « Lại càng dơ dáng đại hình,
 « Đành thân-phận thiếp, ngại danh-già chàng.
 « Thương sao cho vẹn thì thương,
 1360 « Tinh sao cho trọn mọi đường thì vàng ».
 « Sinh rằng: Hay nói đê chừng (9),
 « Lòng đây, lòng đấy chưa từng hay sao ?
 « Đường xa chớ ngại Ngô, Lào (10),
 « Trăm điều hãy cứ trông vào một ta.
 1365 « Đã gần chi có điều xa,
 « Đá vàng đã quyết, phong ba cũng liều ».

Bản chép khác.— Câu 1337 :... lở...— Câu 1354 : Lòng
 tiên...— Câu 1358 :... nghĩ...— Câu 1363 :... nghĩ...— Câu 1366 :...
 cũng...

CHÚ-THÍCH.— (1) Bền thú, bền lòng : bền thú (đây là thú thiếp
 娶妾 : lấy vợ lẽ) là bền Thúc-sinh đã có vợ cả mà còn lấy vợ lẽ,
 bền tông (đây là tông lương 從良 : theo người tử-tế) là bền Thúc-
 Kiều đương ở thanh-lầu mà đi lấy chồng ; hai bền đều khó cả.—
 (2) Bình Khang 平康 : tên một xóm ở đất tràng-an bên Tàu ngày

xưa có những người ca nhi kỹ-nữ ở; nay thông-dụng để gọi nơi có những người xường ca ở. Đây là phổ những nhà thanh lâu ở.— (3) *Dải đồng*: dải đồng tâm. Vua Tùy Dương Đế sai tết dải lụa lại gọi là «đồng tâm kết», đưa cho phu nhân.— (4) *Sư-tử*: nghĩa bóng chỉ người vợ cả làm cho người chồng phải sợ, lấy chữ ở bài thơ của Tô Đồng-Pha riều Trần Tháo sợ vợ, trong có câu: Hốt văn Hà đông sư tử hống, Trụ trượng lạc thủ tâm mang nhiên. 忽聞河東獅子吼, 拄杖落手心茫然». (Chợt nghe sư tử Hà đông réo, Gậy chống rời tay, bụng bồi hồi).— (5) *Đằng-la* 藤蘿: loài cây có dây, phải tựa vào cái que mới leo lên được; nghĩa bóng chỉ người vợ bé phải nương tựa vào người vợ cả.— (6) *Câu 1352*: Giám chua: chỉ người đàn bà ghen; lửa nồng: chỉ nơi thanh lâu.— Lấy chữ trong *Tình sử* «Người ghen như giám chua, nhà thổ như hang lửa». Cả câu ý nói: Gặp người vợ cả hay ghen thì lại còn khổ hơn là ở thanh lâu.— (7) *Thông* 椿 (chính âm là xuân, đây đọc chạnh đi cho hiệp vần): tên một thứ cây: nghĩa bóng là cha. Theo sách *Trạng-lữ*: cây này thọ lắm (tám nghìn năm là mùa xuân, tám nghìn năm là mùa thu), bởi thế dùng tên cây ấy để chỉ người cha là mong cho cha được sống lâu.— (8) *Liễu ngô hoa tường*: cây liễu mọc ở ngoài ngõ, cây hoa mọc ở ngoài tường, ai hái cũng được: nghĩa bóng nói về những người đàn bà giang hồ.— (9) *Nói dè chừng*: nói phỏng.— (10) *Ngô, Lào*: Ngô là tên ta gọi nước Tàu; Lào là xứ Ai-Lao. Đây ý nói xa-xòai.

81.— Từ-Hải sai quân về đón Kiều

- Đêm ngày luống những âm-thăm,
 2250 Lửa binh đầu đã âm-âm một phương.
 Ngất trời sát-khi mơ-màng,
 Đầy sông kinh ngạc, chật đường giáp binh (1).
 Người quen thuộc, kẻ chung quanh,
 Nhủ nàng hãy tạm lánh mình một nơi.
 2255 Nàng rằng: «Trước đã hẹn lời,
 «Dẫu trong nguy-hiểm, dám rời ước xưa!»
 Còn đang dưng-dắng ngần-ngờ,
 Mái ngoài đã thấy bóng cờ, tiếng la (2),
 Giáp binh kéo đến quanh nhà,
 2260 Đồng thanh cùng hỏi: «Nào là phu-nhân?»
 Hai bên mười vị tướng quân,
 Đặt gươm, cỡi giáp, trước sân khấu đầu.

- Cung-nga, thề nữ (3) nổi sau,
 Rằng: «Vàng lệnh-chỉ (4), rước châu vu-qui (5)».
- 2265 Săn-sàng phượng-liên loan-nghi (6),
 Hoa-quan (7) phấp-phới, hà-y (8) rõ-ràng.
 Dựng-cờ, nổi trống lên đàng,
 Trúc tơ (9) nổi trước kiệu vàng kéo sau.
 Hỏa-bài (10) tiền lộ ruồi mau,
- 2270 Nam-đỉnh nghe động trống châu đại doanh.
 Kéo cờ lũy, phát súng thành,
 Từ-công ra ngựa, thân nghênh cửa ngoài.
 Rõ mình là vẽ càn đai,
 Hãy còn hàm én mây ngái như xira.
- 2275 Cười rằng: «cả nước duyên ư ?
 «Nhớ lời nói những bao giờ hay không ?
 Anh-hùng mới biết anh-hùng,
 «Rày xem phỏng đã cam lòng ấy chưa ? »
 Nàng rằng: «Chút phận ngày thơ,
- 2280 «Cũng may dây cát (11) được nhờ bóng cây.
 «Đến bây giờ mới thấy đây,
 Mà lòng đã chắc những ngày một hai».
 Cùng nhau trông mặt cả cười,
 Dang tay về chốn trướng mai tự tình.
- 2285 Tiệc này thưởng tướng khao binh,
 Thi-thùng trống trận, rập-rình nhạc-quân.
 Vinh-hoa bỏ lúc phong trần,
 Chừ tình ngày lại thêm xuân một ngày.

Bản khác chép.— Câu 2258:... tiếng loa. — Câu 2263: theo hầu — Câu 2265: phượng tán... — câu 2267: Kéo cờ... Câu 2268:... đào vàng... — Câu 2273: Lửa mình... (hoặc):... lạ vẽ càn đai.— Câu 2288: thêm thân...

CHÚ-THÍCH.— (1) Câu 2251-2252: Hai câu này tả cái cảnh tượng cuộc binh đao. Sát khí 殺氣 là cái hơi tự chỗ giết chóc nhau bốc lên. Kinh ngạc 鯨鯨 (cá ông voi và cá sấu) là hai thứ cá dữ ở biển; nghĩa bóng chỉ quân lính hùng-dũng. Giáp binh 甲兵 (giáp: áo bằng da hoặc bằng sắt mặc khi ra trận; binh: binh khí, đồ dùng để đánh trận) nói

chung các binh khí. — (2) *La 鐃*: một thứ nhạc khí, mặt tròn và phẳng, nhỏ hơn cái lênh; thường gọi là thanh-la. — (3) *Cung nga thê nữ*: cung-nga 宮娥 (nga: con gái đẹp) là mỹ-nữ ở trong cung; thê nữ 綵女: (thê: vẽ) là con gái hầu ở trong cung. — (4) *Lệnh chỉ 令旨*: hiệu lệnh của vua hoặc của ông tướng. — (5) *Rước châu vu qui*: châu tức là châu bà; tiếng gọi một vị phu-nhân tôn-qui, vu-qui là về nhà chồng; chữ lấy trong *Kinh Thi* (xem câu chú thích số (3) ở bài 83). — (6) *Phượng-liễn loan-nghi*: phượng-liễn 鳳輦 là xe phượng; loan-nghi 鸞儀 là đồ dùng của những người đàn bà có phẩm tước. — (7) *Hoa quan 花冠*: mũ hoa. — (8) *Hà-y 霞衣*: áo màu rạng trời. — (9) *Trúc tơ*: tre và sợi tơ; đây là sáo và đàn. — (10) *Hỏa bài 火牌*: (hỏa: lửa, ý nói rất nhanh; bài: thẻ), thẻ bằng gỗ để truyền lệnh quan rất cần kíp; đây là thẻ báo tin trước. — (11) *Cát 葛*: một loài cây có dây leo, vì với người đàn bà.

82.— Kiều khuyên Từ-Hải hàng

- 2451 Có quan tổng-đốc trọng-thần,
Là Hồ-Tôn-Hiến, kinh-luân (1) gồm tài.
Đầy xe (2), vàng chỉ đăc-sai,
Tiện-nghi bát-tiểu, việc ngoài đồng-nhung (3).
- 2455 Biết Từ là đấng anh-hùng,
Biết nàng cũng dự quân-trung luận-bàn.
Đóng quân làm chước chiêu-an (4),
Phong thư, mâm lễ, sai quan thuyết hàng (5).
Lại riêng một lễ với nàng:
- 2460 Hai tên thê nữ (6), ngọc vàng nghìn cân.
Tin vào gửi trước trung-quân,
Từ-công riêng hãy mười phân hồ-đồ:
«Một tay gây dựng cơ-đồ,
«Bấy nay bề Sở, sông Ngô tung-hoành.
- 2465 «Bỏ thân về với triều-đình,
«Hàng thần lơ-láo, phận mình ra đâu?
«Áo xiêm ràng buộc lấy nhau,
«Vào luồn ra cúi, công hầu mà chi?
«Sao bằng riêng một biên-thùy,
- 2470 «Sức này, đã dễ làm gì được nhau?

- « Chọc trời, quấy nước, mặc dầu,
 « Dọc ngang nào biết trên đầu có ai ? »
 Nàng thì thật dạ tin người,
 Lễ nhiều, nói ngọt, nghe lời dễ xiêu.
- 2475 Nghĩ mình mặt nước cánh bèo,
 Đã nhiều lưu-lạc, lại nhiều gian-truân.
 Bằng nay chịu tiếng vương-thần,
 Thênh-thênh đường cái thanh-vân (7), hẹp gì.
 Công, tư vẹn cả hai bề,
- 2480 Dàn-dà rồi sẽ liệu về cố-hương.
 Cũng ngói mệnh-phụ đường-đường,
 Nở-nang mây mặt, rõ-ràng mẹ cha.
 Trên vì nước dưới vì nhà,
 Một là đặc hiệu, hai là đặc trung.
- 2485 Chẳng hơn chiếc bách giữa dòng,
 E-dè gió đập hải-hùng sóng va.
 Nhân khi bàn-bạc gần xa,
 Thừa cơ nàng mới bàn ra nói vào.
 Rằng: « Ôn Thánh-đế dôi-dào,
- 2490 « Tươi ra đã khắp, thấm vào đã sâu.
 « Bình-thành (8) công-đức bấy lâu,
 « Ai ai cũng đội trên đầu, xiết bao !
 « Ngẫm từ đây việc binh đao,
 « Đổng xương Vô-định đã cao bằng đầu.
- 2495 « Làm chi đề tiếng về sau.
 « Nghìn năm ai có khen đầu Hoàng-Sào (9) ?
 « Sao bằng lộc trọng, quyền cao,
 « Công-danh ai dứt lối nào cho qua ? »
 « Nghe lời nàng nói mặn mà,
- 2500 Thế công, Từ mới trở ra thế hàng.
 Chinh nghi tiếp sứ vội-vàng,
 Hẹn kỳ thúc giáp (10), quyết đường giải binh (11).

Bản chép khác.— Câu 2453: Dẽ xe... (hoặc): Giầy xe...—

Câu 2454: ... phủ tiêu...— Câu 2458: Ngọc, vàng, gấm, vóc...—

Câu 2462: ...riêng nghĩ...— Câu 2467: ...buộc trời (hoặc) đùm bọc...

Câu 2471 :... Đục trời khuấy nước...— Câu 2474 : Cửa nhiều...—
 Câu 2486 : sóng vô... nước sa (hoặc) sóng gió.. cỏ hoa.— Câu
 2489 :... Trong Thành-trạch...— Câu 2492 : biết bao.— Câu 2493 :...
 khởi...— Câu 2498 :... dắc...

CHÚ-THÍCH.— (1) *Kinh luân* 經綸 : (kinh : gỡ các sợi tơ cho khỏi rối ; luân : sắp các sợi tơ cùng loại để xe) : nghĩa bóng nói về cái tài sắp đặt việc chánh-trị.— (2) *Đầy xe* : dịch chữ « thời cốc ». Chữ lấy trong *Sử-ký* : Thiên-tử mệnh tướng thời cốc, viết : Khôn dĩ nội, quả-nhân chế chi ; khôn dĩ ngoại, tướng-quân chế chi. 天子命將推轂, 曰 : 關以內, 寡人制之 ; 關以外, 將軍制之. (Nhà vua sai tướng đi đánh giặc, lúc tiễn chân đầy xe mà dặn rằng : Từ cửa thành trở vào thì quyền ở ta, từ cửa thành trở ra thì quyền ở tướng quân).— (3) *Câu 2454* : bát tiểu 摺勳 là đánh dẹp ; đồng nhung 董戎 là đứng đầu việc đánh giặc, cả câu ý nói : cầm quân đi đánh giặc ở cõi ngoài, được tùy tiện mà đánh dẹp.— (4) *Chiêu an* 招安 : nói về lúc loạn-lạc, gọi dân chúng về yên nghiệp.— (5) *Thuyết hàng* 說降 : dụ về hàng.— (6) *Thề-nữ* : xem câu chú-thích số (3) ở bài trên.— (7) *Đường cái Thanh-vân* : đường lên mây xanh, nghĩa bóng là đường công danh.— (8) *Bình-thành* : do câu « địa bình thiên thành 地平天成 » trong *Bình thư* nói về công đức của ông vua giúp cho đất được bình trị, trời được nên việc.— (9) *Hoàng-Sào* 黃巢 : tên một người ở đời Đường Hi-Tôn (874-888) đi thi tiến-sĩ không đỗ, nổi lên làm giặc.— (10) *Thúc-giáp* 束甲 : bỏ áo giáp lại, không dùng nữa.— (11) *Giải binh* 解兵 : giải tán quân lính, thôi không đánh nhau nữa.

83.— Kiều gầy đàn (a)

1) Cho Kim-Trọng nghe sau khi đã cùng chàng thề nguyện.

Rằng : « Nghe nổi tiếng cầm-đài (1),

Nước non luống những lắng tai Chung-Kỳ (2) ».

465

Thưa rằng : « Tiên-kỹ (3) sá chi ?

« Đã lòng dạy đến, dạy thì phải vâng ».

(a) Muốn cho học-trò nhận rõ cái tài làm văn của tác-giả truyện Kiều ở hai bài sau này, chúng tôi trích những đoạn văn cùng một đề mục mà mỗi chỗ tác-giả biểu-diễn ý-từ một khác.

- Hiên sau treo sẵn cầm-trang,
 Vội-vàng, sinh đã tay nâng ngang mây.
 Nàng rằng: «Nghề mọn riêng tay.
 470 Làm chi cho nặng lòng này lắm thân (4)?»
 So dần dây vũ, dây văn (5).
 Bốn dây to nhỏ theo vần cung, thương (6).
 Khúc đầu Hán, Sở chiến-trường,
 Nghe ra tiếng sắt, tiếng vàng chen nhau.
 475 Khúc đầu Tư-mã Phụng cầu (7).
 Nghe ra như oán như sầu phải chăng?
 Kê-Khang này khúc Quảng-lãng (8).
 Một rằng lưu thủy, hai rằng hành-vân,
 Quá-quan này khúc Chiêu-quân (9).
 480 Nửa phần luyện chúa, nửa phần tư gia.
 Trong như tiếng hạc bay qua,
 Đục như nước suối mới sa nửa vôi.
 Tiếng khoan như gió thoảng ngoài,
 Tiếng mau sầm-sập như trời đổ mưa.
 485 Ngọn đèn khi tỏ khi mờ,
 Khiến người ngồi đó cũng ngơ-ngần sầu.
 Khi tựa gối, khi cúi đầu,
 Khi vò chín khúc, khi chau đôi mày.
 Rằng: «Hay thì thật là hay,
 490 «Nghe ra ngậm đắng nuốt cay thế nào!
 Lựa chi những khúc tiêu tao (10)?
 «Thiệt lòng mình cũng nao nao lòng người!
 Rằng: «Quen mặt nết đi rồi,
 «Tê, vui, thôi cũng tình trời biết sao!
 495 «Lời vàng vâng lĩnh ý cao,
 Họa dần-dần bớt chút nào được không».

2o) Cho Hồ-Tồn-Hiến nghe

- 2565 Trong quân mở tiệc hạ công (11).
 Xôn-xao tơ trúc, hội đồng quân quan.

- Bắt nàng thị yến dưới màn,
Giở say lại bắt cung đàn nhật tâu.
Một cung gió thảm, mưa sầu,
2570 Bốn dây rỏ máu năm đầu ngón tay.
Ve kêu, vượn hót nào tày,
Lọt tai, Hồ cũng nhận mây rơi châu.
Hỏi rằng: «Nào khúc ở đâu?
Nghe ra muôn thảm nghìn sầu lắm thay!»
- 2575 Thưa rằng: «Bạc-mệnh khúc này,
«Phở (12) vào đàn ấy những ngày còn thơ.
«Cung cầm lựa những ngày xưa,
Mà gương bạc-mệnh bây giờ là đây!»
30) Cho Kim-Trọng nghe sau khi tái hợp
- 3191 Tình xưa lai láng khôn hàn (13),
Thong-dong lại hỏi ngón đàn ngày xưa.
Nàng rằng: «Vi mấy đường tơ,
«Lắm người cho đến bây giờ mới thôi!
- 3195 «Ăn-năn thì sự đã rồi,
«Nề lòng người cũ, vâng lời một phen».
Phím đàn diu-dặt tay tiên,
Khỏi trầm cao thấp, tiếng huyền gần xa.
Khúc đầu đầm-ấm dương hòa (14),
- 3200 Ấy là hồ-diệp hay là Trang-sinh (15)?
Khúc đầu êm-ái xuân tình,
Ấy hồn Thục-đế hay mình đồ-quyên (16)?
Trong, sao châu rỏ duềnh quyền (17)?
Ấm, sao hạt ngọc Lam điền mới đông (18)?
- 3205 Lọt tai nghe suốt năm cung,
Tiếng nào là chẳng náo-nùng xôn-xao?
Chàng rằng: «Phở ấy tay nào?
«Xưa sao sầu thảm, nay sao vui vầy?

« Tẻ vui bởi tại lòng này.

3210 « Hay là khổ tận, đến ngày cam lai (19) ? »

Nàng rằng: « Vì chút nghề chơi,

« Đoàn-trường tiếng ấy hại người bấy lâu !

« Một phen tri-kỷ cùng nhau,

« Cuốn dây từ đây, về sau cũng chừa ».

Bản chép khác.— Câu 468 : ... cầm nang..— Câu 469 : ... riêng tấy.— Câu 470 : ... cho bạn...— Câu 478 : ... Một rằng Hoa-nhạc, hai rằng Qui-vân.— Câu 486 : ... ngồi đấy mà...— Câu 491 : So chi những bức...— Câu 492 : ... Dọt— Câu 2565 : Quán-Trung.— Câu 2568 : vận đàn nhật tấu (hoặc) : ... cung đàn nhật tấu.— Câu 2571 : Ve ngâm...— Câu 2574 : ... muôn oán...— Câu 2577 : Cung đàn...— Câu 3209 : Thương vui... Câu 3212 : ... mừng nhau (hoặc) : ... mừng nhau.— Câu 3214 : từ đó...

CHÚ - THÍCH.— (1) Cầm dài 琴臺 : chỗ gảy đàn của Tư-mã Tương Như ngày xưa ; đây mượn đề nói về sự gảy đàn hay.— (2) Câu 464 : Chung-Kỷ : tức là Chung-Tử-Kỷ, người đời Xuân-thu có tiếng sành nghe đàn thường thưởng-thức tiếng đàn của Bá-Nha là một tay hay đàn có tiếng đời bấy giờ. Khi Bá-Nha gảy đàn mà nghĩ đến núi cao thì ông khen : « Tiếng đàn chót-vót như núi ! » ; khi Bá-Nha nghĩ đến nước chảy, thì ông lại khen : « Tiếng đàn cuộn cuộn như nước chảy ! » Sau khi Tử-kỷ chết, Bá-Nha đứt dây, đập đàn đi, bảo rằng : « Trong thiên-hạ không ai nghe được đàn ta nữa ».— (3) Tiên kỹ 賤技 : nghề hèn mọn ; đây là lời nói khiêm.— (4) Thân : Tiếng cồ, cũng như tiếng « thay » ; « lấm thân » cũng như lấm thay ! — (5) Dây vũ, dây văn : dây vũ là dây to, dây văn là dây nhỏ.— (6) Cung, thương 宮商 : hai âm trong ngũ âm (cung, thương, giốc, chủy, vũ).— (7) Tư-mã, phượng cầu : Tư-mã là Tư-mã Tương Như, người đời nhà Hán. Phượng-cầu là khúc « Phượng-cầu kỳ hoàng » (chim phượng tìm chim hoàng) của Tương-Như gảy, tiếng đàn nào-nùng ai-oán, khiến nàng Trác-văn-Quân (một người đàn bà góa chồng còn trẻ) nghe phải cảm-động sinh mê, sau hai bên lấy nhau.— (8) Kê Khang : một người hay đàn về đời nhà Tấn. Quảng lăng : tên một khúc đàn thần dạy cho Kê-Khang.— (9) Quả quan : qua cửa ải. Chiêu-quán : cung-nhân đời nhà Hán, vua gả cho chúa Hung-nô, lúc ra đến cửa ải, cưỡi ngựa gảy đàn ti-bà đề tả nỗi nhớ nước nhớ nhà.— (10) Tiều tao 蕭條 : buồn bã.— (11) Hạ-công : mừng công đánh xong giặc.— (12) Phồ 譜 : biên ghi cung điệu bài đàn.— (13) Khôn hàn : khó ngăn lại được.— (14) Dương-hòa 陽和 : (dương : mặt trời ; hòa là êm-ái) : ý nói ấm-áp như khi nóng, mặt trời.— (15) Hồ điệp 蝴蝶 : bướm-

bướm; *Trang sinh* : tức là Trang-Chu xưa nằm mơ thấy mình hóa ra bướm-bướm.— (16) *Đỗ quyên* 杜鵑 : chim cuốc. Tục truyền *Thục-đế* xưa mất nước, chết hóa làm con đỗ-quyên ngày đêm kêu mãi không thôi.— (17) *Châu rỏ duềnh quỳên* (châu : hạt châu ; rỏ : rỏ nước mắt ; duềnh : chỗ nước sâu ; quỳên : mặt trăng) : nước biển có ánh trăng soi vào, trông như hạt châu rỏ nước mắt.— (18) *Lam-diễn* : tên một huyện thuộc tỉnh Thiểm-tây là nơi sản ngọc quý. *Mới đông* : mới đọng lại, mới thành.— (19) *Cam lai* 甘來 : (cam : nghĩa đen là ngọt ; đây là vui sướng) sự vui sướng đến.

84.— Kiều nhớ nhà

1o) Kiều ở lầu Ngưng-bích

- Bẽ-bàng mây sớm đèn khuya,
Nửa tình, nửa cảnh, như chia tấm lòng.
Tưởng người dưới nguyệt chén đồng (1),
1040 Tin sương luống hầy rầy trông mai chờ. .
Bên trời góc bể bơ-vơ,
Tấm son (2) gột rửa bao giờ cho phai.
Xót người tựa cửa hôm mai (3), .
Quạt nồng ấp lạnh (4), những ai đó giờ ?
1045 Sàn lai (5) cách mấy nắng mưa,
Có khi gốc tử (6) đã vừa người ôm !
Buồn trông cửa bể chiều hôm, .
Thuyền ai thấp-thoáng cánh buồm xa-xa ?
Buồn trông ngọn nước mới sa,
1050 Hoa trôi man-mác, biết là về đâu ?
Buồn trông nội cỏ rầu-rầu, .
Chân mây mặt đất một màu xanh-xanh.
Buồn trông gió cuốn mặt duềnh,
Ầm-ầm tiếng sóng kêu quanh ghế ngồi.*

2o) Khi ở thanh-lâu

- Ôm lòng đôi đoạn xa gần,
1251 Chẳng vô mà rồi, chẳng dần mà đau !
Nhớ ơn chín chữ cao sâu (7),
Một ngày một ngả bóng dâu tà-tà.
1255 Dặm nghìn nước thăm non xa,
Nghĩ đâu thân-phận con ra thế này !*

- Sân hòe (8) đòi chút thơ ngày,
 Trán cam (9), ai kẻ đỡ thay việc mình?
 Nhớ lời nguyện ước ba sinh,
 1260 Xa-xôi, ai có biết tình chẳng ai?
 Khi về hỏi liễu Chương-đài (10),
 Cảnh xuân đã bẻ cho người chuyên tay!
 Tình sâu, mong trả nghĩa dày,
 Hoa kia đã chấp cành này cho chưa?
 1265 Mỗi tình đòi đoạn vò tơ,
 Giấc hương quan (11) luống lần mơ canh dài!
 Song-sa (12) vò-vỡ phương trời,
 Nay hoàng-hôn đã, lại mai hôn-hoàng (13)!

30) Khi lấy Thúc-Sinh

- Nàng từ chiếc bóng song the,
 Đường kia nổi nọ, như chia mối sầu.
 Bóng dầu đã xế ngang đầu,
 1630 Biết đầu ấm lạnh, biết đầu ngọt bùi?
 Tóc thề đã chấm ngang vai,
 Nào lời non nước, nào lời sắt son!
 Sấn bìm (14) chút phận con-con,
 Khuôn duyên biết có vuông tròn cho chăng?
 1635 Thân sao lắm nổi bất bằng?
 Liễu như cung Quảng ả Hằng (15) nghĩ nao (16)!

40) Khi lấy Từ-Hải

- Nàng thì chiếc bóng song mai (17),
 Đêm thu đằng-đẵng, nhật cái then mây (18),
 Sân rêu chẳng vẽ dấu giầy,
 Cỏ cao hơn thước, liễu gãy vài phần.
 2235 Đoái thương muôn dặm tử-phần (19),
 Hồn quê theo ngọn mây Tần (20) xa-xa.
 Xót thay huyền cỗi xuân già (21),
 Tấm lòng thương nhớ biết là có người!
 Chốc đà mười mấy năm trời,
 2240 Còn ra khi đã da mồi tóc sương!

Tiệc thay chút nghĩa cũ-càng,
 Dầu lia ngó ý, còn vương tơ lòng (22).
 Duyên em dù nổi chỉ hồng (23),
 May ra khi đã tay bằng tay mang.
 2245 Tắc lòng cố-quốc tha-hương,
 Đường kia nổi nọ, ngồn-ngang bời-bời.
 Cánh hồng (24) bay bằng tuyết vời,
 Đã mòn con mắt phương trời đăm đăm.

Bản chép khác.— Câu 1040: ... rày mong... (hoặc): luống những rày mong...— Câu 1042: ... gột đến...— Câu 1047: ... gần hôm...— Câu 1053: ... mặt ghềnh...— Câu 1251: Nổi lòng...— Câu 1257: Long-đong nhà bạc em ngày...— Câu 1264: ...cây này...(hoặc) cỗi này...— Câu 1266: ...mẩn mơ...— Câu 1931: ...quanh vai...— 1633: ...Cát đẳng...— Câu 1634: Nhân duyên...— Câu 1636: ...chị Hằng...— Câu 2231: Nàng từ...— Câu 2232: Ngày thu...— Câu 2239: ...là...— Câu 2422: ...mối chỉ... Câu 2245: Tắc niềm...

CHÚ-THÍCH.— (1) *Người dưới nguyệt chén đồng*: người cùng với mình ngồi dưới bóng trăng uống chén rượu mà thề chữ «đồng-tâm» — (2) *Tấm son*: dịch chữ «đan tâm 丹心», chỉ tấm lòng trung trinh — (3) *Người tựa cửa hôm mai*: người mẹ. Do tích chép trong *Chiến quốc sách*: bà mẹ Vương Tôn-Giả, người đời Chiến-quốc, một lần mắng con rằng: «Mày đi buổi sớm mà chậm thì tao tựa cửa đứng mong. Mày đi buổi tối mà chưa về thì tao tựa cổng đứng mong. Nay mày thờ vua, vua chạy trốn, mà mày không biết vua ở đâu, mày còn về làm gì?» Thi ra lần ấy vua Tề Mân-Vương là ông vua Tôn-Giả đương thờ ở nước Sở giết chết mà Tôn-Giả bỏ chạy về nhà, nên bị bà mẹ mắng như thế.— (4) *Quạt nồng, ấp lạnh*: Chữ trong *Kinh Lễ*: Thờ cha mẹ, qua khi nóng, ấp khi lạnh (ấp đây là chỗ cha mẹ nằm cho ấm trước khi mờ cha mẹ đi nằm).— (5) *Sân Lai*: sân nhà cha mẹ. Do tích chép trong *Cao-sĩ truyện*: Lão Lai, người đời nhà Chu, đã bảy mươi tuổi mà cha mẹ hãy còn; một hôm, ông mặc áo ngũ sắc ra sân múa, rồi giã cách ngã, khóc như trẻ con, để làm vui cho cha mẹ.— (6) *Tử 梓*: tên một thứ cây: đây chỉ què hương. Do câu trong *Kinh Thi*: «Duy tang dữ tử. Tất tụng-kinh chi 維桑與梓, 必恭敬止» (Cây dâu và cây tử ắt phải kính trọng) vì hai cây ấy cha mẹ đã trồng.— (7) *Chín chữ cao sâu*: Chín chữ trong *Kinh Thi* (thơ Lục-nga) nói về công ơn cao sâu của cha mẹ. Chín chữ ấy là: sinh 生 (cha mẹ), cúc 鞠 (nuôi cho ăn) phủ 撫 (vỗ-về), súc 畜 (nhắc dạy), trưởng 長 (mong cho lớn), dục 育

88.— Chùa Trấn-bắc (1)

Trấn-bắc hành cung cỏ dãi-dầu,
 Khách đi qua đó chạnh niềm đau.
 Mấy tòa sen rớt mùi hương ngự,
 Năm thức mây phong nếp áo châu.
 Sóng lớp phế-hưng coi đã rợn,
 Chuông hồi kim-cổ lắng càng mau.
 Người xưa, cảnh cũ, nào đâu tá?
 Khéo ngần-ngor thay lũ trọc đầu!

Bản chép khác.— Câu 1-2: Qua chơi Trấn-quốc cảnh buồn rầu. Ngao-ngán tình xưa, dạ chạnh đau (hoặc): Ngoài cửa hành cung cỏ dãi-dầu, Chạnh niềm cố quốc nghĩ mà đau.— Câu 3: ... hơi ...— Câu 6: đồn...— Câu 7: ... đi (hoặc) đâu...

CHÚ-THÍCH.— Chùa Trấn-bắc: tên một ngôi chùa ở bờ phía đông Hồ Tây thành Hà-nội. Nguyên tên là chùa An-quốc 安國 làm tự đời nhà Trần; đến năm Vĩnh-tộ thứ 10 (1628) đời vua Lê Thần-Tôn, làm lại, đổi tên là chùa Trấn-quốc 鎮國. Năm Dương-hòa thứ 5 (1639) chúa Trịnh (Trịnh Tráng) sửa sang rộng thêm, lại đổi tên là chùa Trấn-bắc 鎮北; vua Lê, chúa Trịnh thường ngự tới đó hưởng sen.

89.— Chiều hôm nhớ nhà

Vàng tỏa non tây, bóng ác tà;
 Đầm-đầm ngọn cỏ, tuyết phun hoa.
 Ngàn mai lác-đác chim về tổ;
 Dậm liễu băng-khuàng khách nhớ nhà.
 Còi mục thét trắng miền khoáng dã (1);
 Chài ngư tung gió bãi bình-sa (2).
 Lòng quê một bước nhường ngao-ngán,
 Mấy kẻ tình chung có thấu là?

CHÚ-THÍCH.— (1) Khoáng dã 曠野: cánh đồng rộng.— (2) Bình sa 平沙: cát phẳng.

NGUYỄN CÔNG-TRỨ 阮公著 (1778-1858)

(Xem Tiểu truyện tác giả ở Phần thứ nhất, Năm thứ nhì, Chương XX, Lời chú (14).)

90.— Tự thuật

Hai mươi năm lẻ những mơ-màng,
Cuộc thế xem qua đã chán-chường.
Lúc đạt, chẳng qua nhờ vận-mệnh;
Khi cùng, chớ cậy có văn-chương.
Theo thời cũng rắp tìm nghề khác,
Bầm tinh đã quen giữ nét ương.
Thời-thế rủi may thời cũng mặc,
Ai dư nước mắt khóc giàu sang?

Bản chép khác.— Câu 1-2: Rằng đây há phải khách tầm thường. Theo thế cho nên phải giữ-giàng (hoặc: Mắt thấy từ đây mới rõ-ràng) — Câu 5: Nghèo... — Câu 6: Vốn... — Câu 7: Hề chuyện ... chẳng trách.— Câu 8: Khéo...

91.— Khuyên người đời

Cho hay thiên-hạ khéo xem gương:
Hề khó thời thời mấy kẻ màng.
Miệng nói đã đành mua chuyện ghét;
Tay không chưa dễ ép người thương.
Khéo khôn ai cũng tranh phần được;
Trong sạch ta thời giữ mực thương.
Đi lại chẳng qua thời với mệnh,
Cũng đừng thắc mắc (1), chớ lo-lường.

Bản chép khác.— Câu 3... toan... — Câu 4: ...dễ dảm... — Câu 5... dễ chen... — Câu 6... nhưng...

CHÚ-THÍCH.— (1) Thắc mắc: không yều.

92.— Cây thông

Ngồi buồn mà trách ông xanh,
Khi vui muốn khóc, buồn tênh lại cười.

Kiếp sau xin chờ làm người,
Làm cây thông đứng giữa trời mà reo.

Giữa trời, vách đá cheo-leo.

Ai mà chịu rét thời trèo với thông.

Bản chép khác.— Câu 5:... cảnh lá..

93.— Chí Nam-nhi

Thông-minh nhất nam-tử,

聰明一男子

Yếu vi thiên-hạ kỳ (1).

要為天下奇

Chót sinh ra thì phải chi-chi,

Chẳng lẽ tiêu lưng ba vạn sáu.

Đổ-ky sá chi con Tào,

Nợ tang-bồng (2) quyết trả cho xong.

Đã xông-pha bút trận, thì gắng gỏi kiếm cung.

Làm cho rõ tu-mi nam-tử.

Trong vũ-trụ đã đành phận-sự,

Phải có danh mà đối với núi sông.

Đi không, chẳng lẽ về không.

CHÚ-THÍCH.— (1) Hai câu 1-2: một người con trai thông-minh phải làm nên kẻ khác thường trong thiên-hạ — (2) Tang bông: Xem câu chú-thích số (2) ở Bài 39.

94.— Kẻ sĩ

Tước hữu ngũ, sĩ cư kỳ liệt,

爵有五士居其列

Dân hữu tứ, sĩ vi chi tiên.

民有四士為之先

Có giang-sơn thì sĩ đã có tên;

Từ Chu, Hán vốn sĩ nay là qui.

Miền hương-đảng đã khen rằng hiếu nghị (2).

Đạo lập-thần giữ lấy cương-thường,

Khi hao-nhiên chi đại chi cương (3);

- So chính-khi đã đầy trong trời đất,
 Lúc vị-ngộ, hối tâng nơi bồng-tất (4).
 10 Hiếu-hiếu nhiên điều Vị, canh Săn (5).
 Xe bò-luân dầu chưa gặp Thang, Văn (6).
 Phù thế-giáo một vài câu thanh-ngệ (7).
 Cầm chính đạo để lịch là cự bí (8).
 Hồi cuồng lan nhi chương bách xuyên (9).
 15 Rồng mây khi gặp hội ư duyên,
 Đem quách cả sở tồn làm sở dụng.
 Trong lang-miếu ra tài lương-đổng (10),
 Ngoài biên-thùy rạch mũi can-tương (11).
 Làm sao cho bách thế lưu phương.
 20 Trước là sĩ, sau là khanh tướng.
 Kinh-luân khởi tâm thượng, binh-giáp tàng hungtrung;
 經 綸 起 心 上 兵 甲 藏 胸 中
 Vũ trụ chi gian giai phận sự, nam nhi đáo thử thị hào
 hùng (12).
 宇 宙 之 間 皆 分 事 男 兒 到 此 是 豪 雄
 Nhà nước yên mà sĩ được thung-dung.
 Bảy giờ sĩ mới tìm ông Hoàng-Thạch (13),
 25 Năm ba chủ tiểu đồng lệch-thếch,
 Tiều-dao nơi hàn cốc thanh-sơn (14).
 Nào thơ, nào rượu, nào địch, nào đàn.
 Đồ thích chi chất đầy trong một túi.
 Mặc ai hỏi, mặc ai không hỏi lời,
 30 Gẫm việc đời mà ngẫm kẻ trọc thanh.
 Này này sĩ mới hoàn danh.

Bản chép khác.— Câu 4:... Đời... nhất... đều... — Câu 5:... xưng rằng hiếu nghị (hoặc) : .. khen rằng hiếu để. — Câu 8:... cho... — Câu 11... chưa gặp hội... — Câu 12:... lời... — Câu 16:... chí... — Câu 18:... cạy sức... — Câu 19: Sĩ làm cho... — Câu 20: Đầu nhất... — Câu 21: tự.. — Câu 22... nội.. — Câu 23 mình... — Câu 24:... sẽ hỏi thăm... — Câu 26: Tự những... bích thủy... — Câu 27: Nào là thi, nào là tửu, nào là địch, nào là đàn. — Câu 28:... thú đề... cuộc thế.— Câu... nhằm.

CHÚ-THÍCH.— (1) *Hai câu 1-2* : Trước có năm bậc (thượng đại-phu, khanh, hạ đại phu, thượng-sĩ, trung-sĩ, hạ-sĩ), sĩ được liệt vào trong; dân có bốn hạng (sĩ, nông, công, thương), sĩ đứng đầu tiên.— (2) *Nghị 諍* : tình-nghĩa.— (3) *Khi hao nhiên chi đại chí cương* : khi lớn lao rất to rất cứng; nói về cái «chính khi», cái khi tiết ngay thẳng của những bậc anh hùng.— (4) *Lúc vị ngô hối tàng nơi bông tất* (vị ngô : chưa gặp : hối-tàng : ăn náu; bông-tất : tên hai thứ cỏ) : lúc chưa gặp thời thì ăn náu ở nơi thôn quê.— (5) *Điều Vị, canh Sần* : Điều Vị : câu cá ở sông Vị : theo tích ông Lã-Thượng (xem câu chú thích số (11) ở bài (63). Canh Sần : cây ở đất Sần. Ông Y-Doãn cày ruộng ở đất Sần, vua Thương-Thang nghe tiếng ông là người hiền, vời ông ra làm tướng ; ba lần mời, ông mới chịu ra : sau giúp vua Thang đánh vua Trụ, lập nên cơ nghiệp nhà Thương.— (6) *Xe bồ-luân đầu chưa gặp Thang, Văn* : Xe bồ-luân (bồ : tên một thứ cỏ ; luân : bánh xe) : thứ bánh xe có quắn cỏ bồ cho êm, vua dùng để đón người hiền. Thang-Văn : tức là vua Thương-Thang đã đón ông Y-Doãn và vua Chu Văn-vương đã đón ông Lã-Thượng.— (7) *Phù thế-giáo một và câu thanh-nghị* : phù thế-giáo 扶世教 : giúp cho đạo giáo của đời. Thanh-nghị 清議 : Lời bàn bạc khen kẻ hay, chê kẻ dở.— (8) *Tịch tà cự bí 聞邪距詖* : trừ những điều gian tà, ngăn những điều bất chính.— (9) *Hồi cuồng-lan nhi chương bách xuyên 迴狂瀾而障百川* : ngăn sóng dữ mà giữ các dòng sông.— (10) *Lang miếu 廊廟* : nói chung về đền đài nhà vua; đây nói làm quan ở kinh-đô—. *Lương-dống 梁棟* : rường và cột; nghĩa bóng : người càng-đáng công việc trọng-đại trong nước.— (11) *Can-tương 干將* : tên một thanh gươm của vua Hạp-Lư nước Ngô; đây chỉ chung các binh khí.— *Hai câu 21-22* : Tài sắp đặt việc nước tự trong lòng ra, đồ dùng đánh giặc chứa sẵn ở trong bụng ; trong khoảng trời đất đều là phận sự của mình, con trai đến thế mới hào-hùng. Cả câu ý nói : làm trai vừa có tài văn để trị nước, vừa có tài võ để dẹp giặc, bất cứ việc gì cũng càng-đáng được, thế mới là giỏi.— (13) *Hoàng-Thạch* : tức Hoàng-Thạch-công 黃石公 : Một bậc ăn-dật ở bên Tàu đời xưa.— (14) *Hàn-cốc, thanh-sơn 寒谷青山* : hang lạnh núi xanh.

95.— Cầm kỳ thi tửu

Cầm, kỳ, thi, tửu,

Đường ăn chơi mỗi vẽ mỗi hay.

Đàn năm cung, giéo-giắt tình tình đây:

Cờ đôi nước, rập-rình xe ngựa đó.

Thơ một túi, phẩm-đề câu nguyệt lộ (1);
 Rượu ba chung (2), tiêu sái cuộc yên-hà (3).
 Thú xuất trần, tiên vẫn là ta;
 Sánh Hoàng-Thạch, Xích-Tùng (4), ở cũng đáng.
 Cầm tứ tiêu nhiên, kỳ tứ sáng;
 琴思潘然棋思爽
 Thi hoài lạc hĩ, tửu hoài nồng (5).
 詩懷樂矣酒懷濃
 Một chữ nhân giá lại đáng muôn chung (6),
 Người ở thế, dẫu trăm năm là mấy.
 Sách có chữ, «Nhân sinh thích chí 人生適志»,
 Đem ngàn vàng chác lấy chuyện cười.
 Chơi cho lịch mới là chơi,
 Chơi cho đài-các, cho người biết tay.
 Tài tình dễ mấy xưa nay.

CHÚ-THÍCH.— (1) Phẩm đề 品題 : phê lời khen. Nguyệt lộ 月露 :
 trăng và móc ; ý nói văn hay.— (2) Chung 鐘 : chén uống rượu.—
 (3): Tiêu sái 潇洒 : phóng khoáng, không vương vịn với trần tục.—
 Yên-hà 煙霞 : (yên : khói, đây là hơi mù ; hà : ráng) ; nói về cái cảnh
 thiên-nhiên, cái thú ăn-dật.— (4) Hoàng thạch : xem câu chú-thích số (13)
 ở bài trên. Xích-tùng : tức là Xích-tùng-tử 赤松子 : tên một ông tiên
 đời xưa.— (5) Hai câu 9-10 : Tứ đàn trong trẻo, tứ cờ sáng-sủa ; lòng thơ
 vui-vẻ, lòng rượu nồng-nàn.— (6) Muôn chung : dịch chữ « vạn chung »
 xem câu chú-thích (7) ở bài 71.

LÝ VĂN-PHỨC 李文福

(Xem tiểu-truyện tác-giả ở Phần thứ nhất, Năm thứ Nhì, Chương thứ XX, Lời chú (1).)

96. — Tự thuật ký (1)

Ở cõi trời Nam; có người đất Bắc (2).

Dòng thi-lễ vốn Minh-triều tạt lại (2); áng binh-quả vừa Lê mặt xuống sinh.

Nhờ nghĩa-phương (3) từ bé chút từng nghe, dưới sản nghiêm mắt quở tai răn, tình du-dãng uốn lần cho nhập giáo (4). — theo học - nghiệp đã lớn khôn biết nghĩ, bèn trưởng ráng sớm ôn tối đọc, việc tập-tành gắng mãi cũng thành danh.

Vận đời-xoay vừa chán cuộc tang thương; — cơ binh-trị sớm rạng vùng thiên-nhật.

Khoa đình-mão (5) cũng nước bầu cơm gói, tiếc lẽ đi không về luống, kỳ tứ-trường còn nhượng bằng Tôn-sơn (6); — chốn Tràng-an (7) thời củi quế gạo châu (8), lấy gì ngọt thảo bùi thơm, đường bách lý những ghi lời Tử-lộ (9).

Nghề buôn bán tay không khôn vớ; — bước khó-khăn đầu gối hay bò.

Cất mình đi đem lưởi bút thay cày, hết miền Cồ-nhuế (10), lại Phố Thăng-Long (11), nhờ lộc thánh đã giúp công rèn tập; — làm thế lại giở túi nghề đãi khách, nay số Tử-vi, mai pho Dã-hạc, mượn giá thầy cho đặc tướng xem coi.

Nhân cùng trí đoán, hết nói khôn ngoan; — bĩ cực thái lai, là nhờ vận chuyển.

Trường ất-mão (12) may tên dự hương-tiến (13), hàng thường lệ (14) nối liền ba nhánh, công sinh-thành đã hơn-hở mẹ cha; — năm canh-thìn (15) vàng ứng chiếu hạ trung (16), cánh tiêu-liêu (17) gửi ghé một cánh, đường vinh-đạt cũng theo đòi bạn hữu.

Ti-lạp (17) chung nhờ lộc nước; — đầu - thắng (19) riêng thiết nổi nhà.

Trông quảng mây che đỉnh Hồ khuất đi, một phong thư lặn

suối trèo non, mở ra xem giấy thăm mực sâu, kêu trời thăm những cắt lòng nơi lữ-xá; — đội vầng nguyệt chỉ què Phần (20) ruỗi lại, hai tháng hạn nằm rơm gối đất, tả chưa hết dòng thương giọt tủi, là mẹ già thôi trở gót chốn thần-kinh.

Yên phận rồi, đâu đề nỗi gia-tình; — gác chữ hiếu phải chăm bề công-sự.

Tài sơ-thiền chực một bề tôm-tép, lần lửa mưa sương nắng nguyệt, trử tháng ngày nèn dự số công-lao; — duyên tao-phùng may nghìn thuở rờng mây, vẽ-vang áo măng đai mỗi, tuôn mưa móc thấm cả mình bố-tổ (21).

Đường mây thanh-thả, khi quận khi triều; — bề hoạn chấp-chờn, có vinh có nhục.

Vinh thay buổi ra vào nơi điện bệ, phận hàn-sĩ thoát nhẩy ngôi quan cả: tuy chẳng được bằng vàng bia đá, nghĩ lại sáu bảy năm chùng ấy, tám chín phần đã trả nợ sách đèn; — nhục thay khi ngồi đứng gốc hành-dương (22), thân á-khanh cam sánh kẻ lính già: gượng cho qua cháo muối cơm rau, tính đồn ba bốn tháng dài ghê, trăm nghìn nỗi đủ nếm mùi cay đắng.

Tội thần-tử dầu búa rìu cũng đáng, — ơn thánh minh rồi, sấm sét lại qua.

Lầu thái-vận đầu này xuống tiếng tơ, may bóng dương còn soi đến dấu bèo, nét son thắm sáng lòa nha ngục-thất; — khối bạch-cốt bỗng nở dần gân thịt, nhờ hòn đất lại nặn nèn ông bọt, giấc mộng tàn tỉnh cả chốn cư-dình (23).

Trải nhục rồi, mới biết thuở xưa vinh; — được sống lại, dám quản đâu là thác.

Đếm với bề đã sáu lần thiệp-lich (24), sóng gió kè bao phen chìm nổi, chắc trong mình vâng có mệnh quân-vương; — góp non sông vào mấy quyền phạm-đề, bút nghiên là vốn nghiệp xưa nay, mở con mắt ngó cùng nơi dị-vực.

Trong sai khiến ấy là huấn-hối; — sức hẹp-hòi thêm được kiến-văn

Đàn hình tẩm-thân nhờ đào-tạo còn dày, xếp đặc-táng có bàn chi sự cũ; — cầm tắc dạ với quỉ thần không hồ, miễn thủy-chung cho chớ phụ ơn trên.

Buồm thênh - thênh hầu dâng bằng hồi-sai (25); bút thảo-thảo gói ghi thiên tự-thuật.

CHÚ - THÍCH. — (1) *Tự thuật ký*: bài ký kể thân-thế của mình. Bài này tác-giả làm năm 1834 (Minh-Mệnh thứ 15) khi vàng mệnh công-cán ở Áo-môn, trở về (xem câu cuối). Bài này làm theo thể «tứ lục». — (2) *Người đất Bắc*. — *Vốn Minh-triều tại lại*: tác-giả vốn dòng-dõi người Tàu; khi triều Minh bị nhà Mãn-Thanh đánh đổ, tổ-tiên tác-giả mới sang ở bên nước ta. — (3) *Nghĩa phương* 義方: chỉ hướng hợp đạo nghĩa. — (4) *Nhập giáo* 八教: vào khuôn phép. — (5) *Đinh mao* tức là năm 1807. — (6) *Nhượng bằng Tôn-sơn* (Tôn-sơn 孫山: tên một người đi thi đỗ cuối bảng): ý nói hỏng thi. — (7) *Tràng-an* 長安: nguyên là kinh-đô nước Tàu về đời nhà Tây-Hán (nay ở tỉnh Thiểm-tây); sau dùng theo nghĩa rộng để gọi chung kinh-đô nhà vua. — (8) *Củ quế, gạo châu*: củi đất như quế, gạo đất như hạt châu; ý nói đất lấm. — (9) *Đường bách - lý những ghi lời Tử-Lộ* (bách lý 百里: trăm dặm; Tử-Lộ 子路: tên một người học-trò đức Khổng-Tử): xưa Tử-Lộ thờ cha mẹ rất có hiếu; nhà nghèo thường đội gạo đi trăm dặm để lấy tiền nuôi cha mẹ. — (10) *Cồ-nhuế*: tên làng, nay thuộc phủ Hoài-đức tỉnh Hà-đồng. — (11) *Thăng-long*: tên cũ Hà-nội, đặt ra từ đời Lý Thái-Tổ. — (12) *Ất-mao*: tức là năm 1819. — (13) *Hương tiến* 鄉薦: đỗ khoa thi hương. — (14) *Thường lệ* 常棣: tên một thứ cây; lại là tên một thiên trong *Kinh Thi* tả cảnh vui-vầy trong anh em. — (15) *Canh thin*: tức là năm 1820. — (16) *Hạ trung* 下徵: nói vua hạ tờ chiếu xuống đòi ra làm quan. — (17) *Tiêu liêu* 椒聊: tức là cây hồ-tiêu; tên một thiên trong *Kinh Thi* nói về quả cây hồ-tiêu sai đề ví với con cháu nhiều. — (18) *Ti-lạp* 絲粒: sợi tơ và hạt gạo. — (19) *Đầu-thăng* 斗升: đấu và thăng (phần mười của đấu): ý nói lương bổng ít-ỏi. — (20) *Quê phần*: quê-hương. Nguyên vua Hán Cao-tổ quê ở xã Phần du 粉榆: (tên hai thứ cây), nên đời sau dùng chữ ấy để gọi quê - hương. — (21) *Bố-tố* 布素: áo vải mộc - mạc; chỉ thân người học trò nghèo. — (22) *Gốc hành-dương*: (hành-dương 桁楊: cùm bằng gỗ); chỉ nơi ngục-thất. Tác-giả một lần đương làm hữu-tham-tri, bị tội phải tước chức, sau theo phái-bộ đi ra ngoại-quốc hiệu lực, rồi lại được khai-phục. — (23) *Cư-dinh* 居亭: nhà trọ. — (24) *Đếm vời bề đã sáu lần thiệp-lịch*: sáu lần vượt qua bề khơi. Đây tác-giả nói đến việc cử đi công-cán ở Tiều-tây-dương, ở Tàn-gia-ba, ở Lữ-tống, ở Quảng-đông, ở Tàn-gia-ba lần thứ hai, ở Áo-môn. — (25) *Hồi-sai* 回差: đi việc công sai trở về.

NHỊ THẬP TỨ-HIỆU DIỄN ÂM 二十四孝演音

«Nhị thập tứ hiếu» nghĩa là hai mươi bốn chuyện hiếu. Trong tập này (gồm có 416 câu), tác giả đem truyện hai mươi bốn người con có hiếu chép ở sử sách Tàu đặt ra lời ca song thất lục bát.

97.— Năm vầng, khóc măng

- 297 Ngươi Vương-Tường cũng ra đời Tấn,
Tủi huyên-đường (1) sớm ần bóng xa (2).
Mẹ sau gặp kẻ chua ngoa,
300 Tiếng gièm thêu dệt với cha những điều.
Lòng cha vẫn còn yêu như trước,
Lòng con thường chẳng khác như xưa.
Mẹ thường muốn bữa sinh-ngư (3),
Già đông trời lạnh, bấy giờ tìm đâu?
305 Trên vầng đông, quyết cầu cho thấy,
Cồi áo nằm, rét mấy cũng vui.
Bỗng không vầng lở làm đôi,
Li-ngư (4) may được một đôi mang về.
Bữa cung-cấp một bề kinh thuận,
310 Mẹ cha đều đòi giận làm lành.
Cho hay hiếu cảm tại mình,
Dẫu trăm giận, lúc hạ tình (5) cũng thôi.
.
325 Ngô Mạnh-tôn phụ-sinh sớm khuất,
Thờ mẫu thân lòng thực khăng-khăng.
Tuổi già dần-dọc bán-khoản,
Khi đau, nhớ bát canh măng những thêm.
Trời đông-nguyệt biết tìm đâu được,
330 Chốn trúc-lâm phải bước chân đi.
Một thân ngồi tựa gốc tre,
Ôm cây kêu khóc năn-nì với cây.
Giữa bình-địa phút giây bỗng nứt,
Mấy rò măng mặt đất nảy sinh.
335 Đem về điều đặt bữa canh,
Ăn rồi bệnh mẹ lại lành như xưa.
Măng mùa lạnh bấy giờ mới thấy,

Đề về sau nhớ lấy cổ cây.

Cho hay hiểu động cao dày (6).

340 Tình sâu nên khiến cổ cây cũng tình.

CHÚ-THÍCH.— (1) *Huyền đường* 萱堂: (nhà trồng cây huyền): chỉ người mẹ. Huyền là một thứ cỏ có tính giải phiền, nên còn gọi là «vong ưu thảo 忘憂草»: (cỏ làm quên nỗi lo), bởi thế hay trồng ở chỗ mẹ ở để mong cho mẹ được vui. *Kinh Thi* có câu: «Yên đắc huyền thảo, ngôn thụ chi bối 焉得萱草, 言樹之背.» (Ước gì được cỏ huyền, mà trồng ở nhà phía bắc (tức là nhà mẹ ở). Những chữ «huyền-đình», «nhà huyền» cũng có nghĩa ấy. — (2) *Sớm ần bóng xa*: mất sớm. — (3) *Sinh ngư* 生魚: cá sống. — (4) *Li ngư* 鯉魚: cá chép. *Hạ tình* 下情: nói người trên đoái tình thương người dưới. — (6) *Cao dày*: trời, đất; do câu «trời cao, đất dày» nói tắt lại.

NGÔ THỀ-VINH 吳世榮

(Biệt hiệu Trúc-dương, người xã Bái-dương (nay thuộc phủ Nam-trực, tỉnh Nam định), đỗ tiến sĩ năm 1829, Minh-mệnh thứ 10).

98. — Thanh phong, minh nguyệt

Giang tâm thu nguyệt bạch,

江 心 秋 月 白

Não-nùng thay khi gió mát, lúc trăng thanh!

Bóng thiềm soi đáy nước long-lanh,

Quang cảnh ấy cũng thanh mà cũng lịch.

Vạn khoảnh tịch-nhiên thu dạ vĩnh,

萬 頃 寂 然 秋 夜 永

Nhất hồ oánh nhĩ nguyệt minh thâu (1).

一 壺 瑩 爾 月 明 秋

Đàn năm cung, thơ một túi, cờ một cuộc, rượu một bầu,

Tiếng ca quản (2) một vài câu khiến hưng.

Chèo mấy mái, thuyền lan lững-thững,

Bạn mấy người tài-tử ngao-du.

Non mấy tầng, đá mọc lò-nhò,

Cầu mấy dịp, bắc ngang sông Vị-thủy (3).

Hội Xích-bích nọ năm Tuất nhĩ!

Thú phong-lưu há đề một Tô-công (4) ?

Trăng thanh gió mát kho chung.

Bản chép khác.— Câu 1: Giang-tâm, thu nguyệt.— Câu 5...
lãi — Câu 7:... khúc — Câu 10:... tiêu dao — Câu 11:... so - le. —
Câu 12:... một...

CHÚ-THÍCH.— (1) Hai câu 5-6: Muôn khoảnh (trăm mẫu) vắng ngắt
trong đêm dài mùa thu; một bầu lóng lánh ánh trăng thu. — (2) Ca quản
歌管: hát và sáo. — (3) Vị thủy: tức là sông Vị-hoàng chảy qua tỉnh
Nam định. — (4) Tô công: tức là Tô Đông-pha, một bậc danh sĩ ở bên
Tàu về đời Tống. Năm Nhâm tuất (1082) ông đi chơi thuyền ở dưới núi
Xích-bích hai lần, nhân đó làm ra hai bài Tiền Xích-bích và Hậu xích-bích phú

PHAN THANH-GIẢN 潘清簡 (1796-1867)

(Xem tiểu-truyện tác giả ở Phần thứ nhất, Năm thứ nhì. Chương
thứ XV, Lời chủ (14).)

99.— Đi sứ nước Pháp

Chín tầng lồng-lộng giữa trời thình,
Phụng chỉ ra đi buổi sứ trình.
Lo nỗi nước kia còn phiến-biến,
Thương bề dân nọ cuộc giao chinh.
Nghìn trùng biển cả sang tây-địa,
Muôn dặm đường xa thẳng đế-kinh.
Mây nước sang qua cùng Pháp-quốc,
Rước đưa mừng rỡ cuộc hòa-minh.

100.— Tuyệt cốc (1)

Trời thời, đất lợi, lại người hòa,
Há để ngồi coi phải nói ra.
Lắm trả ơn vua, đền nợ nước,
Đành cam gánh nặng, ruồi đường xa.
Lên ghềnh xuống thác, thương con trẻ,
Vượt biển trèo non, cảm phận già.
Cũng tưởng một lời an bốn cõi,
Nào hay ba tỉnh lại châu ba (2).

CHÚ-THÍCH.— (1) Tuyệt cốc 絕穀: không ăn thóc, nhịn đói. Năm
1867, sau khi nộp ba tỉnh phía tây Nam-kỳ (Vĩnh-long, An-giang và Hà-
tiên) cho người Pháp, cụ nhịn đói trong mười ngày, rồi uống thuốc

độc chết.— (2) *Ba tỉnh lại châu ba* (châu : thêm vào): đây là nói ba tỉnh phía tây lại sáp nhập ba tỉnh phía đông xứ Nam kỳ (bây giờ là Nam Việt (Gia-định, Biên-hòa, và Định-tường) mà vua ta đã nhượng cho nước Pháp theo tờ hiệp-ước ký ngày 5 tháng 6 năm 1862.

CAO BÁ-QUÁT 高伯适 (? - 1854)

(Xem Tiểu-truyện tác-giả ở Phần thứ nhất, Năm như nhì, Chương thứ XV, Lời chú (10).)

101.— Uống rượu tiêu sầu

*Ba vạn sáu nghìn ngày là mấy,
Cảnh phù-du (1) trông thấy cũng nực cười.
Thôi công đâu chuốc lấy sự đời,
Tiêu-khiên một vài chuông lếu-láo.
Đoạn tổng nhất sinh duy hữu tửu,
斷送一生惟有酒
Trăm tư bách kế bất như nhàn (2).
沉思百計不如閑
Dưới thiều - quang thấp thoáng bóng Nam-san (3),
Ngoảnh mặt lại, cửu hoàn (4) coi cũng nhỏ.
Khoảng trời đất, cồ kim, kim cồ,
Mảnh hình-hài không có, có không.
Lộ là thiên tử, vạn chung (5)!*

Bản chép khác.— Câu 2 : *buồn...*— Câu 3 : *rước* (hoặc *chác*) ... Câu 7... *Bóng...* *dưới...*— Câu 9 : *Thuở...*

CHÚ-THÍCH.— (1) *Phù du*: xem câu chú thích số (10) ở bài 36.— (2) *Hai câu 5-6*: Dứt hẳn một cuộc đời chỉ có rượu; ngẫm nghĩ trăm kế, không gì bằng nhàn. Cả hai câu ý nói: nghĩ cho kỹ, ở trên đời, chỉ có uống rượu và an nhàn là hơn cả.— (3) *Thiều quang* 韶光: ánh sáng đẹp đẽ, phong cảnh mùa xuân. *Nam-san* 南山: quả núi ở phía nam.— (4) *Cửu hoàn*: như chữ hoàn-cầu, khắp trái đất, cả thế giới.— (5) *Thiên tử vạn chung*: xem câu chú-thích số (7) ở bài 71.

102.— Ngán đời

Thế sự thăng trầm, quân mạc vấn :

世事升沉君莫問

Yên ba thâm xứ hữu ngư châu (1).

煙波深處有漁舟

Vắt tay nằm nghĩ chuyện đầu đầu,

Đem mộng sự độ với chân-thân thì cũng hết.

Duy giang thượng chi thanh phong, dữ sơn gian chi
minh nguyệt (2).

惟江上之清風，與山間之明月

Kho trời chung, mà vô tận của mình riêng,

Cuộc vuông tròn phỏ mặc khuôn thiêng;

Kẻ thành-thị, kẻ vui miền lâm tâu (3).

Gõ dịp lấy, đọc câu « Tương tiến tửu » (4):

« Quân bất kiến Hoàng-hà chi thủy thiên thượng lai,
bôn lưu đáo hải bất phục hồi » (5).

Làm chi cho mệt một đời!

Bản chép khác.— Câu 4:... mệt.

CHÚ - THÍCH.— (1) Hai câu 1-2: Việc đời lên xuống, nhà người chẳng hỏi làm gì (Kìa) trong chỗ khói mù sóng rợn, có chiếc thuyền đánh cá. Ý nói: nên gác bỏ việc đời và tiêu dao ở nơi mây mù sóng nước vậy. — (2) Câu 5: Câu này lấy ở bài phú *Tiền xích bích* của Tô Đông-pha và nghĩa là: chỉ có gió mát ở trên sông, cùng trắng sáng trong khoảng núi.— (3) *Lâm tâu* 林藪: rừng và nội cỏ.— (4) *Tương tiến tửu* 將進酒 (Sắp kéo rượu) nhan một bài Nhạc phủ đề của Lý-Bạch.— (5) Câu 10: 君不見黃河之水天上來，奔流到海不復回。 Câu này là câu đầu bài « Tương tiến tửu » nói trên và nghĩa là: người chẳng thấy nước sông Hoàng hà tự trên trời xuống, chảy tuôn xuống bể không hề lộn lại; ý nói: thời giờ cứ đi, không bao giờ trở lại.

NGUYỄN QUÍ-TÂN 阮 貴 新 (1811-1856)

(Xem Tiểu-truyện tác-giả ở Phần thứ nhất, Năm thứ nhì. Chương thứ XX. Lời chú (16).)

103.— Vui chơi phong nguyệt

Nhân sinh thiên địa gian, hốt như lữ-hành-khách (1).

人 生 天 地 間 忽 如 旅 行 客

*Có bao nhiêu ba vạn sáu nghìn ngày.
 Nợ phong trần trót đã ăn vay,
 Phải trang trả mới phải là tay chi-khi.
 Đã trót nhấp say mùi thể-vị,
 Phải tìm phương tỉnh thuốc phồn-hoa.
 Kiếp phù-sinh thăm-thoắt bỗng nên già,
 Thì tuyết, nguyệt, phong, hoa cho phỉ chi.
 Hỏi những khách tang-bồng hồ-thỉ (2),
 Chốn lâm-tuyền thành-thị mấy tri-âm?
 Trăm năm luống những cười thăm.*

CHÚ-THÍCH.— (1) Câu này nghĩa là : người ta sống trong khoảng trời đất, vụt như người khách qua ở trọ.— (2) *Tang bồng hồ thỉ* : Xem câu chú thích số (2) ở bài 43.

BUI HỮU - NGHĨA 裴有義 (1807-1872)

(Xem tiểu-truyện tác-giả ở Phần thứ nhất, Năm thứ nhì, Chương thứ XX. Lời chú (3).)

Kim thạch kỳ duyên 金石奇緣

Đề-mục tấn tuồng này mượn ở một cuốn truyện Tàu. Việc xảy ra về đời nhà Bắc Tống (960-1126).

Tấn tuồng chia làm ba hồi, đại-lược như sau:

Hồi thứ nhất.— Ngạn-Yên (quê ở Hà-nam) có người con trai tên là Kim-Ngọc đã đính-hôn với Ái-Châu, con gái Lâm-Vượng, một người nhà giàu ở gần Tô-châu (thuộc tỉnh Giang-tô).

Lợi-Đồ, tri-huyện Tô-châu, có một người vợ cả và một người vợ lẽ vốn hiềm-khích nhau, một hôm, vợ cả đau, mời Thạch Đạo-Toàn (thầy thuốc) sang chữa; vợ lẽ thừa dịp bỏ chất độc vào thuốc cho vợ cả uống. Người này chết, Đạo-Toàn bị bắt; con gái là Vô-Hà phải bán mình làm thị-tì cho Ái-Châu để lấy tiền lo cho cha.

Ở vùng núi Đại-lư (thuộc tỉnh Thiểm-tây và Hồ-nam) có tên tướng giặc là Tiêu Hóa-Long vẫn cướp bóc hành khách qua sông. Khi Thiết Đình-Quí vâng chỉ đến nhậm chức tri phủ Tây-an (Thuộc Thiểm-tây) đi qua đó, Hóa-Long đón bắt. Đình-Quí đâm đầu xuống sông chết, dặn lại vợ đương có mang nên nhậu-nhục sống để cứu đứa con. Vợ là Giải-thị đành gượng sống, nhưng thề thế nào cũng trả thù cho chồng.

Sau khi thi đậu giải-nguyên, Ngạn-Yêm được bổ làm tri-phủ Bồ-châu (thuộc Sơn-tây). Khi cùng con qua vùng Đại-lư để đi nhậm chức, cũng bị Hóa-Long bắt; nhờ có Giải-thị xin cho, mới khỏi bị giết và ở đấy dạy con bà là Thuần-Lương. Còn con là Kim-Ngọc thì ngã xuống sông, trôi rạt vào bờ, rồi đến ở một ngôi chùa gần đấy; chả may mắc bệnh hủi. Sau ba năm ở chùa, chàng trở về, nhờ người đến hỏi cưới Ái-Châu. Nhưng Ái-Châu thấy chàng có ác-tật không muốn lấy; mẹ nàng bèn nghĩ cách trá hôn, đem Vô-Hà thay làm Ái-Châu để gả cho Kim-Ngọc. Còn Ái-Châu sau lấy con quan huyện Lợi-Đồ là Ái-Lang.

Hồi thứ nhì.— Kim-Ngọc nhờ có cha nàng Vô-Hà chữa khỏi, lên kinh-đô đi thi, đậu trạng-nguyên. Lư Khải-Phong làm thủ-tướng trong triều muốn gả con gái cho Kim-Ngọc để mưu sự thoán-đoạt nhưng chàng từ chối.

Khi ấy, Hóa-Long lấy được thành Tây-an, giết chết quan tổng-đốc Từ Tuấn-Kiệt. Khải-Phong định hại Kim-Ngọc, mới sai chàng đi đánh giặc ấy một mặt lại sai đưa mật-thư hứa giúp Hóa-Long. Kim-Ngọc cùng với Hữu-Quang (em vợ, con Đạo-Toàn) đi đánh giặc. Hữu-Quang bị giặc bắt, nhưng khi Kim-Ngọc ra trận thì Hóa-Long bị thua, chạy về thành Tây-an. Giải-thị, Thuần-Lương, Ngạn-Yêm bèn mưu với Hữu-Quang cho Hóa-Long uống rượu say, rồi giết chết. Kim-Ngọc được tin vào thành Tây-an, nhận cha nhận mẹ, nổi mừng khôn xiết. Giải-thị mới chặt đầu Hóa-Long làm lễ tế chồng rồi đâm đầu xuống sông chết. Kim-Ngọc kéo quân về kinh-đô, vua nhà Tống thưởng công cho cả mọi người. Còn Khải-Phong can án phản quốc phải tội chết.

Vì tội hà-lạm, Lợi-Đồ cùng với con là Ái-Lang đều phải tù và bị tịch biên gia-sản; Ái-Châu (Vợ Ái-Lang) cũng bị bắt đem bán lấy tiền cho đủ số sung công.

Hồi thứ ba — Kim-Ngọc được cử đi giữ thành Tây-an. Vợ là Vô-Hà, nhân sinh con, cần người hầu-hạ, bà đỡ đưa một người đến; người ấy lại là Ái-Châu. Vô-Hà thấy Ái-Châu định nhường ngôi vợ cả cho nàng, nhưng Kim-Ngọc không thuận. Ái-Châu bèn tìm cách quyến-rũ Kim-Ngọc, Kim-ngọc nổi

giận, dò biết tội của Ái-Châu, mới làm án trăm. Nhờ có Vô-Hà xin cho, Ái-Châu được tha, nhưng phải bỏ đi nơi khác. Sau Ái-Châu vào ở thanh lâu.

Trong khi ấy, bọn em Lư-Khải-Phong, muốn báo thù cho anh, bèn đánh Đài-loan bảy giờ do Thành-Trai (bạn cha Kim-Ngọc) và Lý-Thiệu-Cơ (ân-nhân của Thạch-Hữu-Quang) đương làm quan ở đấy. Hai ông này thấy thế nguy, bèn phi báo nhà vua. Vua sai Kim-Ngọc đi đánh. Kim-Ngọc cùng với Hữu-Quang đến nơi, đánh tan quân giặc, kéo quân về kinh đô. Khi đi qua một ngôi chùa, thấy có người thất cổ ở trước; nhận ra, thì là Ái-Châu. Về tới kinh, Vua Tống ban thưởng cho cả mọi người.

104.— Thiết Đình-Quí gặp bọn giặc Tiêu Hóa-Long

TIÊU HÓA - LONG (bach viết):

Thần cung nhất bả, quải phò tang;

神 弓 一 把 掛 扶 桑

Thiên hạ anh hùng mạc cảm đang.

天 下 英 雄 莫 敢 當

Sử ngã cầm phàm, kinh ngạc tầm tông Bắc - Hải;

使 我 錦 帆 鯨 鯢 尋 踪 北 海

Huy ngô bửu kiếm, ti hưu viễn tích Nam - san (1).

搏 吾 寶 劍 蹤 跡 遠 南 山

(Hựu viết):

Đại-lư san (2) hùng cứ nhất phương; — Ngã trại-chủ Hóa-Long thị dã.

(*Như ta*): Chiếm cứ nhất châu thiên-hạ; — tự xưng Giang-Hải đại-vương.

Giấu vuốt nanh chờ vượn Võ Thang (3), — nuôi vây cánh cướp người thương-khách.

(*Lâu la*) (4)! Bài khai kiếm kích; — chỉnh túc thuyền sưu. Truyền đoạn-triệt giang đầu; ngõ truy tầm thương-lữ.

THIỆT ĐÌNH-QUÍ (viết):

Thăng Tây-an tri-phủ; — Thiết Đình Quý thị danh.

Khăng thìn (5) hai chữ trung-thành; — nắm giữ một câ u cần-thận.

(*Như ta*): Cùng Giải-thị duyên vầy loan phụng;— rồi Thiết gia chưa ứng bi xà (6).

Trước đà vâng lệnh hoàng-gia;— nay phải tới chốn trọng-địa.

GIẢI-THỊ (viết):

Từ-sánh duyên xe chỉ,— đà đẹp phận nung khăn.

Mừng nay tam nguyệt hữu thần (7);— xinặng nhất thuyền phó-lị.

ĐÌNH-QUÍ (viết):

Thị Thiết-gia hoan-hỉ; (*vậy ta*) hứa hiền-phụ đồng hành.

(*Đà công*) (8)! Phó đà-công nhẹ tểch dòng xanh, ra trọng địa vô an con đỏ.

(Văn viết):

Trọng - địa vô an con đỏ,

Mây móc nhuần cây cỏ càng tươi.

Dương xuân bữa (9) một phương trời,

Ngựa tre đón rước (10) vui cười gió nhơn.

GIẢI-THỊ (Văn viết):

Chữ từng đẹp-để tơ duyên,

Sớm khuya tiếng hạc, tiếng đồn (11) gần nhau...

ĐÌNH-QUÍ (viết):

Muôn trùng vôi-vọi non cao;— trăm khúc minh-minh biển thẳm.

(*Nọ*); Đất đã sanh thế hiểm;— sông lại vắng người đi.

(*Đà-công*)! Phó đà-công tu khả thận trì, — quá thử địa tối vi sầm-tịch.

HÓA-LONG (viết):

Một thuyền nhẹ tểch;— mấy ngựa ruổi theo.

Kíp bẻ lái rút chèo;— mau giết người lấy của.

ĐÌNH-QUÍ (viết):

Thất thổ (12) chơn thất thổ!— chí kinh thị chí kinh!

(*Ớ phu nhơn*) ! Hoại ngộ vạn lý tiền trình ; — cố ngã nhất ngôn cốt huyết.

壞 吾 萬 里 前 程 ; 願 我 一 言 骨 血.
Vật khả chấp kinh tuần tiết ; — tu đương nhẫn nhục tồn cô.

勿 可 執 經 旬 節 ; 須 當 忍 辱 存 孤.
Tặc thủ bất nghi ô ; — giang trung đương tự tận (13).

賊 手 不 宜 污 ; — 江 中 當 自 盡.

GIẢI - THỊ (viết) :

Chung thiên bảo hận ; — phủ địa trường hờ.

終 天 抱 恨 ; 俯 地 長 呼.
Khởi khả sự nhị phu ; — quyết tu nhương nhưt tử (14).

豈 可 事 二 夫 ; 決 須 攘 一 死

HÓA - LONG (viết) :

Cấp bảo trụ ! Cấp bảo trụ (15) ! — Vật khinh sanh ! Vật khinh sanh !

Xem qua phải sắc khuynh thành ; — đem lại thay ngôi chủ trại.

GIẢI - THỊ (viết) :

Thề hện ấy nước non không cải ; — gian-nan này trời đất có hay.

Lá sương chi quân tắm thân này ; — hột huyết còn mang hồn máu đỏ.

(*Như ta*) : Ngộ biến đà mang lấy hồ ; — từng quyền còn kẻ chi mình.

Lấp cơn sâu hồn dôi dòng xanh ; lau giọt thấm máu rơi nước bích.

(Ai vãn viết) :

*Giọt thấm máu rơi nước bích,
 Thương phận mình giá sạch ra nhươ.*

*Dây oan khéo vẫn sờ sờ,
 Vì ai chẳng trọn một thờ với ai.*

*Gặp khi sóng gió giữa vời,
 Thương vì khi huyết đời đời non sông.*

(Hồi thứ nhưt)

CHÚ-THÍCH.— (1) *Thần-cung... tích Nam-san*: Tay cầm một chiếc cung thần và mang theo những cái tên nhẹ. Trong thiên-hạ không người anh-hùng nào dám địch với ta. Hễ ta giương cái buồm bằng gấm lên, những giống cá voi và cá sấu phải trốn lên biển Bắc; Hễ ta tuốt cái gươm quí ra, những giống tì hưu (tên một giống mãnh thú) phải trốn xuống núi Nam (ý nói: ai-ai cũng phải khiếp sợ).— (2) *Đại-lư-san*: tức là Tần-lĩnh, một dãy núi ở miền Thiểm-tây, ở giữa sông Vị (chi lưu của Hoàng-hà) và sông Hán (chi lưu của Dương tử-giang) một nơi rất hiểm-yếu.— (3) *Chờ vận Võ, Thang* (Võ: tức là Võ-vương (1122-116) sáng nghiệp ra nhà Chu; Thang: tức là Thành-thang (1783-154) sáng nghiệp ra nhà Thương): ý nói chờ cơ-hội để làm vua.— (4) *Lâu la* 嘍囉: quân cướp tụ-hợp ở rừng núi.— (5) *Khăng thìn* (khăng: một mực; thìn: giữ-gìn): một mực giữ gìn.— (6) *Ứng bi xà* (bi: con gấu; xà: con rắn): nằm chiêm bao thấy gấu hoặc thấy rắn; ý nói sinh con trai hoặc sinh con gái. Chữ lấy ở *Kinh Thi* Tiều-Nhã, Thơ Tư-can «Duy hùng, duy bi, nam tử chi tường. Duy hũy duy xà, nữ tử chi tường. 惟熊惟羆, 男子之祥. 惟虺惟蛇, 女子之祥.» (nằm chiêm bao) thấy gấu, đó là điềm để con trai. Thấy rắn là điềm để con gái. Hùng là giống gấu thường, bi là giống gấu lớn; hũy và xà đều là rắn. Giống gấu ở núi khỏe-mạnh nên cho là điềm con trai; giống rắn ở hang, mềm-mại nên cho là điềm con gái.— (7) *Hữu thần* 有娠: có mang.— (8) *Đà-công* 舵工 (đà: bánh lái, công: thợ người làm việc gì): người bẻ lái thuyền.— (9) *Bủa*: tỏa ra khắp mọi nơi.— (10) *Ngựa tre đón rước*: nghĩa bóng là vui-vẻ đón rước một ông quan có nhân. Theo tích Quách-Cấp đời Hậu-Hán làm quan ở Tinh-Châu. Sau khi dời đi chỗ khác, lại về Tinh-Châu. Khi trở về, các trẻ con trong hạt lấy những thanh tre làm ngựa cưỡi đi đón ông ấy vui vẻ lắm.— (11) *Tiếng hạc, tiếng dờn*: nói về một ông quan thanh-liêm. Theo tích Triệu-Biện ở đời nhà Tống, đi làm quan chỉ đem có một con hạc, một cái đàn đến quận, tính rất thanh-liêm.— (12) *Thất thố* 失措: chính nghĩa là cuống-quít lẫn-lộn; đây nghĩa là nguy đến nơi.— (13) *Hoại ngộ... dương tự tận*: (Nó) làm hỏng con đường tương-lai dài muôn dặm của ta; (Phu-nhân) nên nghĩ đến một cơ xương máu của ta: Chớ nên giữ đạo thường mà chết vì tiết-nghĩa; phải nên nhẫn-nhục mà cứu lấy đứa con bỏ-côi. (Còn ta) không nên để cho tay giặc làm như; phải tự-tận ở giữa dòng sông.— (14) *Chung-thiên nhất-tử*: suốt đời ôm nỗi giận; cúi xuống đất kêu dài. Há có thể thờ hai chồng? Quyết nên một thác cho rồi.— (15) *Cấp bảo trụ*: kịp ôm giữ lấy.

105.— Giải-thị tuần tiết theo chồng

GIẢI-THỊ (viết):

Giai tiền bái yết; — trướng hạ cung trần.

陪前拜謁；帳下恭陳

Thiếp bôn vị vong nhân; — qui vì thất-tiết phụ (1).

妾本未亡人；愧為夫節婦

*(Như thiếp): Xử nghịch cảnh (mà) ngoại tân thường đảm (2); — (chẳng qua là tôi) phụng di ngôn (nên mới) nhân nhục tồn cô.**(Nhưng mẹ con tôi): Chém xương trót dặng trả thù; — (mà) mở miệng càng mang lấy hồ.*

KIM-NGỌC (viết):

Hảo bá-mẫu (3) ba-đào tiết-phụ; — cứu song thân la-võng đại ương (4).

好伯母波濤節婦；救雙親羅網大殃。

*(Công tử thời sát tặc lập công); văn hồi nhất thống bản chương — (là cùng) toàn lại đại gia tâm lực (đó mà).**Tiết bá mẫu nên ghi thẻ bạc, — (còn) công thế huynh đang dựa nhà vàng.**(Đề cháu) tu biểu văn thượng tấu trào dâng, — (dặng mà) nhờ lượng thánh minh dương đại tiết (cho).*

GIẢI-THỊ (viết):

*(Thưa) dám bày tình chí thiết; — trót trả nghĩa tương thân.**Hồn tiên phu đó khôn hỏi chốn thủy tân; — (thưa) đầu Tiêu tặc (tôi xin) tế an người tuyền nhường (5).*

KIM-NGỌC (viết):

*Đại tiết linh nhân khả tường; — dạ đài tuy tử do sinh (6).**Xin phu nhân an tại biên thành, — cùng hiền đệ tuần du trọng địa.**(Chúng tướng)! Tế nghi chinh bị; — thuyền thích nghiêm minh.**Truyền quân nhân giang khẩu tấn hành; — (dặng cho ta) hổ bá mẫu hải tân trí tế (a).*

GIẢI-THỊ (viết)

(Hà) ! Oan kết theo hồn tinh-vệ (7) — lụy rơi hóa huyết đồ-quyên (8).

Minh-mông sóng thâm bữa đầu thuyền ; — (còn) lai-lãng gió sâu xao mặt nước.

(Văn-viết) :

Mặt nước trời ngày quyết biệt,
Dưới suối vàng, ai biết cho chăng ?
Tồn cô chữ dạn khăng-khăng,
Vì ai, nên lỗi đạo hằng với ai ?
Than ôi ! kia đất nọ trời,
Ấy sông thệ thủy, nào lời minh san.

KIM-NGỌC

(Quân) Truyền trụ thuyền ban ; — cấp trần tế-phẩm.

GIẢI-THỊ, THUẦN-CƯƠNG (viết):

Ngưỡng kỳ linh-sảng ; — nguyên giám đơn thăm (9).

Hương thề chong giả bạn đồng tâm ; — chén thảo rót dung người dị-lộ.

(Thán viết) :

Ta hồ ! tiên giá cảnh hà chi ; — cát đoạn can trường hận biệt-ly.
Vân ám Đỉnh-hồ long khứ viễn ; — nguyệt minh Hoa-biểu
nhận qui tri (10).

雲暗鼎湖龍去遠；月明華表雁歸遲。

GIẢI-THỊ (viết) :

Chàng ngậm cười chín suối ; — thiệp uống thăm ngàn ngày.
Nước oan-thù thấm thoát từ đây ; — sóng ly-biệt lao-xao
thuở nọ.

Đầu Tiêu-tặc đó đà dặng đó, — mặt tiên phu nào thấy đầu
nào ?

(*Tiên phu ôi*) Bất nhị canh hồ phạn má đào; — Vô tư chiếu in vùng trắng bạc.

(*Như thiếp chừ*): Nơ nhưố khôn che dày mặt; hờ hang dễ lấp ngơ lòng.

Nguyên tận tiết vu ba trung; — thứ từng phu ư tuyền hạ (11).

願盡節于波中；庶從夫於泉下。

(*Nhập thủy*)

(*Hồi thứ nhì*)

CHÚ-THÍCH.— (1) *Giai tiền... thất tiết phụ*: Trước thềm lạy yết; — dưới trướng kinh bày: Thiếp vốn là người góa chồng; — xấu hổ làm người vợ thất tiết.— (2) *Ngọa tân, thường đảm* 卧薪嘗膽: nằm gai nếm mật, nghĩa bóng là chăm lo sự báo thù. Theo tích vua Câu-Tiền nước Việt bị vua nước Ngô đánh thua, trong hai mươi năm trời, cứ nằm trên củi gai và thường nếm mật đắng để lúc nào cũng nhớ đến mối thù.— (3) *Bá mẫu*: bác gái. Đây Kim-ngọc gọi Giải-thị là bá-mẫu để có ý kính trọng.— (4) *La võng đại ương*: (la: lưới bắt chim; võng: lưới bắt cá; đại ương: nạn lớn): đây chỉ cái nạn bị giặc bắt.— (5) *Tuyền nhưỡng* 泉壤 (tuyền: tức là cửu-tuyền, chín suối; nhưỡng: cõi): cõi cửu-tuyền, nơi âm-phủ.— (6) *Đại liết... do sinh*: Tiết lớn (của bà) khiến người phải tưởng nhớ đến; — ở dưới âm-phủ (chồng bà) tuy chết cũng như còn sống.— (7) *Tinh vệ* 精衛: tên một giống chim. Điền cổ: con gái vua Viêm-đế chết đuối ở biển Đông, hóa ra chim tinh-vệ; tự bấy giờ, cứ đi nhặt đá ở núi Tây để lấp biển ấy. Sau người ta mượn biển ấy để nói những người ôm một mối thù hoặc một mối hận ở trong lòng.— (8) *Đỗ quyên* 杜鵑: cũng gọi là đỗ-vũ 杜宇: chim cuốc tiếng kêu ai-oán người ta cho là nó kêu mãi chảy máu cổ họng ra. Điền cũ: vua Đỗ-Vũ nước Thục sau khi phải nhường ngôi cho Bá-Linh, hóa ra chim ấy. — (9) *Nhưỡng kỳ... đơn thâm* (linh: thiêng-liêng; sàng: sáng-sủa; đơn: đỏ như son; thâm: thành-thực): mong rằng hồn thiêng-liêng sáng-sủa soi xét đến tấm lòng son thành-thực.— (10) *Ta hồ... nhận qui tri* (tiên-giá: xe tiên; nói về người chết; — đình hồ (đĩnh: cái vạc): chỗ vua Hoàng-đế bèn Tàu sau khi đúc cái vạc thì có con rồng đem đi mất, nên dùng chữ ấy để nói về vua chết; — hoa biều (biều: đầm): chữ lấy trong *Kinh Thi*; đời Lê-vương, dân bị khổ sở ly-tán, đến đời Tuyên-vương mới lại được an-cư lạc-nghiệp, bèn tự ví mình như đàn nhận bay mãi mới đến chỗ đầm hoa mà yên nghỉ: Than ôi! xe tiên đi nơi nào? Cắt đứt gan ruột vì mối hận biệt-ly! Mây mờ trên hồ vạc, con rồng đi đã xa (ý nói: chồng chết đã lâu); trăng soi sáng trên cột trụ đá ở trước

lăng mộ chim nhận về chậm (ý nói: giặc-giã đã dẹp yên, dân-sự lục-tục trở về.)— (11) *Nguyễn tận tiết ... ư tuyền hạ*: xin đâm đầu xuống giữa sông để trọn tiết; ngõ hầu theo chồng ở dưới chín suối.

NGUYỄN ĐÌNH CHIỀU 阮廷昭 (1822-1888)

(Xem tiểu truyện tác-giả ở Phần thứ nhất, Năm thứ nhì, Chương thứ XIX, Lời chú (1)).

106.— Trung thần, nghĩa-sĩ

*Làm người trung-nghĩa đang bìa son,
Đứng giữa càn - khôn tiếng chẳng mòn.
Cơm áo đèn rồi ơn đất nước,
Râu mày giữ vẹn phận tôi con.
Tinh-thần hai chữ phao sương tuyết,
Khí phách ngàn thu rở núi non.
Gấm chuyện ngựa Hồ, chim Việt cũ (1),
Lòng đầy tưởng đó mất như còn.*

CHÚ-THÍCH.— Ngựa hồ, chim việt: do câu: «Hồ mã tè bắc phong, Việt-diều sào nam chi 胡馬嘶北風，越鳥巢南枝»: Con ngựa rợ Hồ (ở phía bắc nước Tàu) cất tiếng kêu khi thấy gió bắc thổi, con chim đất Việt (ở phía nam nước Tàu) làm tổ ở cạnh chỗ về phương nam. Ý nói: loài vật còn nhớ quê hương.

LỤC VÂN-TIÊN 陸雲仙

(Xem phần thứ nhất, Năm thứ nhì, Chương thứ XIX).

LƯỢC TRUYỆN.— Truyện *Lục Vân-Tiên* (gồm 2246 câu) có thể chia làm 4 đoạn như sau:

I.—*Lục Vân-Tiên và Kiều Nguyệt-Nga gặp nhau* (câu 1-552).— Nguyên *Lục Vân-Tiên* là người học trò có nết có tài, con nhà phúc hậu, đã đính hôn với *Vũ-Thái-Loan*, nhân gặp khoa thi, lên kinh đô để gặp ngày vào trường. Lúc đi đường gặp nàng *Kiều Nguyệt-Nga* bị bọn giặc bắt, chàng bèn ra tay cứu nàng thoát nạn. Sau hai bên từ biệt nhau, nàng về ly sở của cha, chàng đến chốn kinh-kỳ để kịp ngày vào thi.

II.— *Lục Vân-Tiên gặp nạn* (câu 553-1240).— Chàng vừa đến nơi, chợt nghe tin mẹ mất, vội vàng lìa chốn khoa trường, về nhà chịu tang. Đi đường, vì nỗi đau buồn, thụ bệnh mắt mù: đã gặp bọn dung-y pháp-sĩ lừa dối, tiền mất tật mang, lại gặp người bạn bất lương (Trịnh-Hâm) lập mưu hại. Sau tới nhà ông nhạc, thì đã không cứu giúp lại sinh lòng hiểm-độc đem chàng bỏ vào một cái hang sâu. Nhưng may gặp một tiên-ông cứu ra, gặp bạn hiền (Hán-Minh) đem đến ở một ngôi chùa.

III.— *Kiều Nguyệt-Nga phải sang cống Phiền* (câu 1241-1740) — Về phần Kiêu Nguyệt-Nga, vì có tên nịnh thần muốn ép duyên không chịu, nhân có giặc Phiền sang quấy nhiễu, tên ấy bèn tâu với vua Sở bắt nàng sang cống vua Phiền. Nàng định thủ-tiết, đi nửa đường đâm đầu xuống sông tự vẫn. May gặp ngư-ông quăng lưới vớt lên, sau đến ở một ngôi chùa.

IV.— *Lục Vân-Tiên và Kiêu Nguyệt-Nga được sum-hạp hiền-vinh* (câu 1741-2246).— Lục Vân-Tiên sau nhờ có thuốc tiên uống khỏi mắt về nhà thăm cha, thăm Kiêu-Công (cha nàng Nguyệt-Nga), rồi đi thi đỗ Trạng-nguyên. Nhân có giặc Phiền lại sang quấy nhiễu, vua sai đi đánh giặc thua tan. Lúc về, nhờ một sự tình cờ, gặp Kiêu Nguyệt-Nga ở chùa, hai bên nhận nhau rồi lại được sum họp một nhà. Sau nhân vua không có con, mới truyền ngôi cho Lục Vân-Tiên, thật là vinh-quang sung-sướng. Còn bọn gian nịnh tham ác trước đều bị tội vạ cực khổ cả.

**107.— Lục Vân-Tiên đánh bọn cướp,
cứu nàng Kiêu Nguyệt-Nga**

- 91 *Bỗng nghe tiếng khóc vang rầm,
Xôn-xao rừng bụi, ỳ-ầm núi non.
Vân-Tiên hỏi lũ công con:*
« Việc chi tấp-nập la om chạy hoài ? »
- 95 *Dân rằng: « Tráng sĩ kêu ai ?
« Hay là cũng lũ Sơn-đài đuổi ta ? »*
Chàng rằng: *« Chớ ngại chi mà,
« Hãy xin dừng lại, để ta trao lời,
« Ta đây du học qua chơi,*
- 100 *« Giữa đường, thấy việc lạ, thời hỏi xem.
« Đề cho được tỏ căn nguyên (1),
« Dở hay sẽ liệu kinh quyền (2) giúp cho. »*

- Dân nghe khởi sự hết lo,
 Rủ nhau đứng lại, nhỏ to trình rằng:
- 105 « Dám thừa tráng-sĩ qua đường,
 « Sự này nói lại thêm càng ngửa gan.
 « Ở đây có đảng còn-quang (3),
 « Ra vào nhiễu-loạn thôn-trang trăm bề.
 « Còn thẳng đầu-mục (4) nó kia,
- 110 « Tên là Đỗ-Dự, hiệu thi Phong-lai.
 « Họp nhau ở chốn Sơn - đài,
 « Người đều sợ nó tri tài khôn đương.
 « Vừa rồi xuống cướp bản-hương,
 « Gặp người thực-nữ qua đường bắt đi,
- 115 « Xóm làng chẳng dám nói chi,
 « Cảm thương hai gã nữ-nhi mắc nạn.
 « Con ai vóc ngọc mình vàng,
 « Má đào, mày liễu, dung-nhan, lạnh lùng.
 « Vì mà mắc chúng hành hung,
- 120 « Uổng trang thực-nữ sánh cùng thất-phu!
 « Hở mồm, bụng lại thêm lo,
 « Thôi thôi chạy trốn đi cho rảnh mình.»
 Vân-Tiên nổi trận lôi-đinh (5),
 Hỏi thăm «Lũ ấy náu hình nơi nao?
- 125 « Tôi xin ra sức anh hào,
 « Trở đương việc ấy, người nào lo chi?»
 Dân rằng: Lũ nó còn kia,
 « Xin chàng qua đó một khi mới đành,
 « E khi họa hồ bất thành (6),
- 130 « Khi không mình lại chôn mình vào hang.»
 Vân-Tiên chỉ khi hiên ngang (7),
 Bẻ cây làm gậy rẽ đường thẳng vô,
 Thét rằng: «Hỡi đảng hung-đồ!
 « Chớ quen thói cũ mơ-hồ hại dân.»
- 135 Phong-Lai mặt đỏ mắng rằng:
 « Thằng nào lớn mặt lấy-lĩnh vào đây.
 « Trước gây việc dữ tại mày.»

*Truyền quân bốn phía bồ vây nghiêm phòng.
Vân-Tiên tả đột hữu xung.*

140 *Khác nào Triệu Tử vượt vòng Đương-dương (8).*

Lâu la (9) bốn phía tan-hoang.

Đều quăng gươm giáo, kiếm đường chạy ngay.

Bản chép khác.— Câu 93: *Tiên rằng: Bớ chủ...*— Câu 94: *nên nổi bon bon...*— Câu 96: *một lũ...*— Câu 97: *Tiên rằng: «Cơ sự làm sao? — Câu 98: Hãy dừng gót lại mà trao một lời— Câu 103: ... tiếng nói khoan-thai.— Câu 111: Nhóm...— Câu 112: ... có tài...— Câu 113: Bây giờ... thôn...— Câu 114: Thấy con gái tốt...— Câu 115: Dân chúng...— Câu 116: Cùng nhau lẫn khóc vậy thì đã vang.— Câu 119: E khi... đảng...— Câu 121-122: Thôi thôi chẳng dám nói lâu! Chạy đi cho khỏi, kéo ầu lời mình.— Câu 123: ... giận...— Câu 124: ... nó còn đình...— Câu 126: Cứu người cho khỏi lao đao buổi này.— Câu 127: ... đây— Câu 128: Qua xem tướng bậu thơ ngày đã đành.— Câu 130: ... xuống bang— Câu 131: ... ghé lại bên đảng.— Câu 132: ... nhắm làng xông... Câu 134: ... làm thói mơ-hồ...— Câu 135: ... phùng phùng.— Câu 138: ... bít bùng— Câu 141: Lu... vỡ tan.— Câu 142: ... nhắm— Câu 143: ... chẳng — Câu 144: ... Bị Tiên một gậy thác rày, thân vong.*

CHÚ-THÍCH — (1) *Căn-nguyên* 根源: rễ cây và nguồn nước; nghĩa rộng là: duyên do, gốc tích.— (2) *Kinh quyền*: do câu: «Xử thường chấp kinh, xử biến tông quyền 處常執經, 處變從權.» nghĩa là: Ở cảnh thường thì giữ đạo thường, nhưng khi gặp cảnh biến thì phải theo tình-thế mà đối-phó, định-đoạt, không thể câu-nệ được — (3) *Côn quang* (côn 棍: cái gậy dùng để đánh võ: quang 杓: then ngang của cái thang): chỉ bọn du-côn, bọn giặc cướp — (4) *Đầu mục* 頭目: người đứng đầu trong một bộ-lạc hay một đảng—(5) *Lôi đình* 雷霆: sấm và sét; nghĩa bóng là giận dữ—(6) *Họa hồ bất thành*: do câu ở trong sách *Hậu Hán thư* «Họa hồ bất thành phản loại cầu 畫虎不成反類狗.» (Vẽ hồ không nên lại giống chó); ý nói làm việc quá cao mà không thành công.— (7) *Hiên ngang* 軒昂: (hiên: chỗ cao ở đằng trước một cái xe; ngang: ngang cao lên): cao kỳ, khác người thường — (8) *Triệu-Tử vượt vòng Đương dương*: tích lấy trong truyện *Tam-quốc-chí* diễn nghĩa: Triệu Tử Long đánh ở Đương-dương Trường-bản-kiều, phá tan quân Tào Tháo, cứu được A-đầu.— (9) *Lâu-la* 唵囉: quân cướp tụ họp ở rừng núi.

108.— Lục Vân-Tiên bị Vũ-công hãm-hại

- Vũ-công trong dạ ưu-phiền,
 Muốn toan một chức chu-tuyền độc thay !
 « Vân-Tiên người hãy ngồi đây,
 1050 Để ta vào trước, sẽ rày liệu toan.
 Vội cho đòi mụ Quỳnh-Trang (1),
 Cùng là ái-nữ Thái-Loan đều vào.
 Mọi bề sau trước tiêu-hao,
 Sự chàng lam-lũ, tìm vào đến đây.
 1055 Nền hư, tùy mẹ con mày,
 « Đã không ép vợ, há rày ép con. »
 Loan rằng : « Gót đỏ như son,
 « Xưa nay ai nữ đem chôn dưới bùn ?
 « Có đâu sen, ấu mọc chùm ?
 1060 « Có đâu chanh, khế sánh cùng lựu, lê ?
 « Thà không thì chịu một bề,
 « Còn hơn mình ngọc dựa kề thất phu.
 « Quyết lòng chờ đợi danh-nho,
 « Có đâu lấy đũa đui mù thế này ?
 1065 « Vả nghe người nói hội này,
 « Có Vương Tử-Trực đỗ dày thủ-khoa.
 « Xin cha cố kết thông-gia,
 « Họ Vương, họ Vũ một nhà mới xinh ».
 Công rằng : « Muốn trọn việc mình,
 1070 Phải toan độc-kế dút tình mới xong.
 « Gần đây có núi Xương-tòng,
 « Hang sâu thăm-thẳm, bịt bùng khôn ra.
 « Đông-Thành (2) nghìn dặm cách xa.
 « Đem chàng bỏ đó, ai mà biết đâu ? »
 1075 Ngán thay họ Vũ mưu sâu !
 Cha con khen khéo bảo nhau hại người !
 Bóng trắng vừa gác non đồi,
 Vân-Tiên ngồi tựa nhà ngoài thở-than.
 Vũ-công khi ấy dỗ chàng :
 1080 Xuống thuyền, cho linh đưa sang Đông-Thành.
 Đưa đi vừa lúc tan canh,

- Dẫn vào hang đá, bỏ đánh Vân-Tiên.
 Đoạn rồi, ren-rén bò lên,
 Vội đưa chèo quế, tềch miền xa trông.
 1085 Vân-Tiên thực dạ tin lòng,
 Hững hờ, nào biết Vũ-công hại mình.
 Thừa rằng : « Nhạc-phụ xét tình,
 « Cho người đưa đến Đông-thành què nay.
 « Gắng lòng báo đáp ơn dày,
 1090 « Một phen tưởng đến ngàn ngày dám quên ».
 Hay đâu vắng tiếng đòi bên,
 Tay chân đụng đá, dưới trên chập-chồng,
 Vân-Tiên khi ấy hãi-hùng,
 Nghĩ ra mới biết Vũ-công hại mình.
 1095 Nực cười con Tào đành-hanh,
 Chữ duyên điều-trắc, chữ tình đòi trao,
 « Nghĩ mình tai nạn xiết bao !
 « Mới qua khỏi bến, lại vào ngay hang.
 « Dây sấu ai khéo vằn-vương,
 1100 « Tránh nơi núi kênh, gặp đường hang beo.
 « Quanh hang đá mọc tai mèo.
 « Muốn ra cho khỏi, ai diu-dắt tay ?
 Oan-gia ai khéo dựng gậy ?
 « Đã đành một thác thân này cho an ? »
 1105 Chắc rằng xa cỏi nhân-gian,
 Chỗ nên vào chốn thạch-bàn nằm lo,
 Đêm khuya ngọn gió thổi lò,
 Sương sa ẩm thấp, mưa to lạnh-lùng.

Bản chép khác.— Câu 1047:... khôn ngọt lòng... — Câu 1048 : Án tình thế lợi có tuyền vậy vậy.— Câu 1049 : Dạy...— Câu 1050 : Cho ta trở lại sau này.— Câu 1051-1056: Công rằng: « Mụ hỡi Quỳnh-Trang ! Dò lòng ái-nữ Thế-Loan thế nào ? Mặc bay toan liệu làm sao, Vốn không ép vợ, lẽ nào ép con. — Câu 1059 : Ai cho sen muống một bồn.— Câu 1061:... trót... — Câu 1063 : Dốc...— Câu 1064 : Rề đâu có rề đui mù thế này?— Câu 1065: Tôi...— Câu 1066: Rằng... đậu...— Câu 1067:

Ta dầu muốn...sui...— Câu 1069 :... đặng...— Câu 1070:... một
 chước... cho. — Câu 1071 : Nghe rằng trong... Thương...— Câu
 1072: Có hang sâu...— Câu 1073:... còn xa. — Câu 1077 : Phút
 vừa trăng đã đứng đầu. — Câu 1078:... trước... cân...— Câu
 1079:... ra đó phỉnh...— Câu 1080:... trẻ...— Câu 1081: Ra... tam...—
 Câu 1082 : Dắt... tối. — Câu 1083: Bỏ rồi len lén bước liền. —
 Câu 1084 : Xuống gay... đời thuyền tránh xa. — Câu 1085-1090 :
 Tiên rằng : « Các chủ đưa ta ! Xin đưa cho tôi quê nhà sẽ hay !
 Ghi lòng dốc trọn thảo ngay ! Một phen ra sức ngày ngày
 chẳng quên ! ». — Câu 1091. Lặng nghe... hai...— Câu 1092 : Tay
 lần hang tối, đá...— Câu 1095:... trở trình. — Câu 1096: tráo
 chác... lắng sao. — Câu 1097 : Gẫm...— Câu 1098 :... lên...
 trong...— Câu 1099: vương mang.— Câu 1100:... lưới thỏ... bày
 cheo... —Câu 1101 : Trong hang sau trước quạnh-hiu. — Câu
 1102:... đi...— Câu 1103 : nợ đã khéo gây. — Câu 1104: Ôi thôi !
 thân thể còn gì mà toan ?— Câu 1105 : Đã đành...— Câu 1106 :
 Dựa mình... co.— Câu 1107: Đêm đông...— Câu 1108:... lác đác...
 tro...

CHÚ-THÍCH.— (1) Quỳnh-trang : vợ Vũ-Công.— (2) Đông-thành : tên
 quận, quê Lục Vân-Tiên.

109.— Vương Tử-Trực nhiệt mắng Vũ-công và Vũ Thái-Loan

- Nhân khi Tử-Trực (1) hồi hương,
 1250 Vào nhà họ Vũ, thăm chàng Vân-Tiên.
 Công rằng : « hỏi đến thêm phiền,
 « Nó đã làm bệnh, hoàng truyền xa chơi.
 « Thương thay tài trí ở đời !
 « Nhỡ đường danh phận, nhỡ nơi tơ hồng».
 1255 Nghe thôi Tử-Trực động lòng,
 Hai hàng nước mắt ròng-ròng như mưa.
 Than rằng: «Rày nhớ linh xưa (2),
 Nghĩa đã tỏ nghĩa, tình chưa tỏ tình.
 « Trời sao nữ phụ người lành ?
 1260 « Bể vàng chưa chiêm, ngày xanh đã mòn !

- «Cùng nhau chữa được vuông tròn,
 Người đã sớm mất, ta còn ích chi ?
 «Trong trần mấy kẻ cố-tri ?
 Mấy trang đồng đạo, mấy nghì đồng-tâm ? »
- 1265 Công rằng: «ta cũng xột thâm,
 «Tủi duyên con trẻ, sắt cầm dở-dang.
 «Mất rồi, không lẽ tái hoàn,
 «Lão đã sớm tinh một đường tiện ngay.
 «Tới đây thì ở lại đây,
- 1270 «Cùng con gái lão, sum-vầy thất-gia.
 «Phòng khi sớm tối vào ra,
 «Thấy Vương Tử-Trực, cũng là thấy Tiên».
 Trực rằng: «Cùng bạn bút nghiên,
 «Anh em trước đã kết nguyên cùng nhau.
- 1275 «Vợ Tiên là Trực chị dâu,
 «Chị dâu, em bạn, có đâu lỗi nghì ?
 «Chẳng hay người học sách gì ?
 «Nói ra những chuyện dị-kỳ khó nghe !
 Hay là học thói nước Tề ?
- 1280 «Vợ người Tử-Cử đưa về Hoàn-công (3).
 Hay là học thói Đường-cung ?
 «Vợ người Tiều-Lạc sánh cùng Thế-Dân (4).
 «Hay là học thói nhà Tần ?
 «Bất-Vi gả vợ, Dị Nhân lấy nhằm (5),
- 1285 «Nói sao chẳng biết hồ thân ?
 «Người ta há phải loài cầm thú sao ?»
 Vũ-công hồ then xiết bao,
 Sừng sừng khôn cãi lẽ nào cho qua.
 Thái-Loan trong trướng bước ra,
- 1290 Miệng mừng thầy cử tân-khoa mới về :
 «Thiếp nay lỗi đạo xường tùy,
 «Lỡ đường sửa túi, lỡ bề nưng khăn,
 «Uổng thay dạ thổ khăng-khăng.
 «Đêm đêm chờ đợi bóng trắng bấy chầy,
- 1295 «Chẳng ưng thì cũng làm khuấy,

«Nữ đem chuyện sách mà bày chẳng kiếng?»

Trực rằng: «Ai Lã Phụng-Tiên (6),

Mà toan đem thối Điều-Thuyền (7) trên người?

«Mồ chồng ngon cổ còn tươi,

1300 «Lòng nào mà nữ buông lời nguyệt hoa?

«Hồ thay mặt ngọc da ngà,

«So loài cầm thú, dễ mà khác chi?

«Vân-Tiên anh hỡi cố-tri!

«Suối vàng có biết việc gì cho ta?»

1305 Tay lau nước mắt, trở ra,

Vội về sắm sửa sang qua Đông-thành.

Bản chép khác.— Câu 1249: Xảy đâu... vừa về.— Câu 1250: bề...— Câu 1251: ... chớ hỡi...— Câu 1252: Chàng...— Câu 1253: ... chàng phận bạc...— Câu 1254: Cũng vì nguyệt lão xe hơi mỗi hồng.— Câu 1255: ... qua ... chạnh...— Câu 1256: ... lụy ngọc...— Câu 1257: ... Chạnh...— Câu 1258: ... kết... phi...— Câu 1259: ... tài...— Câu 1260: ... gấp, mây...— Câu 1261: ... chưa đăng...— Câu 1262: ... thác... làm...— Câu 1263: ... đời... bức...— Câu 1264: ... người...— Câu 1265: ... túi...— Câu 1267: Thối thối khuyên chớ thở than.— Câu 1268: ... tỉnh động... rất hay.— Câu 1271: khuya sớm...— Câu 1272: ... I Ván... Câu 1273: ... ngồi viết đĩa...— Câu 1274: ... xưa có thề...— Câu 1276: ... dám...— Câu 1277: ... chi... Câu 1278: ... tiếng... Câu 1283: Người nay nào phải... Câu 1285: ... thăm. — Câu 1286: ... dễ...— Câu 1288: Ngồi trên không...— Câu 1290: ... chào. — Câu 1291: ... đã chẳng trọn lời thề. — Câu 1292: ... bề, trấp, lỗi...— Câu 1293: ... nằng nằng.— Câu 1294: ... thu...— Câu 1295: Không...— Câu 1296: buông lời nói chẳng vì...— Câu 1298: Phòng...— Câu 1300: ... quên.— Câu 1301: hang vậy cũng người ta.— Câu 1302: ...— Câu 1304: ... thế này chẳng là? — Câu 1306: ... tìm...

CHÚ-THÍCH.— (1) Tử-Trực: họ Vương, bạn của Lục Vân-Tiên, đi thi đỗ thủ khoa.— (2) Linh xưa: hồn thiêng xưa, đây chỉ Lục Vân-Tiên.— (3) Vợ người Tử-Cử đưa về Hoàn-công: Tử-Cử là anh Hoàn-công nước Tề bị Hoàn-công giết đi, rồi cướp lấy vợ.— (4) Vợ người Tiểu-Lạc sanh

*Canh tư, thẳng phụ chưa hay ;
 Canh năm, nghe báo (5), rít may mừng lòng ;
 Bình đài (6) thu phục đã xong,
 Lầu Tây (7), đương đốt lửa dong bốn bề.
 Liệu chừng thuốc đạn đã mòn,
 Giấy lên, Tây mới thành-môn bắn vào (8).
 Nhường như sấm sét ầm ào ;
 Dầu là núi, cũng phải chao, huống thành !
 Quân ta khôn sức đua tranh,
 Đem nhau trốn chạy tan tành bèo trôi.*

CHÚ-THÍCH.— (1) *Tôn Thuyết* : tức là Tôn - thất - Thuyết 尊室說, làm phụ-chánh đại-thần, kiêm Binh-bộ thượng-thư lúc bấy giờ. Sau khi vua Tự-Đức mất (19 tháng 7 năm 1883), quyền chính ở trong triều đều ở tay hai ông Tôn-thất-Thuyết và Nguyễn-văn-Tường 阮文祥 là phụ-chánh đại-thần. Hai ông này chuyên quyền, làm sự phế lập : vua Dục-Đức mới lên ngôi được ba ngày thì hai ông bỏ đi mà lập vua Hiệp-Hòa, rồi lại bỏ vua Hiệp-Hòa (tháng 1 năm 1884) mà lập vua Kiến-phúc ; được chín tháng vua Kiến-phúc mất, hai ông lập vua Hàm-Nghi mới có 12 tuổi (tháng tám năm 1884). Tuy triều-đình đã ký tờ hiệp-ước ngày mồng 6 tháng 6 năm 1884 nhận cuộc bảo-hộ của nước Pháp mà hai ông vẫn lo cuộc chống cự ; mộ quân « phẩn nghĩa » lập đồn Tân sở 新所 (ở gần Cam-lộ, thuộc tỉnh Quảng-trị), chứa vàng bạc ở đấy đề phòng khi hữu sự.— (2) *Nửa đêm* : tức là đêm hôm 22 sang ngày 23 tháng 5 năm Ất-dậu, Hàm-Nghi nguyên-niên (đêm ngày mồng 4 sang ngày mồng 5 tháng 7 năm 1885). Một giờ đêm hôm ấy, Tôn-thất-Thuyết ra lệnh cho quân đánh tòa Khâm-sứ và trại quân Pháp ở Măng cá.— (3) *Gửi sang* : đây là lời Thuyết tâu với vua Hàm-Nghi.— (4) *Ở đó* : ý nói bên người Pháp.— (5) *Nghe báo* : nghe lời Thuyết báo.— (6) *Bình-dài* : tức là Măng cá nói trên. Chính tên là Trấn-bình-dài, một khu thành nhỏ ở góc đông-bắc kinh-thành Huế.— (7) *Lầu Tây* : tức là tòa Khâm-sứ Pháp.— (8) *Giấy lên, Tây mới thành môn bắn vào* : Khi quân ta bắn sang, quân Pháp đang ngủ, chợt tỉnh dậy, chưa biết ra làm sao, chỉ yên lặng mà chống giữ. Đến gần sáng, quân Pháp mới tiến lên đánh thành thì quân ta thua chạy.

LÊ NGÔ-CÁT 黎吳吉 và **PHẠM ĐÌNH-TOÁI** 范廷倅

(Xem Tiểu-truyện tác-giả ở Phần thứ nhất, Năm thứ nhì, Chương thứ VII, Lời chú (14) và (16).

Đại-nam quốc-sử diễn-ca

大南國史演歌

(Xem Phần thứ nhất, Năm thứ nhì, Chương thứ năm)

112.— Hai bà Trưng

- 331 Bà Trưng quê ở Châu Phong (1),
Giận người tham-bạo, thù chồng chẳng quên.
Chị em nặng một lời nguyện,
Phất cờ nương-tử (2) thay quyền tướng-quân.
- 335 Ngàn tây (3) nổi áng phong trần,
Ầm-ầm binh-mã xuống gần Long-Biên (4).
Hồng-quần nhẹ bước chinh-yên (5),
Đuổi ngay Tô-Định dẹp tan biên-thành.
- Đô-kỳ (6) đóng cũi Mi-linh (7),
- 340 Lĩnh-nam (8) riêng một triều đình nước ta.
Ba thu gánh vác sơn-hà,
Một là báo-phục (9) hai là bá vương (10).
Uy-thanh động đến Bắc-phương,
Hán sai Mã Viện lên đường tiến công.
- 345 Hồ Tây (11) đưa sức vẫy vùng,
Nữ-nhi chống với anh-hùng được nao !
Cấm-kê (12) đến lúc hiểm-nghèo,
Chị em thất thế cũng liều với sông.
- Phục-ba (13) mới dựng cột đồng,
- 350 Ai-quan truyền dấu biên công cõi ngoài.

CHÚ-THÍCH.— (1) *Châu Phong* : tức là Phong-Châu 峯州 tên đất cũ ở nước ta, ở vào khoảng phủ Vĩnh-tường (trước thuộc tỉnh Sơn-Tây nay thuộc tỉnh Vĩnh-yên).— (2) *Nương-Tử* 娘子 : con gái. Cờ Nương-Tử là cờ của một vị tướng đàn bà đi đánh giặc.— (3) *Ngàn tây* : chỉ quê bà Trưng, vì Phong-Châu ở phía tây thủ-đô nước ta bây giờ.— (4) *Long-biên* 龍編 : tên đất cũ ở nước ta, nay ở địa-hạt phủ Thuận-thành tỉnh Bắc-ninh.— (5) *Chinh-yên* 征鞍 : cái yên đặt trên mình

ngựa cưỡi đi đánh giặc.— (6) *Đô-kỳ* 都畿 : cũng như chữ « kinh-đô » chỗ nhà vua đóng.— (7) *Mi-linh* 糜冷 : tên đất cũ của nước ta, nay thuộc địa-hạt phủ Yên-lãng tỉnh Phúc-yên.— (8) *Lĩnh-nam* 嶺南 : (nghĩa đen là phía nam dãy núi Ngũ-lĩnh) người Tàu ngày xưa gọi chung phần đất ở phía nam dãy Ngũ-lĩnh, gồm có Quảng-đông, Quảng-tây và nước Nam ta.— (9) *Báo-phục* 報復 : tức là báo ân, phục thù, nghĩa là đền ơn và trả thù.— (10) *Bá-vương* 霸王 : bá là người có quyền thống lĩnh các nước nhỏ, ở dưới vương ; vương là vua : nói về người làm nên sự-nghiệp hùng trưởng.— (11) *Hồ Tây* : tên một cái hồ ở phía bắc thành-phố Hà-nội. Đây chép « Hồ Tây » vì sử cũ chép rằng Mã-Viện đánh nhau với bà Trưng ở *Lãng-bạc*, mà « Lãng-bạc » là một tên cũ của Hồ Tây. Nhưng ở các nhà sử-học gần đây xét ra rằng « Lãng-bạc » nơi bà Trưng đánh nhau với Mã-Viện, không phải là tên hồ mà là tên đất, tức là Tiên-du sơn, huyện Tiên-du tỉnh Bắc-ninh bây giờ (Xem H. Maspéro. *L'expédition de Ma Yuan*, BEFEO, t. XVIII, số 3).— (12) *Cấm-kê* 禁谿 : tên đất cũ ở nước ta, nay ở địa-hạt phủ Vĩnh-Tường tỉnh Vĩnh-yên.— (13) *Phục-ba* 伏波 : tức là Phục-ba tướng-quân, chức của vua Hán phong cho Mã-Viện.

TÔN THỌ-TƯỜNG 尊壽祥

(Xem Tiểu-truyện tác-giả ở Phần thứ nhất, Năm thứ nhì, Chương thứ XX, Lời chú (5).)

113.— Đi sứ nước Pháp

Múa gươm, quăng chén cắt mình đi,
 Bịn rịn đầu mào thối nữ-nhi.
 Mây khói một màu thuyền thoát-thoát !
 Biển trời muôn dặm núi ti-ti.
 Phương xa xe ngựa lờ đi đến ;
 Nước cũ non sông ngóng lúc về.
 Tên cỏ cung đầu là chi trẻ,
 Danh mà chi đó, lợi mà chi ?

114.— Tôn phu-nhân qui Thục (1)

Cát ngựa thanh gươm vẹn chữ tông,
 Ngàn thu rạng tiết gái Giang-đông (2).
 Lìa Ngò, bịn-rịn chòm râu bạc ;

Về Hán trau-tria mảnh má hồng.
 Sơn phần thà cam dày gió bụi ;
 Đá vàng chi đề then non sông ?
 Ai về nhẩn với Châu Công-cần (3) :
 Thà mất lòng anh, đừng bụng chông.

Bản chép khác.— Câu 5 :... đem đây...— Câu 7 :... Chu...—
 Câu 8 :... được...

CHÚ-THÍCH — (1) *Tôn phu-nhân qui Thục* 孫夫人歸蜀 : Phu-nhân họ Tôn về nước Thục. Tôn phu-nhân, em gái Tôn-Quyền vua nước Ngô, lấy Lưu-Bị vua nước Thục (hoặc Hán) năm 209 (sự tích đời Tam quốc). Tác-giả mượn việc này để ám-chỉ cảnh-ngộ mình, trước đã làm quan với Nam triều, sau lại làm quan với Chánh-phủ Pháp.— (2) *Giang-dông* 江東 : phía đông sông Dương-tử giang. Đây chỉ đất nước Ngô ở phía đông-nam sông ấy về phía đông sông Tương là một chi lưu của sông ấy.— (3) *Công-Cần* : tự của Chu-Du, có tài văn võ, giúp Tôn-Quyền, đánh thua Tào-Tháo ở trận Xích-bích.

115.— Tự thuật

(Tất cả mười bài liên hoàn : dưới đây trích lục hai bài)

I

Giang-san ba tỉnh hãy còn đây ;
 Trời đất xui chi đến nỗi này ?
 Chớp nhoáng thẳng bon dây thép kéo ;
 Mây tuôn đen kịt khói tàu bay.
 Xăng-văng chậm tính, thương đòi chỗ ;
 Khấp-khởi riêng lo, biết những ngày.
 Miệng cọt, hàm rỗng, chưa dễ chọc,
 Khuyên đàn con trẻ chớ thầy lay (1).

IX

Kề mấy mươi năm nước lẽ vắn,
 Trời đà xui thế, thế khôn ngăn.
 Bốn đời chung đội ơn nuôi dạy ;
 Ba tỉnh riêng lo việc ở ăn.
 Hết sức người theo trời chẳng kịp,
 Hoài công chim lấp biển khôn bằng.

Phải sao chịu vậy, thôi thì chớ...
Nhắm mắt đưa chân, lỗi đạo hằng ?

Bản chép khác.— Bài IX, Câu 1 :... nếp... — Câu 7: *Ôi thôi ! đã...*

CHÚ-THÍCH.— (1) *Thầy lay*: mua chuốc lấy những việc không phải việc của mình.

116.— Thân thể nàng Kiều (1)

Mười mấy năm trời nợ giữ xong,
Sông Tiền-đường đục hóa ra trong.
Mảnh duyên bình lãng (2) còn nong-nả,
Chút phận tang-thương lắm ngại-ngùng.
Chữ hiểu ít nhiều, trời đất biết;
Gánh tình nặng nhẹ, chị em chung.
Tấm lòng thiên cổ thương mà trách :
Chẳng trách chi Kiều, trách Hóa-công.

Bản chép khác.— Câu 1:... nhục rửa... — Câu 2:... nên...
— Câu 7 : *Soi gương...*

CHÚ-THÍCH.— (1) Bài này tác giả làm khi đã về tri-sĩ, mượn thân thể nàng Kiều để ký thác tâm sự mình. — (2) *Bình-lãng* 萍浪: bèo và sóng; như chữ «bình thủy» nói về cái duyên hai người ngẫu nhiên mà gặp gỡ nhau.

PHAN VĂN-TRỊ 潘文值

(Xem tiểu-truyện tác - giả ở Phần thứ nhất, Năm thứ nhì, Chương thứ XX, Lời chú (6).)

117.— Tôn phu-nhân qui Thục

(Họa vận Bài của Tôn Thọ-Tường, xem Bài số (2) ở trên)

Cải trám sữa áo vện câu tòng,
Mặt ngả trời chiều biệt cõi Đông.
Ngút tỏa đồi Ngô un sắc trắng,
Duyên về đất Thục đượm màu hồng.
Hai vai tơ tóc bền trời đất;
Một gánh cang (cương) thường nặng núi sông.
Anh hỡi ! Tôn-Quyền anh có biết ?
Trai ngay thờ chúa, gái thờ chồng.

Bản chép khác.— Câu 1:....sử *trấp* (hoặc: *xóc áo*)....— Câu 2:....*giả*...— Câu 3: Ngút tủa *trời* Ngò... (hoặc): *Khói* tủa vùng Ngò *xen thức bạc* — Câu 4: *Duyên xe về* Thục... — Câu 7: *Nhấn với* họ *Tôn người*...

118.— Tự thuật

(Họa vận bài của Tôn-Thọ-Tường, xem Bài số 122 ở trên)

*Hơn thua chưa quyết đố cùng đày,
Chẳng đã, nên ta phải thế này.
Bến Nghé (1) quản bao cơn lửa cháy;
Cồn Rồng (2) dầu mặc bụi tro bay.
Nuôi muông giết thỏ còn chờ thuở,
Bủa lưới (3) sẵn nai cũng có ngày.
Đừng mượn hơi hùm rung nhát khí,
Lòng ta sắt đá, há lung lay?*

IX

*Một đôi mươi uổng tính xăn-văn (4) !
Đất lở, ai mà dễ dám ngăn ?
Nong-nả, (5) dốc vun nền đạo nghĩa,
Xổn-xang, (6) nào tưởng việc làm ăn !
Thương người vì nước ngồi không vững,
Trách kẻ cầm cân kéo chẳng bằng.
Gió xăng mới hay cây cỏ cứng,
Dối theo người trước giữ năm hằng.*

Bản khác chép.— Bài IX câu 7:....*mạnh*.

CHÚ-THÍCH.— (1) *Bến-nghé*: tên một cái bến ở thành Saigon. — (2) *Cồn rồng*: tên một cái cồn ở thành Saigon. — (3) *Bủa lưới*: chăng lưới. — (4) *Xăn-văn*: tức là xăn-văng; vội-vàng, hấp tấp. — (5) *Nong nả*: hăm hở, hăng-hái. — (6) *Xổn xang*: rộn ràng, bối rối trong lòng.

CAO BÁ-NHẠ 高伯迺

Người xã Phú-thị (nay thuộc quận Gia-lâm tỉnh Bắc-ninh),
con Cao-Bá-Đạt cháu Cao-Bá-Quát.

Tự tình khúc 叙情曲

Năm 1854, Tự-đức thứ 7, sau khi Cao-Bá-Quát (xem *Tiểu truyện ở Phần thứ nhất, Năm thứ nhì, Chương thứ XV. Lời chú* (10).) khởi loạn, rồi bị chết chém, người anh đồng-bào song-sinh là Cao-Bá-Đạt (đỗ cử-nhân năm 1834, Minh-mạng thứ 15) bấy giờ đương làm tri-huyện Nòng-cổng (Thanh-Hóa) cũng bị bắt giam, sau ông tự tận. Cả nhà ông đều bị bắt. Duy có Cao-Bá-Nhạ trốn thoát, ẩn náu ở hạt Mỹ-đức (Hà-dông) được tám năm trời thì lại bị bắt. Khúc *Tự-tình* này, Nhạ làm khi đương bị giam ở trong ngục.

Kể về lời văn tự-tình thì khúc này đáng kể là một áng văn hay, vì tình ý thiết tha, lời văn thống thiết, thật là tả hết nỗi đau đớn của một người chẳng may gặp cảnh gia biến bị nỗi oan uổng, mà vẫn giữ được lòng trung hiếu nghĩa thủy chung, khiến cho ai nấy đọc đến cũng phải cảm thương cho cái thân thể của tác-giả.

Khúc này gồm có 608 câu và viết theo thể «song thất lục bát».

119.— Lúc đi trốn

- Đạo con lấy hiếu trung làm trọng,
 70 Nỗi thế thường xem mỏng xem khinh.
 Phù sinh một sợi tơ mảnh,
 Giữ-gìn di-thẻ (1) như hình thiên-kim (2).
 Nhạn sa nước, nôi chìm bể khô;
 Yển e cung, tìm đỗ cây lành.
 75 Đường ngang những sợ chông-chênh,
 Khăng-khăng quyết giữ tấm thành như son.
 Áo bạch chữ (3) dầu cơn mưa nắng,
 Khăn ô-luân (4) đội nặng gió sương.
 Cành mai chẻch-mác càng thương.
 80 Câu thơ tang tử (5) giữa đường càng đau.
 Ngàn non Thái một màu mây bạc (6).
 Giọt chân bèo lưu lạc bể oan.
 Gập-ghenh từng bước gian-nan,
 Một vùng khách địa, muôn vản thương tâm.
 85 Lòng hiếu-đường trăm năm đã lỡ,

- Lời di-danh (7) hai chữ còn mang.
 Trong khi biến, chẳng khác thường;
 Đến điều cùng quá, lại càng kiên trình.
 Thu nước mắt, gia-tình biếng cạn;
 90 Thấm mồ-hôi, vận-hạn lâu qua.
 Tràng-đình ngoảnh lại xa-xa,
 Khởi cầu «chiết liễu» (8), ai là cố-nhân?
 Ghê chân bước phong-trần mới trải,
 Nặng lòng ơn sơn-hải chưa đành.
- 95 Nước mây mình biết cho mình,
 Trời dành tuế-nguyệt đất dành điền-viên (9).
 Thủ thôn-ồ: ao nghiên, ruộng chữ;
 Màu giang-sơn: cơm sứt, áo kinh.
 Pha hòa hai chữ trọc, thanh;
- 100 Đồi màu lữ-khách, thay hình hàn-nho.
 Người mến cảnh, giang-hồ nên thú,
 Cảnh yêu người, tân chủ phải duyên.
 Lăn hồi trong tám, chín niên,
 Gối nhàn tạm chợ, mối phiền tạm khuây.
- 105 Vườn riêng, lấy cỏ cây làm bạn;
 Năm dài, xem yến nhạn bay qua.
 Song hồ ngày tháng lân-la,
 Một hai hoàng-quyền, năm ba tiểu-đồng.
 Tráp Vĩnh-thúc (10), tay phong, tay mở;
- 110 Tập Thiếu-lãng (11), câu lựa, câu ngâm,
 Thờ-ơ thân-thể phù trầm,
 Khi rong trước gió, khi nằm dưới trăng.
 Khuôn tạo-hóa dấu rằng phong, sắc (12),
 Nợ phù-sinh phó mặc bi, hoan.
- 115 Thôn-cư riêng thú bàn-hoàn (13),
 Đem thanh giải trọc, đem nhàn giải ưu.
 Túi Tư-mã (14) giở câu thánh-phú,
 Vườn Đào Am (15) quyền chủ thần hoa.
 Mấy phen điếm xuyết yên-hà (16),
- 120 Cúc mười lăm khóm, mai và bốn cây.

CHÚ - THÍCH.— (1) *Di-thề* 遺 體 : thân-thề của cha mẹ để lại cho.— (2) *Thiên-kim* 千金 : nghìn vàng; ý nói quí lắm.— (3) *Bạch-chữ* 白 紵 : gai trắng.— (4) *Ô-luân* 烏 輪 : (ô : quạ : đen như quạ; luân : sợi tơ) sợi tơ đen.— (5) *Câu thơ tang tử* : câu thơ trong *Kinh Thi* (thơ tiểu-biên 小 弁) : Duy «tang dữ tử, tất cung kinh chỉ 維 桑 與 梓, 必 恭 敬 止.» (Cây dâu và cây tử (của cha mẹ giống, phải kính trọng nó.) Hai chữ «tang tử» sau dùng để chỉ quê cha mẹ.— (6) *Ngàn non Thái một màu mây bạc* : xưa Địch Nhân-Kiệt đời Đường đi làm quan xa, trở đám mây trắng ở núi Thái-hàng 泰 行, nói : «Nhà cha mẹ ta ở dưới đó». Sau dùng những chữ «non Thái», «mây hàng» để nói lòng nhớ cha mẹ.— (7) *Lời di danh* : lời cha mẹ dặn mình phải sống để truyền tên họ lại về sau.— (8) *Cầu chiết liễu* : chiết liễu 折 柳 : bẻ cành liễu, ở cầu Bá kiều bên Tàu, có cây liễu, khách đi xa, qua đây, thường bẻ cành liễu, rồi từ biệt những người tiễn đưa, nên gọi là cầu chiết liễu.— (9) *Trời dành tuế-nguyệt, đất dành điền viên* : (tuế-nguyệt : năm tháng; điền-viên : ruộng vườn) : ý nói : mình còn sống thì còn ngày giờ, còn đất cát.— (10) *Tráp Vĩnh thúc* : tráp đựng sách của ông Vĩnh-thúc, tên tự của Âu Dương-Tu, một văn-hào đời Tống bên Tàu.— (11) *Tập Thiếu-lãng* : tập thơ của ông Thiếu lãng, tên hiệu của Đỗ-Phủ, một thi-hào đời Đường bên Tàu.— (12) *Phong, sắc* : (phong : nhiều, hơn; sắc : ít, kém) do câu : «Phong vu bí, sắc vu thử 豐 于 彼 畧 于 此 » hơn bên này kém bên kia.— (13) *Bàn-hoàn* 盤 桓 : quanh quẩn, không nỡ dứt đi.— (14) *Tư-mã* : tức là Tư-mã Tương-như làm bài phú «Lãng-vân» nổi tiếng là thành-phủ ở đời nhà Hán bên Tàu.— (15) *Đào-Am* : ông có cái vườn giống hoa, mỗi thứ có một vị thần hoa; người chủ vườn hoa tức là chủ các thần hoa.— (16) *Điểm-xuyết yền-hà* 點 綴 煙 霞 (điểm-xuyết : tô vẽ cho đẹp; yền-hà : khói và rặng; chỉ cảnh thiên-nhiên) : sửa sang cảnh thiên-nhiên cho đẹp-để thêm.

120.— Lúc bị bắt

- Tưởng khuây-khỏa ngày qua, tháng tới ;
 190 Bỗng hãi-hùng gió thổi, mưa chan.
 Nồi chim, chim nồi bễ oan,
 Mấy năm hầu cạn, một cơn lại đầy.
 Nặng kiếp trước, vò giày chi mãi ?
 Ngẫm tình này oan trái sao can ?
 195 Nghĩ thân mà ngán cho thân !
 Một thân mang nợ mấy lần chưa thôi !
 Chữ bạc-mệnh, ai ơi ! xót vơi ;

- Câu đa gian (1), trời hời thấu chẳng ?
 Góm thay ! ngọn lửa đốt rừng ,
 200 Dập tàn, tàn lại bưng-bưng bỗng không.
 Ghê cho kẻ mọc lông trong bụng (2) !
 Đặt nền điều vẽ bóng ngoài môi (3).
 Ngựa hươu thay đổi như chơi ,
 205 Đẩu gươm đầu lưỡi, thọc dùi trong tay (4).
 Gây ra sự chia cây, rụng lá,
 Để cho ai chìm cá, giạt bèo.
 Năm ba kẻ thước, người hèo ,
 Ngô Nhan lời cái đàn-biêu đập tan (5).
 Gà eo-óc vừa tàn giấc mộng,
 210 Những vo-ve sức động hồn kinh.
 Tiều-đồng thồn-thức chung quanh,
 Thê nhi lăn-lóc bên mình khóc than,
 Phút nửa khắc muôn ngàn thê-thảm,
 Trong một mình bảy tám biệt-ly.
 215 Ngánh vào, ái ngại thê nhi,
 Ngánh ra, án củ cầm thi ngại-ngần.
 Lay ngọn cúc gió dần lăn-lóc,
 Thấm cảnh mai sương khóc chan hòa.
 Trông hoa, đau đớn cùng hoa,
 220 Ai ngờ từ đấy hóa ra vô tình ?
 Áo xốc-xếch nửa manh chấp nối,
 Tóc loăn-xoăn trăm mối bông-bong.
 Sầu dài chia nửa vào song (?)
 Bước ra dùng-dắng, lại trông giở vào.
 225 Hồn khuê-phụ lao-đao lạng ngắt,
 Người hương-quan quanh-quất thương thay.
 Bèo máy lở bước từ đây,
 Nước non tiễn khách là ngày hai năm.

CHÚ - THÍCH.— (1) Đa-gian: nhiều nỗi gian-truân, cực-khổ.— (2) Mọc lông trong bụng: tục-ngữ; ý nói: bụng dạ độc ác.— (3) Vẽ bóng ngoài môi: ý nói: đặt chuyện nói vu.— (4) Đẩu gươm đầu lưỡi, thọc dùi trong tay: ý nói: lấy miệng lưỡi vu hãm mà giết người; bắt

thình-linh dùng mưu kế ác-độc mà làm hại người — (5) *Ngõ Nhan lồi cái đan-biêu đập tan* (đan: rỗ; biêu: bầu): xưa Nhan Hồi, học trò đức Khổng-Tử, nhà nghèo, ở ngõ hẻm, chỉ có một rỗ cơm, một bầu nước. Cả câu ý nói: lính tráng vào nhà đập phá hết cả.

NGUYỄN - KHUYỄN 阮 勣 (1835-1909)

(Xem *Tiêu-truyện tác-giả ở Phần thứ nhất, năm thứ nhì, Chương thứ XV. Lời chủ* (20).)

121.— Cảnh già

Nhớ từ năm trước hãy theo ngày,
Phút chốc mà già đã đến ngay.
Mái tóc chòm đen, chòm lốm-đốm;
Hàm răng chiếc rụng, chiếc lung-lay.
Nhập nhèm bốn mắt tranh mờ tỏ,
Khấp-khềnh ba chân dờ tỉnh say.
Ông ngẫm mình ông thêm ngán nỗi:
Đi đâu, giờ những cõi cùng chày.

Bản chép khác.— Câu 1: *Vừa thuở ngày nào hãy đại ngày.*
— Câu 2: *Cái già sông sọc đã theo ngày.*— Câu 3: *chùm đen, chùm ... (hoặc): phần sâu, phần... (hoặc): chòm râm, chòm... — Câu 5: Lèm-nhèm... (hoặc) lập lờ... — Câu 6: bước... — Câu 7: Còn một nỗi này thêm chán ngắt (hoặc): thêm nỗi chán.*

122.— Ông tiên-sĩ giầy

Khéo chú hoa man (1) khéo vẽ trò,
Bốn ông mà lại dư thẳng cu.
Mày râu vẽ mặt vang trong nước;
Giấy má nhà bay đáng mấy xu?
Bán tiếng, mua danh, thấy lũ trẻ;
Bảng vàng, bia đá, vẫn nghìn thu.
Hồi ai muốn ước cho con cháu?
Nghĩ lại đời xưa mấy kiếp tu.

CHÚ-THÍCH — *Chú hoa-man*: người thợ mã.

123.— Nước lụt hỏi thăm bạn

Ài lên, nhắn hỏi bác Châu-cầu (1):
Lụt-lội năm nay bác ở đâu?

Mấy ồ lợn con rày lớn bé ?
 Vài gian nếp cái ngập nóng, sáu ?
 Phận thua, suy tính càng thêm thiệt;
 Tuổi cả, chơi-bời họa sống lâu.
 Em cũng chẳng no, mà chẳng đói,
 Thung-thành chiếc lá, rượu lưng bầu.

Bản chép khác. — Câu 3:... mua đất, rẻ ? — Câu 4:... thóc nếp...

CHÚ-THÍCH. — (1) Châu-cầu : tên một làng thuộc huyện Thanh-liêm tỉnh Hà-Nam, quê bạn tác-giả là Bùi-Quế.

124. — Đêm mùa hạ

Tháng tư đầu mùa hạ,
 Tiết trời thực oi-ả.
 Tiếng dế kêu thiết-tha;
 Đàn muỗi bay tơi-tả.
 Nỗi ấy biết cùng ai ?
 Cảnh này buồn cả dạ !
 Biếng nhắp năm canh chầy,
 Gà đã sớm giục-giã.

125. — Mẹ Mốc

So danh-giá ai bằng Mẹ Mốc (1) !
 Ngoài hình-hài, gấm vóc, cũng thêm ra.
 Tấm hồng-nhan đem bôi lấm, xóa nhòa,
 Làm thế để cho qua mắt tục.
 Ngoại mạo bất cầu như mỹ-ngọc,
 外貌不求如美玉
 Tâm trung thường thủ tự kiên kim (2).
 心中常守似堅金
 Nhớ chồng con muôn dặm xa tim,
 Giữ son sắt êm-đềm một tiết.

Sạch như nước, trắng như ngà, trong như tuyết,
 Mảnh gương Trinh vằng-vặc quyết không mờ.
 Đắp tai ngảnh mặt làm ngơ,
 Rằng khôn cũng kệ, rằng khờ cũng thầy.
 Khôn em dễ bán đại này.

Bản chép khác.— Câu 6: *Thân 身 ...* — Câu 8: *Dù...—*
 Câu 11: *lo...*

CHÚ - THÍCH.— (1) *Mẹ Mốc*: tên một người đàn bà hóa đại ở tỉnh Nam-định xưa — (2) *Hai câu 5-6*: ngoài mặt không cầu như ngọc đẹp; trong lòng thường giữ bền tựa vàng.

TRƯƠNG VINH - KÝ 張永記 (1837 — 1898)

(Xem Tiểu-truyện tác-giả ở Phần thứ nhất, Năm thứ ba, Chương thứ III, Lời chú (1).)

126.— Vài nơi cung điện đền chùa ở Hà-nội

Trước hết vào Hoàng-thành cũ. Lọt khỏi ngũ-môn-lâu, lên đến Kinh-thiên. Đền ấy nền cao lắm, có 9 bậc xây đá Thanh, hai bên có hai con rồng cũng đá lộn đầu xuống. Cột đền lớn trót ồm, tinh những là gỗ liềm (*lim*) cả. Ngó ra đằng sau còn thấy một hai cung điện cũ chỗ vua Lê ở thuở xưa, bây giờ hư tề còn tích lại đó mà thôi. Ra ngoài cửa ngũ-môn-lâu, thẳng ra cửa Nam, có cột cờ cao quá xây bằng gạch, có thang khu ốc trong ruột nó mà lên tới chót vót...

Coi rồi mới ra đi đến xem chùa một cột, là cái miếu cất lên trên đầu cây cột đá lớn trồng giữa ao hồ. Nguyên tích ai thiết-lập ra thì người ta nói mờ-ơ, không biết lấy đâu làm chắc cho mấy. cứ sách sử-ký và *Đại-nam nhất thống chí*, thì chùa ông thánh đồng đen kêu là Trần-Võ quan tự, ở về huyện Vĩnh-thuận, phường Đoàn-chương đời nhà Lê, năm Vĩnh-trị năm Chánh-hòa, vua Hi-tông (1675) sửa lại đúc tượng đồng đen cao 8 thước 2 tấc, nặng 6600 cân, tay hữu chống trên cây gươm, chỉ mũi trên lưng con rùa, có rắn vấn quanh theo vỏ gươm... Còn chùa một cột, thì cũng ở hạt huyện Vĩnh-thuận, làng Thanh-bửu ở giữa cái hồ vuông, có trụ đá cao trót trượng, yên-viên chừng chín thước, trên đầu có cái miếu ngói chồng lên, như cái hoa sen ở dưới nước ngóc lên. Sử chép rằng: Thuở xưa vua Lý Thái-Tông nằm chiêm-bao thấy Phật Quan-âm ngồi tòa sen, dắc (*dắt*) vua lên đài. Tỉnh dậy họ clại với quần-thần, sợ điềm có xấu có hệ chi chẳng. Thì thầy chùa thầy sãi tâu xin lập ra cái chùa thể ấy, dâng cho các thầy tụng kinh mà cầu diên-thọ cho vua, thì vua cho và dạy lập ra. Qua đời vua Lý Nhân-Tông sửa

lại, bồi-bổ, lập tháp, đào ao, xây thành làm cầu tế-tự, hễ tháng tư mồng tám vua ngự ra đó kỳ-yên.

Voyage au Tonkin en 1876, Chuyển đi Bắc-kỳ năm ất-hợi (1876)

Saigon, Guillard et Matinon (1881).

HUỲNH TỊNH CỦA tức **PAULUS CỦA (1834 — 1907)**

(Xem Tiểu-truyện tác-giả ở Phần thứ nhất, Năm thứ ba, Chương thứ III, Lời chủ (2).)

127. — Chí khí cao

Thuở xưa vua Nghiêu muốn truyền ngôi cho Hứa-Do (1), bèn đòi Hứa-Do tới mà dạy rằng: « Trẫm nghe người có tài đức lớn, trẫm muốn truyền ngôi cho người, người phải nối ngôi cho trẫm mà làm vua thiên-hạ.» Hứa-Do nghe nói, tức cười, vội-vàng đi xuống suối mà rửa tai. Cũng một khi ấy, có người Sào-Phủ là người giữ trâu, đem trâu xuống suối mà cho uống nước, thấy Hứa-Do đương lum-khum rửa tai, hỏi Hứa-Do làm sao mà rửa tai? Hứa-Do lắc đầu nói: Ông Nghiêu đòi tôi, biểu tôi thì làm vua. Sào-Phủ nghe nói, liền đem trâu lên trên dòng nước mà cho uống. Hứa-Do hỏi, làm sao anh lại đem trâu lên trên ấy mà cho uống? Sào-Phủ rằng: Anh rửa tai anh xuống đó, tôi sợ trâu tôi uống nhầm. Sào-Phủ lại rằng: Anh đi đâu cho người ta biết anh mà muốn nhường ngôi vua cho anh, ấy là tại bụng anh vẫn còn danh-lợi.

Nghe mà rửa, chi bằng giữ vẹn đừng nghe.

Chuyện giải buồn

DƯƠNG - KHUÊ 楊桂 (1839 — 1902)

Hiệu Vân-tri 雲池, người xã Vân-dinh, huyện Sơn-minh, tỉnh Hà-nội (nay thuộc phủ Ứng-hòa tỉnh Hà-đông), đậu tiến-sĩ năm 1868 (Tự-đức thứ 21), làm quan đến hàm thượng-thư, sung-chức tham-tá nha Kinh-lược Bắc-kỳ).

128. — Lại gặp người quen

Hốt ức lục thất niên tiền sự (1).

忽憶六七年前事

Trải trắng hoa chưa trả nợ hương nguyên.

Đến bây giờ lại gặp người quen,

Nỗi lưu-lạc sự ghét-ghen là thế nhỉ.
 Thiếp tự thân khinh, lang vị khi,
 妾自身輕郎未棄
 Thần tuy tội trọng, đế do liên (2).
 臣雖罪重帝猶憐
 Can chi mà tội phạt, hờn duyên,
 Đề son phấn đàn em thêm khúc-khích.
 Ý-trung-nhân tự khả tình tương bạch (3).
 意中人自可情相白
 Thôi bút nghiên, đàn phách cũng đều sai.
 Trông nhau nói nói, cười cười.

Bản chép khác.— Câu 2 : Nợ phong lưu chưa trả hương
 nguyên. — Câu 2: Tới...— Câu 4:... thế — Câu 7: Vội ...— Câu
 8:... Lũ đàn em (hoặc : mặc đàn em)...— Câu 9:... chỉ (hoặc: đăn)
 ...—Câu 10:... sinh...— Câu 11: Gặp.. (hoặc):... cùng nói cả cười
 (hoặc):... ta sẽ vui cười.

CHÚ-THÍCH.— (1) Câu 1: Chợt nhớ đến việc tự sáu bảy năm về trước.
 — (2) Câu 5-6 : Mình thiếp dù khinh, chàng chưa nỡ bỏ; tội bầy tôi dẫu
 nặng, vua vẫn còn thương. — (3) Câu 9: Đối với người thương yêu của
 mình, có thể đem tình thực mà nói rõ cho nhau hay.

129.— Gặp cô đầu cũ

Hồng, Hồng, Tuyết, Tuyết,
 Mười ngày nào còn chữa biết chi chi.
 Mười lăm năm thắm-thoắt có xa gì!
 Chợt ngảnh lại, đã đến kỳ tơ-liều.
 Ngã lãng du thời quân thượng thiếu;
 我浪遊時君尚少
 Quân kim hứa giá, ngã thành ông (1).
 君今許嫁我我翁
 Cười cười nói nói then thùng,

Mà bạch phát với hồng nhan chừng ái ngại.
 Riêng một thú Thanh Sơn (2) đi lại,
 Khéo ngáy-ngáy dai-dai với tình.
 Đàn ai một tiếng dương tranh ?

Bản chép khác.— Câu 2:... *Chứa biết cái.* — Câu 3:... *lâu*
 — Câu 4: *Ngánh mặt lại...tới...*— Câu 7:... *sượng sùng* (hoặc:
ngượng ngùng).— Câu 8: *bạch phát, hồng nhan*, (hoặc: *lạ lạ*,
quen quen).— Câu 9:... *xuân...* Câu 10 : *Luống...*

CHÚ-THÍCH.— (1) Hai câu 5-6 : Lúc ta chơi bởi phóng túng thì người còn nhỏ; bây giờ người đến tuổi lấy chồng thì ta đã thành ông (ý nói đã già). — (2) *Thanh-Sơn*: Có người cho Thanh là Thanh thần; Sơn là là Sơn minh (sau đổi là Sơn-lãng, tên huyện, quê tác-giả). Làng Thanh thần thuộc huyện Sơn-lãng (nay thuộc phủ Thanh-oai, tỉnh Hà-đông) là làng có nhiều cô dâu.

CHU MẠNH-TRINH 朱孟楨 (1862-1905)

(Xem Tiểu-truyện tác-giả ở Phần thứ Nhất, Năm thứ nhì, Chương thứ XX, Lời chú (12).)

130.— **Kiều mắc lận Sở-Khanh**

Những nghĩ chim lồng chấp cánh bay,
 Có khi phận rủi tới hồi may.
 Làng nho người cũng coi ra vẻ ;
 Tổ bợm ai ngờ mắc phải tay.
 Hai chữ tin hồng trao gác nguyệt ;
 Một roi vó ký tếch đường mây.
 Mẫu đơn vùi-vấp cơn mưa gió,
 Cái nợ yên-hoa khéo đọa đày.

Thanh-tâm tài-nhân thi tập

Bản chép khác.— Câu 2: *Họa... có...* — Câu 4: *Bợm sở...*
 — Câu 5: *nhân...* — Câu 6:... *ngựa.*

131.— **Thúc-sinh về thăm Hoạn-thư**

Trong nửa năm trời mới bén hơi,
 Hồ vui sum họp, lại xa khơi.
 Chén đưa lòng những bán-khoăn nỗi ;
 Dặm thẳng lòng còn lẫn-quất nơi.

Nước lã ra chừng coi cũng lạnh ;
 Bờ-hòn hầu dễ ngậm làm tươi.
 Ghê cho cái gái tay đánh-đá ;
 Giòn-giã càng thêm vẻ nói cười.

(Thanh-lâm tài-nhân thi tập)

Bản chép khác.— Câu 5 :... lãng...— Câu 8. Đứng đỉnh...

132.— Tổng vịnh truyện Kiều

Cuốn ngổ rèm xuân trái mấy sương,
 Sắc tài chi lắm đề làm gương.
 Công cha bao quản liều thân thiếp ;
 Sự nước xui nên phụ với chàng.
 Cung oán nỉ-non đàn bạc mệnh,
 Duyên may dun giúi lười Tiền-đường.
 Hai bên vẹn cả tình cùng hiếu,
 Đem bắc đồng cân đáng mấy vàng.

(Thanh-lâm tài nhân thi tập)

133.— Phong cảnh Hương sơn

Bầu trời, cảnh bụi,
 Thú Hương-sơn ao ước bấy lâu nay !
 Kia non non, nước nước, mây mây,
 « Đệ nhất động » (2), hỏi là đây có phải ?
 Thỏ-thể rừng mai chim cùng trái;
 Lững-lơ khe Yến (3) cá nghe kinh.
 Thoảng bên tai một tiếng chày kinh (4),
 Khách tang-hải giật mình trong giấc mộng !
 Này suối Giải oan (5), này chùa Cửa võng (6),
 Này am Phật-tích (7), này động Tuyết-quỳnh (8).
 Nhạc trông lên, ai khéo vẽ hình :
 Đá ngũ sắc long-lanh như gấm dệt.
 Thăm-thẳm một hang lồng bóng nguyệt,
 Gập-ghenh mấy lối uốn thang mây.

Chừng giang-sơn còn đợi ai đây ?
 Hay tạo-hóa sẽ ra tay sắp-đặt ?
 Lần tràng-hạt, niệm : Nam-vô Phật !
 Cửa từ-bi công-đức biết là bao.
 Càng trông, phong-cảnh càng yêu.

Bản chép khác.— Câu 1 :... Phật.— Câu 4 :... rằng...
 chăng...— Câu 6 :... nước...— Câu 10 :... hang... quỳnh.— Câu 11 :...
 họa nên...— Câu 14 :... đôi...— Câu 15 : Ý...— Câu 16 :... sẽ ra
 tay xếp đặt (hoặc) khéo ra tay xếp-đặt ! Câu 18 :... xiết.

CHÚ-THÍCH.— (1) *Hương sơn* : xem câu chú-thích số (1) ở Bài 64 —
 (2) *Đệ nhất động* : ngoài cửa động Hương-tích, có đề năm chữ « Nam-
 thiên đệ nhất động 南天第一洞 » (Động thứ nhất ở trời Nam) —
 (3) *Khe Yến* : dòng suối thuộc địa-phận làng Yến-vĩ; muốn vào động
 Hương-tích, phải xuống thuyền ở bến đò Suối (ở đầu làng Yến-vĩ, thuộc
 phủ Mỹ-đức, Hà-dòng) rồi theo dòng suối ấy đi đến Chùa Ngoài (tên
 chữ là Thiên-trù); đoạn, đi theo đường núi vào đến động (tục thường
 gọi là Chùa Trong). — (4) *Chày kinh* : xem câu chú-thích số (3) ở bài
 65. — (5) *Suối giải-oan* : (giải oan 解冤 : cởi gỡ những nỗi oan) : ở khoảng
 giữa lối đi từ Chùa Ngoài vào Động Hương-tích, có một cái mạch
 nước trong và mát, khách đi lễ thường dừng lại đây lấy nước uống;
 suối ấy gọi là « Suối giải oan » và ngôi chùa xây ở đây gọi là « Chùa
 giải oan » — (6) *Chùa Cửa võng* : tên một ngôi chùa cũng ở lối vào động. —
 (7) *Phật tích* 佛跡 : dấu vết của Phật; tục truyền Động Hương-tích là
 nơi hóa kiếp của Phật Quan Âm. — (8) *Động Tuyết-quỳnh* : không biết
 có phải tác-giả nói về chùa Tuyết ở mé ngoài Động Hương-tích, gần
 Bến đò Suối không?

TRẦN TẾ XƯƠNG 陳濟昌 (1870-1907)

(Xem Tiểu truyện của tác giả ở Phần thứ nhất, Năm thứ nhì, chương
 thứ XX, lời chú (19) .)

134.— Than thân

Kề đã ba mươi mấy tuổi rồi,
 Tôi ngồi tôi nghĩ cái thẳng tôi.
 Mấy khoa hương-thí không đâu cả ;

Ba luống vườn hoang bán sạch rồi.
 Gạo cứ lệ ăn đông bữa một;
 Vợ quen dạ đẻ cách năm đôi.
 Bắc thang lên hỏi ông trời nhẽ:
 Trên ghẹo người ta thế nữa thôi ?

135.— Đưa cho vợ

Quanh năm buôn bán ở mom sông,
 Nuôi-nấng năm con với một chồng.
 Lặn-lội thân cò khi quăng văng;
 Eo-sèo mặt nước buổi đò đông.
 Một duyên, hai nợ, âu đành phận;
 Năm nắng, mười mưa, dám quản công.
 Cha mẹ thói đời ăn ở bạc :
 Có chồng, hờ hững cũng như không !

Bản chép khác.— Câu 1:... miền...— Câu 2:... đủ đàn...—
 Câu 3: Lật đặt chân (hoặc lặn lội chân...) — Câu 4:... lúc...—
 Câu 6:... sương...

136.— Tết đến

Anh em đừng nghĩ tết tôi nghèo.
 Tiền của trong kho chứa lĩnh tiêu.
 Rượu cúc nhần đem, hàng biếng quây;
 Trà sen mượn hỏi, giá còn kiêu.
 Bánh đường sắp gói, e nồm chảy.
 Giò lụa toan làm, sợ nắng thiêu.
 Thôi thế thì thôi, đành tết khác.
 Anh em đừng nghĩ tết tôi nghèo.

137.— Thói đời

Vì chưng chẳng có, hóa thân hèn.
 Hồ với anh em chúng bạn quen.
 Thuở trước chơi bời còn quẩy-luẩn;
 Bây giờ đi lại dám mon-men.
 Giàu sang âu-yếm tình quen thuộc;
 Bần tiện, thờ-ơ dạ bạc đen.

*Vì khiến trong tay tiền bạc có,
Nói dơi, nói chuột, chán người khen.*

Bản chép khác. — Câu 1: ... ra... — Câu 8: Nói dơi chuột cũng...

138.— Năm mới

*Chỉ bảo nhau rằng : mới với me,
Bảo ai rằng cũ, chẳng ai nghe.
Khăn là bác nợ to tà y rế ;
Váy lĩnh cô kia quét sạch hè.
Công-đức tu-hành sư có lọng ;
Xu hào rừng-rỉnh mán ngồi xe.
Chẳng phong lưu, cũng ba ngày tết :
Kiết cù như ai cũng rượu chè.*

Bản chép khác.— Câu 1 : khéo... — Câu 2 : Thấy ai mặc rách... — Câu 3 : ... cụ... — Câu 4 : ... cả... — Câu 5 : ... cũng... — Câu 6 : ... đứng đỉnh... — Câu 7 : Phong lưu rất mực... — Câu 8 : Dù... (hoặc) . . vẫn...

139.— Phường tuồng

*Nào có ra chi lũ hát tuồng !
Cũng hò, cũng hét, cũng y-uông.
Dẫu rằng đối được đàn con trẻ,
Cái mặt bôi vôi nghĩ cũng buồn.*

Bản chép khác.— Câu 1 : ... một lũ... — Câu 4 : ... thật...

140.— Chiêm bao

I

*Bỗng thấy chiêm-bao thấy những người,
Thấy người nói nói lại cười cười.
Tỉnh ra, mới tiếc người trong mộng,
Mộng thể thì bằng tỉnh mấy mươi !*

II

Nằm nghe tiếng trống, trống canh ba,
 Vừa giấc chiêm-bao chợt tỉnh ra.
 Thiên-hạ có khi đương ngủ cả,
 Việc gì mà thức một mình ta?

Bản chép khác.— Bài II. Câu 2:... lúc... sực...— Câu 3
 dễ thường...— Câu 4: Tội..

141.— Vợ chồng Ngâu (1)

Tục truyền tháng bảy mưa ngâu,
 Con trời lấy chủ chăn trâu cũng phiền.
 Một là duyên, hai thời là nợ,
 Sợ xich-thằng ai gỡ cho ra?
 Vụng-về cũng thể cung nga,
 Trăm khôn nghìn khéo chẳng qua mục-đồng.
 Hay là sợ muợn chồng chẳng tá,
 Hơi đầu mà kén cá chọn canh!
 Lấy ai, ai lấy cũng đành,
 Rề trời đầu cả đến anh áo buồn.

Bản chép khác.— Câu 2:... đũa... — Câu 3:... rằng... rằng...
CHÚ-THÍCH.— (1) Vợ Chồng Ngâu: xem câu chú-thích số (6) ở Bài 37.

TỪ DIỄN-ĐỒNG 徐 演 桐**142.— Than nghèo**

Cái khó theo nhau mãi thế thôi!
 Có ai, hay chỉ một mình tôi?
 Bạc đầu ra miệng mà mong được!
 Tiền chữa vào tay đã hết rồi!
 Van nợ, lắm khi tràn nước mắt,
 Chạy ăn từng bữa toát mồ hôi.
 Biết rày, thuở bé đi làm quách:
 Chẳng Ký, không Thông, cũng cậu bồi.

Bản chép khác.— Câu 7:... thân... trước...

143.— Đêm dài

Đêm sao đêm mãi tối mò-mò !
 Đêm đến bao giờ mới sáng cho ?
 Con trẻ u-ơ chừng muốn dậy,
 Ông già thung-thắng vẫn đương ho.
 Ngọn đèn giữ trộm khêu còn bé,
 Tiếng chó nghỉ người cần vẫn to.
 Hàng xóm láng-giềng ai đã dậy ?
 Dậy thì lên tiếng gọi nhà Nho.

Bản chép khác.— Câu 4: ... khùng-khắng... còn ho — Câu 5 :
 ... rình... tí. — Câu 6: ... khinh.... — Câu 7: Bốn góc... tỉnh.— Câu
 8: Tỉnh... làng...

HOÀNG CAO-KHẢI 黄高啟 (1850-1933)

(Xem Tiểu-truyện tác-giả ở Phần thứ nhất, Năm thứ nhì, Chương thứ
 XX, Lời chú (4).)

144.— Ông Trần Quốc-Tuấn

Ông Trần Quốc-Tuấn là quan tôn-thất nhà Trần, tư-chất thông-minh, có tài trí, có can-đảm. Cha là ông Yên-sinh vương, trước cùng vua Thái-tôn có hiềm-khích; khi ông ấy đã làm quan, chầu hầu vua Thái-tôn, tay cầm cái gậy gỗ có mũi nhọn, ai nấy cũng ngờ, nên chỉ ông ấy lại phải bỏ cái mũi nhọn mà cầm cái gậy không; ấy là hay lấy chữ hiệu mà làm chữ trung vậy.

Ông ấy thường hay làm sách binh-thư đồ trận để dạy bảo chư tướng, như là người Yết-Kiều, người Dã-Tượng là người đầy tớ giỏi, ông Trương Hán-Siêu, ông Phạm Ngũ-Lão là người tướng-tá hiền; ông ấy thường nói rằng: «Chim hồng học cao bay cũng vì nhờ chung sáu cánh». Đương đời vua Trần Thánh-tôn, nhà Nguyên có ý muốn chiếm nước ta, mượn cơ sinh sự, đem 500.000 quân sang đánh; ngài sai ông ấy làm quan tiết-chế coi các đạo quân; trận thứ nhất đánh ở cửa Hàm-tử cùng dò Chương-dương mà người Toa-Đô phải giết, trận thứ hai đánh ở làng Văn-đồn cùng sông Bạch-Đẳng mà người Ô Mã-Nhi phải thua. Từ đó, nhà Nguyên không dám lại xâm chiếm nước ta nữa. Vua Thánh-Tôn có câu rằng: «Xã - tắc lưỡng hồi lao thạch-mã, Sơn hà thiên-cổ điện kim-âu» (1), tướng cũng là bài thơ kỷ

niệm công việc trong đời ấy vậy. Ông ấy khi đã mất rồi người ta lập đền mà thờ, ở núi Vạn-Kiếp, đến bây giờ vẫn còn lấy làm linh-ứng.

*Non bề yên lang, sóng ngạc đầy,
Tráp gươm ba thước tuốt ra tay.
Nếu như xã-tắc hai hồi ấy,
Đâu có tang-thương một hội này,
Muôn kiếp thần thiêng vì tướng mạnh,
Trăm năm con thảo với tôi ngay.
Đời dầu xa cách, lòng không cách,
Phảng-phất mây hồng sáu cánh bay.*

Bài thơ này là khen ông Trần Quốc-Tuấn có công nghiệp từ trước mà làm cho người đời sau tưởng tượng không quên vậy. Đại ý nói rằng: Nước có anh-hùng thời thế mới mạnh, người có huân nghiệp, thời giá mới cao. Đương buổi vua Trần Thánh-Tôn phải nhà Nguyên đem quân sang đánh, lấy mạnh hiếp hèn, núi ngắt khói lang, bề đầy sóng ngạc, thế chẳng là nguy-hiểm cho nước ta lắm ru! May mà nhờ ông ấy hết dạ trung-trinh ra tay chống vác, hồi thứ nhất thì đánh cửa Hàm-tải, dò Chương-dương mà người Toa-Đô phải giết, hồi thứ hai, thì đánh ở làng Vạn-dồn, sông Bạch-đăng mà người Mã-Nhi phải thua. Xã-tắc nhờ đó mà duy-trì, giang-sơn nhờ đó mà vinh - hiển, thế mới biết rằng nước có thịnh suy, cũng bởi người có hay dở, người mà hay thì nước bao giờ cũng là thịnh, người mà dở thì nước bao giờ cũng là suy. Dầu bồi bề lấp thay đổi không thường, không nên trách bởi ở trời, mà chỉ nên trách bởi ở người vậy.

Xưa nay sống làm danh-tướng, chắc là thác làm danh-thần, làm tôi giữ trung cũng bởi làm con giữ hiếu, như ông ấy thờ vua thì gậy không mũi nhọn, đánh giặc thì tráp có gươm thiêng, dầu rằng muôn kiếp tôn là thánh là thần, cũng chẳng qua một lòng giữ trung lấy hiếu. Than ôi! sáu cánh hồng bay, nghìn lần mây bổng, người tuy cách mà lòng không cách, đời càng lâu thì tiếng càng lâu, núi Vạn - Kiếp, sông Lục - đầu, anh-hùng sự-nghiệp, nghìn thâu vẫn còn.

Vịnh Nam-sử

(Đồng-dương tạp-chí, Lớp mới, số 8)

CHÚ-THÍCH.— (1) *Xã tắc... kim âu* 社稷兩田勞石馬, 山河千古其金甌. Xã tắc (thần đất và thần lúa; nghĩa bóng là đất nước) hai phen chồn ngựa đá. Non sông nghìn thuở vững âu vàng (âu: ang nhỏ, âu vàng: nghĩa bóng chỉ cơ nghiệp nhà vua).

145.— Xét về việc quan lại người Tàu cai trị dân ta trong những hồi Bắc thuộc

Nhà nước đã lấy thuộc địa, thế tất phải đặt quan lại mà cai trị, mà những kẻ quan lại ấy là người thay mặt cho nhà nước, mà để chủ-tể cho nhân-dân, nếu mà quan-lại được người tốt thì dân yên, quan lại phải người dở thì dân khốn. Xem như đời nhà Hán tham bạo có ông Tô-Định, thời nước ta phản-đối lại có bà Trưng-Vương; đời nhà Lương tham tàn có ông Tiêu-Tư thì nước ta phản đối lại có vua Lý-Bý; đời nhà Đường tham bạo như ông Lưu Diên-Hựu, ông Cao Chính-Bình thì nước ta phản-đối lại có ông Đinh-Kiến, ông Phùng-Hung. Những việc giống như thế còn nhiều, không kể cho xiết được, và những đời ấy cũng đã lâu rồi, xin kể gần đây, như là nhà Minh. Lúc nhà Minh sang lấy nước ta, trước vẫn nói rằng lập con cháu nhà Trần, mà sau thì chiếm lấy, người nước ta có ông Lê Cảnh-Tuân là người học trò có danh tiếng, có làm ra ba bài sách, mà khuyên nhà Minh rằng phải lập con cháu nhà Trần thì nước mới yên, nếu không thì làm thế nào về sau cũng sẽ loạn, tưởng rằng ông ấy nói như thế, chẳng những có ích cho nước ta mà cũng có ích cho nhà Minh nữa, thế mà quan nhà Minh đã không nghe lại thêm bắt tội, giải cha con ông ấy về đất Kim-lăng mà về sau đều phải chết cả. Làm như thế thì nước ta làm sao mà chẳng thù? Chẳng những thế mà thôi, mà lại nặng đó lấy việc thuế khóa, như là thuế muối, người nước ta ai mà nấu muối đã phải thuế rồi, mà những kẻ bán kẻ mua lại đặt quan ra mà coi sóc. Chẳng qua là mượn tiếng thêm thuế, để mà cầu lấy sự thăng-thưởng, mà không nghĩ sự phiền nhiễu cho dân ta. Chẳng những thế mà thôi, mà lại buông lầy lòng tham-lam, như là bắt dân đi khai mỏ để mà lấy vàng bạc, bắt dân mò xuống bể để mà lấy hạt trai: chẳng qua là tham của mà cầu sự ích riêng, mà không nghĩ đến nỗi thiệt hại cho dân- sự. Vả lại quan lại nhà Minh đã như thế, mà dùng những người nước ta làm quan thì rất những đồ hôn-cạnh, như là người Lương Như-Hốt, người Đậu Duy-Trung cũng đều là một lũ tham-tàn, thế thì dân ta làm sao mà không oán? Đến khi người nước ta đầu đầu cũng là dấy, mà

ông Lê Lợi cũng đã dựng cờ ở núi Lam-Sơn, thế mà quan nhà Minh tâu với vua nhà Minh, một thì nói rằng : ông Lê Lợi đã chết, hai thì nói rằng : ông Lê Lợi đã hàng. Đến lúc tướng Liễu Thăng phải chết, thành Đông-quan phải hàng, mà trong khoảng mười bốn năm trời, nhà Minh phải bỏ mà về không còn cai-trị nước ta được nữa. Thế có phải rằng việc cai-trị của một người riêng, mà làm hại cho sự cai-trị của nhà nước chung vậy.

Tuy thế, dân nước ta thuở trước còn đương mọi rợ, từ khi nước Tàu sang cai-trị nước ta, chẳng những làm cho ta hóa được cái sự giống nòi, mà lại mở cho ta lấy đường giáo hóa, dầu như ông Nhâm-Diên, ông Sĩ-Nhiếp là những người dạy cho ta lễ nghĩa, bởi sự dạy lễ nghĩa ấy, mới nên ra giống văn-minh ; dầu đến ông Lý-Bân, ông Mã-Kỳ làm cho ta oán thù, bởi sự oán thù ấy, mới nên cho ta lấy sự độc-lập.

Thế thì chung lại mà nói rằng : người hay người dở cũng đều là có công với nước ta vậy.

Gương sử Nam

(Nhà in Nguyễn-văn Vĩnh et Cie, Hà-nội 1910)

NGUYỄN BÁ-HỌC 阮伯學 (1857-1921)

(Xem Tiểu-truyện tác-giả ở Phần thứ nhất Năm thứ ba, Chương VII, Lời chú (1).)

146.— Ở đời

Ở đời, mỗi người phải gánh một việc. Việc lớn hay nhỏ là tùy theo học thuật và tài-đức từng người ; sự nghiệp tuy có khác nhau, song cũng là muốn có ích-lợi chung cho xã-hội. Nếu ai cứ riêng mình, không biết đến kẻ khác, như thế gọi là kỷ sinh (1).

Người ta là giống đa-tình, đã có tình thời có dục, muốn điều nọ lại muốn điều kia, muốn ngon ngọt, muốn yên vui, muốn công-danh muốn tiền của ; bấy giờ mới sinh ra công này việc nọ : tình càng nhiều, dục càng lớn, việc càng nhiều. Cho nên vô tình, vô dục, không gọi là người ở đời được.

Than ôi ! cảnh đời là một cái trò rối, người đời là những con người rối. Nếu ở đời mà không sẵn có lòng cao-thượng, mỗi khi gặp cảnh-ngộ, sao cho khỏi động tâm. Lúc giàu sang sinh ra kiêu-

ngạo ; lúc nghèo hèn sinh ra xiêm-du ; lúc thất chí thì khóc, lúc đắc chí thì cười, có khác gì con người gỗ cứ để người ta giạt mà nhảy mà múa. Phải biết rằng khi tình dục người ta đã no đã chán, nghĩ lại mùi đời cũng không có ý-vị gì mật-thiết cho lắm.

Thử để mình ra ngoài thế-giới, ngảnh lại mà trông, nào hình hình, sắc sắc, nào lợi lợi danh danh, người ta đang om-sòm trên chốn diễn-trường, mà thực đã nên người giác-ngộ. Làm người có tình-dục cũng phải có nghĩa-lý. Tình-dục bởi khí-huyết mà ra, mà nghĩa-lý bởi học-vấn mà ra ; vậy nghĩa-lý để phòng tình-dục thì nghĩa-lý thắng, tình-dục phải lui ; nếu cứ buông dồng thả dài, mắt trông động lòng, tai nghe động tưởng, cả đời chỉ để cho cái tình-dục nó sai khiến mình, nó trôi buộc mình, thế gọi là tình lụy (2).

Ở đời, có học-vấn cũng phải có kinh-lịch ; học-vấn cho biết lẽ phải, kinh-lịch để tập thói quen. Những kẻ có học-vấn mà không có kinh-lịch, ngồi nói thì thật là khôn, đến lúc ra tay mà làm lại hay nát việc. Như thế gọi là gan. Những tay triết-học non non, hồ hết mắc phải bệnh ấy.

Gan nên lớn mà lòng phải tế-nhị (3). Nếu táo gan mà hay xuất-lược (4), chỉ là người tráng-sĩ chớ chưa được là vĩ-nhân.

Tinh nên thiệt mà tinh phải hòa-bình. Nếu cứ nóng-nảy không biết nhẫn-nhục, thành sự thì ít mà bại sự thì nhiều.

Tư-tưởng nên cao mà nước đi phải thấp ; ý-chí nhỏ hẹp thì ra người tầm-thường, mà việc làm không cứ tuần-thường (5) thì ra người vu-khoát (6).

Phàm vật đã đến cực-diểm thì hay giống nhau : cho nên người cực hiền giống như ngu ; người cực gian giống như thật, cực nhả giống như tục ; còn những kẻ chỉ nhỏ tài sơ, mới hay khoe tài, khoe trí.

Lời khuyên học-trò

(Nam-phong tạp-chí số 26, Aout 1919)

CHÚ-THÍCH.— (1) *Ký-sinh* 寄生 (Sống nhờ) : dùng để nói các giống động-vật (như giun, sán) hoặc thực-vật (như tầm gửi) ăn bám vào một giống khác.— (2) *Tình-lụy* 情累 (lụy : vương-vít bận-bịu) :

sự bận-bịu trôi buộc bởi tình-dục mà ra.— (3) *Tế-nhị* (tế 細 : nhỏ ; nhị 蕊 : phần ở trong hoa, đầu có phấn vàng và thơm) : đề ý đến những điều nhỏ-nhất tinh vi.— (4) *Xuất lược* 率略 (xuất : bộp-chộp, không cần-thận ; lược : sơ-sài) : không tinh-tế.— (5) *Tuần thường* 循常 : noi theo lẽ lối thường.— (6) *Vu-khoát* 迂闊 : bông-lòng.

147.— Một cảnh gia-đình

Trong tỉnh Nam-định về Phủ Thiên-trường, trước có người đàn bà họ Trần, mới ngoài hai mươi tuổi mà góa chồng chưa có con, có nữ-công, có tư-sắc ; trong lối xóm... còn những kẻ thiếu-niên nghịch ác hay nói chồng ghẹo, hễ thấy mặt chị ta nghiêm-nghị, thì không dám giở thói khinh bạc ra nữa. Ai cũng bảo chị ta còn kén chồng, cứ ở một mình, đi làm thuê mà kiếm ăn.

Sau có một người đàn ông ngoài ba mươi tuổi tự đến nhà giam lấy. Nói mình là họ Lý, ở cùng một xứ, góa vợ đã hơn hai năm, có một đứa con riêng, còn nhỏ, phải mượn người nuôi. Minh đi làm công cho nhà máy, ăn công mỗi ngày bốn hào. Cui giăng người cao mà mảnh, hai con mắt dài mà đen, ngoài mặc cái áo thâm đã sờn tay, đi đôi giày da dày những bụi. Tiếng là người lao-lực mà có vẻ nhàn-nhã, mới trông biết ngay là người có tinh-thần hơn là lữ-lực.

Chị chàng kia xem người vừa ý không còn đắn-do hơn thiệt gì cả ; hai bên đính-hôn với nhau. Trong lời giao-ước không ai có của tây riêng gì, có một điều phải giữ là trong việc làm ăn của người chồng, dù đi sớm về khuya, người vợ không được can-thiệp và ngăn-trở.

Từ bấy giờ hai người lập nên một cái gia-đình nho nhỏ ở trong một cái nhà có ba gian : một gian làm phòng ngủ, một gian làm phòng ăn, còn một gian để cho người chồng làm việc riêng ; chồng cứ sáng đi tối về ; vợ cũng làm thuê, kiếm được mỗi ngày một phần tiền công của người chồng. Hai bên ăn cần ở kiệm, cách sinh nhai càng thấy khó nhọc bao nhiêu, thì tình thương yêu nhau lại càng tha-thiết bấy nhiêu.

Một hôm, anh chồng từ ngoài về cho vợ mấy tấm bánh và mấy trái quả, vừa cười vừa nói : « Lâu nay chúng ta đã

từng kham-khở, nay sẽ nếm chút ngọt bùi.» Người vợ cầm lấy rồi cứ phàn-nàn rằng: «Vợ chồng mình ăn dè uống sèn còn lo không đủ mà nuôi con; người ta không phải là sắt đá sao cũng có lúc hu-hâm, có dè-sèn được ít nhiều cũng đề phòng khi thiếu-thốn. Nếu cứ như ai bóc vắn cắn dài, ngày nắng chẳng nghĩ đến ngày mưa, như thế chỉ gọi là đời ăn sồi.» Người chồng nghe nói sững-sốt mà nói rằng: «Hôm nay nhân lĩnh tiền công làm ngoài giờ, chúng bạn rủ đi mua vui một vài chén rượu. Sức nhớ đến kẻ ở nhà cà chua mắm mặn, mới cấp nấp về một chút, gọi là cùng nhau sè ngọt chia bùi? ai ngờ trung-tín mà phải tội như mình, cũng là vô-lý quá!». Bấy giờ hai vợ chồng cứ nhìn nhau mà cười, lại đem bánh và quả chia nhau mà ăn; tưởng cái ý-vị đoàn-viên bấy giờ không còn có miếng cao-lương nào mà ngon ngọt hơn được. Cả ngày cũng như một lúc, cả năm cũng như một ngày, nghe tiếng nào cũng là lời âu yếm, trông mặt ai cũng có ý hả-hê. Thiên-đường ở đâu? Cực-lạc ở đâu? Chính ở trong ba gian nhà vợ chồng người chung-ái.

Có gan làm giàu

(Nam-phong tạp-chí, số 23, Mai 1919)

PHAN KẾ-BÍNH 潘繼炳 (1875 — 1921)

(Xem Tiểu-truyện Tác-giả ở Phần thứ nhất. Năm thứ ba, Chương thứ VII. Lời chú (2).)

148.— Luận về nguyên-lý văn-chương

Phàm việc gì cũng có nguyên-lý. Nguyên-lý là cái lẽ căn-nguyên của việc ấy. Văn-chương cũng vậy. Đặt nên câu thơ câu hát, viết ra bài luận bài văn, thì gọi là văn-chương. Song thử xét xem cái căn-nguyên của văn-chương ấy, bởi lẽ gì mà có, vì ở đâu mà sinh ra thì gọi là nguyên-lý văn-chương.

Cha mẹ dạy con, giảng giải điều hơn lẽ thiệt, rạch-rời kể tóc chân tơ. Hai người tự tình biệt-ly với nhau, ấm lạnh ngọt bùi, kể hết nỗi này sang nỗi khác. Người đàn bà lơ bước thở dài than vắn, phàn nàn số phận những hăm-hiu. Đưa mục-đồng đi chăn trâu, nhân khi thích chí, nghêu-ngao vài tiếng giữa đồng, đó toàn là cái mầm của văn-chương cả.

Nói cho cùng thì một tiếng cười một tiếng khóc của đứa trẻ thơ, cũng là cái gốc văn-chương.

Người ta có tình-tình, có tư-tưởng, có ngôn-ngữ văn-tự, thì nhiên phải có văn-chương. Tình-tình người ta cảm-xúc với ngoại vật, sinh ra khi mừng, khi giận, khi vui, khi buồn, khi xót xa, khi ham muốn. Các mối tình ấy chứa ở trong bụng, tất phải phát-tiết ra lời nói : đó tức là nguyên-lý văn-chương.

Tư-tưởng là cái trí suy nghĩ tự trong óc, biết phân-biệt lẽ phải lẽ trái, biết phán-doán điều hay, biết suy-xét đến những lý cao xa mắt không trông thấy, tai không nghe tiếng. Những điều nghĩ ra được lại muốn tỏ cho người khác biết, đó cũng là nguyên-lý văn-chương.

Có tình-tình, có tư-tưởng, mà nếu không có ngôn-ngữ văn-tự thì cũng không thành văn-chương được. Xem như giống súc-vật cũng có cảm-giác, có trí-thức, mà không có văn-chương, là bởi không có ngôn-ngữ văn-tự. Vậy ta phải nhờ có ngôn-ngữ văn-tự mới đạt được tình-tình tư-tưởng của ta thì ngôn-ngữ văn-tự cũng là cái nguyên-ủy của văn-chương.

Nói rút lại thì sở dĩ có văn-chương, một là bởi ở tình-tình, hai là bởi ở ngôn-ngữ tư-tưởng, ba là bởi ở văn-tự, đó là ba cái căn-nguyên trước nhất. Có ba cái căn-nguyên ấy, rồi những sự quan-cảm ở bề ngoài đưa đến mới thành ra văn-chương vậy.

Quan-cảm bề ngoài, thì lại do ở cảnh-tượng của tạo-hóa, do ở công việc của cuộc đời và ở cảnh-ngộ của một mình.

Cảnh-tượng của tạo-hóa hiển hiện ra trước mắt ta nghìn hình muôn trạng làm cho ta phải nhìn phải ngắm, phải nghĩ ngợi ngẩn-ngờ. Ta cứ theo cái cảnh-tượng mà tả ra thì gọi là văn-chương tả cảnh.

Công việc của cuộc đời xảy qua đến mắt ta, chạm đến tai ta, việc gần việc xa, việc lớn việc nhỏ, có việc ta ghét, có việc ta ưa, làm cho ta phải khen phải chê, phải cười phải khóc. Ta cứ theo công việc đó mà ghi chép thì gọi là văn-chương tự sự hay là nghị luận.

Cảnh ngộ của một mình, khi gặp được cảnh sung-sướng khi gặp phải cảnh chua cay. Ta nhận cái cảnh ngộ đó, ta muốn giải tỏ cá tính của ta thì gọi là văn-chương tự tình hay là thuật hoài.

Văn chương tuy nhiều, nhưng đại ý thì bất ngoại ba điều ấy.

Viết Hán văn khảo

(Đông-dương tạp-chi, LỚp mới, số 167)

149. — Am chúng sinh

Mỗi làng, đầu làng hoặc cuối làng, có một khu đất rộng để làm chỗ tha-ma mộ-địa, trong làng có ông già, bà cả hoặc người nào mất thì cứ đem lại đó mà chôn.

Mỗi chỗ tha-ma mộ-địa có lập một cái am ba gian hoặc xây bệ lộ thiên, đề ba chữ « hàn lâm sở » (1), để thờ chung cả những mồ mả vô chủ, gọi là am chúng sinh. Mỗi cửa am có một bà đồng ở, sớm tối đèn hương thờ phụng. Về ba tháng hè thì cứ ngày rằm, ngày mồng một nấu cháo cúng, đổ vào cái lá đa cuộn tròn lại, cắm hai bên dọc đường gọi là cúng các quan, hoặc gọi là cúng bách linh. Cho nên tục có câu rằng cướp cháo thí lá đa, là nói những người vô hậu.

Bà đồng ở đó thường bày một cái nong ra cạnh đường đi, đốt vài nén hương để khuyển-giáo, kẻ qua lại ai cũng cúng một vài đồng kẽm. Bà đồng thì ngồi trong am đánh trống kè kè, hoặc là hạp năm ba bà vải chèo đò.

Nhiều nơi mỗi năm về tháng bảy, hoặc cùng làng, hoặc riêng một hội thiện, thiết đàn tràng tại cửa am để làm chay cúng hai ba ngày hoặc năm bảy ngày...

Các nơi chiến trận, có nhiều tướng-sĩ tử trận chôn một chỗ thì nhà vua lập đàn thờ, gọi là Lệ-đàn. Lệ-đàn thì mỗi năm nhà vua sai quan về tế, hoặc là hội thiện góp tiền với nhau mà cúng hay là làm chay.

Tục thường cho chỗ am chúng sinh và Lệ-đàn là nơi rất thiêng-liêng, cho nên nói đến việc bách linh thì nhiều người dốc lòng làm phúc. Nhất là những khi bất đắc dĩ phải thiên mộ địa đi nơi khác, các nhà giàu tranh nhau mà cúng tiền, cúng gạch Bát-tràng (2) còn các thiện nam tín nữ tranh nhau mà đi rước bách linh, để bách linh phù-hộ cho được vạn sự như ý.

Tục ta tin quỷ thần, cho nên sự gì cũng cho người chết có linh hồn, có tri giác cũng như người sống. Mà ở dưới âm-phủ cũng có kẻ khỗ người sướng như trên dương gian. Người có con cái giữ hương-hỏa thì hồn phách có chỗ bằng-y, người bất hạnh tuyệt tự thì không có ai cúng cấp, chắc là phải phiến não ở dưới âm-phủ. Vì thế đám mộ địa nào cũng có am, có đàn, có người hương hoa thờ phụng, để cho u-hồn oán-qui, dầu không ai nhìn nhận, cũng có chỗ mà hương khói nương nhờ.

Đi đến chỗ mộ-địa, trông thấy mồ mả san sát, ai là không động lòng cảm thương; mà nghĩ đến mồ mả vô-chủ, thì lại đau đớn thay cho người nằm dưới suối vàng lắm.

Nhất là đi qua những nơi trận trường thuở xưa, nghĩ đến các dũng anh-hùng hào kiệt, khi sinh tiền dũng-mãnh can-đảm biết là bao nhiêu, mà nay chỉ thấy gò cao lồn-nhồn, cỏ rậm rì rì thì lại xui cho người ta buồn rầu nữa.

Kia những lúc bóng chiều nhạt vẽ, gió bắc lạnh-lùng, đêm tối mưa sa, bốn bề vắng ngắt, qua chỗ đó mà ngắm cái cảnh đìu-hiu, lại nghĩ đến nông nổi người xưa năm đó, biết bao nhiêu tình-cảnh sầu người.

Nói đến đó thì am kia đàn nọ, bách linh dầu thiêng dầu chẳng thiêng, dầu biết dầu chẳng biết, dầu có dầu chẳng có, chẳng kể làm gì nhưng cũng chưa xót mà xin gửi tặng vài ba giọt lệ.

Than ôi ! từ xưa đến giờ, biết bao nhiêu người khôn ngoan, biết bao nhiêu người vụng dại, biết bao nhiêu người hưng công lập nghiệp, biết bao nhiêu người vong thân táng gia, nào hiền, nào ngu, nào phạm, nào thánh, bây giờ ở đâu cả, chẳng qua cũng mù mịt trong đám cỏ xanh mà thôi.

Việt-nam phong lục

(Đông dương tạp chí, Lớp mới, số 31 và 32)

CHÚ-THÍCH.— (1) *Hàn lâm sở* 寒林所 (sở rừng lạnh): nơi thờ chùng sinh— (2) *Bát-tràng* : tên một làng thuộc phủ Gia-lâm, tỉnh Bắc-ninh, gạch Bát-tràng là thứ gạch làm ở làng ấy.

THÂN TRỌNG - HUỀ 甲 仲 携 (1869 — 1925)

Người xã An-lê, huyện Phong-diên, phủ Thừa-thiên; sau khi sang học ở bên Pháp về, được bổ biên-tu viện Cơ-mật, rồi làm quan ở Trung-Việt và ở Bắc-Việt từng làm đốc-học trường Hậu-bổ (1905), bồi thẩm tại phòng thứ tư tòa Thượng-thẩm Hà-nội (1913). Năm 1921 (Khải-Định thứ 6), được triệu vào Kinh làm Thượng-thư bộ Học và bộ Binh.— Tác-phẩm gồm có *Học luật-lệ an-nam* (trg. ĐDTC . . . Lớp mới, số 1 td). *Phép cai trị an nam* (trg. ĐDTC . . . Lớp mới, 83 td.), và nhiều bài luận-thuyết đăng trong ĐDTC và NT.

150.— Đức hiệu của vua Dực-tôn

Ngài hiệu phụng đức Từ-dụ, xưa nay ít ai bằng. Lệ-thường, ngày chầu thì chầu cung, ngày lễ thì ngự triều, trong một tháng chầu cung 15 lần, ngự triều 15 lần, trừ khi đi vắng và khi se-yếu. Trong 36 năm thường vẫn như thế, không sai chút nào.

Khi Ngài chầu cung, thì Ngài tàu chuyện này, chuyện kia, việc nhà việc nước, việc xưa việc nay. Đức Từ-dụ thuộc sử sách đã nhiều, mà biết việc đời cũng rộng. Khi đức Từ-dụ ban câu chỉ hay, thì Ngài biên vào một quyển giấy hiệu là : «*Từ huấn lục*».

Đọc quyển sách ấy, thì tôi tưởng xưa nay mẹ ở với con, con ở với mẹ, ít ai được như thế.

Khi rảnh việc nước, Ngài hay ngự đi bắn chim hay là câu cá. Cách kinh-thành chừng 15 *kilomét*, ở bên bờ sông Lợi-nông, có một cái bần cấm gọi là Thuận-trực. Chỗ ấy nhiều chim, Ngài thường ngự đến bắn.

Một hôm Ngài ngự bắn ở bần Thuận-trực, gặp phải khi nước lụt. Còn hai ngày nữa thì có kỵ đức Hiến-tổ, là đức Thiệu-Trị, mà Ngài chưa ngự về. Đức Từ-dụ nóng ruột, sai quan đại-thần là ông Nguyễn Tri-Phương đi rước. Quan Nguyễn Tri-Phương đi được nửa đường, vừa gặp thuyền ngự đương chèo lên, mà nước chảy mạnh, thuyền không đi mau được. Gần tối thuyền ngự mới đến bến. Khi ấy trời đang mưa, mà Ngài vội-vàng lên kiệu trần đi thẳng sang cung, lạy xin chịu tội. Đức Từ-dụ

ngồi xoay mặt vào màn, chẳng nói chẳng rằng chi cả. Ngai ngự mới lấy một cây roi mây, dăng lên để trên ghế trác-kỷ, rồi Ngai nằm xuống xin chịu đòn. Cách một hồi lâu, dưng Từ-dụ xoay mặt ra, lấy tay hất cái roi mà ban rằng :

—Thôi, tha cho ! Đi chơi để cho quan quân cực khổ, thì phải ban thưởng cho người ta, rồi sớm mai đi hầu ky.

Ngai lay tạ lui về, nội đêm đó Ngai phê thưởng cho các quan quân đi hầu ngự. Quan thì mỗi ông được một đồng tiền bạc, lớn nhỏ tùy theo phẩm, còn lính thì mỗi tên một quan tiền kẽm. Đến sáng Ngai ngự ra điện Long-an lay ky.

*Chân-dung của dưng Dực-tôn Anh hoàng-đế
(Đồng-dương tạp-chí số 61 và 62)*

PHẠM DUY-TÔN 范維遜 (1883 — 1924)

(Xem Tiểu-truyện tác-giả ở Phần thứ nhất, Năm thứ ba, Chương V, Lời chú (1).)

151. — Câu chuyện thương tâm

Hôm ấy trời mưa mà lại rét. Mưa rào vừa tạnh ; đường đá củ-dậu củ-khoai trời ra chồn-nhồn.

Tôi đứng cửa trông, thấy có một người gầy-gò yếu-đuối khăng kheo, cố công cùng sức kéo miết cái xe tay, mà không sao đi nhích được. Xe chồng-chất hai bồ nghe chừng đã nặng; lại còn một mụ vắt-vẻo ngự ở trong xe. Người kéo đã chẳng nổi, mà mụ thì mĩa-mai nặng lời xỉ-vả. Cho đến nỗi rằng người ta phải đặt xe xuống, thở dài mà thưa : « Chịu, không sao kéo được. Xin bà bằng lòng vậy ; bà thuê xe khác. » — Miệng nói thế, tay bỏ nón ra, chùi trán mồ-hôi tầm-tã. Khi bấy giờ tôi mới nhìn ra thì là ông lão đầu râu tóc bạc... Tôi động lòng, tôi bèn chạy đến, cầm lấy tay mà hỏi : « Chứ con cháu cụ ở đâu, mà để cụ già-nua tuổi-tác, yếu-đuối thế này mà phải đi kéo xe vắt-vả ? »

Ông lão nhìn tôi. Anh ơi, ông lão nhìn tôi, hai con mắt ông, trông mờ-mờ, hình như ruột nhãn, nước chảy chứa-chan, mà chung quanh vành thì đỏ hừng.

Ông lão nhìn tôi, ra ý ngập-ngừng, thì tôi lại hỏi :

— « Cự ở đâu, con cháu cụ làm gì sao cụ lại đi kéo xe ? Tôi trông thấy cảm tình, cho nên mới hỏi ; xin cụ nói cho tôi nghe. »

Ông lão nói rằng :

— « Thừa cậu, tôi ở tỉnh Sơn. Tôi có mỗi một thằng con trai. Năm ngoái trời làm lụt-lội, dề-diều vỡ-lở, chẳng may con tôi chết đuối. Nó để lại một lũ con thơ. Bây giờ nhà nghèo khổ, trẻ-mổ ốm đau, sài ghẻ ; vợ nó phải ở nhà trông-nom để tôi xuống Hà-nội kéo xe thuê mướn, kiếm mỗi ngày lấy rằm ba xu, một hào, mà nuôi nấng đàn cháu mồ côi, cậu ạ. Tôi ngoài sáu mươi tuổi rồi, cho nên cũng yếu. Phải đường đá đau chân, mà xe lại nặng, kéo không sao nổi... » — Miệng ông lão nói, hai mắt mờ-mờ, vẫn cứ nhìn tôi. — Tôi thương, ứa hai hàng nước mắt ra anh ạ..

Trời ơi ! sao mà lại có cái khổ cực đường này, hử ông trời xanh cao ngất ?...

Bực mình

(Đồng-dương tạp-chí số 55)

NGUYỄN VĂN - VINH 阮文永 (1882 - 1936)

(Xem Tiểu-truyện tác-giả ở Phần thứ nhất, Năm thứ ba, Chương thứ IV § 1)

152 — Gì cũng cười

An-nam ta có một thói lạ là thế nào cũng cười. Người ta khen cũng cười, người ta chê cũng cười. Hay cũng hi, mà dở cũng hi ; quấy cũng hi. Nhăn răng hi một tiếng mọi việc hết nghiêm-trang.

Có kẻ bảo cười hết cả, cũng là một cách của người hiền. Cuộc đời muôn việc chẳng qua là trò phường chèo hết thầy không có chi là nghiêm đến nỗi người hiền phải dẫn mày mà nghĩ ngợi.

Ví dù được y như vậy, thì ra nước An-nam ta cả dân là người hiền. Nếu thế tôi đâu dám đem lời phường chèo mà nhủ người nhếch mép bỏ tính tự-nhiên mà làm bộ đứng-dẫn lại, nghiêm

nhìn những cuộc trẻ chơi. Nhưng mà xét ra cái cười của ta nhiều khi có cái vô tình độc ác ; có cách lão-xược khinh người ; có câu chửi người ta ; có nghĩa yên tri không phải nghe hết lời người ta mà đã gièm trước ý-tưởng người ta, không phải nhìn kỹ việc người ta làm mà đã chê sẵn công cuộc người ta.

Thực không có tức gì bằng cái tức phải đối đáp với những kẻ nghe mình nói chỉ lấy tiếng hi-hi mà đáp. Phản-đối không tức, kẻ bịt tai chẳng thèm nghe cũng không tức đến thế...

Ừ, mà gì bức mình bằng rất cổ bồng hòng, mồi hươi, tề mồi, đề mà hỏi ý một người, mà người ấy chỉ đáp bằng một tiếng thì khen chẳng ớn, mắng chẳng cãi, hỏi chẳng thừa, trước sau chỉ có miệng cười hi, thì ai không phải phát tức...

Ta phải biết rằng khi người ta nói với ta, là đề hỏi tình ý ta thế nào. Ai nói với mình thì mình phải đáp. Tùy ý mình muốn tỏ tình ý cho người ta biết thì nói thực ; không hiểu thì hỏi lại ; mà không muốn nói tình ý cho người ta biết, thì khéo lấy lời lịch-sự mà tỏ cho người ta hiểu rằng câu hỏi khi phạm đến một điều kín của mình. Hoặc là có khôn thì lựa lời mà tỏ cho người ta biết những điều mình muốn cho biết mà thôi, và khiến câu chuyện cho người ta không khỏi căn vặn được mình nữa. Nhưng phạm người ta hỏi, mình đã lảng tai nghe, là mình nợ người ta câu đáp.

Xét tạt mình. XVII. Gì cũng cười
(Đồng dương tạp chí, số 22)

153.— Nghề hát bội của ta và nghề diễn kịch của người Âu-châu

Vốn nghề hát bội của An-nam ta, thì là một thể mượn sự trang hoàng, mượn điệu ca-nhạc, mượn lối tổ mừng, mà ôn lại những việc cũ, hoặc đề phò những gương trung nghĩa cho người bắt chước, hoặc đề bêu những đũa gian ác cho người ta sỉ nhục mà đừng bắt chước. Thể ôn lại ấy là một ước thể, nghĩa là chỉ dùng những cách phác diễn ra cho người ta biết việc thế nào mà thôi, chớ không cần phải tả cho in sự thực. Như núi thì bày cái bàn cái ghế, sông thì trải cái mền mà cầm hai đầu rũ ; trận

đánh nhau thì hai người cầm hai cái giáo gỗ mùa-may, lữ trẻ cầm cờ vừa chạy vừa la, v. v. là đủ hiểu. Chớ nên thấy cách người ta thế kia, thấy cách nhà mình thế ấy mà khinh. Đó cũng là một lối tả, nhưng khác cái tinh-lý mà thôi. Trong lối ấy cũng có cái hay, cái thú riêng. Cũng có khéo, có vụng; có lẽ, có phép. Trong tiếng trống oi tai nhưc óc người không hiểu, cũng có cái cao-thú động lòng. Giơ thẳng cánh diêm hai tiếng *tùng tùng* vào giữa chỗ xuống giọng hay cũng sừng bằng cái lay mũi giày của người Đại-Pháp (1) đứng nghe kèn.

Đến như nghề diễn-kịch của người Âu-châu thì khác lắm. Trước hết nên cắt nghĩa cho rõ chữ một nghề (*art*) theo lý-tưởng Âu-châu là thế nào. Nghề đây là mỹ-nghệ (*beaux arts*). Mỹ-nghệ là tổng cả những chức thuật mà người ta dùng để kêu gọi sự cảm giác và cảm tình, nhất là cảm tình vì điều đẹp. Lấy mục-đích, thì mỹ-nghệ là tỏ cái đẹp ra; lấy phương-thuật thì mỹ-thuật là sự làm thông-ngôn cho Tạo-hóa. Mỗi người ngắm các sự vật các cảnh tượng trong Tạo-hóa có một cách thấy đẹp, đem cái đẹp ấy tỏ ra cho người khác cũng cảm giác như mình, vị chi là mỹ-nghệ. Cho nên mỹ-nghệ lại có người cắt nghĩa là cách lấy tính của mình (*tempérament*) mà làm kính cho thiên-hạ soi Tạo-hóa (*La nature vue à travers un tempérament*). Nghĩa là tuy mỹ-nghệ là thực-tả, nhưng mỗi người thực tả cái cách mình trông thấy đẹp mà thôi, chớ không thực tả được hết cả cái đẹp. Mắt mình trông to hơn sự thực thì mình tả cũng to; mắt mình trông nhỏ thì mình tả cũng nhỏ, qui-hồ có thành-thực (nghĩa là mắt trông thấy thế nào là đẹp thì tả như thế, mình hiểu cảnh thế nào thì làm thông-ngôn cho Tạo-hóa mà đạt ra như thế) thì nghệ được thiện.

Diễn-kịch cũng là một mỹ-nghệ. Mục-đích cũng là để tỏ cái đẹp trong tính-tình người ta, trong cách người ta cư-xử với nhau ở đoàn thể. Mà phương thuật thì cũng dùng cách làm thông-ngôn cho Tạo-hóa, nghĩa là mắt người làm kịch trông ở trong nhân-tình thế-cổ thấy điều gì đẹp, điều gì kỳ-khôi, thì cũng diễn ra cho người khác được trông thấy mà cảm-động như mình. Nghề diễn-kịch mượn nhiều nghề thực-tả khác mà diễn ra cho người ta trông thấy.

nghe thấy, cho người ta cảm-giác một cái quang cảnh bĩa đặt ra, đã y như là sự thật vậy. Nào dùng văn-chương đề mà thuật lại những lời người ta nói với nhau; lại dùng âm-nhạc nhảy-múa đề tả cái thể và cái nhịp-thước cảm tình của người ta; lại dùng đến nghề họa, nghề điêu khắc đề bày biện, đề tô điểm chỗ sản hát khiến cho người xem tưởng - tượng như có sự thực trước mắt.

Nghề diễn kịch bên Đại-Pháp (1)
(Đồng-dương tạp chí, Lớp mới, số 18)

NGUYỄN TRỌNG-THUẬT 阮仲述 (1882-1940)

(Xem Tiểu-truyện tác giả ở Phần thứ nhất, Năm thứ nhì. Chương thứ VII, Lời (3).)

154.— Giữa bể khơi

(An-Tiêm vốn làm quan về đời vua Hùng-vương thứ XVII; sau vì một câu nói làm cho vua giận, phải đày ra một nơi hoang-đảo giữa bể. Đây là lúc An-Tiêm đi thuyền ra đảo ấy.)

Trời hâng-hằng rạng đông, ba chiếc mảnh, đánh cánh ra cửa bể mênh mông, đêm sương lạnh-lẽo, thủy-thủ ai nấy đều ngồi khuất để tránh rét, lúc đó ở cái mảnh đi giữa, lơ-mơ có một người ra đứng trước gió, dựa lưng vào cột buồm trông xem cảnh bể, tự nghĩ một mình rằng: «Mình vốn sinh ở vùng đường bể, nhưng còn bé chưa từng ra bể mà biết cảnh bể thế nào; sau lưu lạc được vào vương-cung, lúc việc chực châu, khi đi chinh-thảo, lúc đi khần hoang, nào cái cảnh vương - triều đế-khuyết, nguy-nga hùng-tráng, nào cái cảnh hậu cung thượng uyển mỹ-lệ huy-hoàng, nào cái cảnh rừng núi, cây cao suối mát, vượn hót chim kêu, lại như cái cảnh điền-gian thì lúa mạ xanh om, tiếng nông-ca theo tiếng gió véo-von quăng đồng vắng, cảnh nào mình cũng đã lịch-duyet qua, mình chỉ ước được xem cảnh bể buổi sáng nữa, thì cái trí tang-bồng kia mới phỉ, thế thì lần này mình không may mà lại hóa ra may, nếu không bị thoán ra qua đây, thì bao giờ được biết cái cảnh thiên - nhiên nọ,

(1) Tiếng Đại Pháp bây giờ không thông dụng.

phương chi lại được cái cửa bể Đại-nha này là một cửa bể có danh tiếng nhất trong vùng Nam-hải, cửa bể này lại thông với cửa Thần-phù.

*Lênh-đênh qua cửa Thần-phù,
Khéo tu thì nổi vụng tu thì chìm;*

nổi chìm nhờ đức cao xanh, ta đã đến đây, ta cứ ta xem ta ngắm cho sướng mắt thích tình ».

Thuyền chạy vùn-vụt, gió thổi ù-ù, sóng vỗ chòng - chành, người ấy cứ đứng sừng-sững, không hề nhúc - nhích chút nào, chợt đầu vàng thái-dương ở dưới gầm thương - hải kéo lên đỏ lừng-lững, trong hàm cái sắc kim-quang lóng-lánh, không lấy vật đỏ nào của thế-gian mà tỉ-nghĩ được, bấy giờ ánh triều-dương chiếu ra, mây khói sóng nước đều dờ có vẻ hồng-hồng cả, rồi càng lên thế - gian càng rạng dần ra, mà nhỡn - quang của người càng chiếu rộng xa mãi ra được; sóng mông-mênh bát-ngát, tit-tấp mù khơi không biết đâu là bờ, cơn mây bốn chân trời kéo lên tới-tấp, khoảnh-khắc biến-thiên, vô số hình sắc, mà ngảnh lại phía tây chốn non sông tổ-quốc thì mây ám sương sa không rõ gì cả, người ấy lại thêm ngậm-ngùi vô hạn. Người ấy không phải là An-Tiêm ở ba cái mảnh áp giải ra phối-sở thì còn là ai? An-Tiêm ngảnh lại trời tây tựa hồ có ý buồn, mà trông ra bể lại càng thích ý được thưởng một cuộc hào-du hiểm có trong thân-thế, lòng thơ phơi-phới, bèn ngâm lên một bài rằng:

*Vàng trắng lừng-lững bề đông,
Thần-châu mù-mịt mây phong non Đoài.
Sóng kền dào-dạt doanh khơi,
Lưng ngao ngùn-ngụt chân trời mênh-mang.
Sa chân xuống cõi trần-hoàn,
Đã xem xem khắp kỳ quan của trời.*

Quả dưa đỏ

(Nam-phong tạp-chí, số 104, Avril 1926)

NGUYỄN KHẮC-HIỀU 阮克孝 (1889-1939)

(Xem Tiểu-truyện tác-giả ở Phần thứ nhất, Năm thứ ba, Chương thứ VI, Lời chú (1).)

155.— Muốn làm thằng Cuội

Đêm thu buồn lắm ! Chị Hằng ơi !
 Trần-thế em nay chán nữa rồi.
 Cung quế đã ai ngồi đó chữa ?
 Cành đa xin chị nhắc lên chơi.
 Có bầu, có bạn, can chi tủi ;
 Cùng gió, cùng mây, thế mới vui.
 Rồi cứ mỗi năm rằm tháng tám,
 Tựa nhau trông xuống thế-gian, cười.

Khối tình con. Quyền thứ nhất

(Nhà in Văn-Minh Hải-phòng, Hà-nội, In lần thứ hai, 1918)

156.— My-châu. Trọng-thủy (Vân-thê)

Một đôi kẻ Việt người Tần,
 Nửa phần ân ái, nửa phần oán thương.
 Vuốt rùa chàng đổi mấy,
 Lóng ngỗng thiếp đưa đường.
 Thề nguyên phu phụ,
 Lòng nhi-nữ,
 Việc quân-vương,
 Duyên nợ tình kia dở dở dang,
 Nệm gấm vó cầu,
 Trăm năm giọt lệ.
 Ngọc trai nước giếng,
 Ngàn thu khói nhang.

Khối tình con. Quyền thứ nhất

NGUYỄN BÁ - TRÁC 阮伯卓

157.— Quanh đường vượt biển ra khơi

Ngày tháng giêng năm 1908, tôi với người bạn ra chơi Bắc-kỳ; định ở lại Nam-định mà học. Đến tháng ba, nhân việc ngăn trở, phải đáp tàu về Đà-nẵng (Tourane). Khi về đến nơi không tiện lên bờ, bèn chạy thẳng vào Qui-nhơn. Đến đấy đồ bộ đi xuyên-sơn vào Phú-yên, lần-lút trong rừng tám chín tháng. Ngày 24 tháng chạp năm ấy, mới đáp mảnh vào Nam-kỳ. Từ cửa bể Xuân-đài mà ra khơi. Đến ngày 7 tháng giêng năm 1909 tới Mỹ-tho, lần vào Bến-tre, đến làng Tân-hương tìm chỗ ngồi bảo trẻ.

Nhớ khi ngồi bảo trẻ có làm bài ca rằng :

*Một nghìn lô-mét xa là mấy ;
Hăm bốn hành-canh lớn biết bao.
Bề trăm theo với ngọn ba-đào ;
Buồm quá-độ dập-diu trên quả đất.*

*Nhích thử gánh tang-bồng biết sức,
Nặng ai dui mà nhẹ cũng ai nâng.
Cái hợp tan là đám phù-vân ;
Chim bay nổi lượn theo buồm với gió,*

*Vậy có câu rằng : Phong-trần tùy sở ngộ ;
Hà tất kể cùng thông,*

*Ấy mà thôi ! Gió mát trăng trong ;
Tạm lấy cảnh đỡ khuấy miền đất khách.*

*Vây-vấy một đôi trò, huây-huây ba chữ sách ;
Nhắc chuyện đời cho trẻ nhỏ nói nghe chơi,
Đĩ Tầm-dương găm chĩ cũng nực cười :
Khéo đối khách mà trêu người cho Tư-mã khóc.*

*Thôi ! chuyện cũ kể chi cho nhọc ;
Hỏi sông Hương có mấy thức trăng tròn.
Tôi đâu là chẳng nước non...*

Tôi đâu là chẳng nước non ; nhưng mà lênh-dềnh dất khách một mình, ngồi chần ba dứa trẻ của nhà người, để nường thân cho qua cái thì giờ không có hy-vọng, cái cảnh-ngộ không có chủ-dịch, thời cũng dễ chán thật. Trời cao dất rộng, tôi đâu là chẳng nước non ; nghĩ đến đây mà không thể ngồi yên được.

Ngày tháng tư năm ấy, nhân theo bạn lên Saigon mua sách vở. Đêm nằm nhà trọ mông tai nghe người một bên nói chuyện đi Xiêm, kể những kỳ tàu và cách đi, hôm sau bèn xuống ngay tàu mà chầm-chước với một người thủy-thủ. Được người ấy chịu lời rồi, đêm mông 3 tháng tư xuống tàu mà làm khách xuất-dương từ đây.

Xuống tàu rồi ngồi trong một cái phòng kín dưới khoang... Bấy giờ ngồi một mình, hồi tưởng cảnh ngộ sinh-bình lịch-lịch như in trong tâm-khảm ! Nào những lúc đang vui đầu ở chốn tràng-ốc, cùng chúng bạn quyết tranh leo giạt giải, ý-khí hăng-hái biết là nhường nào ! Lại những lúc eười trắng cợt gió, một năm trời vui thú Hành-sơn, sớm hôm cảnh phật người tiên, buổi ngư đồng-hải, chuông chiền Từ-tâm, thì thân-thể lại thanh-lịch là nhường nào ! Lại nhớ lúc làm ruộng Cầm-nê, thầy trò diu-dắt, có khi đặt câu ca cho thợ gặt hái, thú điền-gia nghĩ cũng vui thay ! Lại nhớ lúc bãi cỏ bên đường, mái chùa cạnh suối, cùng đôi ba chúng bạn trò-trò chuyện-chuyện, mượn bóng tà-dương, mảnh tàn nguyệt soi chung một tấm tâm-can. Lúc bôn tầu về việc hội thương, lúc hồ-hào về việc hưng-học ; bạn cự-nho đã chê là phường hư-hông, kẻ bàng-quan cũng cười là lũ điên-cuồng, thế mà mình vẫn ngông-ngông nghênh-nghênh, tự lấy làm đặc-ý. Lại nhớ vừa năm ngoài đây, bảy tám tháng trời, trèo non lách núi, không tìm được một chỗ thê-thân. Than ôi ! Trời đất hẹp-hòi, khách chơi lỗ bước, vào chốn nông-gia, không đủ làm một người điền-tốt ; ra nơi thành-thị thường phải nhục

với dừa phu tuần. May mà lúc còn ần bóng chùa Vân (Suối mây), lúc còn nương thân trại Cống (Cống-sơn), lúc gặp bạn trong núi, lúc đi săn trong rừng; trong cảnh cùng sầu, mà cũng lắm lúc tiêu-dao tự tại.

Hạn mạn du ký

(Nam-phong tạp-chí, số 38, tháng 8 — 1920)

DƯƠNG BÁ-TRẠC 楊伯濯

158.— Chức-trách các văn-sĩ trong xã-hội ta ngày nay

Nước ta là một nước trải mấy ngàn năm chỉ học mượn viết nhờ, cứ nói cho đúng ra thì các nhà trong văn-giới ta kể cũng còn hiếm quá; song, vào khoảng vài chục năm nay, nhờ cái hồn linh-thiên phảng-phất của những người cùng nói cái thứ tiếng Việt-Nam này ngậm-ngùi tức-tối ở dưới cửu-nguyên, âm-thầm xui-giục mà cái phong-trào quốc-văn đã nổi lên một ngày một bành trướng, một ngày một tràn-lan. Trong bọn các nhà văn Tàu, các nhà văn Tây, cũng đã có được một số kha-khả người không chịu cam tâm kiêu-cư kỳ-ngự trong văn-giới Tàu, văn-giới Tây mà đã giống trống mỗ cờ lập lên ở cái miếng đất sông Lô non Tân cũng có một cái văn-giới ta, tuy mới phôi-phác thành hình mà không phải không có cái cơ vững bền chắc-chắn; mà chẳng những là vững bền chắc-chắn, may ra lại mong có ngày tráng-lệ nguy-nga; cái nền quốc-văn của ta đương lúc mới gầy dựng như bây giờ đã là đúc lại cả hai lối văn Tàu văn Tây thì đến lúc trưởng-thành sau này tất là cũng hòa-hợp được cả hai lối văn ấy; mà hai lối văn ấy chính đều là lối văn rất phong-phú, rất tốt đẹp mà rất hoàn-bị trong các lối văn ở thế-giới từ xưa đến nay! Tòa lâu-đài quốc-văn của ta mà kiến-trúc bằng những vật-liệu lương-hảo như thế thì còn gì bằng.

Các nhà trong văn-giới ta mà nếu thực là bậc thượng-lưu hoàn-toàn xứng đáng thì thực là Pháp-học đã thâm thúy mà Hán-học cũng có uyên nguyên, hoặc là Hán-học đã tinh-thông mà Pháp-học cũng biết đại-khái, tư-tưởng tất là thuần-túy mà cao-thượng, học-thức tất là xem rộng mà biết nhiều, nghiên - cứu cái tinh - thể bản-quốc đã tường, quan - sát

cái cục diện hiện thời lại rõ, từng-trải việc đời hay dở đã lắm, phán-đoán những điều khuyết-diểm quốc dân lại rành ; không vì danh lợi mà đổi bụng, không lấy khen chê mà khác lòng, không a-dua cái hiếu-thượng thiên lệch của xã-hội mà cố đem ngọn bút làm lưỡi gươm kiêu chinh những tệ-tục đồi-phong, không kiêng nề cái oai thế hống-hách của cường-quyền mà cố đem quyền sách làm tấm gương soi mói những mưu gian chước độc, cái tình-thần chí-thủ của thánh hiền đời trước tiên-phát cho hết đề luyện nên những tế thuốc nuôi hồn, cái tân-lý kỳ-tưởng của Âu Mỹ đời nay, thu nhặt cho sành đề chế lấy những thang bồ óc, về thông-tục giáo dục thì hoặc báo-chương hoặc tạp-chí, hoặc thi ca, hoặc tiểu-thuyết, hoặc kịch-bản, lấy miệng thêu lòng gấm mà dệt thành những lời khuyên giới đảm-thắm khôn-ngoa ; về thanh-niên giáo-dục thì sách luân-lý, sách sử-ký, sách địa-dư, sách khoa-học, sách chuyên-môn, lấy nhụy Á hoa Âu mà xếp thành những tập giáo-khoa tường minh giản-quát ; không kể những cái văn bại-hoại phong-tục, cùng những cái văn khoa mới mùa mếp, nhất nhạnh dòng dài, không hề khi nào dám đề cho trong văn-giới ta mọc ra có cái mầm xấu-xa nhớp-nhụa như thế, mà mỗi khi cầm đến cây bút, cái nhiệt-huyết yêu nước yêu nơi thường sôi nổi ở trong trí nghĩ mà mình tự hỏi cây bút của mình rằng : Mi định viết cái gì đây ? Viết ra mà có ích gì cho nhân-tâm thế đạo, bổ-cứu cho thời-tệ, mở mang cho trí-thức được phần nào không ? Hay chực viết ra để cầu lấy cái danh lợi gì, kiếm lấy cái gì, mua chuộc lấy cái lòng khờ dại ham ư của công chúng gì đây chẳng ?

Tiếng gọi dân

(Nghiêm Hàm ấn-quản, Hà-Nội, 1925)

NGUYỄN HỮU-TIỀN 阮有進

159. — Thuyết tính thiện của Mạnh-Tử

Thuyết triết-học của thầy (Mạnh) tường nhất là luận về tính thiện 性善, thầy nói rằng : Tính người ta vốn là thiện, cũng như nước chảy xuống chỗ trũng ; không người nào là tính chẳng thiện, cũng như không nước nào là chẳng xô xuống chỗ thấp».

Thầy Mạnh luận về tính thiện viên mãn ra có hai lẽ : Một là chứng lời kinh *Dịch* rằng : « Trong vũ-trụ một khí âm, khí dương hợp lại thành đạo ; tiếp thu lấy cái đạo ấy là thiện, thành ra quen là tính. 一陰一陽之謂道. 繼之者善也, 成之者性也. » Sách *Luận-ngữ* rằng : « Tính người ta gần giống nhau vốn là thiện cả ; duy bởi tập-nhiêm mới sinh ra xa khác nhau. 性相近也, 習相遠也. » *Trung-dung* rằng : « Mệnh trời phú cho người ta cái lẽ nhân nghĩa lẽ trí ấy là tính, cứ noi-theo cái tính tự-nhiên ấy mà làm là đạo. 天命之謂性, 率性之謂道. » Tuy rằng những lời chứng dẫn trên ấy chưa nói rõ là tính thiện, nhưng cũng đã ám nhận là tính thiện rồi. Hay là thầy Mạnh lại chứng về sự thực, cho rằng : « Người ta ai cũng có lòng bất nhân, như là khi trông thấy đứa trẻ con sắp ngã xuống giếng, ai cũng phải chột dạ thương-xót đứa trẻ không phải là muốn làm thân với cha mẹ nó mà thương, không phải muốn cầu tiếng khen với làng xóm mà thương, mà cũng không phải là vì ghét cái tiếng bất-nhân mà phải giả cách thương đâu, nguyên trong tâm người ta ai cũng có sẵn cái lòng tự-nhiên thương người, cái lòng thương đó tức là cái đầu mối điều nhân. Suy ra mà xét thì ai cũng sẵn có lòng hổ thẹn điều xằng, tức là đầu mối điều nghĩa, cái lòng nhún-nhường lễ-phép tức là đầu mối điều lễ ; ai cũng sẵn có cái lòng phân biệt điều phải, điều trái, tức là đầu mối trí khôn ; xem thế thì trong tâm người ta ai cũng có sẵn bốn cái đức tính : nhân, nghĩa, lễ, trí, ấy tức là tứ-đoan 四端, thì biết tính người ta ai cũng bản thiện »...

Thầy Mạnh lại nói rằng : « Người ta sinh ra, cái sự gì chẳng đợi học tập mà tự mình làm được, tức là cái lương-năng 良能 ; cái lẽ gì chẳng đợi nghĩ-ngợi mà tự mình biết được, tức là cái lương-tri 良知. Cái lương-năng, lương-tri đó tức là điều thiện bản-nhiên tự trời phú cho, mà tự mình hay, tự mình biết. Xem như đứa trẻ con kia không đứa nào chẳng biết yêu cha mẹ nó ; khi nó lớn lên, không đứa nào chẳng biết kính anh nó. Cái lòng biết yêu, biết kính đó, tức là lòng nhân, lòng kính trưởng đó tức là điều nghĩa. Nhân-nghĩa vốn là cái bản-tính tri-năng của người ta, ai cũng có thể thì tính ai là chẳng thiện »...

Thầy Mạnh đã dựng lên cái thuyết tính thiện như trên, thì tính người ta ai cũng thiện, trong cõi đời lẽ ra không có người ác nữa thì phải. Sao trong thế-gian vẫn thấy vô-số là người ác, nhất là đời Chiến-Quốc, biết bao nhiêu là kẻ loạn-thần tặc-tử xuất-hiện, đạo-đức đồi-bại, phong-hóa tồi-tàn, nào là tranh cướp quyền-lợi mà giết nhau, say-đắm sắc-dục mà tự giết mình, thì tính thiện ở đâu?

Thầy Mạnh phải gỡ cái cơ ấy mới nói rằng người ta mà sinh ra ác là tại phải cái vật-dục nó làm hôn-mê mất tính thiện đi, cũng ví như búa rìu nó làm trụi mất mầm cây đi vậy.

Thầy Mạnh có nói rằng: «Cây ở trái núi Ngưu-Sơn kia, nó vốn xanh tốt; vì nó gần nơi thành-thị, nên bị nhiều người đem búa rìu ra chặt đốn luôn, thì cây mọc tốt sao được. Song còn cội rễ nó mọc lên, ngày đêm sinh-trưởng mưa móc tưới-nhuần, nó cũng vẫn còn chồi nhánh đâm ra. Nhưng lại bị trâu dê nó đến phá, nên cây núi mới trụi sạch như thế kia. Người ta thấy trái núi nó trụi sạch như vậy, cho rằng trái núi kia nó vốn không có cây gỗ nào, có phải là cái bản tính của núi ấy như thế đâu?

Cũng ví như người ta lúc mới sinh ra vốn có cái lương-tâm nhân-nghĩa, chỉ vì vật dục nó làm phóng mất cái lương-tâm đi, cũng như rìu búa nó làm trụi mất cây đi, ngày nào cũng dẫn phá đi mãi, thì thế nào cho mọc lên được. Nhưng còn chút mầm thiện-tâm nó chưa mất hẳn, cũng ví như cái cây vẫn còn mầm, lúc tĩnh-mịch nó lại hồi tâm tươi tỉnh lên, như những lúc bình-minh buổi sớm, khí còn tĩnh, tâm còn thanh, cái mầm nhân-nghĩa lương-tâm nó cũng hồi tỉnh được đôi chút, nhưng đến ban ngày lại bị biết bao nhiêu là vật-dục nó cùn trói cái lương-tâm ấy nó đem đi mãi, đem dắt đi mãi thì cái thần-khí trong sạch lúc ban đêm lại mờ tối đi, cái tâm lại sinh xằng, không khác gì loài cầm-thú. Người ta thấy con người kia nhân diện mà thú-tâm, mới nghĩ rằng con người kia chưa từng có lương-tâm bản-thiện bao giờ, nào có phải cái bản-tính người ấy nó vẫn như thế đâu.

«Phải biết rằng cái tâm-tính người ta nó vốn bản-thiện, phải nên giữ-gìn lấy cái tâm mới được, cũng ví như cây ở núi kia, biết giữ-gìn nuôi nó thì nó mới sinh-trưởng được, nếu chẳng biết giữ-gìn nuôi nó thì nó tất phải tiêu mòn đi.»

Học-thuyết thầy Mạnh

(Nam-phong tạp-chi, số 183, tháng 4 — 1933)

BÙI-KỶ 裴紀

160.— Bài truy - điệu cụ Tiên-diên (1)

(mồng mười tháng tám)

*Kiếp kim cổ tài-tình là bạn,
Hồn văn-chương vợ-văn non sông.
Xót thay nước đục bụi trong,
Nghìn thu biết ngổ tằm lòng cùng ai!
Trộm nhớ thuở anh-tài giáng-thế,
Cõi Tiên-diên rớt khi linh-kỳ.
Gặp cơn Lê-thị suy-vi,
Kim-thành muốn lở, thang trì muốn vơi.
Mắt chí-sĩ trông đời ngao-ngán,
Muốn ra tay tát cạn bể đông.
Trách người chi bấy hóa-công,
Lỡ thời để khách anh-hùng bó tay.
Miền Bắc-tái rờng bay mỗi cánh,
Đỉnh Hồng-sơn hạc lánh xa xa.
Rắp toan tìm thú cỏ hoa,
Tang-bồng gác mái yên-hà cùng cao.
Trời Đông-phổ (2) ào-ào gió động,
Hội tao-phùng đài-ủng tân-quân.
Giang hồ lang-miểu một thân,
Dật-dân bỗng hóa hàng-thần, lạ thay!
Há chẳng biết cao bay xa chạy,
Cái công danh là bấy trên đời.*

Song-le con tạo trêu người,
 Buộc nhau chỉ một chữ thời mà đau.
 Bắt đày-đọa cắt đầu không nôi,
 Bắt đến điều mỗi gói chồn chân.
 « Bắt phong-trần phải phong-trần,
 « Cho thanh-cao mới được phần thanh-cao.»
 Xuất với xử bên nào cũng khó,
 Nhục hay vinh ở đó mà ra.
 Cát lăm ngọc trắng cũng là,
 Càng kiên-trinh lăm, càng ma-chiết nhiều.
 Song chẳng lẽ cũng liều nhắm mắt,
 Cũng dày mày dạn mặt cho xong.
 Cầm bằng như kiếp má hồng,
 Hơ nhau chỉ một tấm lòng chính-chuyên.
 Dạ trình-bạch đã nguyên sắt đá,
 Giả hình-hài tiểu-mạ mà chi ?
 Dở-dang thay cái tu-mi,
 Cực trăm nghìn nổi trong khi tòng quyền !
 Bước đã lỡ mượn thuyền sao nôi,
 Nợ còn nhiều định chối không xong.
 Hỏi ai gạn đục khơi trong,
 Đục trong trong đục mà lòng trơ trơ.
 Đồng ly-thử gió mờ bụi tối,
 Nổi hương-quan ruột rối như vò.
 Lâm-ly ngọc bút song hồ,
 Văn-chương một áng diễm-tò tuyệt vời.
 Vì mặt trắng thương người mệnh bạc,
 Khúc đoan-trường tả bước lưu-ly.
 Lờ-mờ nước chảy mây đi,
 Tri-âm biết có Chung-Kỳ là ai ?
 Dòng thế thủy núi mài sông lở,
 Tấm lòng son gột rửa bao phai.

Bạn mình chỉ bấy chữ tài,
 Túi cơm giá áo như ai cũng nhân !
 Muốn động đến cứu-toàn linh-thỉnh,
 Hỏi bao giờ tài mệnh không ghen.
 Mệnh sao hay bõn hay chen ?
 Tài sao vùng-vẫy những toan chọc trời ?
 Lòng bằng-điếu mấy lời giải tỏ,
 Đỉnh trầm bay ngọn gió hiu-hiu.
 Non sông man-mác mọi chiều,
 Khi thiêng phảng-phất ít nhiều đâu đây.

Tháng 8 năm Đinh-mão (1927)

(Nam-phong tạp-chí, số 120, tháng 8-1927)

CHÚ-THÍCH. — (1) *Cụ Tiên-diễn* : Nguyễn-Du, tác giả truyện Kiều, vì cụ quê ở làng Tiên-diễn, thuộc huyện Nghi-xuân, tỉnh Hà-tĩnh. — (2) *Đông phố* : tên cũ của thành Gia-định (Sài-gòn).

NGÔ BẰNG-GIỰC 吳鵬其

161.— Ông gàn

Mắc tiếng gàn mà tự nghĩ không có điều gì gàn, thì ông gàn cho là đời nói càn, không để ý đến. Nhưng sau thấy vợ rầy-rứt, vì ông chồng gàn mà bà vợ cũng bị giễu là «bà gàn», nên muốn tìm người hỏi xem mình gàn về nỗi gì. Một hôm dạo sơn-thủy, gặp một ông cụ ở trên một ngọn núi cao, bèn đem câu chuyện ra hỏi.

Ông cụ hỏi : «Thế anh có hay nói chuyện đạo-đức không ? »

Ông gàn đáp : Thưa cụ, có.

— Thế là một tội gàn rồi ! vì người ta đều nói chuyện lợi danh, sao anh lại nói chuyện đạo-đức.

Ông cụ lại hỏi : «Thế anh có tròn không ? »

— Thưa cụ, không, cháu tất phải bảnh chưng ra góc mới được.

— Thế là hai tội gàn rồi ! sao người ta tròn như cây gỗ, lăn đâu cũng được, mà anh lại bảnh chưng ra góc cho chương đời.

Ông cụ lại hỏi : «Thế anh có hay ngâm thơ không ? »

— Thưa cụ, có.

— Thế là ba tội gàn rồi ! đời bây giờ người ta tranh nhau vì miếng ăn, giết nhau vì đồng tiền, nghĩ nát óc vì cách cướp ăn, vét tiền mà anh ngồi ngâm thơ thì sao hợp thời được. Cái gàn của anh ở đây chứ ở đâu. Anh phải biết : phạm trái với đời là gàn, dẫu mình phải mười mươi cũng mặc. Nhưng thôi ! sẵn tiền đây, anh có bán cái gàn ấy, lão mua.

— Thừa cụ, nếu thế là gàn, thì cái gàn ấy bao nhiêu tiền cháu cũng không bán. Muốn ta cụ có lòng chỉ giáo, cháu lại xin ôm cái gàn này về nhà.

Thực là :

*Gàn cũng năm bảy đường gàn,
Bàn tay bưng miệng thế-gian được nào !
Đời này còn muốn thanh-cao,
Khen chê thôi có để vào chi tai.*

Thời-hải

(Nhà in Ngô Tử-Hạ, Hà-nội)

PHAN KHÔI 潘魁

162.— Sự thực với việc làm thơ

Đã biết rằng làm thơ không phải như làm văn : làm văn phải giữ cho đúng với sự thực, còn làm thơ thì đôi khi không kể sự thực nữa, thế mà thơ lại hay. Đã biết vậy, nhưng lại phải biết rằng : về ý thì có khi bỏ sự thực, song về sự thực thì bao giờ cũng phải giữ cho đúng.

Trời có ai bán được, nhưng ông Tú Xương lại nói : «Lúc túng toan lên bán cả trời», thì ai đọc đến cũng phải chịu là hay. Đó, ông Tú Xương chỉ căn-cứ ở câu tục-ngữ «Bán trời không chứng» mà thôi ; hễ có căn-cứ như thế là đủ cho câu thơ của mình dùng được.

Nhưng, đó là thuộc về ý. Cái ý của thi-nhân muốn gì thì muốn, nào ai cấm ngăn được ư ? Cho nên vẫn biết trời là không bán được mà thi-nhân muốn bán cũng vô hại. Cái ý ấy chẳng qua là để tả cho ra cái túng đảo-đề.

Xưa kia ông Tô Đông-pha có một bài thơ «Đùa Tử-do». — Tử-do là Tô Triệt, em ruột tác-giả, làm giáo-thọ, dạy học-trò

mà lương-bồng bạc-bèo lắm, ông Đông-pha trong bài thơ «đùa» ấy có những câu này :

Uyền-khâu tiên-sanh trường như khâu,

宛邱先生長如邱

Uyền-khâu học - xá tiểu như châu.

宛邱學舍小如舟

Thường thời đê đầu tụng kinh sử,

常時低頭誦經史

Hốt nhiên khiêm thân ốc đã đầu.

忽然欠伸屋打頭

(Nghĩa là: Ông giáo Uyền-khâu mình dài như cái gò; trường-giáo Uyền-khâu nhỏ như chiếc ghe. Bình-thường ông giáo cúi đầu đọc kinh sử; thỉnh-linh ngẩng đầu lên, mái nhà đụng đầu ông).

Coi đó mà coi, cái nhà trường dầu có nhỏ đến thế nào nữa, cũng không đến nỗi con người ta ngồi trong ấy hể cúi đầu luôn thì thôi mà ngược đầu lên thì đụng. Con người ta dầu có cao mấy cũng không đến nỗi ngồi mà đụng đầu trên mái nhà bao giờ. Vậy mà ông Đông-pha lại làm thơ nói được như vậy. Ấy chẳng qua để tả cho ra cái bộ tịch ông Tử-do cao lỏng-không và cũng tả cho ra cái trường giáo, chỗ ông ở làm ồm - thồm không ra chi đó thôi. Đó cũng là thuộc về ý, cho nên không đúng sự thật cũng không hại.

Sự thực là như cái cảnh trước con mắt và cái việc xảy ra mới là sự thực. Cái sự thực ấy thì không bao giờ thi-nhân được làm sai đi.

Khí-hậu ở Nam-kỳ, nói cho thật ra, chẳng có thể phân bốn mùa được. Mùa xuân thì nắng thiếu điều phỏng da, vậy mà ôn hòa gì? Mùa thu cũng chẳng thấy cái vẻ gì là tiêu-sắc. Nam-kỳ không có xuân, hạ, thu, đông mà chỉ có hai mùa là mùa nắng và mùa mưa.

Vậy mà thi-nhân tả cái xuân của Sài-gòn những là *trăm bông đua nở*, tả cái thu của Sài-gòn những là *lá rụng sương sa*, có phải là vô lý không? Ấy là sai với sự thực. Nhà làm thơ mà khôn ra, gắp cái xuân cái thu của Sài-gòn nó phản thường như vậy, lẽ đáng nhè chỗ phản thường ấy mà tả, mới thấy cái nghệ - thuật của mình chớ; có sao lại cứ rập theo sách cũ, cứ hể xuân thì hoa nở, thu thì lá rụng, làm cho trái với cảnh đi là sao?

Nước Nam ta chẳng đời nào thấy tuyết, vậy mà trong thơ nôm, thường thấy có những chữ *tuyết phủ*, *tuyết ngậm*, thì thật là láo quá ! Họ không sợ làm vậy rồi con cháu đời sau nó đọc đến, nó tưởng đời chúng ta đây có tuyết mà đến đời chúng nó không có !

Chương-dàn thi thoại
(Nhà in Đắc-lập Huế, 1936)

PHẠM QUỲNH 范 瓊

163.— Cách lễ phép của người mình

Người ta ở trong xã-hội, trong khi giao-tế với nhau, cần phải có lễ-phép, dẫu đối với người cao hơn mình, người ngang bằng mình hay người thấp kém mình cũng vậy, kẻ khôn-khéo thời tùy-nghĩ mà gia-giảm, nhưng bao giờ cũng phải có lễ-nhượng mới là người có giáo-dục. Nhưng giữ lễ-phép không phải là tự làm dè hạ mình đi mới là tôn-trọng kẻ khác, không phải là tự nằm rạp xuống đất hay uốn gậy mình làm đôi, mới rõ là mình kính-trọng người ta. Cách lễ-phép như vậy thời một là giả-dối, hai là dè-hèn, đều đáng khinh-bĩ cả, tưởng người được hưởng sự lễ-phép ấy nếu biết cũng nên khinh trước mới là phải. Xét trong cách lễ-phép của người mình phần nhiều như thế cả. Đối với người dưới thời đã tuyết-nhiên không có chút lễ-phép gì, thường lấy sự thô-bỉ tàn-nhân mà dãi kẻ kém mình, đối với người trên thật dè-tiện quá chừng. Rụt-rè, khúm-núm, gãi đầu, gãi tai, bầm bầm thừa thừa, vâng vâng dạ dạ, coi lời ăn tiếng nói, dáng đứng cách ngồi, tưởng phàm người biết trọng cái phẩm-giá con người không ai tự hạ đến thế. Mà thật những người ấy không biết lòng danh-dự là cái gì. Lòng danh-dự là biết tự-trọng mình, trọng cái nhân-cách của mình, người ta là người, mình cũng là người, không có lẽ một người đối với một người mà phải tự coi mình như con giun, con dế, dẫu người kia có oai-quyền thế-lực đến thế nào nữa mặc lòng. Vả lại muốn biểu dương cái lòng tôn-trọng với người hơn mình, không phải là tự hạ mình đi mới là kính-trọng người; tự hạ mình đi là làm hạ giá cả cái lòng kính-trọng của mình, không những thế, tức là khi người ta

nữa, vì tự hồ như cho người ta là hẹp lượng lấy những cách khúm núm quy-lụy của mình làm chân thành vậy.

Danh dư luận

(Nam-phong tạp-chí, số 25, tháng 7-1919)

164.— Triết-lý của đạo Phật

Trung-tâm đạo Phật là thuyết về luân hồi, nghĩa là vạn-vật đã vào trong vòng sinh tử thì cứ sống đi chết lại mãi mãi, không bao giờ cùng cũng như cái bánh xe đã quay thì càng quay càng tít, không bao giờ dừng. Theo thuyết ấy thời đã sinh ra tất phải chết đi, đã chết đi tất phải sinh lại, sinh tử, tử sinh, vô cùng vô hạn, hết đời nọ đến đời kia, hết kiếp này đến đời khác, chữ phạn gọi là *samsāra*, chữ Tàu dịch là luân hồi. Nhưng những đời đời kiếp kiếp, tử tử sinh sinh ấy là làm nhân quả lẫn cho nhau, không phải là vô bằng, vô cứ; các việc xảy ra ở đời này là sự thưởng hay sự phạt những việc đã xảy ra trong kiếp trước, và là nguyên nhân mầm mống những việc sẽ xảy ra về kiếp sau. Đạo Phật gọi phép báo ứng ấy là nghiệp báo (*karma*). Nghĩa chữ nghiệp báo là vừa chỉ các việc làm, vừa chỉ cái kết quả việc ấy sau này. Nay đề nhất đề gọi «khổ đề» (1) là thế nào? — Chính là phép khốc hại nó bắt chúng sinh cứ phải chết đi sống lại mãi, cứ phải qua hết đời nọ sang kiếp kia mà chịu những sự khổ não vô cùng, chính là phép luân-hồi vậy. Thành ra khổ (*dukha*) là một chữ đồng nghĩa với chữ nghiệp (*karma*), và khổ với nghiệp cũng lại là đồng nghĩa với luân-hồi, vì có nghiệp báo nên phải luân-hồi, vì có luân-hồi nên phải khổ não, ba chữ bổ nghĩa lẫn nhau, giải thích cho nhau, và là ba cái động lực rất mạnh gây ra cái thế gian «hữu tình», cái cõi đời khốn-nạn này...

Cơ màu đã như thế, thời người trí-giả phải mưu tính thế nào? Chắc là phải tìm cách ngăn ngừa sự luân-hồi, trở át cái phép khốc hại ấy cho không thi hành được nữa. Nếu có thể tiêu - diệt được nghiệp báo thời tiện thì là ngăn cấm được luân-hồi, thoát khỏi được vòng sinh tử, cùng tránh được hết những sự khổ não nó đi kèm với cái sống cái chết, và trong một khoảng từ khi sinh ra đến khi chết đi, tiếp tục nhau

mà bày ra cái cuộc đời rất sâu-thẳm này. Đã ngăn cấm được sự luân-hồi thời không có sống, không có chết nữa. Không sống, không chết, đạo Phật gọi cảnh ấy là nát-bản (*nirvana*), nghĩa là chốn an ổn vô cùng, tịch-mịch vô cùng. Nhờ vậy thời đệ-tam đề (2) gọi là diệt đề (*nirodha*) tức là nát-bản; diệt với nát-bản, hai chữ đồng-nghĩa, vì nát-bản là cái kết-quả trực-tiếp của sự diệt-diệt: diệt được khổ-não, tiện-thị là nhập nát-bản vậy.

Phật-giáo lược-khảo

(Nam-phong tạp-chí; số 40, tháng 10-1929)

CHÚ-THÍCH.— (1) *Đệ nhất đề*, (2) *Đệ tam đề*: xem phần thứ nhất, Năm thứ nhất, Chương thứ VI. Bài đọc thêm số 1.

165.— Tính cách chung của văn-chương Pháp

Hai thời đại trứ-danh nhất trong văn-học sử nước Pháp là thế kỷ thứ 17 cùng thế-kỷ thứ 18. Hai thế-kỷ ấy có khác nhau mà có giống nhau. Thế-kỷ thứ 17 thì là đời *cổ-diễn*, thế-kỷ thứ 18 là *cách-mệnh*. Các nhà làm văn đời *cổ-diễn* chỉ vụ nghiên-cứu cái tâm-lý người ta. Lấy người ta là một «giống rất hư-hoang, uyển-chuyển, tạp-nhập» (*être merveilleusement vain, ondoyant et divers*), nên phải xét nghiệm nó thật kỹ, cho giải được hết cái khốe ẩn ở của nó, để tìm cách mà chữa chạy. Vì các nhà ấy thông-tỏ cái tâm-tính con người ta mà biết rằng người ta *tinh bản ác*, nếu không kiểm-chế những cái dục-tính sẵn lại thì xã-hội không thể ở được. Bởi thế các nhà ấy lấy sự duy-trì xã-hội làm mục-dịch vì xã-hội có duy-trì được lòng người có kiểm-chế được thì người ta cùng xã-hội mới được sung sướng. Nói rút lại thì văn-chương thế-kỷ thứ 17 là văn-chương chữa đời, chủ sự ích lợi cho người đời, tức là một pho tâm-lý, một bài luân-lý thực hành vậy.— Thế-kỷ thứ 18 cũng là vụ cho người đời được sung-sướng. Các nhà làm văn đời *cách-mệnh* cũng chỉ nghiên-cứu một cái vấn-đề về sự hạnh-phúc ở sự kiểm-chế, đời này lấy cái hạnh-phúc ở sự tự-do, đời trước chủ sự duy-trì, đời này dùng kế phá-hoại vậy. Đời trước dạy người đời *tinh vốn ác*, đời này xướng người đời *tinh vốn lành*.

Người đời đã tính vốn lành thì mọi sự khỗ-sở ở đời là bởi xã-hội cả, xã-hội đã không ra gì thì phải phá đổ xã-hội đi, mà hồi-phục lấy cái bản-tính của người ta lúc mới sinh-thành. Bởi thế mà các nhà làm văn chỉ thấy công-kích xã-hội mà tán-tụng đời cổ-sơ là cái «hoàng kim thời đại» của loài người. Xem thế thì hai cái tư-trào của thế-kỷ thứ 17 cùng thế-kỷ thứ 18 thực là trái-ngược nhau vậy. Nhưng xét kỹ có phải cái tôn-chỉ cũng là giống nhau không? Hai đời tuy xét người đời ra hai phương-diện khác nhau, song đều là chủ tìm cái cách cho người đời được sung-sướng, đều là vì cái nhân-đạo vậy...

Xưa nay người ta vẫn khen văn Pháp có ba cái tính cách hay nhất: một là phân - minh, hai là giản-dị, ba là thành-thực. Ba cái tích-cách ấy cũng là bởi cái nhân-đạo trong văn-chương mà ra cả. Như người Anh, người Đức, người Ý làm văn thường là đề sướng lấy một mình, đề diễn lấy cái giấc mộng riêng ở trong lòng mà làm một mối khoái-lạc cho mình. Người Pháp làm văn vì người hơn vì mình, cầm ngòi bút viết là chủ nói cái gì cho người đời nghe. Vậy cốt nhất là cho người ta hiểu mình. Nên phạm xướng ra cái tư-tưởng gì, không phải cứ mặc-mặc thế mà đem diễn ra đâu; còn suy đi nghĩ lại, chắt lọc chung đúc mãi, gạn lấy cái tinh-hoa rồi mới diễn nó ra thành lời; cái lời văn ấy cũng không phải là cầu-thả, thực là chải-chuốt trau-giũa cho nó rất văn-tắt, rất giản-dị, rất phân-minh, khiến cho người đọc thấu-giải được ngay, không phải mất công khó nhọc tí nào. Bởi văn Pháp có cái đặc-tính như thế nên xưa nay đã được cái danh-dự dùng làm văn chung cho vạn-quốc trong việc giao-tế các nước với nhau. Cái danh-dự ấy thực là xứng-đáng vậy thay!

Bản về văn-minh học-thuật nước Pháp
(Nam-phong tạp-chí, số 1, tháng 7-1917)

166 – Vườn Luxembourg ở Paris

Vườn này rộng độ hai mươi lăm mẫu tây, có tiếng là nơi công - viên đẹp nhứt ở thành Paris. Kiểu vườn là kiểu đời Phục-hưng (*Renaissance*) đồng - thời với cung Luxembourg ngày nay làm nhà Thượng - nghị - viện. Trong

vườn nào là tượng đá, nào là bể nước, nào là chiếu cỏ, nào là thảm hoa, quanh mình rất những hình-tượng đẹp, màu sắc tươi cả, thật như một bức gấm trăm hoa. Cây lớn thời toàn là những cổ-thụ hai ba trăm năm trồng thẳng bằng từng dãy dài, dưới có lối đi cho khách bộ du. Đẹp nhất là những thứ dương-ngò-đồng (cây vòng tây : *platanes*) lá xòe như cái tán. Đứng trước Thượng-nghị-viện mà trông thẳng ra, tưởng không cảnh gì đẹp bằng, cực-mục như một tấm gấm, tấm lụa giải thẳng cho đến kỳ-cùng ở giữa hai rừng cây xanh rậm, vì trước mặt vườn *Luxembourg* này lại thông với vườn Thiên-văn-đài, nên coi nó lại càng man-mác nữa. Nghĩ ra qui-mô một nơi công-viên như thế này, thật cũng khéo quá : không khác gì như lấy những cỏ hoa cây cối của Tạo-vật mà thêu trên mặt đất thành một bức gấm trăm hoa, để cho khách ưu-du thưởng ngoạn. Mà trong cuộc ưu-du vẫn có ý kỷ-niệm, vì quanh mình không thiếu gì tượng các danh-nhân. Có nơi họp cả tượng các bà danh-phi liệt-nữ của nước Pháp thời xưa.— Nhưng trong vườn *Luxembourg* này có một chỗ thanh-thú nhất, là nơi gọi là *Fontaine Médicis*, có cái bể bằng đá hình bồ-đục, bên trong có một bức chạm tích thần-tiên Hi-lạp ngày xưa, bốn bề toàn những ngò-đồng cây cao bóng mát, tiếng nước chảy róc-rách, tiếng chim kêu riu-rit, rõ ra một cái cảnh lâm-tuyền mà lại có tay khéo của người ta tô điểm. Hai bên có hai dãy ghế cho khách du ngồi thưởng-ng ngoạn. Nhưng xét ra những khách mến cảnh này ngồi đến thâu giờ tan buổi, thơ-thần một mình, không phải là những người trong trường náo-nhiệt ; phần nhiều là những hạng thi-nhân họa-khách cũng như những bậc thiếu-phụ nhân-sầu, đến đây để tiêu-sầu khiển-hứng. Mà cảnh êm-dềm người lặng lẽ, cho đến nỗi chim sẻ từng đàn lượn qua trước mặt, đậu tận bên mình cũng không sợ.

Ba tháng ở Paris (tháng 5 — 7 năm 1922)

Nam-phong tùng-thư.

(Hà-nội, Đông-kinh ấn-quản x.b., 1927)

**167.— Quan-niệm người quân-tử trong đạo Khổng
và quan-niệm người « chính-nhân »
trong cổ văn Pháp**

Trong khi nghiên-cứu về người quân-tử trong đạo Khổng, tôi có tự hỏi không biết Tây-phương từ xưa đến nay có cái quan-niệm nào giống như thế không. Không xét đến thượng-cổ Hi-lạp La-mã, nhân đọc lại các cổ-văn nước Pháp, tôi lấy làm lạ thấy cái quan-niệm người « chính-nhân » (*l'honnête homme*) về thế-kỷ thứ 17, có nhiều điều giống như người quân-tử của đạo Khổng. Người « chính-nhân » của Pháp cũng như người « quân-tử » của Tàu, cũng vụ lễ phải hơn cả, chuộng điều-độ, ưa trật-tự, thờ Chính-lý làm phép chung của vũ-trụ, ghét những cái gì là quá đáng, không tự-nhiên.

Cái quan-niệm « Chính-lý » của các nhà làm sách Pháp về thế-kỷ thứ 17 chẳng là giống như hết với cái quan-niệm « Thiên-lý » của các nhà triết-học Tàu dư? — MALEBRANCHE nói rằng: « Chính-lý soi sáng cho loài người là trí-tuệ của Thiên-chúa... Như tôi đau-đớn, người ngoài không cảm được cái đau của tôi; đến như cái chân-lý mà tôi quan-niệm, thì ai cũng có thể quan-niệm được như tôi... Nhờ có chính-lý, tôi có thể cảm-thông được với Thiên-chúa (nhà triết-học Tàu thì nói là Trời), cùng với cả các giống thông-minh ở đời, vì các giống có linh-tính cùng với tôi đều có một cái dây liên-lạc chung, một cái phép-tắc chung là Chính-lý vậy ». — Cái « chính-lý » của MALEBRANCHE đó, có khác gì cái « đức sáng » (*Minh đức*) của Trời phú-bẩm cho mọi người, như trong *Đại-học* đã nói vậy?

Chính-lý là luật thiên-nhiên của vạn-vật đem ra ứng-dụng thời là lẽ phải hằng ngày, theo lời nhà triết-học DESCARTES là « cái của ở đời chia đều hơn cả ». Trong « *Phương-pháp-luận* » của ông cùng những thư-trát ông viết cho bà Công-chúa ELISABETH, ông thường nói đến « người lương-thiện là người làm việc gì cũng theo như chính-lý ». Người « lương-thiện » ấy, đời bấy giờ gọi là người « chính-nhân » (*l'honnête homme*), há chẳng giống với người « quân-tử » trong đạo Khổng như hết dư?

DESCARTES lại nói rằng : «Phàm cư-xử, tôi muốn bao giờ cũng theo những ý kiến trung-bình, không thái quá, không bất cập, xét chung quanh mình, người nào là người khôn-ngoaan biết điều thường hay theo thì tôi theo. » — « Như có nhiều cái ý-kiến thiên-hạ cùng theo cả, thì tôi chỉ chọn cái nào là trung-bình hơn nhất mà theo, một là bởi ứng-dụng ra nó tiện, và cũng có lẽ tốt hơn, vì lẽ thường cái gì quá đáng vẫn không hay, hai là vì làm như thế thì không sợ sai đường chính bằng giá mình chọn bên này mà thành ra bên kia mới phải vậy... »

Nghe mấy lời đó, ai không bảo là một thầy học-trò cụ Khổng dương bàn về đạo «trung-dụng»? Đạo «trung-dụng» là gì, chính cái «lẽ phải phải-chăng (*raison raisonnable*) kia, nó «thường hay tránh chỗ cực-đoan, mà muốn cho người ta có đạo-đức cho có chừng» như lời PHILINTE trong hài kịch « Người chán đời » của MOLIÈRE vậy.

Giá cứ so-sánh được như thế mãi cũng hay, có thể dẫn sách MOLIÈRE, BOILEAU, CORNEILLE cả RACINE nữa, tuy văn ông mô-tả những cái dục-tình rất mạnh, mà vẫn giữ được điều-độ, vẫn có phong-thể, vẫn hợp lẽ phải lắm. Nay nhân tiện đây nói qua cho biết người «quân-tử». Đông-phương với người «chính-nhân» Tây-phương có điều giống nhau là như thế mà thôi.

Thế là nghĩa làm sao, há chẳng phải là tuy văn-sĩ nước Anh KIPLING có câu chán đời rằng : Đông-phương với Tây-phương khác nhau, vạn-cổ không bao giờ gặp nhau được, nhưng kỳ thực Đông Tây không đến nỗi xa cách nhau như thế? Đông-phương và Tây-phương từ xưa đến nay đã cũng nghĩ ra được một cái kiểu-mẫu làm người điều hòa tốt đẹp, giá nhiều người theo được như thế, thời cõi đất này sẽ thành chốn bồng-lai cho một cái tân-nhân-loại ở vậy.

Cái quan-niệm người Quân-tử trong triết-học đạo Khổng.
(Nam-phong tùng thư.— Hà-nội, Đông-kinh ấn-quán x.b.1928)

168.— Văn-hóa Pháp đối với việc chấn-chỉnh tinh-thần người Nam

Muốn cho bọn tân-thượng-lưu nước Nam bây giờ có thể hưởng-thụ được văn-hóa Pháp cho ích lợi, lại có thể giúp cho nước cũng nhờ đó mà chấn-chỉnh được tinh-thần trí-thức, thời

cần phải tự mình nhận-chân lấy mình, phải bỏ cái thái-độ tiêu-cực như bây giờ, phải tỏ ra biết suy-nghĩ phán-đoán, có tư-cách đặc-biệt, đối với văn-hóa ấy cũng như đối với các trạng-thái khác của văn-minh đời nay, phải xem-xét cho kỹ-càng, nhiệt-thành mà không háo-hức, tin theo mà biết phàm-bình, có thể thời mới hiểu rõ và dần dần tiêm-nhiễm lấy được. Phải biết rằng văn-hóa nước Pháp có thể làm một cái động-cơ rất mạnh trong sự-nghiệp cải-tạo nước Nam sau này, nhưng muốn cho được hoàn-toàn hiệu-lực, thời cần phải có mấy cái tư-cách mà người mình hãy còn thiếu. Những tư-cách ấy phải gây lấy cho được. Nghĩa-vụ chúng ta ngày nay là phải chấn-chỉnh lấy cái hồn Việt-Nam của ta để có thể theo phong-trào mới mà cải-cách duy-tân vậy.

Trong cái sự-nghiệp chấn-chỉnh tinh-thần đó, văn-hóa Pháp có thể giúp cho ta được nhiều lắm. Đây không cần phải tán-dương những cái hay của văn-hóa ấy. Trong thế-giới thiếu gì những bậc danh-giá đã từng ngợi-khen nhiều lần rồi. Mới đây công-sứ Hòa-lan ở *Paris* làm lễ đặt viên đá thứ nhất cho nhà học-hiệu Hòa-lan ở Xóm Học-sinh, có tổ lòng cảm-phục cái tinh-thần học-thuật nước Pháp như sau này :

«Chỗ này là chỗ học-sinh vạn-quốc đến tụ-hội, sẽ được nhờ tinh-thần nước Pháp truyền cho mấy cái tính tốt, như tính sáng-sủa, đích-xác, lý-luận, phong-phú, là những đặc-tính của một nước về văn-học đã sản-xuất được những bậc đại-danh như Montaigne, Descartes, Pasteur, Berthelot, Branly .»

Lại ngay sau khi chiến-tranh, mấy học giả nước Mỹ có nói riêng với giáo-sư Bergson một câu rằng :

«Cách dạy học của người Pháp, chúng tôi ưa nhất có hai điều : một là bài giảng của thầy giáo bao giờ cũng có mạch-lạc sáng-sủa lắm ; hai là khéo khiến cho học-trò, không những là học-sinh trường lớn mà cả học-trò trường nhỏ nữa, phải thường-thường suy-nghĩ biến-báo luôn .»

Sáng-sủa, đích-xác, có lý-luận, có kết-cấu, hay sáng nghĩ, hay

biển báo, đó chẳng phải là những tính-cách mà trong tâm-trí người Việt-nam ta hiện hầy còn thiếu dư? Tính-cách ấy, văn-hóa Pháp có thể đào-luyện cho ta được. Nếu ta biết khéo lợi-dụng, thời quốc-hồn Việt-nam của ta sẽ được nhờ đó mà phong-phú thêm lên, tức là cái diễm nước Nam có cơ tái-tạo vậy.

Văn-hóa Pháp đối với tiền-đồ nước Nam
(Nam-phong tạp-chí. số 1247, tháng 2-1930)

169. — Đạo hiếu và đạo trung trong luân-lý của Khổng-giáo

Có thể nói cả cái đời luân-lý của dân-tộc Việt-nam là hun-đúc bằng đạo Khổng, nói thế không phải là nói quá vậy. Những lời huấn-dụ, những lời cách-ngôn của ông Đại Hiền-Triết vừa là Socrate vừa là Lycurgue của xã-hội giống da vàng, trong hai ngàn năm đã tiêm - nhiễm tâm-hồn người Việt-nam và đã sáp-nhập vào cái kho trí-thức của dân-chúng xứ này.

Nay luân-lý đạo Khổng không phải là một lý-thuyết bằng không mà kết-cấu ra, chính là nguồn gốc của sự thực hiện-nhiên của lễ thường người ta, căn-cứ ở đạo *hiếu* và đạo *trung*, hiếu với trung là gốc của gia-đình, của tổ-quốc, và gia-đình với tổ-quốc là hai cái hiện-tượng hiển-nhiên, ai ai cũng phải công-nhận vậy.

Người ta là một giống ở xã-hội, Aristote thì nói là một động-vật sinh-trưởng ở xã-hội. Cái thiên-tính của người là phải ăn ở trong xã-hội những kẻ đồng-loại với mình. Cái xã-hội thứ nhất sau khi lọt lòng mẹ ra là gia-đình, căn-cứ ở máu-mủ. Xã-hội này lại thuộc một xã-hội lớn hơn căn-cứ ở đất nước, gọi là tổ-quốc. Cả «nhân-luân» là ở giữa hai cái đầu mối đó: gia-đình, tổ-quốc. Tưởng rằng cá-nhân có một địa-vị gì là tưởng lầm: cá-nhân không có gì cả; cá-nhân chỉ có địa-vị là ở trong phạm-vi gia-đình, ở trong phạm-vi tổ-quốc mà thôi.

Phàm xã-hội phải có trật-tự. Không có gì gọi là bình-đẳng cả. Auguste Comte đã nói : «Chính tạo-vật đã tổ-chức loài người theo lễ tôn-ti sai-biệt. » Vậy thời gia-đình với quốc-gia phải có chủ : gia-trưởng là cha, quốc-trưởng là vua. Hai bậc đó bản-thể không có sai-biệt, chỉ có sai-biệt ở trật-tự mà thôi. Bồn-phận của mỗi người đối với cha là *hiếu*, bồn-phận của mỗi người đối

với vua là *trung*. Đó là hai mối tình-cảm thâm-trầm mà sự giáo-dục phải khai-phát ra trong lòng người, vì đó chính là nền tảng của gia-đình, tổ-quốc vậy. Không có hiếu thì không có gia-đình được, không có trung thì không có tổ-quốc được, vì gia-đình với tổ-quốc không phải hai cái danh-từ trừu-tượng để nêu lên làm khẩu-hiệu mà thôi, chính là hai hiện-tượng có sinh-hoạt mà nguồn gốc là tự trong thâm-tâm người ta vậy.

Cổ-nhân ta đã có câu rằng: *Xuất mẫu hoài tiệp thị hữu quân thân*, nghĩa là ở trong lòng mẹ ra đã có nghĩa vua tôi với cha con rồi.

Nghĩa đó là nghĩa tùy-thuộc, nghĩa phục-tòng cái trật-tự thiên-nhiên nó chi-phối sự sinh-hoạt của đoàn-thể. Con người ta mới sinh ra đời bé-nhỏ yếu-ớt đã có ngay một hoàn-cảnh, một cái phạm-vi sẵn-sàng để đón lấy, che-chở cho, bênh-vực cho. Lý tự-nhiên là đem mình sáp-nhập vào phạm-vi đó, tùy-thuộc vào cuộc sinh-hoạt chung của đoàn-thể. Không những nghĩa phải như thế, lợi cũng khiến nên như thế. Vì cuộc sinh-hoạt chung đó vẫn đã có trước mình từ bao giờ, và sẽ còn có sau mình biết bao lâu nữa. Mình có nương tựa vào đó, có sáp-nhập vào đó, thì mới có cơ sinh-hoạt tồn-tại được, chứ không phải tự-phụ đem cái cá-tính đơn-độc của mình mà ngang-nhiên phản đối lại được, cá-tính nọ cũng như cá nhân kia là hão huyền không có cả.

*Công-cuộc chấn-chỉnh quốc-gia ở nước Phụng
và Khôi-phục cồ-diễn ở nước Nam
(Nhà in Đắc-lập, Huế)*

170.— Nền luân-lý cổ của dân-tộc Việt-Nam

Thờ gia-đình, mến tổ-quốc, phụng tổ-tiên, tôn cồ-diễn những tình-cảm đó nhờ giáo-dục vun trồng, thói quen bồi-đắp, văn-chương cùng phong-tục cổ-lệ tán-dương, dần dần tạo thành cho người nước Nam một cái thần-trí vững-vàng ngay-thẳng, một cái tâm-địa chắc-chắn điều hòa, một cái hồn-tinh thiết-thực và kiện-toàn, có lẽ không được bay bổng cao-xa lắm, nhưng gặp khi quan-hệ đến vận-mệnh gia-đình tổ-quốc thì cũng có thể tận-tụy hy-sinh được. Lòng hiếu thảo trong đạo cha con, lòng tiết-nghĩa trong đạo vợ chồng, lòng trung-thành với nhà vua

là trạng-thái đặc-biệt của lòng ái-quốc người Việt-Nam, cổ lai vẫn gây nên những bức anh-hùng liệt-nữ, hoặc hiền-hách, hoặc vô-danh, hoặc tên đề chói-lọi trong sử-sách, hoặc việc chép lưu-truyền trong gia-phả, hay chỉ còn để lại cái bài-vị trong một gian miếu nhỏ nép dưới bóng tre xanh. Lòng vị-nghĩa đó có khi siêu-việt đến bậc tuần-tử một cách oanh-liệt. Như việc, Võ Tánh và Ngô - Tòng-Châu tuần-tử ở thành Bình-định vậy.

Một người thời :

Chén tàn-khở nhấp ngon mùi chinh-khi,

Một người thời :

Ngọn quang-minh hun mát tấm trung-can.

Nhưng đó là những bậc anh-hùng có đóng vai quan-trọng trong lịch-sử. Ngoài những bậc đó, còn biết bao nhiêu những người nữa, và trong những người đó thiếu chi người đàn-bà, âm-thầm lặng-lặng mà can-đảm quyền-sinh để giữ tròn danh-tiết. Cho nên có câu thơ :

Khảng-khái cần vương dị,

Thung-dung tỵ nghĩa nan.

Như vậy thời cái luân-lý cổ thoát-thai ở đạo Khổng mà ra đó một phần căn-cứ ở thiên-nhiên, — là máu mủ và đất nước, — một phần căn-cứ ở lịch-sử, — là sự kinh-lịch của đời trước, — rất là hợp-lý lắm, không có mâu-thuẫn chút nào với đời nay, và rất có thể khôi-phục lại để làm cơ-sở cho sự sinh-hoạt về đạo đức của dân-tộc Việt-nam này. Luân-lý ấy không phải một lý-thuyết trừu-tượng ở trong sách cổ đâu ; những điều giảng dạy của luân-lý ấy đã tiềm-nhiễm sâu-xa cả thượng-lưu cùng quần-chúng trong nước vậy. Những danh-từ dùng để chỉ các quan-niệm cốt-yếu của luân-lý đó, như : *tam-cương, ngũ-thường, quân-tử, tiều-nhân, tam-tòng, tứ-đức*, v. v... đã thâm-nhập vào tiếng nói của bình-dân từ bao giờ đến giờ ai ai cũng hiểu rõ và ai ai cũng thường dùng vậy.

*Công-cuộc chấn-chỉnh quốc-gia ở nước Pháp
và khôi-phục cổ-diền ở nước Nam*

TRẦN TRỌNG-KIM 陳仲金

171.- Tôn-chỉ đạo Khổng

Khổng Phu-tử ngắm cảnh-tượng của tạo-hóa mà xét việc cò-kim, đạt được cái lẽ biến-hóa của trời đất. Ngài muốn người ta theo cái đạo ấy mà hành-động, khiến cho nhân-sự và thiên-lý cùng thích-hợp với nhau theo đạo thái-hòa trong vũ-trụ. Ngài tin rằng người ta sinh ra đã bẩm thụ cái lý-khí của trời đất, tất là cùng với trời đất có thể tương-cảm tương-ứng với nhau được. Sự tương-cảm tương-ứng ấy lúc nào cũng có, nhưng khi ta để lòng tư-dục mạnh lên, rồi chỉ dùng lý-trí mà tính toán những điều hơn-thiệt riêng của mình, thì cái tinh-thần rối loạn đi, cái trực-giác thành ra ám-muội, dầu có cảm-ứng ta cũng không biết được. Nhưng nếu ta biết nén cái tư-dục xuống, giữ cho lúc nào cũng có cái thái-độ điều-hòa, cái bình-hành hoàn-toàn, thì cái trực-giác thành ra mẫn-nhuệ, trông cái gì thấy ngay được đến phần rất sâu-xa, u-ẩn.

Giữ được cái thái-độ điều-hòa và cái bình-hành hoàn-toàn, tức là giữ được cái *trung*. Cứ ở trong cái trung ấy mà hoạt-động, mà lưu-hành theo thiên-lý, rồi cứ đôn-đốc cái tình-cảm cho thật hậu, thì tất là đến bậc *nhân*. Người nào tu-dưỡng đến bậc *nhân*, thì cái tinh-thần rất hoạt-động, xem xét điều gì cũng biết rõ thực hư, và sự hành-vi bao giờ cũng hợp với đạo thái-hòa của trời đất. Đã *nhân* mà lại *thành*, là bậc *thánh*. Thành là chân-thực, đúng như cái lý tự-nhiên của trời đất. Người chí-thành tức là người đã khiến mình trở nên thuần-túy như cái nguyên-tính của Trời phú cho, thì tự-khắc biết được hết cái tính của muôn vật và có thể giúp sự hóa-dục của trời đất mà sánh ngang với trời đất. Bởi thế cho nên mới gọi là *thánh*. Cái tôn-chỉ đạo Khổng rút lại chỉ có thế mà thôi. Còn những điều hiếu, nghĩa, lễ, trí, trung, tín, đều bởi đấy mà ra cả.

Cứ như ý-kiến của Khổng Phu-tử, thì vạn-vật ở trong vũ-trụ cứ biến-hóa theo lẽ điều-hòa và lẽ tương-đối mà lưu-hành mãi mãi, không lúc nào nghỉ. Thiên-đạo đã không nhất-định, thì ở đời có việc gì là việc nhất-định được. Vậy ta cứ nên tùy thời mà hành-động, miễn là lúc nào cũng giữ lấy cái thái-độ điều-hòa, cái bình-hành hoàn-toàn, thì sự hành-vi của ta bao giờ cũng được trung-chính. Làm việc gì cũng giữ cho

trung-bình, vừa phải, không thái-quá, không bất-cập, ấy là theo cái đạo trung-dung rất phải rất hay. Phu-tử đem cái tôn-chỉ ấy mà lập thành một cái đạo *nhân-sinh triết-học* là cái đạo luân-lý rất êm-ái, rất hòa-nhã, đủ làm cho người ta có cái vẻ thư-thái vui-thú, không có những điều lo sợ buồn-bã.

Nho-giáo, Quyển I

(Hà-nội, Bản in Trung-Bắc tân-văn, 1930)

172.— Luân-lý của Đạo-giáo

Lòng người ta bao giờ cũng phải không không, việc gì cũng không lấy làm thiết, chỉ nhất tâm giữ lấy được tĩnh, như thế là có thể gần với đạo được. Thường có bỏ hết được cái lòng ham muốn, thì mới biết được những cái huyền-diệu của Đạo, chứ hễ còn có lòng ham muốn, thì chỉ biết được ngọn mà không biết được đến gốc, chỉ biết được những cái kết-quả ở đời, mà không biết được đến nguyên-nhân sâu-xa của muôn vật. 常無欲以觀其妙, 常有欲以觀其微 (1). Nếu chỉ biết được những cái ngọn mà thôi, thì cái biết của mình có ích gì đâu vì những sắc mà mắt mình trông thấy, những tiếng mà tai mình nghe thấy, những vị mà miệng mình nếm thấy, sự vui mừng, sự ao-ước, lòng ham danh lợi v. v... đều làm loạn cái tinh-thần của mình. Vì thế cho nên thánh-nhân chỉ lo cái bụng cho no mà thôi, chứ không cần đến những cái ảo-hình, ảo-tưởng làm gì.

Vả lại chịu khó-nhọc làm công nọ việc kia để hao thần tổn-trí để làm gì? Có việc gì là việc được lâu dài không? Cơn gió to cũng không thổi luôn được buổi sáng, trận mưa lớn cũng không suốt được cả ngày : mưa gió là việc của trời đất, mà trời đất còn không làm việc gì được lâu dài, huống chi người ta muốn làm việc lâu dài làm sao được. Vay 爲無爲, 事無事, 味無味, 大小多少, 報怨以德 (2), thánh-nhân chỉ nên làm những việc không làm, lo những việc không lo, thích những việc không thích, lớn nhỏ nhiều ít cũng cho như nhau, không lấy làm hơn kém gì cả, đối với người thì lấy đức mà báo oán, nghĩa là người ta làm điều ác cho mình, thì mình làm điều lành mà báo cho người ta,

chứ không đem lòng thù-oán ai. Ta phải biết rằng: 小則得, 多則惑, 是以聖人抱一為天下式 (3), hễ người ta chỉ lưu-tâm vào ít thì được, muốn nhiều thì hỏng, cho nên thánh-nhân chỉ cốt lấy một việc là chăm-chăm về Đạo mà thôi, nghĩa là giữ yên tĩnh trong sự vô-vi, để làm gương cho thiên-hạ, thế mà đắc-đạo...

Làm người ở đời thì bao giờ cũng nên giữ lấy ba điều làm quý: 一曰慈, 二曰儉, 三曰不敢為天下先 (4), một là từ, tức là lòng nhân-ái; hai là kiệm, tức là giản-dị không xa-xỉ; ba là không dám tranh hơn ai, tức là lòng khiêm-nhượng. Có ba điều ấy thì không có đánh nhau giết nhau, không hoang-phí, không tham danh tham lợi, ai cũng như thế cả, thì việc gì mà không thái-bình yên-trị.

Vả chăng, cạnh tranh mà làm gì, danh-lợi mà làm gì, chẳng qua ai thì cũng cần lấy sự an-nhàn sung-sướng mà thôi. Mà cái đó mình có thể tự mình tìm thấy được. Hễ mình biết tri-túc thì không việc gì mà phải bị những sự lâm-lụy khổ-sở. Đã tri-túc là đã giàu rồi, 知足者富 (5), cần gì nữa phải vất-vả khó-nhọc để cho lụy đến thân...

Tóm lại mà xét, cái luân-lý của Lão-tử là cốt lấy thanh-tĩnh, vô-vi, cái gì cũng đề theo lẽ tự-nhiên, không có phiền-phức điều gì cả, là người ở đời được thế nào là hay thế, tự lấy thế làm sung-sướng, không tham danh-lợi. Đối với người thì không nên kết-thù kết-oán, cốt lấy lòng từ-ái mà giao-thiệp với nhau. Bất kỳ việc gì cũng lấy ơn mà trả thù. Cho cái cảnh đời là một cuộc tuần-hoàn xoay đi chuyển lại, đâu đâu rồi cũng trở về cái nguyên-lý độc-nhất, tức là Đạo. Sự sống sự chết cũng do cái lẽ tuần-hoàn ấy mà ra, không nên quan-tâm làm gì, cứ ung-dung tự-tiện để mặc tạo-hóa theo lẽ tự-nhiên mà biến-đổi.

Cái luân-lý ấy có phần rất thanh-nhã cao-thượng, nhưng chỉ phải một điều nó khiến người ta không thiết đến cái gì cả, nó hủy mất cả cái nghị-lực, và sự cố-gắng của giống người, là hai cái yếu-diểm cho sự tiến-hóa của nhân-quần xã-hội.

Đạo - giáo (Đạo Lão - tử)

(Nam-phong tạp-chí, số 67, tháng giêng 1923)

CHÚ-THÍCH.— (1) *Đạo-dức-kinh*, chương I. — (2) *Đạo-dức-kinh*, chương 63. — (3) *Đạo-dức-kinh*, chương 22. — (4) *Đạo-dức-kinh*, chương 67. — (5) *Đạo-dức-kinh*, chương 33. — (*Lời chủ thích của tác-giả*).

NGUYỄN VĂN - NGỌC 阮文玉

173. — Tư-tưởng Lão. Trang trong những bài hát nói

Hầu hết các cụ xưa bó buộc với luân-thường, giam-hãm trong đạo Khổng, Mạnh, xuất thân chỉ có một đường khoa-cử, vật-lộn chỉ trong một trường sĩ-hoạn, cho nên các cụ chỉ lẫn-lóc chen nhau trong cái phạm-vi hẹp-hòi không hề để cho tâm-tri lãng-mạn sa lạc vào đâu, sợ mang tiếng rằng ra ngoài vòng danh giáo. Hết Tứ Thư là đến Ngũ Kinh, hết Ngũ Kinh lại đến Tứ Thư, ngoài chín cái quyền sách đã như là sách bó, sách ước để đi thi, để đỗ-đạt vẻ-vang, để làm nên công-hầu khanh-tướng ấy, là các cụ không muốn biết, không dư thời-giờ đọc quyền nào khác, các cụ đặt tên gọi là «sách ngoài» khác nào như đời bây giờ cho là «sách cấm» vậy. Gián hoặc có một đôi cụ siêu việt khác người, tham bác ít nhiều kinh-kệ nhà Phật, hay tiếm-nhiệm lâu ngày tư-tưởng Lão, Trang thì các cụ dễ cũng không biết đem những tư-tưởng khác lạ cao xa ấy mà phụ-diễn, bộc-lộ vào đâu nữa. Học chỉ còn được cái dám văn gọi là nôm-na mách-qué, văn chơi, văn đùa, những lúc trà dư, tửu hậu là còn mượn được để lấy cái cớ là tiêu sầu khiển muộn đó mà thôi. Mà những văn chơi đùa lối nôm-na ấy, còn gì dễ chơi mà vui hơn là văn nhà trò.

Cho nên ta có thể nói được rằng phần nhiều các bài Hát Nói gần xa hay ít nhiều là có chịu ảnh-hưởng của Lão, Trang, là một cách ứng-dụng của sự xem đọc Lão, Trang hay các «sách ngoài» vậy. Vì có Lão, Trang, mà nhiều bài Hát Nói mới có vẻ phong-lưu, cái tinh phóng-khoáng, cái chí cao-xa nhẹ-nhàng, cái giọng hùng-hồn khảng-khái vượt ra hẳn ngoài khuôn phép nghiêm-nhặt của Khổng, Mạnh.

Đào-nương ca. Tập I, Hát nói và Hát mượn.

Việt-văn thư-xã

(Vĩnh-hưng-long thư-quán, Hà-nội—1932)

HOÀNG NGỌC - PHÁCH 黃玉魄

174.— Trên bãi bể Đồ-sơn

Trên mặt bể mênh-mông, bát-ngát, sóng cuộn-cuộn từng lớp đuổi nhau, chạy giờn vào bãi cát phẳng, nước tóe trắng phau-phau. Trên bãi cát dài hàng mấy nghìn thước phất-phới áo vàng, áo đỏ, áo trắng, áo xanh như bướm-bướm lượn; trẻ con reo, tiếng sóng vỗ, ồn-ào như chợ đông người...

Đến đêm, lúc người đã vắng... phong cảnh càng thêm bát-ngát. Trước chỗ trời cao bề rộng, mình lại thấy mình bé nhỏ lạ thường, như gợn bụi, như mảy lông, lửng-lơ không dính vào đâu cả. Trong lòng sinh ra một thứ kinh sợ, sợ cái tối vĩnh, tối đại của Hóa-công. Nhưng, có một điều chúng tôi tự thấy hơn cái vô-cùng vô-cực đó, là chúng tôi có tri-giác biết Tạo-hóa là to, có tính-tình biết yêu nhau là sướng. Còn trời cao bề rộng mấy muôn ngàn vẫn trơ-trơ đó, ngọn sóng kia cứ việc ào-ào suốt ngày nọ đến ngày kia, không biết mình là to lớn. Chúng tôi dạo quanh vài vòng trên bãi cát, rồi ngồi xuống những móm đá nổi lên gần bờ. Lúc đó, thủy-triều lên mạnh, chúng tôi bỏ chân xuống nước cho sóng vỗ vào, thỉnh-thoảng bị cơn sóng to đập vào đá, nước tóe bắn lên tận mặt...

Trong khi đêm khuya cảnh vắng như vậy, ở đó chỉ nghe tiếng thông reo trên bờ, tiếng sóng gầm dưới nước. Lặng ngồi mà ngắm quang-cảnh, thì thấy trong lòng sinh ra một thứ cảm-giác mơ-màng như các con đồng ngồi trước điện nghe những tiếng đàn tiếng hát, ngửi những mùi hương khói trầm thì ngà-ngà say và thấy trong lòng khoan-khoái vô-hạn...

Tờ-mờ sáng hôm sau... Lúc đó cả Đồ-sơn còn đương an giấc, mặt bể phẳng-lặng, gió hiu hiu hơi gợn sóng lăn-tăn. Ngoài xa lơ-thơ những chiếc thuyền đánh cá, buồm trắng phất-phơ in vào mấy rặng núi mờ xanh ở bên chân trời hung-hung đỏ. Trên bãi cát cũng phẳng-phấn chưa có một vết chân giẫm xuống; nước thủy-triều lên ban đêm đã rửa sạch những ghét rác phồn-hoa chiều hôm trước rồi.

Tổ Tâm, Tâm-lý tiểu-thuyết.
(Nhà in Chân-phương, Hà-nội, 1925)

ĐÔNG-HỒ (LÂM TÂN-PHÁC) 東湖 (林進璞)

175.— Nhớ rằm tháng hai

Non Bình-san (1) lững-lờ bóng-nguyệt,
 Nước Đông-hồ (2) man-mác hơi may.
 Cũng rằm năm ngoái tháng này,
 Cũng trăng, cũng nước non này năm xưa.
 Cảnh năm trước vẫn là năm trước,
 Tình năm xưa đã khác năm xưa.
 Đây trăng, đây núi, đây hồ,
 Mà người cùng ngắm bây giờ là đâu ?
 Chợt nhớ thuở trăng nhỏ đầu núi,
 Dưới bóng trăng lủi-thủi bóng ai.
 Bóng ai tha-thướt cảnh mai,
 Cảnh mai tuyết điểm, cảnh mai trăng lồng.
 Ta cùng ai thông-dong dưới nguyệt,
 Sẽ dang tay người ngọc thần-thơ.
 Hồ Đông một vùng nông sò,
 Non Bình một dãy tờ-mờ ngọn cao.
 Em mới hỏi : «Trăng sao sáng tỏ,
 Anh đáp rằng : «Trăng có đôi ta ».
 Bây giờ em đã vắng xa,
 Vầng trăng cũng vẫn chưa lòa bóng gương.
 Ấy mới biết trăng thường soi tỏ,
 Mà lòng ta vẫn có với nhau.
 Màn trăng cũng vẫn một màu.
 Mà màu mai tuyết thế nào, đôi thay ?
 Khóm lau lách lung-lay trận gió,
 Khiến lòng anh nhớ chỗ năm xưa.
 Bóng ai trăng dài thướt-tha,
 Tiếng ai gió thổi gần xa đôi hồi.
 Nay vẻ tuyết chiều mai đã vắng,
 Tiếng ai còn vắng-vắng bên mình.
 Bụi hồng đã mỗi mặt xanh,
 «Xa-xôi ai có hay tình chẳng ai ?

Đi về những lối này năm nọ,
 Anh vắng em, anh nhớ xiết bao.
 Non Bình này vẫn cao-cao,
 Nước Hồ kia vẫn một màu xanh xanh.
 Ngơ-ngẩn mãi với tình non nước.
 Nước cùng non đôi bức sầu treo.
 Nước non non nước đều-hiu,
 Người xưa cảnh cũ biết bao nhiêu tình !

Thơ Đông-Hồ.

(Văn-học tùng-thư. Nam-kỳ thư-quán, Hà-nội 1933)

CHÚ-THÍCH.— (1) *Bình san*: Tên một trái núi ở Hà-tiên.— (2) *Đông-hồ*: tên một cái hồ ở Hà-tiên.

176.— Phong cảnh Cửa cạn ở đảo Phú-Quốc

Cửa-cạn về mặt tây đảo Phú-quốc, về phía bắc cách Dương-đông ước ngót mười lăm ngàn thước. Đi có hai thể, đi ghe có gió nam thì thuyền xuôi, và đi bộ dọc theo bãi cát. Hôm nay không có gió nam, đi thuyền chèo thì cũng được, nhưng sóng cồn chập-chờn đảo-đảo không quen đi biển cũng khó chịu, vậy cùng nhau bỏ thuyền lên bộ, đi cho được nhẹ-nhàng thông-thả. Vả cái thú đi chân mới sẽ phải là cái thú của khách nhàn-du, mà thú thiệt. Tôi mới được ngắm cái cảnh đẹp ở bãi biển lần này là một. Ở Hà-tiên cũng có bãi biển, nhưng không được dài rộng thênh-thang bằng ở đây ; gia-dĩ ông Tạo-hóa cũng khéo tô-diêm, trong cái cảnh rừng xanh biển lục, thêm cái cảnh cỏ lạ hoa thơm. Bóng dương môn-môn, tư điều thướt-tha diên-cuồng trên ngọn gió ; nước biển chập-chờn, làn sóng nhấp-nhò dào-dạt trên bãi cát, chạy dài hàng mấy ngàn thước thỉnh-thoảng điểm-nhiêm có cái cảnh chòm cây khóm đá trông thanh-thú lắm. Mỗi một cảnh là một bức tranh thủy-mặc con-con của các nhà danh-họa Tàu, nét bút nguệch-ngoạc khô-kỳ đơn-sơ mà thần-diệu vô-cùng. Đi hết một cái bãi cát lại phải đi lên trên ghềnh đá hay đi bên chân đồi, cho mới biết ông Tạo cũng khéo xếp-đặt. Chứ nếu trong cảnh sa-mạc mà không điểm cho cái cảnh cây cao bóng mát, để cho có lúc hăng-hái mà đi, rồi cũng có lúc thanh-thơi mà nghỉ thì khách lữ-hành còn biết gì là thú..

Xóm Cửa-cạn nhà cửa dân-cư ở tụ-tập theo hai bên bờ sông. Con sông xinh làm sao! Thường đi chơi cũng gặp được nhiều cảnh sông cảnh rạch, nhưng chưa gặp được chỗ nào có cảnh đẹp bằng con sông ở Cửa-cạn này. Sông không rộng, có cầu cây bắc ngang, lối cầu chừa đoạn giữa để cho ghe thuyền qua lại. Chiều trời êm-ả, lên đứng trên cầu tựa vào lan-can mà trông, dòng nước trong như lọc, chảy từ-từ trong lòng cát trắng, hai bên bờ từng túp nhà bán-ăn bán-hiện trong khóm được, dặng bần, cảnh xòa mặt nước, bóng lộn lòng sông, hoa lá đều có vẻ hàm-nhuận, có chiều xinh-xắn. Dòng sông uốn quanh ra hữu-ngạn rồi mới ra biển, có cảnh cồn cát chắn ngang, bóng dương lơ-thơ dưới bóng trời cây bãng-lãng, trông thích quá, anh em bèn thuê chiếc thuyền chèo cùng nhau chở thuyền đi chơi phiếm. Bấy giờ bóng dương đã nhạt, cây núi màu lam, vẻ trời sắc nước như có nhịp-nhàng điều-độ với nhau, chiếc thuyền từ-từ xuôi dòng sông, quanh ra cửa biển, tiếng gió thổi vào cảnh cây thủy-liễu du-dương lẫn với tiếng nước reo dưới dịp khè-kiều thành-thót, rõ vẽ ra cái cảnh:

*Nao nao dòng nước uốn quanh,
Nhịp cầu nho nhỏ, cuối ghềnh bắc ngang.
Trời tây bãng-lãng bóng vàng,
Một gian nước biếc mây vàng chia đôi.*

Thăm đảo Phú-quốc

(Nam-phong tạp-chí số 124, tháng 12 — 1927)

THIỆU - SƠN (LÊ SĨ - QUÝ) 黎仕貴

177.— Lối văn tả-thực

Gần đây, khắp văn-học thế-giới đâu đâu cũng có cái phong-trào tả thực. Mà cái phong-trào này là nguyên-lai từ cái trí-thức của nhân-loại nó đã tiến-hóa theo khoa-học tới một cái trình-độ khá cao.

Nhưng tả-thực là thế nào?

Tả thực là đem những sự mắt thấy tai nghe cho vào văn-chương sách vở. Nhà cổ-diễn chỉ tả những cái hiện-tượng đại-dồng của tâm-giới. Nhà lãng-mạn chỉ tả những mối tình-

cảm mơ-màng của thi-nhân. Còn nhà văn-học tả-thực thì chẳng chịu bỏ sót một cái gì mà không nói đến. Tâm-giới cũng tả mà ngoại-giới cũng tả. Cả những cái xưa nay người ta vẫn ché là tầm thường thô-tục không được nói vào văn-học mà nay cũng thấy họ đem làm tài-liệu cho văn-chương.

Trong phái tả-thực đã có người chịu khó trà-trộn vào những hạng lao-động thợ-thuyền, lần-quần ở những nơi đầu đường xó chợ, cốt để tìm-tòi học-hỏi cho biết cái sinh-hoạt của khắp các hạng người trong xã-hội. Hy-sinh vì chân-lý, khổ công cho văn-học, những đức-tinh đó thật là đáng quý, đáng phục vô-cùng.

Nhưng ngoài ra ta lại thấy một cái tệ cũng rất nên đáng tiếc.

Tệ là những nhà văn tả-thực thường có ý muốn phô-trưng những cái xấu hơn những cái tốt, đem cái bề trái của xã-hội mà vẽ ra hơn là đem bề mặt của nó mà tả-diễn.

Có lẽ họ cho rằng cái tốt trước đây đã có nhiều người nói đến thì cái xấu nay tới lượt họ phải trưng ra, cái bề mặt vốn bình-an vô-sự mà cái bề trái mới có lắm chuyện lý-thú ly-kỳ.

Đấy cũng là một cái thiên-kiến. Mà đã là thiên-kiến thì đều là có hại.

Như ý tôi thì tả-thực là nên, nhưng phải tả hết cả sự thực, chớ không nên nói cái này mà bỏ cái kia. Nhân-loại không phải chỉ có những tội trộm cắp, sát nhân, gian hùng, xảo-trá, mà cũng còn có người lương-thiện, có bậc anh hào, có kẻ phong-lưu hảo-hán, có đấng nghĩa-hiệp trượng-phu.

Tả đủ sự thực, tức là cách-vật tri tri. Ta có thể coi đấy mà biết rõ được nhân-tình thế-thái, gần ra thì ở cái xã-hội của ta, xa ra thì ở cái phong tục xứ người, mà cốt nhất là biết được cái bản-sắc của nhân-loại.

Cái bản-sắc của nhân-loại (le fond humain), chính là cái có trực-tiếp quan-hệ đến ta.

Nhân-loại vốn đại-đồng mà tiểu-dị, thì nhân sinh đều nên hiểu biết lẫn nhau. Người cao-thượng, khách phàm lưu, kẻ giai-nhân đài các, tội đàng-diếm chơi-bời, nhất-thiết đều là những người trong nhân-loại thì nhất-thiết đều có chút ít giống ta.

Ta là người tầm-thường mà ta cũng có chút ít cao-thượng.
Ta là kẻ lương-thiện mà ta cũng có đôi cái yếu hèn, vì ta là người
trong nhân loại mà cái bản-sắc của nhân-loại là phức-tạp ly-kỳ
như vậy đó.

Nhà văn-sĩ có tài là người hay diễn-tả được cái bản-sắc đó
ra cho ta coi đến mà biết người, biết mình, biết cái phần cao
thượng của nhân-loại mà cảm phục, biết những chỗ yếu hèn của
nhân-loại mà xót-thương, biết những cái cảm-giác đó mà phát-
sinh những tư-tưởng thâm-trầm về cái nhân-sinh triết-học.

Phê-bình và cáo-luận

(Văn-học tùng-thư.— Nhà xuất bản Nam-kỳ, Hà-nội, 1933)

THỀ-LỮ (NGUYỄN THỨ-LỄ) 阮 旭 禮

178.— Cây đàn muôn điệu

*Tôi là người bộ-hành phiêu-lãng,
Đường trần gian xuôi ngược để vui chơi:
Tìm cảm giác hay trong tiếng khóc, câu cười,
Trong lúc gian-lao, trong giờ sung-sướng,
Khi phấn-đấu cũng như hồi mơ-tưởng.
Tôi yêu đời cùng với cảnh làm-than,
Cảnh thương-tâm, ghê gớm, hay dịu-dàng,
Cảnh rức-rỡ, ái-ân hay dữ-dội.
Anh dù bảo: tình-tình tôi hay đời,
Không chuyên-tâm, không chủ-nghĩa; nhưng cần chi?
Tôi chỉ là một khách tình-si,
Ham vẽ Đẹp có muôn hình, muôn thể.
Mượn lấy bút nàng Ly-Tao, tôi vẽ,
Và mượn cây đàn ngàn phím, tôi ca,
Vẽ Đẹp u-trầm, đắm-đuối hay ngày-thơ,
Cũng như vẽ Đẹp cao siêu, hùng-tráng,
Của non-nước, của thi-văn, tư-tưởng
Dáng yêu-kiều tha-thướt khách giai-nhân;
Ánh tung-bình linh-hoạt nắng trời xuân;
Vẽ sâu muộn âm-thầm ngày mưa gió;
Cảnh vĩ-đại sóng nghiêng trời, thác ngàn đờ,*

Nét mong-manh, thấp thoáng cánh hoa bay ;
 Cảnh cơ-hàn nơi nước đọng bùn lầy ;
 Thú sản-lạn mơ-hồ trong ảo-mộng ;
 Chí hăng-hái ganh đua đời náo động ,
 Tôi đều yêu, đều kiếm, đều say mê.
 Tôi sẵn lòng đau vì tiếng ai bi,
 Và cảm khái bởi những lời hăng-hái.
 Tôi ngợi-ca với tiếng lòng phấn-khởi,
 Tôi thở than cùng thiếu-nữ bàng-khuàng,
 Tôi vèo-von theo tiếng sáo lưng chừng,
 Tôi gợn-ủi với tiếng chuông huyền diệu,
 Với Nàng-thơ, tôi có đàn muôn điệu,
 Với Nàng-thơ, tôi có bút muôn màu ;
 Tôi muốn làm nhà nghệ-sĩ nhiệm màu ;
 Lấy Thanh Sắc trần-gian làm tài-liệu.

Mấy vần thơ, Tập Mới

(Hà-nội, nhà xuất-bản Đời Nay, 1941)

179. — Câu chuyện trên tàu thủy

Tôi biết một kẻ cắp rất giỏi, tên là Hai Nhiều, người Ninh-bình. Bác ta rất thông-minh, thiệp-nhã, lại «quân-tử» nữa. Quân tử trong phường kẻ cắp — cố-nhiên. Không bao giờ bác thém lấy của người nghèo, cũng không hay lấy của ai mấy khi. Ăn cắp đối với bác không phải là một nghề kiếm cơm, đó chỉ là một cách giải-trí của tay chơi hay có thể nói là một... «nghệ-thuật». Bởi thế việc lấy cắp càng khó càng nguy hiểm. Hai Nhiều càng thích. Bác ta khi đã «nhắm» món nào, tất món ấy phải lăm tiền, mà đã cố ý lấy tất không bao giờ hụt...

Hồi ấy Hai Nhiều đang trổ tài nghệ trong mấy sòng bạc ở Hải-phòng. Bác ta thí-nghiệm ngón khôn khéo trên túi ai là cái túi ấy sẽ phải rỗng. Nhưng bác lại có tính máu mê, được đồng nào của con bạc thì lại nường cho nhà cái hết. Đang lúc lập một mưu «chưa xuất bản» để ăn to, bỗng có tin nhà ra báo cho biết rằng vợ Hai Nhiều ốm nặng.

Là ăn cắp, nhưng cũng là chồng tốt, bác Hai Nhiều phải đến vay tạm tôi dăm đồng để về thuốc thang cho vợ. Rồi ngay chiều hôm đó đi tàu thủy xuôi Nam (1). Xuống đến tàu, công việc thứ nhất của bác là xem xét mọi nơi. Bác ta mong gặp được cái may có thể giúp mình được ít tiền nữa. Nhưng hành khách tuy đông mà không người nào có «máu mặt». Phần nhiều là hạng người buôn bán, túi tiền không xứng đáng với tài-hoa của bác; hay những người phu mỏ ốm dờ trở về... Bác thông thả đến ghé ngồi bên mép chiếu ở gần buồng máy, uể-oải mượn cái điều cây rít một hơi, rồi ngả lưng dựa vào cái cột sắt ngủ gà ngủ gật cho đến khi trong tàu lên đèn.

Bỗng những tiếng ồn-ào gần đó nổi lên. Anh chàng mở độc một mắt ra coi rồi lại nhắm lại. Nhưng tiếng ồn-ào lại thành tiếng quát mắng lẫn tiếng van-lơn. Bác khó chịu, phải mở cả hai mắt ra thì thấy người mại-bản đang xia-xói một người nhà quê thiếu tiền tàu và nhất định đuổi người ta xuống. Hai Nhiều bức mình quá, đứng lên can-thiệp, thì người nhà quê kia lạy lạy để, vừa nhăn vừa kêu :

« Bầm ông, con về Nam, nhưng thiếu mất một hào. Con nói với chủ ấy cho chịu đến khi lên bến, con vay con trả, mà chủ ấy không nghe ».

Tên khách thì cứ luôn mồm.

«Cái lầy ti tàu, không có tiền thì ti làm gì? Không! Cái lầy phải xuống tây, không có lời-thời»... Rồi hăm-hở toan tóm lấy ngực người đàn ông kia lôi đi.

Sự bất-bình liền sôi trong máu Hai Nhiều. Bác ta chợt thấy mình là người anh hùng kẻ cả, liền gạt anh khách ra, rút tờ giấy bạc quảng vào mặt nó, hách-dịch nói :

«Bán một cái vé về Nam-định, giữ lấy một hào của người này nữa rồi trả lại tiền ».

Tên khách đưa vé xong vừa lăm bầm quay đi thì Hai Nhiều lại giữ vai kéo hẳn lại :

«Từ nay phải nhã-nhận với khách đi tàu chút nữa, nghe không?»

Nói đoạn, bác ta về chỗ cũ ngồi, làm bộ không thèm để ý đến những câu trầm-trồ khen-ngợi của mọi người gần đó.

Người nhà quê thì cảm ơn đi, cảm ơn lại, đưa cái điều cày mời Hai Nhiều hút và xin miếng trầu của một bà ngồi bên cạnh mời Hai Nhiều ăn. Lại đem nòng nôi làm ăn vất-vả kể với Hai Nhiều để che sự hồ-thẹn thiếu tiền tàu lúc này. Lúc Hai Nhiều thoát được những lời tử-tế thái-quá ấy thì người nhà quê lại đem lồng gà (2) đến bên như ý gửi mình coi hộ, rồi đi ra đăng lái tàu...

Đợi mãi người nhà quê không thấy trở lại, Hai Nhiều ngảnh nhìn bốn phía thì thấy người ấy nằm ngay cạnh đó, đã ngủ một giấc bình-yên ! Bác ta bấu môi bật ra một tiếng cười khẽ rồi cũng dẹp chỗ ngủ nốt.

Sáng hôm sau thức dậy, Hai Nhiều quên việc tối hôm vừa qua. Tàu tới Nam-định, bác ta vừa bước lên bến thì người nhà quê, tay xách cái lồng gà rỗng, đã đứng chờ đó và mời bác lên xơi với hân một chén nước cảm ơn.

«Đến đây thì chúng tôi đã có nhiều người quen, chúng tôi sẽ trả lại số tiền ông cho giặt hôm qua với lại xin ông để chúng tôi đền đáp lại ông một chút».

Hai Nhiều nóng về Ninh-bình ngay, nhưng từ-chối thế nào, người nhà quê cũng không nghe.

«Chả mấy khi gặp người tử-tế như ông, nếu ông không cho tôi được trả ơn, thì tôi ân-hận mãi... Nào, mời ông, xin ông đừng từ-chối, phụ lòng tôi.»

Thấy vẻ chân-thực của người nhà quê và biết không khi nào họ để cho mình đi ngay, Hai Nhiều phải ưng theo vậy.

Người nhà quê mừng rỡ:

«Thế thì quý-hóa quá ! Chúng tôi chẳng dám phiền giữ ông lâu...»

— Nào có gì mà bác phải bày vẽ ra...

— Không, nếu không có ông thì hôm qua chúng tôi bị rầy-rà lắm.

Câu lễ-phép đi, câu lễ-phép hơn đáp lại ; cứ thế đến chừng năm phút, khi hai người bước tới hàng cơm gần đó thì câu chuyện kết-luận bằng một câu khônglễ-phép mấy, nhưng nghe cũng vui tai:

«Bà hàng đâu, làm cho tôi một mâm rượu thực ngon ấy nhé, mà làm mau lên, ông quý-khách của tôi vội.»

Hai Nhiều ngạc-nhiên, bụng bảo dạ :

« Có lẽ nào một người đi tàu thiếu tiền mà lại dám tiêu rộng-rãi đến thế, hay là họ lại định nhờ khéo mình thêm một bữa cơm nữa đây ? »

Nhưng thấy bà hàng ra chừng quen thuộc người nhà quê, nên Nhiều ta cũng yên bụng. Uống xong bát nước, người nhà quê bỗng gọi bảo một người nhà quê khác đứng chờ đó, đưa cho hắn cái lồng đựng gói mo và hai cái nôi đất :

« Chú Ba về làng trước, đưa cái này cho bu nó cất đi, tôi còn bận chút, xong về ngay. »

Rồi quay lại bảo Hai Nhiều.

« Nào bây giờ mời ông vào hàng, xơi với tôi chút cơm rồi tôi lại xin tiền ông lên đường không dám giữ. »

Cơm rượu xong thấy người nhà quê mở hầu-bao ra chi tiền cơm. Hai Nhiều không hiểu ra sao, toan hỏi nhưng sợ bất tiện. Đến lúc đưa chân ra ga, người kia lại nhất-định nài lấy vé cho mình. Hai Nhiều lại càng kinh-ngạc. Người nhà quê thấy vậy mỉm cười và thông-thả nói :

« Thừa ông, ông lấy làm lạ cũng phải. Nhưng việc thiếu tiền hôm qua, chỉ là một mẹo đó thôi. Tàu *Chấn-linh* này có tiếng là lắm kẻ cắp. Chúng tôi có tiền mang theo mà không làm thế, thì giữ sao được ?

— Vâng, nhưng tôi thấy ông chỉ mang có hai, ba đồng thì tội gì phải thế ?

— Nếu hai, ba đồng thì cất đâu chẳng được. Đây tôi lại đồn một món tiền lớn về để mua cái phó-ly cho tôi, lo cưới vợ cho thằng cháu, lo khao, lo vọng...

—Ồ thế ra...

— Vâng, tôi về chuyến này đem những ngót năm trăm bạc mà để kẻ cắp biết, thì tôi có khi cũng không về được tới nhà.

— Nhưng... ông giắt trong mình thì...

— Chết ! Giắt trong mình nguy-hiểm lắm. Tôi phải bỏ vào một cái nôi đất trong cái lồng chú nó đem về ban nãy đó. »

Rồi vừa cười người nhà quê vừa tiếp :

« Cái lồng gà với mấy cái nôi, mà lại của một anh nhà quê không có lấy một hào để trả tiền tàu... ông tính, còn kẻ cắp nào để ý đến nữa. Nếu tôi không nghĩ đến kẻ ấy thì ngủ yên sao được... mà nếu không làm thế thì sao tôi được gặp người quý-hóa như ông. »

Bên đường thiên lôi

(Hà-nội, Nhà xuất-bản Đời Nay).

CHÚ-THÍCH.— (1) *Nam*: tức là tỉnh Nam - định.— (2) *Cái lồng gà*: hành-lý của người nhà quê ấy chỉ có một cái lồng gà rỗng trong có một gói mo với hai cái nôi đất.

KHÁI-HƯNG (TRẦN KHÁNH-GIỮ) 陳慶餘

180. — Anh phải sống

Hai vợ chồng bắt đầu đưa thuyền ra giữa dòng, chồng lái, vợ bơi. Cỗ chống lại với sức nước, chồng cho mũi thuyền quay về phía thượng-du, nhưng thuyền vẫn bị trôi phăng xuống phía dưới, khi nhô khi chìm, khi ẩn khi hiện trên làn nước phù-sa, như chiếc lá tre khô nổi trong vũng máu, như con muỗi mắt chết đuối trong nghiền son.

Nhưng nửa giờ sau, thuyền cũng tới được giữa dòng. Chồng giữ ghè lái, vợ vớt củi.

Chẳng bao lâu thuyền đã gần đầy, và vợ chồng sắp sửa quay trở vào bờ, thì trời đổ mưa... Rồi chớp-nhoáng như xé mây đen, rồi sấm sét như trời long đất lở.

Chiếc thuyền nan nhỏ, đầy nước, nặng trĩu. Hai người cố bơi, nhưng vẫn bị sức nước kéo phăng đi...

Bỗng hai tiếng kêu cùng một lúc :

— Giời ơi !

Thuyền đã chìm. Những khúc củi vớt được đã nhập bọn cũ và lạnh-lùng trôi đi, lôi theo cả chiếc thuyền nan lật sấp...

Chồng hỏi vợ :

— Minh liệu bơi được đến bờ không ?

Vợ quả-quyết :

— Được !

— Theo dòng nước mà bơi... Gối lên sóng !

— Được ! Mặc em !

Mưa vẫn to, sấm chớp vẫn dữ. Hai người tưởng mình sống trong vực sâu thẳm. Một lúc sau, Thức thấy vợ đã đuối sức, liền bơi lại gần hỏi :

— Thế nào ?

— Được ! Mặc em !

Vợ vừa nói buông lời thì cái đầu chìm lìm: Cỗ hết sức bình-sinh, nàng lại mới ngoi lên mặt nước. Chồng vội-vàng đến cứu. Rồi một tay xốc vợ một tay bơi. Vợ mỉm cười, âu-yếm nhìn chồng. Chồng cũng mỉm cười. Một lúc, Thức kêu :

— Mọi lắm rồi, mình vịn vào tôi, để tôi bơi ! Tôi không xốc nổi được mình nữa.

Mấy phút sau, chồng nghe chừng càng mỏi, hai cánh tay rã-rời. Vợ khẽ hỏi :

— Có bơi được nữa không ?

— Không biết. Nhưng một mình thì chắc được.

— Em buông ra cho mình vào nhé ?

Chồng cười :

— Không ! Cùng chết cả.

Một lát — một lát nhưng Lạc coi lâu bằng một ngày, — chồng lại hỏi :

— Lạc ơi ? Liệu có cố bơi được nữa không ?

— Không ?... Sao !

— Không. Thôi đành chết cả đôi.

Bỗng Lạc run run khẽ nói :

— Thăng Bò ! Cái Nhớn ! Cái Bé !... Không ?... Anh phải sống !

Thức bỗng nhẹ hẫng đi. Cái vật nặng không thấy bám vào mình nữa. Thì ra Lạc nghĩ đến con đã lẳng-lặng buông tay ra để chìm xuống đáy sông, cho chồng đủ sức bơi vào bờ.



Đèn điện sáng rực suốt bờ sông. Gió đã im, sông đã lặng. Một người đàn ông bế một đứa con trai ngồi khóc. Hai đứa con gái nhỏ đứng bên cạnh. Đó là gia-đình bác phó Thức ra bờ sông từ-biệt lần cuối cùng linh-hồn kẻ đã hy-sinh vì lòng thương con.

Trong cảnh bao-la, nước sông vẫn lãnh-đạm chảy xuôi dòng.

trong *Anh phải sống*

(Hà-nội, Nhà xuất-bản Đời Nay, 1937)

181.— Cảnh chùa Long-giáng ở Bắc-ninh

Hai người (1) đứng lại ngắm chùa. Lưng-chùng một trái đồi cao, mấy nóc nhà rêu mốc chen lẫn trong đám cây rậm-rịt, bốn góc gác chuông vượt lên trên từng lá xanh um.

— Chùa đẹp quá, chú nhỉ?

— Vâng, Long-giáng là một danh-lam thắng-cảnh ở vùng Bắc. Cụ tôi thường thuật cho tôi nghe rằng chùa này dựng lên từ đời Lý Nhân-Tôn (2). Trước chỉ là một cái am nhỏ lợp gianh, sau vì có một bà công-chúa đến xin nương nhờ cửa Phật, nên nhà vua mới cho sửa-sang nguy-nga như thế. Câu chuyện thụ-pháp của công-chúa thực tỏ ra rằng phép Phật huyền-diệu biết bao.

— Chú làm ơn kể lại cho tôi nghe có được không?

— Vâng, tôi xin thuật hầu ông nghe những lời cụ tôi đã kể. Chắc ông cũng biết đức Thái-Tổ nhà Lý (3), khi còn hàn-vi, nhờ đạo Phật rất nhiều, nên lúc ngài lên ngôi rồi, ngài dốc lòng chăm-chỉ sửa-sang các chùa chiền. Đến đức Nhân-Tôn vì bận việc chinh-phục Chiêm-thành và chống-chọi với nước Tàu nên trễ nải đạo Phật.

«Ngọc-hoàng thượng-đế như muốn giúp nhà vua tỉnh ngộ, liền cho một nàng tiên-nga giáng thế đầu thai, tức là Văn - khôi công-chúa. Công-chúa nhan-sắc diễm-lệ một thời, nhưng khi lớn lên chẳng tưởng gì đến việc trần-duyên, chỉ ngày đêm học đạo tu-hành. Sau vì nhà vua cố ý kén phò-mã, công-chúa liền đương đêm lên bước trốn đi, nhờ có các thần-tiên đưa đường tới nơi này thụ pháp đức Cao-huyền hòa-thượng.

«Về sau có thám-tử báo tin, đức vua mấy phen cho quan quân đến chùa đón công-chúa về triều. Công-chúa nhất định không

nghe. Nhà vua nổi giận truyền quan quân phóng hỏa đốt chùa. Ngọn lửa vừa nhóm, bỗng một con rồng vàng hiện lên phun nước tắt ngay. Vì thế chùa này mới lấy tên Long-giáng từ thuở ấy. Nhà vua nghe tin cả sợ. Từ đó ngài dốc lòng tin theo phép màu-nhiệm của đức Thích-già mâu-ni và lập tức cho sửa sang chùa để công-chúa ở lại tu-hành. Chùa này vì thế bắt đầu trùng-tu từ thời ấy, đã bao phen tu-bồ lại nhưng kiểu chùa vẫn y nguyên như cũ.

Phía tây, sau dãy đồi cỏ biếc, sắc trời đỏ ửng, lấp-loáng qua các khe đám lá xanh đen. Mái chùa rêu phong đã lẫn màu cùng đất, cùng cây, cùng cỏ. Khoảnh-khắc, mấy bức tường và mấy cái cột gạch quét vôi chỉ còn lơ-mờ in hình trong cảnh nhuộm đồng một màu tím thâm.

Trong làn không-khí yên-tĩnh, êm-đềm, tiếng chuông thông-thả ngân-nga như đem mùi thiền làm tăng vẻ đẹp cảnh thiên-nhiên. Lá cây rung động, ngọn khói thướt-tha, bông lúa sột-soạt, như cảm tiếng gọi của Mâu-ni muốn theo về nơi hư không tịch-mịch.

Hồn bướm mơ tiên

(Hà-nội, Nhà xuất-bản Đời Nay)

CHÚ-THÍCH.— (1) *Hai người*: Ngọc, cháu sư cụ chùa Long-giáng và một chú tiểu ở chùa ấy.— (2) *Lý Nhân-Tôn*: trị vì từ năm 1072 đến năm 1127.— (3) *Lý Thái-Tổ*: trị vì từ năm 1009 đến năm 1028.

NGUYỄN-LÂN 阮麟

182.— Ra đồng làm việc

Gà vừa gáy sáng, trời mới rạng đông, vầng ô đỏ ối cánh đồng, sương mù che phủ mênh-mông một vùng.

Trong làng kia thuộc tỉnh Hưng-yên, đã rộn-rịp ồn-ào, mẹ gọi con, vợ gọi chồng, người nào việc ấy: kẻ vo gạo thổi cơm, người sắp gầu tát nước.

Tuy đạo ấy cày cấy đã xong, lúa đương con gái, nhưng cũng còn phải tát nước, đắp bờ, nghiệp nhà nông quanh năm cặm-cui, ít khi nhàn rỗi thanh-thơi.

Cơm nước vừa xong, ai nấy kéo ra đồng; ở nhà chỉ còn những bậc già nua tuổi-tác, suốt ngày đan võng, bện thừng cùng trông nom trẻ nhỏ.

Trên con đường từ cổng làng ra, hai bên cỏ mọc, giữa tro đất thịt gồ-gề, kẻ cuốc người gầu, lũ-lượ ra đồng làm việc. Bọn đàn ông quần nâu xắn đến gối, một vuông khăn bịt đầu, thắt nút ra trước trán, miệng còn ngậm tằm, vừa đi vừa chuyện vừa cười.

Bọn đàn bà áo vải mốc, xống nhuộm bùn, khăn ba-ga chít mỏ quạ, miệng nhai giầu bóm-bẻm, thỉnh-thoảng lại cười rữ lên, nhe hai hàm răng đen nhưng nhức như hạt na vậy. Mọi người đều tươi cười vui-vẻ, hình như không ai cho làm việc là khổ-sở, là khó chịu cả...

Trông xa đồng ruộng mênh-mông, một màu xanh ngắt, sương mù dần-dần tan, trời đất dần-dần sáng rõ; cỏ vệ đường lóng-lánh móc sương, trông tựa hồ hàng muôn nghìn hạt kim-cương vậy.

Cây cối nhờ khí lạnh ban đêm trông tươi mơn-mởn. Trong những bụi ruối, bụi tre, chim sẻ chim sâu bay nháy, kêu lép-nhép. Trên những cành đa, cành đề, kia con sáo hót, con gáy gù: cảnh-tượng thật là ngoạn-mục!

Cậu bé nhà quê
(Hà-nội, Nhà in Thanh-niên)

PHỤ - CHƯƠNG

TRẦN-ĐẾ QUÍ-KHOÁCH

183.— Bài văn tế ông Nguyễn Biều

Than rằng : sinh sinh, hóa hóa, cơ huyền-tạo mờ mờ ; sắc sắc, không không, bụi hồng-trần phơi phơi.

Bất cộng thù, thiên địa chứng cho ; vô cùng hận, quỷ thần thề với.

Nhờ thuở Tiên-sinh, cao dơ mao (mũ) trải (1), chăm chăm ở ngôi đài-gián (2), dành làm cột đá để ngăn dòng ; tới khi Tiên-sinh xa gác vó câu, hăm hăm chỉ cán cờ mao, bỗng trở gió vàng bèn nèn nổi.

Thói tinh-chiến (3), Hồ-tặc chửi hăm (4) ; gan thiết thạch, Tô-công dễ đổi.

Quan Văn-Trường gặp Lữ-Mong, dễ sa cơ ấy, mắng thấy chữ « phê tê hà cập (5) » dạ những ngùi ngùi ; Lưu Huyền-Đức giận Lục-Tồn, mong giả thù này, nghĩ đến câu « thường đảm (6) bất vong » lòng thêm dội dội.

Sầu kia khôn lấp cạn dòng ; thảm nợ dễ xây nên núi.

Lấy chi báo chung hậu đức, rượu Kim-tương (7) một lọ, vui với mượn chúc ba tuần ; lấy chi ủy thừa phương hồn (8), văn dụ-tế mấy câu, thăm thăm ngõ thông chín suối.

CHÚ-THÍCH.— (1) *Trãi* 髻 : mũ ông Ngự-sử.— (2) *Đài-gián* 臺諫 : quan Ngự-sử.— (3) *Tinh chiến* 猩獫 : con khỉ, con chồn.— (4) *Hăm* : dọa.— (5) *Phê tê hà cập* 噬臍何及 : ăn năn hối lỗi.— (6) *Thường đảm* 嘗膽 : nếm mật, ý nói khờ tâm mong trả thù.— (7) *Kim tương* 金漿 : rượu quý.— (8) *Ủy kỳ phương hồn* 慰其芳魂 : an ủi hồn thơm của người ấy.

HOÀNG SĨ-KHẢI
(VĨNH-KIỀU HẦU)

184.— Mùa thu

Chon von một đỉnh vọng phu,
Trời thu mấy trượng, bề thu mấy trùng.

Tiết thu trung, đã về quá nửa,
 Nguyệt một vầng, sáng sủa mười phân ;
 Rì-rì nắm mọc đầy sân,
 Lầu cao mấy trượng đòi lần gấm phong.
 Một bầu nồng ba nghìn thế-giới,
 Cung Quảng-hàn bóng mới lòa ra.
 Lầu-lầu chẳng bám chút nhơ,
 Bốn bề bằng một, ai ngờ rằng đêm.
 Gió cung thiềm mảy hơi thoảng đến,
 Lụa khúc nghệ (1) uyển chuyển (2) Hằng-Nga.
 Long-thành thấy đã truyền ngoa,
 Xanh kia mấy trượng, dễ hòa khá lên.
 Dưới lẫn trên làn băng vằng-vặc,
 Cùng xanh-xanh một thức tầy nhau.
 Dù không điếm-nhận thuyền câu,
 Hay đâu là nước hay đâu là trời.
 Khói hơi hơi ngàn lau lác-đác,
 Non ba cần cò ác cùng bay.
 Thu bao ảo-nã người thay,
 Đã chuông quán bắc lại chày thành nam.

(Trích trong «Tứ thời khúc»)

CHÚ-THÍCH.— (1) *Khúc nghệ* : khúc Nghê thường, khúc hát của tiên trên cung giăng.— (2) *Uyển chuyển* : du dương, tiếng khi cao khi thấp.

NGUYỄN BÁ-LÂN

(Người tỉnh Sơn-tây, đỗ tiến-sĩ năm 1731, làm quan đến thượng-thư).

185.— Trương Lương

Trương Lưu-hầu : ngao cực (1) gây thiêng, hồ-tinh (2) cấu sảng. Vằng-vặc mi thanh mục tú, kỳ-sĩ phong-tư, nhờn nhờn thức viễn tài cao, nho gia khi-tượng. Y-bát (3) noi một dấu thi thư, chung đỉnh rồi năm đời khanh tướng...

Một tấm vải (4) dọc ngang trong tám cõi, đủ phiu-pha ơn Hán nợ Hàn ; ba tác lưởi đưa đón ngoại năm năm, bề vện về thù Tần oán Hạng. Sánh từ trên như Trọng-Liên, Phạm-Lãi

còn thua ; so dờ xuống dâu Lý-Tĩnh Khổng-Minh chữa đáng. Vị đế-sur (5) mà cao-sĩ, ngoại-vật (6) vẫn còn trong lý, nghìn thu chữ thắm chữa rời phai ; nền nho-gia mà danh-thần, chẳng tiên nhưng cũng khác trần, muôn kiếp bia danh còn để sáng...

CHÚ - THÍCH.— (1) *Ngao cực* (鰲 極) điền bà Nữ-Oa em gái Phục Hi cất 4 chân con ngao (giống rùa bể) để lập ra tứ-cực (phương giới xa nhất).— (2) *Cấu* 構 : kết lại làm ra.— (3) *Y bát* 衣 鉢 : áo cà-sa, đồ đựng cơm của nhà phật truyền lại cho tín đồ, ý nói về sư thầy truyền đạo cho học trò.— (4) *Một lăm vãi* : một thân.— (5) *Đế-sur* : thầy vua.— (6) *Ngoại vật* : không dính dáng với đời.

LÊ QUÍ - ĐÔN

186. — Kinh nghĩa

ĐẦU BÀI

Mày về nhà chồng, phải kinh phải răn, chớ trái lời chồng (chữ kinh Lễ : vãng chi nữ gia, tất kinh tất giới, vô-vi phu-tử).

BÀI LÀM

(*Câu phá*).— Khuyên con giữ đạo làm dâu, bà già nghĩ đã đến lăm vậy.

(*Câu thừa*).— Phù (1) con đại cái mang (2), lẽ xưa nay vốn thế. Khuyên con phải kính trọng chồng, há chẳng phải đạo lăm ru !

(*Khởi giảng*).— Mẹ đưa con ra cửa, ý nghĩ rằng : trong phối định (3) giường đạo cả (4), thực là muôn hóa (5) chi theo ra ; mà hôn-nhân hai họ giao vui, há để một lời chi trách đến.

(*Câu lĩnh mạch*) — Mẹ đưa con ra, mẹ càng nghĩ lăm, con ạ !

(*Khai-giảng về trên*).— Con, con mẹ, mà dâu, dâu người vậy ! Hoặc lời ăn nói chi ra tuồng, tức lạnh đồn xa, dữ đồn xa, ai bảo rằng con chi còn nhỏ.

(*Khai-giảng về dưới*).— Dâu, dâu người, mà con, con mẹ vậy ! Hoặc trong cửa trong nhà chi có chuyện, tức yêu nên tốt ghét nên xấu, rồi ra trách mẹ chi không răn.

(*Câu hoàn-đề*).— Về nhà chồng phải kính phải răn, chớ trái lời chồng, con nhé!

(*Trung-cổ về trên*).— Lúc ở nhà nhờ mẹ nhờ cha, về nhà chồng, nhờ chồng nhờ con, nhé! Khôn chẳng qua lẽ, khỏe chẳng qua lời, chớ bắt chước người đời xô chân lỗ mũi chi lăng nhăng. Nhủ này con, nhủ này con: đi đến nơi, về đến chốn, việc nhà việc cửa cho siêng năng; hỏi thì nói, gọi thì thưa, thờ mẹ thờ cha cho phải lễ. Kính lấy đấy! răn lấy đấy! Liệu học ăn, học nói, học gói, học mở; khi anh nó hoặc ra xô-xát chi lời, cũng tươi, cũng đẹp, cũng vui cười, chớ như ai học thói nhà ma, mà hoặc con cà con kê chi kè-lễ.

(*Trung-cổ về dưới*).— Lúc ở nhà là mẹ là con, về nhà chồng là dâu là con, nhé! Khôn cho người giải (6), đại cho người thương, chớ bắt chước người thể mặc áo qua đầu chi khùng khỉnh. Nghe chưa con? Nghe chưa con? Ăn có nơi, nằm có chốn, lời ăn nết ở cho ra tuồng; gọi thì dạ, bảo thì vâng, thờ mẹ thờ cha cho phải đạo. Kính vậy thay! Răn vậy thay! Chớ cậy khôn, cậy khéo, cậy duyên, cậy tài; khi anh nó hoặc nổi bằng bằng chi sắc, thì lạy, thì van, thì lễ phép, đừng học chi những tuồng dĩ-thỏa mà hoặc dây mơ rễ mái (7) chi lời thôi.

(*Hậu-cổ về trên*).— Đời có kẻ xem chồng như dưa ăn, dưa ở, thậm đến điều mày tớ chi khỉnh. Chẳng biết rằng: ngu si cũng thể chồng ta, dẫu rằng khôn khéo cũng ra chồng người. Chẳng suy chẳng nghĩ, lại ra điều cả vú lấp miệng em (8), sao chẳng biết xấu chàng hồ ai chi lý! Mẹ khuyên con giữ đạo cương thường, khôn hèn cũng chịu, hay dở cũng đành, chớ hoặc sinh vênh-vênh chi môi; khi anh nó quá giận sinh xằng, mẹ con ắt phải mắc bèo trôi (9) chi tiếng.

(*Hậu-cổ về dưới*).— Đời có kẻ giận chồng mà đánh con đánh cái, thậm đến điều mày tao chi quá. Chẳng biết rằng: khôn ngoan cũng thể đàn bà, tuy rằng vụng dại cũng là đàn ông. Bạ ăn bạ nói, lại ra điều múa diu qua mắt thợ (10), sao

chẳng biết già đòn non nhẽ chi cơ? Mẹ khuyên con giữ nét thảo-hiền, vọt roi cũng chịu, yêu đương cũng nhờ, chớ hoặc lộ sầm sầm chi mặt, khi anh nó nói dai thêm chuyện, cha con ắt phải mang vớ (11) cọc chi cười.

(*Kết cở*).— Con ơi, nhập gia tùy tục (12), mẹ nhủ cho đạo vợ chi thường; xuất giá tòng phu, con phải giữ nhà chồng chi phép.

(*Thúc đề*).— Thôi mẹ về.

CHÚ-THÍCH.— (1) Òi.— (2) Mẹ mang tiếng.— (3) Vợ chồng kết duyên do giới định.— (4) Là tam cương: vua tôi, cha con, vợ chồng.— (5) Đầu các sự sinh hóa.— (6) Giải: nề.— (7) Mãi cũng là mây: lời thôi rút dây nợ động dây kia.— (8) To hòng cái bừa.— (9) Tục ngữ: mẹ vợ như bèo trôi sông: ý nói khinh miệt.— (10) Khoe khéo, khoe tài.— (11) Tục ngữ: bố vợ là vớ cọc chèo: ý nói không coi ra gì.— (12) Theo thói nhà ấy.

187.— Văn sách

CÂU HỎI

Vấn : Lấy chồng cho đáng tấm chồng, bỏ công trang-diễm mà hồng răng đen.

Truyện rằng : « Chẳng tham ruộng cả ao liền, tham về cái bút cái nghiên anh đồ ».

Kim khảo (1) : « Dài lưng tốn vải, ăn no lại nằm ». Tăng kiến (2) ư thiên vạn nữ-nhi chi nghị; bất tri hà sở thủ ư anh đồ, nhi quyền luyện nhược thị (3) dư?

Thí vị (4) trần chi, dĩ quan xuân-hoài tình-tự.

BÀI LÀM

Em nghe rằng : sen ngó đào tơ, may gặp hội hờn-nhân chi phải lừa; chả chim cơm trắng, vẫn là mong giải-cầu (5) chi tốt đời; chọn mặt gửi vàng, dầu ý ai cũng vậy.

Nay vâng lời sách hỏi mà lược bày ra.

Trộm nghĩ rằng : rồng bay còn đợi đám mây, bắn bình tước (6) phải đợi tay anh hùng. Lấy chúng em chi má đỏ hồng hồng,

răng đen nhưng-nhức, chẳng những muốn cô tú, di nho chi dự, vẫn là mong chồng loan, vợ phụng chi chung tình. Nếu mà cú đậu cành mai, thì công trang-diễm chẳng hoài lắm ru? Vậy nên sớm gửi tơ duyên, ai là chẳng ngọc đá vàng thau. chi lựa lọc.

Nay xét phương ngôn, chị em bạn gái nói chuyện rằng :

— « Chẳng tham ruộng cả ao liền, tham về cái bút cái nghiên anh đồ ».

Ý trộm nghĩ rằng : Ngọc còn đợi giá, vàng chẳng lộn thau. Cây gỗ lim chìm, quyết chẳng nỡ mang làm cọc giậu, hoa đào tươi tốt, hẵn không đem bán cho lái buôn. Cam đường với quả quit hời, cũng cân nhắc ba đồng một, một đồng đòi chi giá.

Thử ngó coi : ruộng sâu ao cả, chàng nông kia chi trọc phú (7) những khoe giàu, song Vương-Khải, Thạch-Sùng đã từng đấu phú (8), rồi cũng giương mắt ếch ư của đời người thế chi thu.

Nghiên ruộng bút cày, anh đồ nọ chi đa văn (9) không ngại khó ; kia Mãi-Thần, Mông-Chính có lẽ tràng bản (10), rồi cũng bằng cánh hồng ư dĩ cực thái lai chi hội.

Nông nhi sĩ nhất, lẽ ấy đã rành.

Vả : chân lấm tay bùn, chàng nông nãi vũ-phu chi cực-kịch, lấy yếm thắm giải đào chi tha-thuột, giá thể mà mang bầu xách lọ, sao cho cam hạt ngọc để ngâu vầy.

Miệng thêu dạ gấm (11), anh đồ là quán-tử chi diu-dàng, lấy môi son má phấn chi nhớn-nhờ, giá thể mà sửa túi nâng khăn, thì mới đáng cành ngò cho phượng đậu.

Vậy có thơ rằng :

Dầu có bạc vàng trăm vạn lạng,

Chẳng bằng kinh sử một vài pho.

Lại có thơ rằng :

Gương trời chi để tay phàm tuốt,

Bùa nguyệt (12) sao cho đĩa tục mài.

Vả : tiếng tăm con gái, nét na học trò, nên em nghĩ duyên em, em nghĩ tình em, lại tưởng đến anh đồ chi sự-nghiệp. Đèn xanh một ngọn, án tuyết ân-cần; quyền vàng mấy pho, cửa huỳnh (13) gióng-giã.

Còn trong trần-lụy, anh đồ là vị vũ chi giao long, may khoa thi mà kim-bảng (14) đề danh, tức hôm nọ chi hàn nho, mà hôm nay đã bảng-nhỡn (15), thám-hoa chi đài các, em phỏng có duyên ư lá thắm, thì trước voi anh, sau vồng thiếp, cũng thỏa đời ư vồng lọng chi nghênh-ngang.

Đương thuở hàn vi, anh đồ là tại sơn chi hồ báo, gặp vận thái mà thanh-vân đặc-lộ, tức bữa tè chi tiện-sĩ, mà bữa ni đã thượng-thư, đồ-đốc chi phong-phú; em phỏng như phận đẹp chỉ hồng, thì anh quan cả thiếp hầu bà, cũng sường kiếp ư ngựa xe chi dừng-đĩnh!

Huống chi : kinh sử lâu thông, anh đồ chi tài học, đã sẵn tay kinh-tế; tuy có dài lưng tổn vải, bấy giờ đã đai vàng áo gấm chi bảnh-bao.

Tài năng rất mực, anh đồ chi duyên-phận, gặp được lúc long vân; tuy có ăn no lại nằm, bấy giờ cơm chúa vồng đào chi chênh-chện.

Gương-trời vằng-vặc, sáng soi nhà vàng gác tía chi linh-lung.

Lộc nước miên-miên, súc-tích gấm cuốn vàng cân chi ban-cấp.

Như thế thì : chồng quan sang, vợ hầu đẹp, ai chẳng khen nhất thế chi thần tiên. Danh phận cả, bổng lộc nhiều, thế mới thỏa tam-sinh chi hương-hỏa. Khởi vô sở thủ ư anh đồ tai (16)?

Vậy nên : yếm trắng nước hồ, vả đi vả lại, chỉ mong anh nh o-sĩ chi yêu-duyên. Miệng ong lưỡi én, uốn ngược uốn xuôi, cũng mặc giọng thế gian chi mai-mĩa.

Em nay : tuổi mới giăng tròn, tiết vừa hoa nở; vàng lời sách hỏi, giải hết niềm đơn (17).

Em cần thưa.

CHÚ-THÍCH — (1) *Kim khảo* 今攷 : nay xét ra.— (2) *Tằng kiến* 曾見 : từng thấy.— (3) *Nhược thị* : như thế.— (4) *Thí vị... tình tự* : thử bày tỏ tình tự nhớ xuân.— (5) *Giải cấu* : gặp gỡ tình duyên.— (6) *Bắn bình tước* : vẽ ba con chim sẻ vào bình phong đánh số tượng trưng ba cô gái, ba cậu rề bắn được con nào theo số lấy cô ấy (Điền xuất Đường Cao-Tồ).— (7) *Trọc phú* : giàu mà bần.— (8) *Đầu phú* : đua giàu.— (9) *Đa văn* : nhiều chữ.— (10) *Tràng bần* : nghèo mãi.— (11) *Cầm tâm tú khẩu* : nói văn hay như thêu như gấm.— (12) *Búa nguyệt* : cái búa hình trăng lưỡi liềm.— (13) *Huỳnh* : dom đóm.— (14) *Kim bằng* : bằng vàng.— (15) *Bằng nhỡn* : đồ thứ hai. Thám hoa : đồ thứ ba (Thi Đình).— (16) *Nhẽ dẫu anh đồ không có điều gì hay, đáng khen ư ?* — (17) *Niềm đơn* : lòng đỏ (niềm là lòng, đơn là son).

NGUYỄN HUY - HỒ

Ông Nguyễn Huy-Hồ tục là Nhâm, hiệu Liên-Pha, tức Cách Như. Ông sinh năm Cảnh-Hưng thứ 44 (1783), kém cụ Nguyễn Du 18 tuổi. Ông là con thứ của cụ Nguyễn Huy-Tự và bà vợ kế Nguyễn thị-Đài. Cụ Nguyễn Du là chú. Ông là cháu cụ thám-hoa Oánh và cháu ngoại cụ Nghè Nguyễn-Khản.

188.— Mai - Đình Mộng - Kỳ

I.— Nhập đề

Trăm năm là kiếp ở đời,
 Vòng trần này dễ mấy người trăm năm.
 Cuộc phù sinh (1) có bao lăm,
 Nỡ qua ngày bạc (2) mà lăm tuổi xanh.
 Duyên tẽ-ngộ (3), hội công danh,
 Là hai, với nghĩa chung tình là ba.
 Đều là đường cái người ta,
 Là cầu noi đó ai qua mới từng.
 Tình duyên hai chữ nhắc bằng,
 Há rằng duyên chương há rằng tình si.
 Chuyện xưa còn có sá chi,
 Đêm thanh vui chén muốn ghi nổi mình.
 Cho hay là giống có tình,
 Chiêm bao lần-quất năm canh lần lần.

II.— Cuộc xem đèn ở Phù-Thạch

Nhớ xưa năm Tỵ, tháng Dần,
 Thường xuân vừa gặp giữa tuần tròn trăng.
 Thắng du tiện nẻo quan đặng,
 Trông vời non liễu, băng chừng dậm hoa.
 Trông hôm xuân nhuộm màu da,
 Con mưa rửa tuyết, trận hà (4) cuốn mây.
 Chim về xao xác lá cây,
 Rừng đông đã thấy tròn xoay bóng thiềm.
 Lửa đầu thấp thoáng trong rèm,
 Khi đưa hương xạ, khi đem khói tùng.
 Đá đầu lấp-ló giữa dòng,
 Như bay hoa sóng, như chồng gương nga.
 Thành đầu xây lấp yên hà.
 Đỉnh non nền cũ, cản cờ bụi sương.
 Đèn đầu lẳng dẫu khói hương,
 Bể reo công trước vàng tương mái tàu.
 Lăn theo ngọn nước lâu lâu,
 Gió lay chiếc cọc, thuyền mau lưới chài.
 Trong gương ai cảm cảnh mai ?
 Dưới mây ai ném một vài lưu-tinh ? (5)
 Phồn-hoa nổi án thị thành.
 Nay Phù-thạch phố (6) là danh lịch-triều.
 Thú phong-lưu cũng ít nhiều,
 Đèn chong vẻ tổ, lò thiêu bụi trần.
 Vững doi trải mấy xây vắn,
 Dập diu còn đó vời xuân dễ nào.
 Thảo mà cánh điệp lá đào,
 Đi về Vu, Giáp (7) ra vào Vũ-Lăng.
 Một trời hoa cỏ láng láng,
 Mơ màng mưa Sở gió Đổng đầu đây.
 Chiều xuân chuốc chén vời đây,
 Thử xem người tỉnh, người say mới là.

III.— Thuyền ngược dòng sông Lam

Dã men vừa sánh giọng trà,
 Nhà lan treo tháp, doanh La xuống thuyền.
 Gió xuân rút cánh buồm duyên,
 Thiều quang chín chục vắn yên một chèo.
 Bến tỉnh nhẹ nhờ con neo,
 Đầu mai yển vắn (8) mạn chèo oanh đưa.
 Thanh thời bầu rượu túi thơ,
 Ngón đàn khiên hững, nước cờ giải mê.
 Nào nùng vượn suối hoa khe,
 Với người dường có vả vè chữ tình.
 Phong quang tám bức vắn tranh,
 Bình non mượn khảm gương doanh lét tò.
 Bến Nam liễu bá con đò,
 Mảnh mây viễn phố (9) cánh cò hàn sa (10).
 Ngàn đông khói lẫn lạc-hà,
 Giọt mưa cỏ thụ tiếng gà cỏ thôn.
 Vó cầu pha gió nhẹ bon,
 Bền lâu thử hỏi hoàng hôn địch nào ?
 Trời tây bóng hạc non sào,
 Đường rêu khách quanh ruồi vào Thiên-thai.
 Nọ xem góc bể bên trời,
 Một xuân biết mấy mươi nơi đập-dìu.
 Đòi cơn giốc-mục (11) ca tiểu (12),
 Càn hôm (13) mấy cán tơ chiều (14) nửa manh.
 Thanh thời gió mát trắng thanh,
 Này đầm Đồng-lại, này ghềnh Bàn-khé.
 Mảng vui sào cạy mái phê,
 Doanh ngân bóng tỏ đã xé ngang đầu.
 Nài xuân chén những kéo mau,
 Tưởng duyên kỳ-ngộ, ngâm câu Vị-đường.
 Này này quế trạo lan tương (15),
 Vĩ đưa Xích-bích chi nhường Đông-Pha.

Mộng đến Mai-Đình

Say sưa đòi thú lân la,
 Giang thành đã gióng canh gà (16) sang tư.
 Giấc hòe (17) thiếp thiếp lẫn mơ,
 Trong mơ mộng thấy tình cờ lạ sao.
 Tưởng mình lạc lối nguồn Đào,
 Khi ra Đông-khẩu khi vào Bồng-Doanh.
 Đòi nơi chim lá hoa cành (18),
 Đường chiều đón rước như tình rủ rê.
 Mấy chòm len lõi sơn-kê,
 Dòng ngăn thú dật (19) vách che bụi trần.
 Ruồi quanh hoa kinh (20) lần-lần,
 Cảnh tiên riêng đề tay thần mở mang.
 Bầu trời ử chiếm thanh-quang,
 Nẻo xa trông tỏ mấy trang lão tùng.
 Dưới tùng có gác Nghênh-phong (21),
 Cách chừng những tượng phạm cung Bảo-đài.
 Bấy chừng dạo bước tới nơi,
 Tường sau nghìn gốc thảo mai quanh thành.
 Biên đầu nét tạc rành rành,
 Đề ba chữ: «Thưởng mai đình» vàng tương (22).

Thiếu nữ đề thơ

Trong đình bốn báu (23) sẵn-sàng,
 Cánh máy mới thảo ngòi sương chữa rời.
 Xồng mai chợt động bóng người,
 Về lan vừa chán vội rời gót sen.
 Rẽ ngang về mái tây hiên,
 Cành dao khuất bóng xiêm tiên lẫn màu.
 Ít nhiều cụm thược (24), trời dâu,
 Hương thừa còn phảng-phất đầu trước đình.
 Vẽ sao ngọc chuốt giá thanh,
 Bút thần đổ vẽ nên tranh truyền-thần!
 Giá sao báu Triệu châu Tần,
 Người sao so dưới cỏi trần chưa ai!

Thực ầu sắc nước hương trời,
 Chẳng dòng thần-nữ cũng vời tiên cung.
 Nguyên phong đồng tỏa trùng trùng,
 Khách thơ luống những mơ màng hồn thơ.
 Biết đâu nước đợi non chờ,
 Chúa xuân sao khéo hững hờ cho đang.
 Bao tình lần thấm giọt Tương,
 Thần-thờ ngọn khói cảnh sương một mình.
 Lén vào kẻ trước Côn-đỉnh,
 Vách mai còn dán rành rành tiên mai.

Lửa ngọc cùng ai đó ?
 Trăng kia vời khách này.
 Một cảnh xuân đã sớm,
 Mấy đóa tuyết nào bay.
 Vẻ sạch mưa càng dãi,
 Lòng thơm gió nở lay,
 Bướm ong đừng thóc mách,
 Cho hái có đường tay.

Họa thơ thưởng mai

Từ cao cách lạ tốt vời,
 Quần thoa hiếm nhĩ nầy tài Âu, Tô.
 Nữ trung được mấy này ru !
 Song mai (25) biết mấy công phu tập rèn.
 Câu thần chữ thánh người tiên,
 Hay đâu rồi chẳng phỉ nguyên trăm năm.
 Phim hoàng đợi khách tri-âm,
 Nên treo cân Lệ, ai cầm giá Côn.
 Nghĩ mình giống ruồi nước non,
 Niềm kinh-quốc (26), nổi hương-thôn bấy chầy.
 Đoái chi bướm lữ, ong bầu,
 Đàn Tao (27) nào mấy đưa tay cầm vè.
 Dù chẳng con Tao khát khe,
 Thì chi cánh điệp còn mê vời tình.
 Trót đà tới Mẫu-đơn đĩnh,
 Thơm chẳng cũng bẻ một cành làm duyên.

Tục điều (28) gặng bộ vắn tiên,
 Liễu-trì trước lá, hoa tiên thế nào?
 Ngòi dao vừa rảo luật Đào,
 Với vắn thơ trước sắp vào một phong:
 Dao trì in vẽ ngọc,
 Đúc lại lá tiên này.
 Nắn gió hoa vừa nấu,
 Này hương nguyệt muốn bay.
 Chiếc đình còn phảng-phất,
 Cái bướm bỗng thày lay.
 Chẳng những xuân kia chọn,
 Thần tiên cũng chấp tay.

Người tiên dấu cách mấy trùng,
 Dấu tiên càng phi thi đồng chắt chiu.
 Bỗng dưng trắng dật gió diu,
 Làm sao lui tới cho đeo đẳng này.
 Cuộc mê càng mãi miệt thay,
 Dập dờn chiếc bóng, chạy vạy trót giờ.
 Một đình một khách thần thơ,
 Thôi thăm thì hỏi, lại mơ mẩn chờ.

Dạo bước tìm người

Hiển dẫu kéo dây hoa đào,
 Đành liễu quả quyết bước vào thử xem.
 Thướt tha tơ liễu buông rèm,
 Trà non uốn điệu, dương mềm khoe tươi.
 Nhụy xuân đón gió như cười,
 Chòm thanh, khóm dật khác vời chân du.
 Cỏ cây có đá lô xô,
 Có lầu túc điều, có hồ du ngư.

CHÚ-THÍCH.— (1) Phù sinh 浮生: Đời sống trôi nổi.— (2) Bạch nhật 白日: sáng rõ.— (3) Tế ngộ 際遇: Gặp gỡ.— (4) Hà 霞: ráng.— (5) Lưu tinh 流星: sao rơi ngời.— (6) Phù thạch phổ 浮石浦: Bến Phù thạch.— (7) Vu giáp 巫峽: vua Sở Tương vương gặp thần nữ ở Vu-sơn.— (8) Yến vắn: chim yến hát.— (9) Viễn phổ 遠浦: bến xa.— (10) Hàn sa 寒沙: cát lạnh.— (11) Dốc mục: mục đồng thời tù và.— (12) Ca tiêu: tiêu phu hát.— (13) Cẩn hóm: Cẩn câu buổi tối.— (14) Tơ chiều: áo tơ mặc buổi chiều.

— (15) Quế trao lan tương 桂 棹 蘭 桡 : Chèo quế sào lan.— (16) Canh gà : gà gáy sang canh.— (17) Nằm dưới cây hòe chiêm bao.— (18) Lả lơi : chi nhành, diệp tống 枝 迎 葉 送.— (19) Dật 逸 : Nhàn-hạ.— (20) Hoa kinh 花 經 : Đường giồng hoa.— (21) Nghênh phong 迎 風 : Hóng gió.— (22) Tương 銀 gắn vào, thiếp vàng.— (23) Nghiên, bút, giấy, mực : văn phòng tứ bảo (文 房 四 寶).— (24) Cây thược dược.— (25) Cửa sổ có cây mai.— (26) Kinh-đô.— (27) Đàn tao : tao đàn, nơi làm thơ.— (28) Điều là loài cáo ; nói nhún như ta nói «nổi đuôi».

PHAN HUY-VỊNH

Ông Phan Huy-Vịnh 潘 輝 泳 tên chữ là Hàm-Phủ 涵 甫, người Thụy-Khuê, huyện Yên-Sơn, tỉnh Sơn-Tây, ông thi đỗ Cử-nhân năm Minh-Mệnh thứ chín (1838) đến năm Tự-Đức thứ 23 (1870), ông tri-sĩ thì mất, hưởng thọ 71 tuổi, ông là con ông Phan-huy-Thực, cháu ông Phan-huy-Ích.

189.— Tỳ-bà hành diển nôm (1)

Bến Tầm-dương canh khuya đưa khách,
Quanh hơi thu, lau lách đìu-hiu.
Người xuống ngựa, khách dừng chèo,
Chén quỳnh mong cạn, nhớ chiều trúc tỉ.
Say những luống ngại khi chia rẽ,
Nước mệnh-mông đượm vẻ gương trong.
Đàn ai nghe vắng bên sông,
Chủ khuấy-khỏa lại, khách dùng-dằng xuôi.
Tim tiếng sẽ hỏi ai đàn lá ?
Dừng dây tơ, nấn-ná làm thỉnh.
Rời thuyền ghé lại thăm tình,
Chong đèn, thêm rượu, còn dành tiệc vui.
Mời mọc mãi, thấy người bờ-ngõ,
Tay ôm đàn che nửa mặt hoa.
Vãn đàn mấy tiếng dạo qua,
Dấu chưa nên khúc, tình đã thoảng hay.
Nghe nảo-nuột mấy dây buồn-bực,
Dường than-niềm tẩm-tức bấy lâu,
Mày chau tay gầy khúc sầu,
Dãi bày hết nỗi trước sau muôn vắn.
Ngón buông, bắt khoan-khoan diu-dặt,
Trước Nghê-thường, sau thoát Lục-yêu (2).

Dây to nhường đồ mưa rào,
 Ni-non dây nhỏ khác nào chuyện riêng.
 Tiếng cao thấp lựa chen lẫn gảy,
 Mâm ngọc đầu bông nảy hạt châu (3).
 Trong hoa oanh riu-rit nhau,
 Nước tuôn róc-rách, chảy mau xuống ghềnh.
 Nước suối lạnh, dây mảnh ngừng đứt,
 Ngừng đứt nên phứt bật tiếng tơ.
 Ôm sầu, mang giận ngàn-ngỡ,
 Tiếng tơ lặng ngắt, bấy giờ càng hay.
 Bình bạc vỡ tuôn đầy dòng nước (4),
 Ngựa sắt giong, xô-xát tiếng đao.
 Cung đàn trợn khúc thanh-tao,
 Tiếng buong xé lựa, lựa vào bốn dây.
 Thuyền mấy lá đông tây lặng-ngắt,
 Một vàng trắng trong vắt lòng sông.
 Ngậm-ngùi đàn bát xếp xong,
 Áo xiêm khép-nếp hầu mong dải nhời.
 Rằng : « Xưa vốn là người kẻ chợ,
 Cồn Hà-mò trú ở lân-la ;
 Học đàn từ thuở mười ba,
 Giáo-phương đệ-nhất chỉ đà chép tên.
 Gã thiện-tài sợ phen dừng khúc,
 Ấ Thu-nương ghen lúc điềm-tỏ ;
 Ngũ-lãng, chàng trẻ ganh đua,
 Biết bao the thắm chuốc mua tiếng đàn.
 Vành lược bạc gãy tan dịp gỗ,
 Bức quần hồng hoen ố rượu rơi.
 Năm năm lần lựa vui cười,
 Mãi trắng hoa chẳng đoái-hoài xuân-thu.
 Buồn em chảy (5) lại lo đi thác,
 Sầu hôm mai đôi khác hình-dung.
 Cửa ngoài xe ngựa vắng không,
 Thân già mới kết duyên cùng khách thương.
 Khách trọng lợi khinh đường ly-cách,
 Mãi buồn chề sớm tịch nguồn khơi.

Thuyền không, đậu bến mặc ai,
 Quanh thuyền trắng dải, nước trôi lạnh-lùng.
 Đêm khuya, sức nhớ vòng tuổi trẻ,
 Chợt mơ-màng dòng lệ đỏ hoen.
 Nghe đàn ta đã trạnh buồn,
 Lại rầu nghe nổi nỉ-non mấy nhời.
 «Cùng một lửa bên trời lặn-đạn,
 Gặp-gỡ nhau lọ sẵn quen nhau.
 Từ xa kinh-khuyết (6) bấy lâu,
 Tầm-dương đất trich (7) gói sầu hôm mai.
 Chốn cùng tịch lấy ai vui thích,
 Tai chẳng nghe đàn địch cả năm.
 Sông Bồn gần chốn cát lăm,
 Lau vàng, trúc võ, âm-thầm quanh hiên.
 Tiếng chi đó nghe liền sớm tối,
 Cuộc kêu sầu, vượn hót véo-von.
 Hoa xuân nở, nguyệt thu tròn,
 Lăn lăn tay chuốc chén son ngập ngừng.
 Há chẳng có ca rìng, địch nội (8)?
 Giọng liu-lo, buồn nổi khó nghe.
 Tỳ-bà nghe dạo canh khuya,
 Dường như tiên nhạc gần kề bên tai.
 Hãy ngồi lại gảy chơi khúc nữa,
 Sẽ vì nàng sửa-soạn bài ca.
 Đứng lâu dường cảm nhời ta,
 Lại ngồi lựa phím đàn đã kịp dây.
 Nghe nảo nuốt khác tay đàn trước,
 Khắp tiệc hoa tuôn nước lệ rơi.
 Lệ ai chan-chứa hơn người?
 Giang-châu Tư-mã (9) đượm mùi áo xanh.

CHÚ-THÍCH.— (1) Tỳ-bà hành bản chữ của Bạch Cư Dị. — (2) Tên hai khúc nhạc tiên. — (3) Tiếng đàn sang-sảng như hạt châu gieo xuống mâm ngọc. — (4) Tiếng đàn rào rào như nước ở bình bạc vỡ tóe ra. — (5) Chảy: đi lính. — (6) Cung-quyết nhà vua. — (7) Trich 滴: đi đây. — (8) Chốn thôn quê. — (9) Tác-giả bài này, trước làm Tư-mã ở Giang-châu.

TRẦN TẾ-XƯƠNG

Hát nói

190.— Đánh tổ tôm

Bực chẳng nhẽ anh hùng khi vị ngộ (1),
 Như lúc đen chơi cuộc tổ tôm (2),
 Bài trạm thành cuối cánh phỗng ầm ầm,
 Ngồi thôi chẳng bốc quân rác rảnh.
 Cũng có lúc không chi thì bát-sách,
 Cũng có khi bạch-định bốc yêu-hồng;
 Cất bài lên ông lão vẫn lần vòng,
 Không đâu cả gặp kẻ năm bảy phỗng.
 Cũng có ván tôm lèo lèo chờ rộng,
 Vờ phải thẳng bạch-thủ phỗng tay trên.
 Gớm ghê thay đen thực là đen!
 Sắc như mác cũng thua thẳng vận đỏ.
 May mắn nhẽ hữu duyên năng tái-ngộ,
 Bĩ cực rồi đến độ thái lai;
 Tiếng tam-khôi chi đề nhường ai,
 Hết bạch lại hồng, thông mãi mãi.
 Nào những kẻ tay trên ban nãy,
 Đến bây giờ thay-thảy dưới tay ta;
 Tiếng bài cao lừng-lẫy khắp gần xa,
 Bát-vạn ấy người ta ai dám đo.
 Thế mới biết tổ-tôm có đen thì có đỏ.
 Thì anh hùng vị-ngộ có lo chi;
 Trước sau, sau trước làm gì?

CHÚ-THÍCH.— (1) Vị-ngộ: Chưa gặp thời. — (2) Tổ-tôm: bởi hai chữ tụ-tam (hợp ba quân thành một phu); Bài là có 120 quân chia ra hàng sách, hàng vạn, hàng văn.

BA - GIAI**191.— Chính khí ca**

Quan Tổng-đốc Hoàng-Diệu tuần-tử
 Một cơn gió thảm mưa sầu,
 Đúc nung gan sắt, giải giàu lòng son.

Chữ trung đã rắp vuông tròn,
 Quyết đem gởi cái tàn-hồn (1) cỏ cây.
 Trời cao, bề rộng, đất dày,
 Núi Nùng, sông Nhị, chốn này làm ghi!
 Thương ôi! trong buổi lưu-ly,
 Tác (2) riêng ai cũng thương vì người trung.
 Rủ nhau tiền góp của chung,
 Đưa người ra táng ở thung (3) học-đường.
 Thiết-tha nhẽ! ngần ngơ nhường!
 Tả-tơi thành-quách, tời-tàn vật nhân.
 Ngán thay cho cái phong-trần!
 Tiếc thay cho vẻ trung-thần lắm thay!

 Vì ai nên nổi nước này?
 Để người danh-tiết biết ngày nào quên?
 Dải Nhị-hà, cõi giang-biên,
 Trăm năm tiêu-tốt để nghìn người coi.
 Họ Hoàng tông-đốc là ai?
 Anh-hùng kháng-khải vốn người cõi Nam.
 Ngồi thành Hà-nội mấy năm,
 Một phương cõi Bắc ngửa trông thế nào!

CHÚ-THÍCH.— (1) Tàn hồn 殘魂: Hồn đã tàn.— (2) Tác riêng: lòng riêng (bởi từ ngữ: thốn tâm: tác lòng).— (3) Thung: Khoảng đất.

NỮ TÚ-TÀI (1)

192.— Nàng Phi-Nga, nữ tú-tài

Họ Vân có nữ tú-tài,
 Con quan tham-tướng tuổi vừa xuân-xanh.
 Vả thêm quốc-sắc, khuynh-thành,
 Đã hay nghề ngựa, lại lành nghề cung.
 Chân thiếu-nữ giả anh-hùng,
 Trượng phu mấy kẻ địch cùng kém xa.

Đặt tên là ả Phi-Nga,
 Huyền-đường sớm vắng, còn nhà nghiêm-quân (2).
 Tổng-triều đại-chấn tư-văn (3),
 Nho-phong thì thắng (4), vũ-quyền thì khinh,
 Phi-Nga có ý cạy mình,
 Quyết lòng nấu sủ sôi kinh theo thì.
 Quần chân áo chít cái khuy,
 Giả hình làm dạng nam-nhi học hành,
 Cải tên hiệu gọi Tuấn-Khanh,
 Lạy cha rồi mới khởi trình tòng sư.
 Đêm ngày luyện tập thi thư,
 Phong-tư chênh-chện, ngôn từ khoan-dung.
 Bạn cùng Ngụy-Soạn, Tử-Trung,
 Đua nhau trận bút, vầy-vùng kinh còn.
 Một phen cá vượt Vũ-môn (5),
 Ba chàng cùng chiếm khôi-nguyên tú-tài.
 Tiếng đồn rậy khắp vang trời,
 Kẻ xin sửa túi, người nài nâng khăn,
 Bướm rờn ong rạo tìm xuân,
 Ai hay rằng kẻ nho-nhân nữ-tài.

Vô-danh

CHÚ-THÍCH.— (1) Tú-tài: (tú là đẹp tốt, tài là giỏi) Giỏi giang anh tài.— (2) Nghiêm quân: bố.— (3) Đại chấn tư văn: 大振斯文: Phát triển nền văn học.— (4) Thắng: Trọng.— (5) Vũ-môn: Tên một khúc núi ở miền thượng-du sông Trường-giang nước Tàu, chân núi có cái vực sâu, tục truyền đến mùa thu, cá đến đó thì nhảy, con nào vượt qua được Vũ-môn thì hóa ra rồng. Điền này dùng để ví học-trò thi.

MỤC-LỤC

Số bài	Ca-dao	Số trang
1.—	Súc-sắc súc-sẻ	3
2.—	Thằng Bờm	3
3.—	Ru con	4
4.—	Chèo đò	4
5.—	Chặt củi	4
6.—	Mẹ dạy con gái	5
7.—	Chồng khuyên vợ	5
8.—	Vợ khuyên chồng	6
9.—	Thói hay chế giễu	6
10.—	Thói ham danh lợi	6
11.—	Cảnh chồng con	6
12.—	Tình cảnh người nhà quê	7
13.—	Việc làm ruộng	8
14.—	Ba mươi sáu phố ở Hà-nội	8
15.—	Con trai ngỗ ý với con gái	9
16.—	Con gái ngỗ ý với con trai	9
17.—	Tiệc sự biết nhau quá chậm	10
18.—	Trách sự sai lời nguyện-trước	10
19.—	Nỗi ly biệt	10
20.—	Bài hát đố	10

Các tác-phẩm vô-danh

Trê, cóc	12
21.— Trê, cóc sinh sự kiện nhau	12
22.— Nhái bén khuyên bảo cóc cái	14
Phan, Trần	16
23.— Nỗi buồn của Kiều-Liên khi ở chùa	17
24.— Phan-sinh gặp Diệu-Thường lần đầu	18
25.— Phan-sinh và Kiều-Liên nhận nhau	19
Quan-âm Thị-Kính	21
26.— Thị-Kính mắc tiếng oan giết chồng	22
27.— Thị-Kính vào tu ở chùa Vân-Tự	24
Bích-câu kỳ-ngộ	27
28.— Tú Uyên mắc bệnh tương-tử	28
29.— Giáng-Kiều xin kết duyên cùng Tú-Uyên	29

Nhị độ mai	30
30.— Mai-công đến mừng lễ thọ Lư-Kỷ	32
31.— Hạnh-Nguyên trăm mình	34
32.— Nhân nguyệt văn đáp	36
Bần nữ thán	39
33.— Chỉ vì nổi nghèo	39
Lục súc tranh công	41
34.— Trâu kẻ công trạng mình	41

Các tác-giả

TÁC-GIẢ ĐỜI TRẦN.

35.— Vua dụ Vương Tường đề gả cho chúa Thuyền-Vu	43
36.— Vương-Tường vào bái-yết Hán-vương	43

HỒ HUYỀN-QUI.

Trình-thử	44
37.— Chuột đực lấy lời lẽ ngọt ngào quyến rũ chuột bạch	45
38.— Hồ-sinh khuyên răn chuột cái	47

TRẦN-ĐẾ QUÍ-KHOÁCH.

39.— Tặng Nguyễn Biều	48
-----------------------	----

NGUYỄN BIỀU.

40.— Bài họa lại	49
------------------	----

NGUYỄN TRÃI (1380 - 1442)

Gia-huấn ca

41.— Phép dạy con	49
42.— Việc nội-trợ	50

LÊ THÁNH-TÔN (1442 - 1491)

43.— Người ăn mày	52
44.— Con chó đá	52

THƠ NÔM ĐỜI HỒNG-ĐỨC (1470 - 1497)

45.— Nguyệt	53
46.— Canh một	53
47.— Hạ thử	53
48.— Lãng mẫu tổng sứ-giả	54

NGÔ CHI-LAN.

49.— Thơ tứ thời	54
------------------	----

NGUYỄN HẰNG.

50.— Vui cảnh ăn-dật	55
----------------------	----

NGUYỄN BÌNH - KHIÊM (1491 — 1585)

- 51.— Vui cảnh nhân 57
 52.— Cảnh nhân lúc tuổi già 57
 53.— Nhân-tình thế-thái 58
 54.— Dĩ hòa vi quý 58
 55.— Mùa thu đi chơi thuyền 58

ĐOÀN THỊ ĐIỀM

Chinh-phụ ngâm 59

- 56.— Nỗi khó-nhọc, nguy-hiểm của người chồng 59
 57.— Nỗi trông đợi 61

NGUYỄN CU-TRINH (1716 — 1767)

- 58.— **Sãi vãi** 63

NGUYỄN BÁ-LÂN (1701 — 1785)

- 59.— **Ngã ba Hạc-phú** 66

TRỊNH SÂM (1742 — 1782)

- 60.— Chơi động Hương-tích 68
 61.— Tây-hồ tức cảnh 68

NGUYỄN HỮU-CHÍNH (?-1787)

- 62.— Than thân 69
 63.— Tự biết mình 70

NGUYỄN HUY-TỰ (1743-1790) VÀ NGUYỄN-THIỆN (1763-1818)

Hoa tiên 70

- 64.— Lương-sinh và Dương Dao - Tiên gặp nhau 71
 65.— Lương-sinh từ-biệt Dương Dao-Tiên về thăm quê nhà 73
 66.— Lương-sinh trở lại nhà Dương Dao-Tiên 75
 67.— Cuộc trùng-phùng của Lương-sinh và Dương Dao-Tiên 77

ÒN - NHƯ HẦU NGUYỄN GIA - THIỀU (1741 — 1798)

Cung oán ngâm khúc 80

- 68.— Lúc được nhà vua yêu mến 80
 69.— Sau khi bị nhà vua chán bỏ 82

NGUYỄN HUY-LƯỢNG

- 70.— **Tụng Tây-hồ phú** (trích một đoạn) 84

PHẠM THÁI (1777 — 1813)

- 71.— Tự trào 90

- 72.— **Chiến tụng Tây-hồ phú** (trích một đoạn) 90

HOÀNG - QUANG

- 73.— **Hoài nam khúc** (trích một đoạn) 95

LÊ NGỌC - HÂN

- 74.— **Khóc vua Quang-trung** (trích một đoạn) 98

ĐẶNG ĐỨC-SIÊU

- 75.— **Văn-tế Phò-mã Chương hậu quân Vũ-Tính và
Lễ-bộ thượng-thư Ngô-Tùng - Châu** 100

ĐẶNG TRẦN-THƯỜNG (1759 — 1813)

- 76.— **Hàn Vương-Tôn phú** (trích một đoạn) 103

PHẠM QUÝ-THÍCH (1760 — 1825)

- 77.— **Tổng vịnh truyện Kiều** 106

NGUYỄN-DU (1765 — 1820)

Kim Vân Kiều 107

- 78.— **Đạm-Tiên ứng mộng cho Kiều** 108

- 79.— **Tú-bà dỗ Kiều** 111

- 80.— **Kiều gặp Thúc-sinh** 112

- 81.— **Từ-Hải sai quân về đón Kiều** 114

- 82.— **Kiều khuyên Từ-Hải hàng** 116

- 83.— **Kiều gảy đàn** 118

- 84.— **Kiều nhớ nhà** 122

HỒ XUÂN-HƯƠNG

- 85.— **Bánh trôi** 126

- 86.— **Tự tình** 126

- 87.— **Than thân** 126

BÀ HUYỀN THANH-QUAN

- 88.— **Chùa Trấn-bắc** 127

- 89.— **Chiều hôm nhớ nhà** 127

NGUYỄN-CÔNG-TRÚ (1778 — 1858)

- 90.— **Tự thuật** 128

- 91.— **Khuyên người đời** 128

- 92.— **Cây thông** 128

- 93.— **Chi nam nhi** 129

- 94.— **Kẻ sĩ** 129

- 95.— **Cầm kỳ thi tửu** 131

LÝ VĂN PHÚC (1785 — 1849)

- 96.— **Tự thuật kỷ** 133

Nhị thập tứ hiếu diễn âm 136

- 97.— **Nằm vâng, khóc mắng** 136

NGÒ-THỀ-VINH

- 98.— **Thanh phong, minh nguyệt** 137

PHAN THANH-GIÂN (1796-1867)

- 99.— Đi sứ nước Pháp 138
 100.— Tuyệt cốc 138

CAO BÁ-QUÁT (?-1854)

- 101.— Uống rượu tiêu sầu 139
 102.— Ngán đời 139

NGUYỄN QUI-TẢN (1811-1856)

- 103.— Vui chơi phong nguyệt 140

BÙI HỮU-NGHĨA (1807-1872)

Kim Thạch-kỳ duyên 141

- 104.— Thiết Đình-Quý gặp bọn giặc Tiêu Hòa-Long 143
 105.— Giải-thị tuần tiết theo chồng 147

NGUYỄN ĐÌNH-CHIỀU (1822-1888)

- 106.— Trung-thần, nghĩa-sĩ 150

Lục Vân-Tiên 150

- 107.— Lục Vân-Tiên đánh bọn cướp, cứu nàng Kiều Nguyệt-Nga . 151
 108.— Lục Vân-Tiên bị Vũ-công hãm-hại 154
 109.— Vương Tử-Trực nhấc mắng Vũ-công và Vũ Thái-Loan . 156

DỤC-TÔN (1829-1883)

- 110.— Ngẫu cảm 159

NGUYỄN NHƯỘC-THỊ (1830-1909)

Hạnh thực ca 160

- 111.— Việc kinh-thành thất-thủ năm Ất-dậu (1885) 160

LÊ NGÒ-CÁT VÀ PHẠM ĐÌNH-TOÁI

Đại-nam quốc-sử diễn-ca 162

- 112.— Hai bà Trưng 162

TÔN THỌ-TƯỜNG (1825-1878)

- 113.— Đi sứ nước Pháp 163
 114.— Tôn phu-nhân qui Thục 163
 115.— Tự thuật 164
 116.— Thân thể nàng Kiều 165

PHAN VĂN-TRỊ

- 117.— Tôn phu-nhân qui Thục 165
 118.— Tự thuật 166

CAO BÁ-NHẠ

Tự tình khúc 167

- 119.— Lúc đi trốn 167
 120.— Lúc bị bắt 169

NGUYỄN KHUYẾN (1835-1909)

- 121.— Cảnh già 171
 122.— Ông tiến-sĩ giấy 171
 123.— Nước lụt hỏi thăm bạn 171
 124.— Đêm mùa hạ 172
 125.— Mẹ Mốc 172

TRƯƠNG VĨNH-KÝ (1837-1898)

- 126.— Vài nơi cung-diện đèn chùa ở Hà-nội 173

HUỖNH TỊNH-CỬA tức PAULUS CỬA (1834-1907)

- 127.— Chí-khi cao 174

DƯƠNG-KHUE (1839-1902)

- 128.— Lại gặp người quen 174
 129.— Gặp cô đầu cũ 175

CHU MẠNH-TRINH (1862-1905)

- 130.— Kiều mắc lặn Sở-Khanh. 176
 131.— Thúc-sinh về thăm Hoạn-thư 176
 132.— Tổng vịnh truyện Kiều 177
 133.— Phong cảnh Hương Sơn 177

TRẦN TẾ-XƯƠNG (1870-1907)

- 134.— Than thân 178
 135.— Đưa cho vợ 179
 136.— Tết đến 179
 137.— Thói đời 179
 138.— Năm mới 180
 139.— Phụng tuồng 180
 140.— Chiêm bao 180
 141.— Vợ chồng Ngâu 181

TỪ DIỄN-ĐỒNG

- 142.— Than nghèo 181
 143.— Đêm dài 182

HOÀNG CAO-KHẢI (1850-1933)

- 144.— Ông Trần Quốc-Tuấn 182
 145.— Xét về việc quan-lại người Tàu cai-trị dân ta trong những
 hồi Bắc thuộc 184

NGUYỄN BÁ-HỌC (1857-1921)

- 146.— Ở đời 185
 147.— Một cảnh gia-đình 187

PHAN KẾ-BÍNH (1875-1921)

- 148.— Luận về nguyên-lý văn-chương 188
 149.— Am chúng-sinh 190

THẦN TRỌNG-HUỀ (1869-1925)

- 150.— Đức hiếu của vua Dực-tôn 192

PHẠM DUY-TỐN (1883-1924)

- 151.— Câu chuyện thương tâm 193

NGUYỄN VĂN-VĨNH (1882-1936)

- 152.— Gì cũng cười 194

- 153.— Nghề hát bội của ta và nghề diễn kịch
của người Âu-châu 195

NGUYỄN TRỌNG-THUẬT (1883-1940)

- 154.— Giữa bề khơi 197

NGUYỄN KHẮC-HIỆU (1889-1939)

- 155.— Muốn làm thằng cuội 199

- 156.— My-Châu, Trọng-Thủy 199

NGUYỄN BÁ-TRÁC

- 157.— Quanh đường vượt biển ra khơi 200

DƯƠNG BÁ-TRÁC

- 158.— Chức-trách các văn sĩ trong xã-hội ta ngày nay 202

NGUYỄN HỮU-TIẾN (1875-1941)

- 159.— Thuyết tính thiện của Mạnh-tử 203

BÙI-KỶ

- 160.— Bài truy-diệu cụ Tiên-diễn 206

NGÔ BẰNG-GIỰC

- 161.— Ông gàn 208

PHAN KHÔI

- 162.— Sự thực với việc làm thơ 209

PHẠM QUỲNH

- 163.— Cách lễ-phép của người mình 211

- 164.— Triết-lý của đạo Phật 212

- 165.— Tính-cách chung của văn-chương Pháp 213

- 166.— Vườn Luxembourg ở Paris 214

- 167.— Quan-niệm người quân-tử trong đạo Khổng và quan-niệm
người «chính-nhân» trong cổ văn Pháp 216

- 168.— Văn-hóa Pháp đối với việc chấn-chỉnh tinh-thần
người Nam 217

- 169.— Đạo hiếu và đạo trung trong luân-lý của Khổng-giáo 219

- 170.— Nền luân-lý cổ của dân-tộc Việt-Nam 220

TRẦN TRỌNG-KIM

- 171.— Tôn chỉ đạo Khổng 222

- 172.— Luân-lý của Đạo-giáo 223

NGUYỄN VĂN-NGỌC

173.— Tư tưởng Lão Trang trong những bài hát nói

HOÀNG NGỌC-PHÁCH

174.— Trên bãi bờ Đồ-sơn

ĐÔNG HỒ (LÀM TẤN-PHÁCH)

175.— Nhớ rằm tháng hai

176.— Phong cảnh Cửa-cạn ở đảo Phú-quốc

THIỆU-SƠN (LÊ SĨ-QUÝ)

177.— Lối văn tả-thực

THẾ-LŨ (NGUYỄN THẾ-LŨ)

178.— Cây đàn muôn điệu

179.— Câu chuyện trên tàu thủy

KHÁI-HUNG (TRẦN KHÁNH-GIU)

180.— Anh phải sống

181.— Cảnh Chùa Long-giang ở Bắc-ninh

NGUYỄN-LÂN

182.— Ra đồng làm việc

PHỤ CHƯƠNG

TRẦN-ĐẾ QUÍ-KHOÁCH

183.— Bài văn tế ông Nguyễn-Biểu

HOÀNG SĨ-KHAI

184.— Mùa thu

NGUYỄN BÁ-LÂN

185.— Trương-Lương 2

LÊ QUÝ-ĐÔN

186.— Kinh nghĩa 2

187.— Văn sách 2

NGUYỄN HUY-HỒ

188.— Mai đình mộng ký 2

Cuộc xem đèn ở Phù-thạch 2

Thuyền ngược dòng sông Lam 2

Mộng đến Mai-Đình 2

Thiếu nữ đề thơ 2

Họa thơ đề thưởng mai 2

Đạo bước tìm người 2

PHAN HUY-VỊNH

189.— Tỷ-bà hành diễn nôm 1

TRẦN TẾ-XƯƠNG

190.— Đánh tổ tôm 1

BA GIAI

191.— Chính khí ca 1

NỮ TÚ TÀI

192.— Nàng Phi-Nga, nữ tú tài 2

Thành thật xin lỗi bạn đọc,
các trang 29, 30, 31, 32, 61, 62, 95, 96, 125, 126, 159, 160 bị thất lạc.
Nhà sách Sông Hương

ẤN - HÀNH TRONG KHUÔN KHỔ
CHƯƠNG - TRÌNH HỢP-TÁC GIỮA
BỘ GIÁO - DỤC VÀ CƠ - QUAN
PHÁT - TRIỂN QUỐC - TẾ HOA - KỲ
— TẠI VIỆT - NAM —

GIÁ BÁN : 20\$00

